**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Giồng:**

**Khái niệm:**

Giồng: âm trại của “vồng”, là khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng, tương đối rộng, có nhiều cát, thích hợp cho việc trồng các loại cây ăn trái và các loại hoa màu, như khoai, đậu, bắp, thuốc lá,…[[1]](#footnote-1)

**1. Giồng Cai Lữ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Chức vụ thời xưa (Cai) + Tên người (Nguyễn Văn Lữ).

Giồng Cai Lữ là tên một giồng cát ở hai xã Nhị Bình và Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành. Giồng Cai Lữ là giồng cát do ông Cai đội Nguyễn Văn Lữ quê ở Quảng Nam chiêu mộ dân nghèo vào khai khẩn. Ông có công lập thôn Bình Thuyên vào khoảng giữa thế kỷ XVIII nên được dân làng tôn là tiền hiền. Sau thôn Bình Thuyên, do dân số ngày càng đông, nên tách ra thành hai thôn là Bình Thuyên Đông và Bình Thuyên Tây. Phần đất của ông thuộc thôn Bình Thuyên Tây. Dưới thời vua Minh Mạng (1820 - 1840), thôn Bình Thuyên Tây nhập với thôn Bình Yên thành thôn Nhị Bình.

Khi ông mất, chức vụ và tên của ông được đặt cho một giồng cát ở đây: giồng Cai Lữ. Giồng này đã có tiếng trong lịch sử; được nhắc nhiều khi Nguyễn Phúc Ánh trốn chạy quân Tây Sơn hồi nửa sau thế kỷ XVIII.

**2**. **Giồng Chợ Bưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Bưng).

- Chợ: Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn Ngữ học, chợ là nơi công cộng để đông người đến mua bán vào những ngày, buổi nhất định.

- Bưng: **Bưng là địa danh Việt gốc Khmer: Bâng. Theo Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, bưng có nghĩa là “hồ to, chỉ chỗ đất trũng giữa đồng, đọng nước, có nhiều cây mọc (như đưng, đế, lác, ...”. Vào mùa mưa ở bưng thường có nhiều cá đồng, cho nên có câu ca dao:**

***Gió đưa, gió đẩy,***

***Về rẫy ăn còng,***

***V****ề bưng ăn cá,*

*Về giồng ăn dưa.*

Trong tiếng Việt, âm **â** có thể được gọi trại thành âm **ư**; ví dụ: v**â**ng lịnh - v**ư**ng lịnh; d**â**ng cơm - d**ư**ng cơm; n**â**ng - n**ư**ng; t**ầ**ng - t**ừ**ng; v**ầ**ng - v**ừ**ng. Do đó, **Bâng** hoàn toàn có thể được gọi trại thành **Bưng**.

Giồng Chợ Bưng là giồng cát mà trên đó có Chợ Bưng, rộng khoảng 50 ha, thuộc xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành.

**3.** **Giồng Dứa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây dứa dại: là cây mọc tự nhiên, có sức sống vô cùng mạnh mẽ ở mọi điều kiện thời tiết với chiều cao khoảng từ 3 - 4 m, có cây cao tới 6 m. Các bộ phận của cây dứa gai như: rễ, đọt, hoa, trái, lá non đều có thể tận dụng làm thuốc, chủ trị thanh nhiệt, làm ra mồ hôi, giải độc, lợi tiểu, cầm máu. Do đó, dân gian có bài thơ nói về công dụng của cây dứa gai như sau:

*Dứa dại còn gọi dứa gai.*

*Đọt non hay rễ được xài từ lâu.*

*Nếu cần nướng trước sắc sau,*

*Rễ mạnh hơn đọt giống nhau cách dùng.*

*Trục thủy tiêu thũng nói chung,*

*Xơ gan cổ trướng tiểu thông giảm phù.*

*Đi đái rát trị êm ru,*

*Mất ngủ li bì uống ngủ cũng ngon.*

*Mọc hoang đầy khắp đó đây,*

*Khi cần nên kiếm trồng thay hàng rào.*

Giồng Dứa là một bộ phận của Ba Giồng, xuất phát từ xã Tam Hiệp (huyện Châu Thành) chạy cặp theo Quốc lộ 1 đến xã Long Định cùng huyện. Theo dân gian, thời xưa, do nơi đây có nhiều cây dứa dại mọc hoang um tùm nên nhân dân trong vùng gọi là Giồng Dứa.

Địa danh Giồng Dứa được thể hiện qua ca dao:

*Ai về Giồng Dứa qua truông,*

*Gió lay bông sậy, để buồn cho em.*

Nơi đây ghi lại chiến thắng oanh liệt của quân dân ta trong thời kỳ Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ngày 25/04/1947, đống chí Trần Văn Trà, Khu bộ trưởng Khu 8, đã chỉ huy chi đội 17 bộ đội chủ lực của Khu và đại đội khoá sinh Trường Quân chính khu 8 phối hợp cùng quân dân du kích tỉnh Mỹ Tho đánh tiêu diệt đoàn xe công voa và đoàn xe Chính phủ Nam Kỳ tự trị. Chiến thắng Giồng Dứa đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang về trình độ nghệ thuật tác chiến, chỉ huy, sử dụng lực lượng, bố trí thế trận chiến tranh nhân dân,… Từ đó, tạo ra thế và lực mới để lực lượng vũ trang Khu 8 (cũ) và quân dân Mỹ Tho trong kháng chiến chống Pháp phát triển mạnh mẽ, góp phần đánh bại thực dân Pháp trên chiến trường Nam bộ nói chung và Mỹ Tho nói riêng.

Năm 1985, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang xây dựng tại đây 01 tượng đài chiến thắng gồm: tượng tròn và phù điêu mô tả trận đánh do hai nhà điêu khắc Đỗ Như Cẩn và Phạm Mười tạo mẫu, đồng chí Thượng tướng Trần Văn Trà làm cố vấn tượng đài mô tả lại cảnh chiến đấu đốt xe địch của quân ta: nữ dân quân, vệ quốc quân và một nông dân thổi tù và.

Năm 2000, do nhu cầu mở rộng Quốc lộ 1, tượng đài đã được quy hoạch tôn tạo lại và di dời vào trong 40 m, xây dựng trong một khuôn viên gần 1 ha với các hạng mục công trình như: công viên, vườn hoa, cây cảnh, hồ cảnh bao bọc chung quanh. Tượng đài và phù điêu chất liệu bê tông cốt thép cao 7m, dài 24m. Di tích Chiến thắng Giồng Dứa được được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa Quốc gia năm  2003.

**4.** **Giồng Kỳ Lân**

Giồng Kỳ Lân là địa danh được ghi trong quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Thân Nhơn, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Hiện nay, giồng này thuộc các ấp Thân Bình, Thân Đạo, Thân Đức, Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

Giồng Kỳ Lân là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Linh vật (Kỳ lân).

- Kỳ lân: Theo truyền thuyết, Kỳ lân là thần thú và là vua của tất cả các loài thú bốn chân, được coi là một trong Tứ Linh: Long, Lân, Quy, Phụng. Kỳ lân có đầu của rồng, thân hươu, chân ngựa, đuôi trâu, móng guốc, mình vẩy tê tê, đầu có sừng nhọn và cong, có vây lửa cạnh chân. Kỳ lân bay được lên trời, chạy được trên đất và trên mặt nước, miệng phun ra lửa, nhưng lại rất hiền hòa, không hại ai, sừng không dùng để húc. Vì thế, kỳ lân là linh vật tượng trưng cho từ tâm, trí tuệ, nhân nghĩa và tốt lành.

Theo truyền thuyết, thời xưa, giồng này cây cối mọc um tùm. Vào những ngày linh tháng tốt, lúc ban đêm, người ta thấy kỳ lân xuất hiện, nên đặt tên là giồng Kỳ Lân. Nơi đây là vùng chuyên canh rau màu của xã Thân Cửu Nghĩa.

**5.** **Giồng Lộ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Công trình xây dựng (Lộ: từ Hán Việt: : Đường đi).

Giồng Lộ là giồng cát mà trên đó có con đường dài 3 km, ngang 5 m, mặt đường được trải nhựa, chạy xuyên qua ấp 5, nối Chợ Bưng (xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành) với đường cao tốc Trung Lương - Thành phố Hồ Chí Minh.

**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh gò:**

**Khái niệm:**

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

**1. Gò Chết Chém**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Sự kiện (Chết chém).

Gò Chết Chém rộng khoảng 2 ha, tọa lạc tại xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh này có cách giải thích như sau:

Theo bài *Đôi nét tiểu sử họ đạo Ba Giồng: một họ đạo lâu đời của giáo phận Mỹ Tho* đăng trên *Trang điện tử tienghatvinguoingheo.net* trích dẫn từ tài liệu “*Bản tường trình của Linh mục F. Demarcq (cha sở họ đạo Tân An 1911), thừa sai Tông Tòa*” hiện được lưu trữ tại Tòa Tổng Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh, địa danh Gò Chết Chém có xuất xứ từ một vụ giết hại giáo dân đạo Thiên chúa dưới triều vua Tự Đức. Để tường minh vấn đề, thiết nghĩ cần phải đặt sự kiện đó trong bối cảnh lịch sử phức tạp lúc bấy giờ.

Sau khi chiếm tỉnh thành Gia Định (1859) và hạ đại đồn Chí Hòa ngày 25/2/1861, thực dân Pháp tính ngay đến việc mở rộng địa bàn xâm lược, trong đó tỉnh đầu tiên mà bọn chúng nhắm đến là Định Tường, vì các lý do sau đây:

+ Định Tường là tỉnh giàu có, là vựa lúa và là thị trường lúa gạo quan trọng của Việt Nam. Vì vậy, chiếm được Định Tường sẽ cắt đứt được nguồn cung ứng lúa gạo ra Huế và các nơi khác.

+ Định Tường có vị trí then chốt trong hệ thống giao thông thủy ở đồng bằng sông Cửu Long, có thể dễ dàng đi đến các tỉnh miền Tây Nam kỳ và Cao Miên (Campuchia) bằng cách ngược dòng Mê Kông; để thực hiện mưu đồ xâm chiếm vương quốc này.

+ Định Tường là một trung tâm kháng chiến chống Pháp mạnh nhất ở Nam kỳ gắn liền với nhiều cuộc khởi nghĩa, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa do Trương Định, Nguyễn Hữu Huân (Thủ khoa Huân), Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương) lãnh đạo. Chính vì thế, thực dân Pháp thấy cần phải đánh chiếm để nhanh chóng tiêu diệt các cuộc khởi nghĩa đó.

Để thực hiện mưu đồ đó, theo lệnh của Thủy sư đô đốc Charner, ngày 26/3/1861, hải quân trung tá Bourdais chỉ huy một hạm đội theo đường kênh/kinh Bảo Định tiến đánh thành Mỹ Tho. Trên đường hành tiến, bọn chúng bị quân dân ta chặn đánh quyết liệt. Tuy nhiên, do có thế mạnh về tàu chiến và vũ khí,… nên quân Pháp ngày càng tiến đến gần Mỹ Tho.

Trong lúc đó, chính quyền nhà Nguyễn tại tỉnh Định Tường có một hành động sai lầm, thiển cận, làm tổn hại đến sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc và tôn giáo là bắt cha Phêrô Nguyễn Văn Lựu cai quản họ đạo Ba Giồng từ năm 1853 mang đi hành quyết vào ngày 07/4/1861 vì hoài nghi và lo ngại vị cha xứ này kích động giáo dân đạo Thiên chúa nổi dậy làm nội ứng cho quân Pháp. Ngày 12/4/1861, quân Pháp hoàn tất việc đánh chiếm thành Mỹ Tho.

Vẫn theo tài liệu nêu trên, tuy quân Pháp chiếm được thành Mỹ Tho; nhưng những vùng nông thôn vẫn do quân triều đình nhà Nguyễn kiểm soát. Năm 1862, cũng vì hiềm nghi, quân triều đình đã bắt 27 giáo dân thuộc họ đạo Ba Giồng truy xét; trong đó 25 người bị xử tử tại một một địa điểm gần chợ Cổ Chi, cách nhà thờ Ba Giồng khoảng 2 km; 2 người bỏ chạy, nhưng cũng bị giết trên đường đào tẩu. Sau đó, thi hài của những người xấu số này được chôn tại một gò đất gần nơi hành quyết. Từ đó, mới có địa danh Gò Chết Chém. Đây thực sự là một bi kịch của lịch sử trong buổi đầu thực dân Pháp xâm lược nước ta. Mười năm sau, ngày 18/6/1872, linh mục coi sóc họ đạo là M. Hamon cho cải táng hài cốt các giáo dân về nơi an nghỉ tại Đất Thánh thuộc nhà thờ Ba Giồng.

Với cách giải thích này, Gò Chết Chém là gò đất chôn 27 giáo dân bị nhà Nguyễn hành hình năm 1862.

**2.** **Gò Dinh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Công trình kiến trúc (Dinh).

- Dinh: Năm 1808, lỵ sở của phủ Kiến An và huyện Kiến Hưng được đóng tại thôn Tân Lý Tây. Đến năm 1833, dời về thôn Tân Hiệp. Theo sách *Đại Nam Nhất Thống Chí*, lỵ sở này có: “*chu vi 65 trượng, có lũy tre bao quanh…*”. Tại đây, dinh của quan tri phủ và quan tri huyện được dựng lên, nên được gọi là Gò Dinh.

Gò Dinh rộng khoảng 10 ha, tọa lạc tại thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành.

**3.** **Gò Gạch**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Vật liệu xây dựng (Gạch): Gò có nhiều gạch.

Tại đây có địa điểm khảo cổ học Gò Gạch thuộc địa phận xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, có diện tích khoảng 1.000 m2.

Hiện nay, trên di tích có một ngôi chùa mang tên là Kim Thạch. Chùa đã được xây cất từ lâu. Tại đây, vẫn còn những nền gạch lộ trên mặt đất. Nhiều viên gạch của kiến trúc cổ đã được mang đi lát đường hoặc xây nền chùa. Trong sân chùa còn nhiều đá cuội, một số tảng đá bị vỡ, nhiều mảnh tượng và bệ tượng vỡ. Có nhiều khả năng đây là di tích kiến trúc tôn giáo vào thời kỳ Văn hóa Óc Eo (thế kỷ thứ VII-VIII).

**4.** **Gò Lũy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Công trình xây dựng (Lũy: công trình được làm bằng đất, bao quanh chỗ đóng quân).

Gò Lũy rộng khoảng 50 ha, tọa lạc tại xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, là gò đất có đồn lũy của quân Đông Sơn. Đạo quân này do Đỗ Thanh Nhơn lập ra nhằm ủng hộ chúa Nguyễn Phúc Ánh trong việc tranh chấp với quân Tây Sơn do Nguyễn Nhạc, Nguyện Huệ và Nguyễn Lữ chỉ huy. Năm 1781, do Đỗ Thanh Nhơn ngày càng lộng quyền, Nguyễn Phúc Ánh đã ra lệnh giết chết viên tướng này. Do đó, quân Đông Sơn rút vào Gò Lũy xây đồn đắp lũy, vừa chống Nguyễn Phúc Ánh, vừa chống quân Tây Sơn. Sau đó, Nguyễn Phúc Ánh bị quân Tây Sơn truy đuổi phải chạy trốn ở nhiều nơi. Đồng thời, quân Tây Sơn cũng truy đánh quân Đông Sơn. Sau trận Rạch Gầm - Xoài Mút (1/1785), tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm do Nguyễn Phúc Ánh rước về, quân Tây Sơn do đô đốc Trấn chỉ huy tiến đánh vào Gò Lũy khiến quân Đông Sơn rút vào vùng Bà Bèo và bọn phiến quân này tan rã dần.

Các địa danh liên quan đến Gò Lũy là đường Gò Lũy và chợ Gò Lũy.

Gò Lũy gắn liền với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Ba Giồng dưới sự lãnh đạo của Thiên hộ Võ Duy Dương. Tháng 5/1861, từ Huế, ông trở lại Ba Giồng chỉ huy cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Tại đây, ông đã chiêu mộ hơn 1.000 quân nghĩa dũng, nên được triều đình phong chức Quản cơ vào tháng 9/1861, cùng lúc với Trương Định ở Gò Công.

Nhận thấy Ba Giồng là nơi đông dân, nhiều của; lại là cửa ngõ đi vào vùng đồng bằng sông Cửu Long; hơn nữa, nhân dân ở vùng này rất quyết tâm chống giặc; nên ông đã xây dựng nơi đây thành một trung tâm kháng chiến mạnh mẽ, tồn tại đồng thời với trung tâm kháng chiến Tân Hòa (Gò Công) của Trương Định. Theo đó, ông cho xây dựng đồn lũy với một số vị trí xung yếu; trong đó có một gò đất mà sau này được gọi là Gò Lũy ở thôn Nhị Bình thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Từ các căn cứ trên đất Ba Giồng, trong đó có căn cứ Gò Lũy, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân Ba Giồng đã tiến hành những trận đánh dũng mãnh và thu được những thắng lợi vang dội, điển hình là trận tấn công đồn Bourdais (4/9/1861), trận Cái Thia (14/10/1861), trận Cai Lậy (15/10/1861), trận Kỳ Hôn (22/10/1861), trận Rạch Gầm (tháng 11/1861),…

Bên cạnh đó, nghĩa quân còn đẩy mạnh công tác diệt ác trừ gian, như ngày 17/10/1861, nghĩa quân đột nhập vào đồn Cai Lậy, diệt 1 tên đội; trong các ngày 22, 23, 24/11/1861, nghĩa quân len lõi vào vùng địch tạm chiếm, diệt các tên xã trưởng của các xã Mỹ Quý, Trung Lương, Tân Lý Tây, Mỹ An,…

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Để bảo toàn lực lượng, cuối năm 1864, ông rút quân vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta (1954-1975), địch đã xây dựng Gò Lũy thành tiền đồn thuộc yếu khu Long Định. Tại đây, địch đóng 5 đồn (1 đồn cấp đại đội, 4 đồn cấp trung đội). Sau hiệp định Paris (1973), Tỉnh đội Mỹ Tho điều đại đội đặc công về đứng chân ở Gò Lũy với nhiệm vụ bao vây, cô lập các đồn của địch và chống địch hành quân lấn chiếm. Qua hơn một năm hoạt động, đại đội đặc công của ta gần như làm chủ khu vực Gò Lũy, xây dựng ấp, xã chiến đấu; còn địch thì co cụm trong các đồn bót của bọn chúng. Trong mùa khô năm 1974, ta đã mở chiến dịch “Mở mảng Gò Lũy”. Theo quyển *Địa chí Tiền Giang (tập 2)*, đầu năm 1974, tại khu vực Gò Lũy, ngoài các đồn đã có từ trước, địch bố trí tiểu đoàn địa phương quân 513 đóng quân gần đồn Ba Ông Bí và đồn Xóm Kiệu, có cụm pháo 2 khẩu 105 mm; đồng thời, có 2 tiểu đoàn địa phương quân 402, 427 và chi đoàn 3 thuộc chiến đoàn 6 thiết giáp Tiểu khu Định Tường sẵn sàng cơ động nhanh, chi viện khi cần thiết.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Mỹ Tho, Ban Chỉ huy Tỉnh đội đề ra kế hoạch đánh địch mở lõm trước mùa khô ở các huyện trong tỉnh, trong đó, trọng điểm là khu vực Gò Lũy, nhằm tạo thế đứng, mở rộng vùng giải phóng và đường hành lang nối dài từ Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) đến phía tây thị xã Mỹ Tho, tạo điều kiện thuận lợi cho các đợt hoạt động kế tiếp, hoàn thành nhiệm vụ trong mùa khô 1974.

Lực lượng tham chiến của ta trong đợt mở mảng này gồm hai tiểu đoàn 514 C và 2009 B, hai đại đội trợ chiến tỉnh Mỹ Tho và lực lượng du kích xã Nhị Bình. Cuộc mở mảng gồm 2 đợt:

Đợt 1 từ ngày 14 đến ngày 19/4/1974, hai tiểu đoàn chủ công của ta kết hợp với lực lượng địa phương tổ chức vây lấn, bắn tỉa làm cho địch hoang mang, bỏ chạy khỏi đồn Cây Đa và Xóm Mô. Chiều 15/4, trước nguy cơ bị mất khu vực Gò Lũy, địch điều tiểu đoàn 402 có xe thiết giáp M 113 và pháo binh yểm trợ tiến vào giải tỏa. Tuy nhiên, bọn này bị tiểu đoàn 514 C của ta chận đánh quyết liệt, bị thiệt hại nặng nên phải rút quân ra ngoài khu vực Gò Lũy. Kết thúc đợt 1, ta tiêu diệt hai đồn Cây Đa và Xóm Mô, mở rộng vùng giải phóng, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn 402 của địch. Bị thua đau, địch cho lập thêm một đồn mới có công sự chiến đấu, hầm chỉ huy, bố trí 7 vòng rào, vật cản; đồng thời, cho củng cố lại hai đồn Ba Ông Bí và Xóm Kiệu với ý đồ giữ bằng được địa bàn trọng yếu này.

Đợt 2 từ ngày 20 đến ngày 24/4/1974, đêm 20/4, sau khi được tăng cường, bổ sung lực lượng và hỏa lực, tiểu đoàn 2009 B của ta tấn công hai đồn Ba Ông Bí và Xóm Kiệu với phương châm vây, lấn, tấn, phá, triệt, diệt. Trước tình hình đó, địch cho hai tiểu đoàn 402 và 427 địa phương quân vào ứng cứu; nhưng bị tiểu đoàn 514 C của ta chận đánh, gây cho chúng nhiều thiệt hại (chết và bị thương gần 50 tên), nên buộc phải rút quân. Nhân cơ hội đó, toàn bộ lực lượng của ta đồng loạt tấn công, tiêu diệt hai đồn Ba Ông Bí và Xóm Kiệu.

Qua hai đợt cao điểm của tháng 4/1974, ta đã tiêu diệt và bức rút 1 đồn cấp đại đội, 3 đồn cấp trung đội, loại khỏi vòng chiến đấu 140 tên địch, bắn cháy và làm hư 3 xe ủi đất, 3 xe M 113, thu 4 máy thông tin PRC25, 2 súng M 79, 2 đại liên, 1 súng cối 60 mm và 20 súng tiểu liên M 16. Đợt mở mảng Gò Lũy đã tạo nên thế trận mới, mở rộng vùng giải phóng huyện Châu Thành Bắc.

**5.** **Gò Me (xã Long Hưng, huyện Châu Thành)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây me: là cây thân gỗ, có thể cao tới 20m, có nhiều công dụng: trồng ở đô thị lấy bóng mát; làm cây kiểng bonsai; đóng đồ gỗ mỹ nghệ, vật dụng gia đình; một số bộ phận của cây còn là một trong những dược liệu dùng để chữa các bệnh như trĩ, viêm lợi, bong gân, tiêu chảy, kiết lị, tảy giun, kích thích tiêu hóa, vàng da, mụn nhọn, thanh nhiệt cơ thể; trái me làm gia vị, thức uống giải khát, mứt,…).

Gò Me rộng khoảng 5 ha, tọa lạc tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành, là gò có nhiều cây me hoặc có cây me to.

Gò Me gắn liền với sự kiện lịch sử bi tráng của dân tộc trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ. Đó là cuộc tuẫn tiết đầy khí phách anh hùng của bốn chiến sĩ cộng sản kiên cường: Lê Văn Giác, Nguyễn Văn Ghè, Lê Văn Quới, Nguyễn Văn Huân.

1 giờ sáng ngày 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho bùng nổ với tâm điểm là xã Long Hưng. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Mỹ Tho và sự chỉ huy trực tiếp của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, quần chúng nhân dân và lực lượng võ trang đã đồng loạt nổi dậy và tiến đánh địch ở toàn địa bàn huyện Châu Thành, lật đổ hầu như toàn bộ chính quyền địch ở cơ sở.

Ngay sau đó, chính quyền thực dân tỉnh Mỹ Tho huy động lực lượng hùng hậu để đàn áp. Cuộc khởi nghĩa bị dìm trong biển máu. Ngày 4 – 1 – 1941, quân Pháp tổ chức một trận càn quét với quy mô lớn vào Long Hưng. Nghĩa quân đã kiên cường đánh trả. Nhưng do tương quan lực lượng có sự chênh lệch quá lớn, nên lực lượng cách mạng phải rút vào Gò Me cố thủ. Đến tờ mờ sáng ngày hôm sau, sau khi bắn đến viên đạn cuối cùng, bốn chiến sĩ Lê Văn Giác, Nguyễn Văn Ghè, Lê Văn Quới, Nguyễn Văn Huân đã quyết định tuẫn tiết để không sa vào tay giặc, bảo vệ cơ sở Đảng và cách mạng. Hành động vị quốc vong thân của Bốn Ông và địa danh Gò Me đã đi vào lịch sử dân tộc, sống mãi ngàn thu.

Di tích Gò Me được tỉnh Tiền Giang xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa cấp Tỉnh.

**6.** **Gò Ông Hoài**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Giới tính (Ông) + Tên người (Hoài: Theo lời kể của dân gian, khoảng cuối thế kỷ XVIII, ông Nguyễn Văn Hoài từ miền Trung di cư vào Nam sinh sống. Ông là người lập ra thôn Tân Đức Đông (nay thuộc xã Dưỡng Điềm). Sau khi mất, ông được dân làng tôn làm tiền hiền; đồng thời, tên của ông được đặt cho một gò cát ở đây: gò Ông Hoài, tức Hoài cương được ghi trong sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn. Ông có người con là Nguyễn Văn Nhiêu từng giữ chức Cai thuộc nên được gọi là Thuộc Nhiêu).

Gò Ông Hoài rộng khoảng 12 ha, thuộc xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành.

**7.** **Gò Sao**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình tự nhiên (Gò) + Thực vật (Cây Sao: là loại cây thân gỗ lớn thuộc họ dầu, có gỗ rất cứng và chịu được nước, thường được dùng để đóng ghe xuồng).

Gò Sao rộng khoảng 5 ha, thuộc xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, là gò có nhiều cây sao. Tại đây có di chỉ khảo cổ học Gò Sao, nằm trong khu vực đình Tân Lý Tây, phía trước Uỷ ban Nhân dân xã Tân Lý Tây.

Tại di tích Gò Sao, người ta tìm thấy nhiều nền gạch và các vĩa gạch nằm ở độ sâu 1 m và cách đình khoảng 20 m về phía tây nam. Đồng thời, tại đây đã phát hiện 1 tượng thần Visnu (thần Bảo tồn theo Ấn Độ giáo), 1 rìu đá, một số mảnh vỡ của bình cổ và 1 bàn nghiền bị vỡ. Khảo sát các loại gạch cho thấy nhiều khả năng di tích ở vào thời kỳ Óc Eo muộn (thế kỷ thứ VII-XIII).

**8**. **Gò Tân Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Địa danh hành chính gốc Hán Việt (thị trấn Tân Hiệp: Tân: : Mới mẻ; Hiệp: : Hợp lại, gộp lại).

Tại đây có di chỉ khảo cổ học thuộc thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành (nay thuộc khu làm việc của Huyện uỷ) phân bố trên một gò cao khoảng 5-7 m so với chung quanh, diện tích khoảng 3.000 m2.

Đây là di tích kiến trúc có quy mô được xem là lớn nhất ở Tiền Giang. Gò nhân tạo này được bó nền (bọc nền) bằng gạch có hình vuông với chiều cao khoảng 4 m. Gạch bó nền có kích thước giống gạch tại di tích Gò Thành (xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo). Hiện nay, tại đây còn 1 tảng đá lớn rộng khoảng 1,50 m2 nằm bên ngoài thành gạch cũ.

Trên mặt gò, các kiến trúc đã bị sụp đổ. Thực dân Pháp sử dụng độ cao của gò để xây đồn bót. Thời Mỹ xâm lược cũng xây dựng các công trình phục vụ quân sự tại đây. Nay thành gạch không còn vết tích cũ. Qua khảo sát, có thể đoán định di tích là kiến trúc trung tâm có liên quan đến tôn giáo vào thời kỳ Óc Eo muộn (thế kỷ thứ VII-XIII)[[2]](#footnote-2).

**9.** **Gò Trao Trảo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Trao trảo: Dưa).

Đây là địa danh xưa. Gò Trao Trảo rộng khoảng 25 ha, trải dài trên địa bàn xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành. Theo sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức và sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, tại đây có một gò cát được người dân trồng các loại dưa nên có tên là Qua Qua 瓜瓜. Trong chữ Hán, chữ “Qua” 瓜 có nghĩa là “dưa”, vì có tự dạng gần giống chữ “Trảo” 爪 (móng vuốt) nên bị viết và đọc nhầm là “Trảo Trảo” 爪爪, sau đọc trại thành “Trao Trảo”. Đây là địa danh có nguồn gốc từ thực vật (dưa), tức gò trồng dưa; hoàn toàn không phải động vật (chim trao trảo). Dưa là một loại thực vật đặc hữu của miệt gò/giồng:

*Mẹ mong gả thiếp về giồng,*

*Ăn bông bí luộc, dưa hồng nấu canh*.

(Ca dao)

*Trên đất giồng mình trồng khoai lang,*

*Trên đất giồng mình trồng dưa gang.*

*Hỡi cô gánh nước*[[3]](#footnote-3) *đường xa,*

*Con bao gánh nữa để qua*[[4]](#footnote-4) *gánh dùm…*

(“Lý đất giồng”)

*Gió đưa gió đẩy,*

*Về rẫy ăn còng,*

*Về sông ăn cá,*

*Về giồng ăn dưa.*

(Ca dao)

**\* Địa danh Việt gốc Khmer:**

**1. Bưng Môn**

Bưng Môn là bưng có nhiều cây môn nước mọc hoang, tọa lạc ở xã Điềm Hy, huyện Châu Thành và xã Tân Phú, huyện Cai Lậy.

**2.** **Cầu Chợ Bưng**

Cầu Chợ Bưng được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Bưng).

Cầu Chợ Bưng là cầu được xây dựng gần chợ có tên là Bưng. Cầu Chợ Bưng nằm trên Đường tỉnh 878, km 04+275, dài 43 m, rộng 21,60 m, bắc qua rạch Bến Chùa, thuộc địa bàn xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, kết cấu bê tông, được xây dựng năm 1980, tải trọng 25 tấn.

**3**. **Chợ Bưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Bưng).

**Chợ Bưng được thành lập từ đầu thế kỷ XIX, thuộc xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Chợ Bưng là chợ được xây dựng gần cái bưng.**

Hiện tại, Chợ Bưng được xây dựng bán kiên cố; có tổng diện tích là 1.100 m², nhà lồng chợ 500 m², hàng hóa được buôn bán tại chợ phong phú, như thực phẩm, quần áo, tạp hóa, đồ gia dụng,… Chợ hoạt động chủ yếu vào buổi sáng.

**4.** **Chợ Vàm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình tự nhiên (Vàm: Theo Vương Hồng Sển*,* Vàm là biến âm từ Khmer “pàm” hoặc “piam” nghĩa là cửa sông”[[5]](#footnote-5). Theo Lê Trung Hoa, Vàm là tiếng Việt gốc Khmer: piăm, là nơi con rạch đổ ra sông lớn. Piăm có khả năng biến thành vàm; bởi vì, phụ âm tắc môi - môi “p” chuyển thành phụ âm xát môi - răng “v” là hiện tượng phổ biến: Kam**p**ot (một tỉnh ở Campuchia) - Cần **V**ọt (cách đọc của người Việt); còn âm chính “ă” chuyển đổi với “a” đã có tiền lệ: h**ằ**ng (tháng) - h**à**ng (tháng); (đại) b**à**ng – (cánh) b**ằ**ng,… Do đó, piăm hoàn toàn có thể biến thành vàm[[6]](#footnote-6)).

Chợ Vàm là tên dân gian để chỉ chợ Rạch Gầm, được thiết lập ở chỗ Rạch Gầm đổ ra sông Tiền, thuộc xã Kim Sơn, huyện Châu Thành. Đây là chợ nhỏ, nhà lồng có diện tích khoảng 120 m², bán các mặt hàng phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của người dân, chỉ hoạt động vào buổi sáng.

**5.** **Đường Cây Trôm (xã Kim Sơn, huyện Châu Thành)**

Đường Cây Trôm tọa lạc tại ấp Hội, xã Kim Sơn, là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thực vật (Cây Trôm).

- Đường: Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn Ngữ học, đường là lối đi nhất định được tạo ra để nối liền hai địa điểm, hai nơi.

- Cây trôm : Trôm **là tiếng Việt gốc Khmer:** Tham rôn, gọi trại mà ra, là cây thân gỗ, cao từ 15 - 20 m. Gỗ dùng trong xây dựng, xẻ ván, đóng đồ mộc. Vỏ làm thuốc lợi tiểu và có chất nhầy làm săn da; lá làm thuốc kháng sinh, tiêu viêm, nhuận tràng. Hạt có dầu béo, màu vàng nhạt, dịu, có tác dụng nhuận tràng, lợi trung tiện, chữa ghẻ, thắp sáng, có thể ăn được và xay bột làm nhân bánh. Đặc biệt, nhựa trôm (mủ trôm) có dạng keo, dễ tan trong nước, chứa nhiều chất bổ dưỡng dùng để chế các loại nước giải khát, giải nhiệt cao cấp. Ngoài ra, trôm còn được trồng trên đường phố, trong công viên để tạo cảnh quan và bóng mát.

Đường Cây Trôm là con đường mà xưa kia có cây trôm to mọc tại đó. Đây là đường nội ấp, được lát dale, ngang 2 m, dài khoảng 500 m.

**6.** **Đường Cây Trôm (xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thực vật (Cây Trôm). Đường Cây Trôm là con đường có cây trôm to mọc tại đó, hiện nay vẫn còn. Đây là đường nội ấp, được lát dale, ngang 2 m, dài khoảng 300 m, tọa lạc tại ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh Kim.

**7.** **Sóc Gòn**

Sóc Gòn là địa danh ở xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Sóc : là Tiếng Việt gốc Khmer. Theo Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Sóc có từ gốc Srôk, có nghĩa hẹp là “xứ”, nghĩa rộng là “làng” hay “xã”[[7]](#footnote-7). Theo Sơn Lương, Sóc là đơn vị cư trú của người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long có quy mô lớn hơn Phum, mà Phum tương đương với “xóm” của người Việt. Phum và Sóc dùng để chỉ địa danh nơi cư trú của bà con cộng đồng người Khmer, chứ không hề có ý nghĩa là đơn vị hành chính như ở nước bạn Campuchia[[8]](#footnote-8).

Cũng theo Lê Trung Hoa trong sách đã dẫn, trong tiếng Việt, hiện tượng tổ hợp phụ âm đầu có âm lỏng “r” bị rụng âm “r” là điều rất phổ biến, như crème thành kem, frein thành phanh (thắng xe), fromage thành phó mát hay phô mai; như vậy, **Sr** hoàn toàn có khả năng chuyển thành **S**. Đồng thời, vần “ôk” hay “ôc” (đây chỉ là hai cách viết của một vần) chuyển thành “oc” cũng hay xảy ra, như độc giả - bạn đọc, khốc - khóc. Do đó, Srôk được đọc và viết thành Sóc là có cơ sở[[9]](#footnote-9).

- Gòn : có hai cách giải thích :

+ Cách thứ nhất :

Gòn là cây bông gòn, viết tắt lại thành Gòn. Đây là loài cây thân gỗ, cao khoảng 10 m. Cây trưởng thành sinh ra khoảng vài trăm trái, mỗi trái dài khoảng 15 cm. Trái chứa các hột được bao bọc trong các sợi mịn có màu trắng là hỗn hợp của linhin và xenluloza. Sợi cây bông gòn nhẹ, nổi trên nước, đàn hồi, dễ cháy và không thấm nước. Nó không thể xe thành sợi giống như chỉ; nên được dùng làm chất nhồi cho các loại nệm, gối, bàn ghế, đồ chơi trẻ em và các lớp cách âm, cách nhiệt. Hạt chứa dầu được sử dụng để nấu xà bông và có thể làm phân bón.

Với cách giải thích này, Sóc Gòn là nơi trồng nhiều cây bông gòn.

+ Cách thứ hai:

Theo PGS.TS Lê Trung Hoa trong sách đã dẫn, Gòn là Tiếng Việt gốc Khơ Me: Nokor, có nghĩa là “thị trấn”.

Âm tiết “No” trong Nokor được lược bỏ, bởi vì các địa danh có ba âm tiết bị lược bỏ âm tiết ở giữa là hiện tượng thường xảy ra, như cầu Xóm Kiệu - cầu Kiệu, sông Ông Đốc - sông Đốc, rạch Cọp Gầm/rạch Ông Gầm - rạch Gầm,… Do đó, Srôk/Sóc Nokor thành Srôk/Sóc kor.

Âm tiết “kor” biến thành âm tiết “gòn”, vì Tiếng Khmer “kor” và Tiếng Việt “gòn” cùng có nghĩa là “cây gòn”.

Với cách giải thích này, Sóc Gòn là nơi có một thị trấn.

**7.** **Tha La**

Tha La là địa danh được sử dụng nhiều nhất ở huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, như:

Xứ Tha La: xã Long Hưng.

Rạch Tha La: hai xã Thân Cửu Nghĩa và Bình Trưng.

Cầu Tha La: bắc ngang rạch Tha La, ở xã Thân Cửu Nghĩa.

Chợ Tha La: xã Đông Hòa.

Ao Tha La: ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây.

Xóm Tha La: ấp Đông B, xã Nhị Bình.

Ngài ra, còn có xóm Tha La ở ấp Mỹ Vĩnh, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy.

Tha La là địa danh Việt gốc Khmer: Sala gọi trại mà ra. Sách *Đại Nam quốc âm tự vị* (1896) của Huỳnh Tịnh Của định nghĩa Tha La là: *“Chòi, trại của thầy sãi Cao Miên”*. Sách *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức viết: *“Tha La là chòi trại: Cất tha la, xóm tha la”*. Sách *Việt Nam tự điển* của Lê Ngọc Trụ: *“Tha la có gốc từ Khmer (sala) là* *chòi nhỏ ở vệ đường, cho khách bộ hành nghỉ chân”*. Sách *Địa danh học Việt Nam* của Lê Trung Hoa: Tha la có nghĩa là chòi nhỏ ven đường để khách nghỉ chân. Sách *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca*, Nguyễn Liên Phong cho biết chức năng của Tha La là trạm nghỉ chân dọc đường: “*Thường khi xây cất Tha La.* *Lớn bằng căn phố người ta nghỉ ngồi”.*

Trong Tiếng Việt, âm **s** và **th** có thể biến đổi với nhau; ví dụ: **s**ụp lạy - **th**ụp lạy, **s**ụt lùi - **th**ụt lùi, màu **s**ẩm - màu **th**ẩm,… Do đó, **S**ala được biến thể thành **Th**ala.

**8.** **Vàm Miễu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Vàm) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Miễu: là nơi **thờ Thần,** các bậc trung nghĩa có công với nước, với dân**, nhỏ hơn đình, đền, còn gọi là miếu**).

Vàm Miễu là nơi con rạch đổ ra sông lớn có ngôi miễu thờ Thủy thần, tọa lạc tại xã Bàn Long, huyện Châu Thành. Gắn liền với địa danh này là rạch Vàm Miễu và cầu Vàm Miễu.

**9**. **Ga Ông Táo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Ga) + Công cụ nấu bếp được thần thánh hóa theo tín ngưỡng dân gian (Ông Táo).

- Ga: xuất phát từ tiếng Pháp - Gare, có nghĩa là Trạm dừng xe.

- Ông Táo: Ông Táo hay Táo Quân trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có nguồn gốc từ ba vị thần Thổ Công, Thổ Địa và Thổ Kỳ của Lão giáo ở [Trung Q](http://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c)uốc; nhưng được Việt hóa thành huyền tích “Hai ông - Một bà”. Tuy vậy, người dân vẫn quen gọi chung là Ông Táo hay Táo Quân theo thuyết Tam vị nhất thể (thuyết Ba ngôi) khá phổ biến trong các tín ngưỡng, tôn giáo.

Ở Việt Nam, sự tích Ông Táo (Táo Quân) được truyền khẩu, rồi ghi chép, do đó có những sự khác nhau về tình tiết, nội dung chính được tóm tắt như sau:

Trọng Cao có vợ là Thị Nhi ăn ở với nhau đã lâu mà không con, nên sinh ra buồn phiền, hay cãi cọ nhau. Một hôm, Trọng Cao giận quá, đánh vợ. Thị Nhi bỏ nhà ra đi sau đó gặp và bằng lòng làm vợ Phạm Lang. Khi Trọng Cao hết giận vợ, nghĩ lại mình cũng có lỗi nên đi tìm vợ. Khi đi tìm vì tiền bạc đem theo đều tiêu hết nên Trọng Cao đành phải đi ăn xin.

Khi Trọng Cao đến ăn xin nhà Thị Nhi, thì hai bên nhận ra nhau. Thị Nhi rước Trọng Cao vào nhà, hai người kể chuyện và Thị Nhi tỏ lòng ân hận vì đã trót lấy Phạm Lang làm chồng.

Phạm Lang trở về nhà, sợ chồng bắt gặp Trọng Cao nơi đây thì khó giải thích, nên Thị Nhi bảo Trọng Cao ẩn trong đống rơm ngoài vườn. Phạm Lang về nhà liền ra đốt đống rơm để lấy tro bón ruộng. Trọng Cao không dám chui ra nên bị chết thiêu. Thị Nhi trong nhà chạy ra thấy Trọng Cao đã chết bởi sự sắp đặt của mình nên nhào vào đống rơm đang cháy để chết theo.

Phạm Lang gặp tình cảnh quá bất ngờ, thấy vợ chết không biết tính sao, liền nhảy vào đống rơm đang cháy để chết theo vợ.

Linh hồn của ba vị được đưa lên Ngọc Hoàng Thượng Đế. Vị Ngọc Hoàng thấy ba người đều có nghĩa, nên sắc phong cho làm Táo Quân, gọi chung là: Định Phúc Táo Quân, nhưng mỗi người giữ một việc:

* Phạm Lang làm Thổ Công, trông coi việc bếp núc. Danh hiệu: Đông Trù Tư Mệnh Táo Phủ Thần Quân
* Trọng Cao làm Thổ Địa, trông coi việc nhà cửa. Danh hiệu: Thổ Địa Long Mạch Tôn Thần
* Thị Nhi làm Thổ Kỳ, trông coi việc chợ búa. Danh hiệu: Ngũ Phương Ngũ Thổ Phúc Đức Chánh Thần

Người Việt quan niệm ba vị Thần Táo định đoạt phước đức cho gia đình, phước đức này do việc làm đúng đạo lý của gia chủ và những người trong nhà. Bàn thờ thường đặt gần bếp, trên có bài vị thờ viết bằng chữ Hán. Hàng năm, đúng vào ngày 23 tháng chạp là ngày Ông Táo (Táo Quân) lên chầu trời nên người ta gọi ngày này là “Tết Ông Táo”, có nơi gọi là “Tết Ông Công”.

Người Việt quan niệm Ông Táo trong khi chầu trời sẽ thưa với Ngọc Hoàng Thượng Đế những sự kiện xảy ra trong năm vừa qua ở dưới trần gian. Vì thế, người Việt Nam làm lễ tiễn Ông Táo rất thịnh soạn với lễ cúng thường có là phục trang của Ông Táo, xôi chè, mứt, bánh kẹo, trái cây, trà rượu, nhang đèn, vàng mã,… Ngoài ra, còn có cá chép, vì người ta cho rằng, ông Táo sẽ cỡi cá chép để lên trời.

Theo tín ngưỡng dân gian, người dân cúng Ông Táo với mong muốn những điều tốt đẹp nhất sẽ được thưa với Ngọc Hoàng, và những điều không may mắn hoặc không tốt sẽ được báo cáo nhẹ đi; đồng thời, cầu mong cả nhà được mạnh khỏe, vui tươi, tấn tài, tấn lộc,…

Ga Ông Táo là tên gọi dân gian để chỉ ga Tân Hương (nay thuộc xã Tân Hương, huyện Châu Thành), một trong 15 ga của tuyến đường sắt đầu tiên ở Việt Nam: tuyến Sài Gòn - Mỹ Tho, dài 71 km, được xây dựng từ năm 1881, hoàn thành năm 1885.

Ga Ông Táo là ga xe lửa mà tại chỗ đó người dân đem vứt bỏ các bếp lò, cà ràng bằng đất, gọi chung là Ông Táo, đã không còn sử dụng được nữa.

**\* Địa danh Việt gốc Pháp :**

**1.** **Kênh/Kinh Xáng Cụt (xã Long Hưng, huyện Châu Thành)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tính từ (Cụt).

Kênh/Kinh Xáng Cụt thuộc xã Long Hưng, huyện Châu Thành, dài không quá 1 km từ bờ kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành đến cầu Thầy Tùng.

Năm 1968, một năm sau khi sư đoàn 9 bộ binh Mỹ đến căn cứ Đồng Tâm, do bị du kích, bộ đội, pháo binh của Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức tấn công, pháo kích, quấy rối liên tục, nên chúng đề ra kế hoạch là dùng xáng (tàu cuốc) đào một con kênh/kinh từ Long Hưng xuống Thạnh Phú (huyện Châu Thành) và theo Lộ Ngang đến Bình Đức (huyện Châu Thành) để làm tuyến phòng thủ, bảo vệ căn cứ. Tuy nhiên, vừa đào mới được 1 km thì bị đặc công ta đánh phá quyết liệt nên đành phải bỏ dỡ. Từ đó, con kênh/kinh này được nhân dân địa phương gọi là kênh/kinh Xáng Cụt.

**2**. **Kênh/Kinh Xáng Lecomb (đọc theo Tiếng Việt: Lơ-com)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tên của người Pháp chỉ huy việc đào kênh/kinh (Lecombe: Tên đầy đủ là Alexis Elie Lecombe. Ông ta làm Chủ tỉnh Mỹ Tho (Chef de la province de Mytho) từ năm 1922 - năm 1925).

Kênh/Kinh này được đào bằng xáng múc (tàu cuốc) khoảng từ năm 1922 - năm 1925 lúc Lecombe giữ chức Chủ tỉnh Mỹ Tho. Năm 1949, Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ cho đổi tên thành kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành, một cán bộ cách mạng, hy sinh năm 1949.

Kênh/Kinh xáng Nguyễn Tấn Thành chảy qua hai huyện Châu Thành và Tân Phước. Điểm đầu nối từ kênh/kinh Nguyễn Văn Tiếp A, tại trung tâm thị trấn Mỹ Phước của huyện Tân Phước chảy thẳng xuống phía nam, cắt qua Quốc lộ 1 tại cầu Kênh/Kinh Xáng (xã Long Định); sau đó, chảy tiếp cắt qua Đường tỉnh 864 tại cầu cũng có tên là cầu Kênh/Kinh Xáng (còn gọi là cầu Đồng Tâm, giáp ranh hai xã Bình Đức và Song Thuận) rồi đổ ra sông Tiền. Kênh/Kinh dài 19,3 km, rộng 40m, bề rộng tại vàm kênh/kinh lên đến 125m, chiều sâu 5m - 8m so với mặt đất tự nhiên.

**3.** **Khu phố Ga**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố) + Công trình xây dựng (Ga: xuất phát từ tiếng Pháp - Gare, có nghĩa là Trạm dừng xe).

Khu phố Ga thuộc thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, là đơn vị hành chánh mà xưa kia nơi đây từng là ga xe lửa - ga Tân Hiệp - một trong 15 ga của tuyến đường sắt đầu tiên ở Việt Nam: tuyến Sài Gòn - Mỹ Tho, dài 71 km, được xây dựng từ năm 1881, hoàn thành năm 1885. Khu phố Ga đã được công nhận ấp văn hóa.

\* **Địa hình thiên nhiên, thực vật:**

**1. Ấp Bờ Xe**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Bờ**: là đường đi hẹp, bằng đất, dọc theo bờ ruộng, sông, rạch, kênh/kinh, mương,… Hiện nay, có nơi trải sỏi đỏ, đá cấp phối hay bê tông,…**) + Phương tiện di chuyển (Xe: là phương tiện giao thông và vận chuyển bằng đường bộ).

Ấp Bờ Xe thuộc xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có một bờ đất dùng cho xe thô sơ, kéo bằng súc vật (bò, trâu) để vận chuyển nông sản,...

Ấp Bờ Xe đông giáp ấp Chợ, cùng xã, tây giáp ấp Long Bình, xã Long Hưng, bắc giáp ấp Thạnh Hưng, xã Phước Thạnh, nam giáp ấp Cây Xanh, cùng xã; diện tích tự nhiên 103 ha; dân số (năm 2019): 1.317 người, nam 536, nữ 781; được công nhận ấp văn hóa.

**2.** **Ấp Cây Xanh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Cây sanh đọc trại thành cây xanh: là cây thân gỗ, cao từ 15 đến 20 m, thân và cành dẻo dễ uốn, tạo thế đẹp, do đó, cây sanh thường được tạo dáng thành cây kiểng bonsai. Ngoài ra, cây sanh còn được trồng làm bóng mát).

Ấp Cây Xanh thuộc xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều cây sanh cổ thụ. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có địa danh Hàng Sanh, nhưng cũng được đọc trại thành Hàng Xanh.

Ấp Cây Xanh đông giáp ấp Xóm Vông, cùng xã, tây giáp ấp Long Bình, xã Long Hưng, bắc giáp Ấp Chợ và ấp Bờ Xe, cùng xã, nam giáp Trại rắn Đồng Tâm, xã Bình Đức; diện tích tự nhiên 102 ha; dân số (năm 2019): 1.574 người, nam 775, nữ 799; được công nhận ấp văn hóa.

**3.** **Ấp Dầu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Thực vật (Cây dầu: là cây gỗ lớn, thân tròn, thẳng, cao 40 - 50 m. Gỗ màu nâu đỏ nhạt, thớ thô, bền. Sản phẩm được sử dụng trong các công trình xây dựng, đóng đồ mộc, chế biến vecni, sơn, mực in. Lá, hoa, vỏ cây có thể tinh chế tanin và dược liệu).

Ấp Dầu thuộc xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây người dân trồng nhiều cây dầu để lấy gỗ và thu hoạch trái ép dầu.

Ấp Dầu đông giáp ấp Thạnh Hòa, xã Long Hưng, tây giáp Đường tỉnh 876, bắc giáp ấp Tây B, cùng xã, nam giáp ấp Thới, cùng xã; diện tích tự nhiên 93 ha; dân số (năm 2019): 992 người, nam 550, nữ 442; được công nhận ấp văn hóa.

**4. Ấp Đồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Lĩnh vực nông nghiệp (Đồng: là một khu vực đất đai rộng lớn ở nông thôn  được sử dụng để trồng trọt).

Ấp Đồng thuộc xã Bình Đức, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây là một cánh đồng rộng.

Ấp Đồng đông giáp xã Trung An, tây giáp ấp Lộ Ngang và ấp Chợ, cùng xã, bắc giáp ấp Giáp Nước, xã Thạnh Phú, nam giáp ấp Chợ và ấp Bình Tạo, cùng xã; diện tích tự nhiên 56 ha; dân số (năm 2019): 831 người, nam 415, nữ 416; được công nhận ấp văn hóa.

**5**. **Ấp Keo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân (Ấp) + Thực vật (Cây keo).

Ấp Keo thuộc xã Long Định, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có nhiều cây keo.

Ấp Keo đông giáp Ấp 3, xã Tam Hiệp, tây giáp ấp Trung, cùng xã, bắc giáp Ấp 3, xã Tam Hiệp, nam giáp ấp Đông, cùng xã; diện tích tự nhiên 118 ha; dân số (năm 2019): 585 người, nam 320, nữ 265; được công nhận ấp văn hóa.

**6.** **Ấp Xóm Vông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Đơn vị cư trú (Xóm) + Thực vật (Cây vông: cây cao 10 - 20 m, thân có nhiều gai ngắn; theo y học cổ truyền, các bộ phận dùng làm thuốc là lá, vỏ thân cây và hạt. Lá có vị đắng nhạt, hơi chát, tính bình, có tác dụng ức chế hệ thần kinh trung ương, làm an thần, gây ngủ, hạ nhiệt, hạ huyết áp, co bóp các cơ,…Vỏ thân cây có tác dụng khu phong thông lạc, sát trùng, trấn tĩnh. Ngoài ra, lá vông thường được dùng để gói nem).

Ấp Xóm Vông thuộc xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây có một xóm nhà có nhiều cây vông.

Ấp Xóm Vông đông giáp ấp Phước Thuận, xã Phước Thạnh, tây giáp ấp Miễu Hội, cùng xã, bắc giáp Ấp Chợ, cùng xã, nam giáp ấp Lộ Ngang, xã Bình Đức; diện tích tự nhiên 119 ha; dân số (năm 2019): 1845 người, nam 903, nữ 942; được công nhận ấp văn hóa.

**7**. **Ba U**

**Ba U ngày xưa là một cánh rừng, đầy cây cỏ hoang dại, như tràm, mù u, năn, lác,… thuộc ba xã Long Định, Tam Hiệp và Tân Lý Đông, huyện Châu Thành. Rừng Ba U còn gọi là rừng Lầu Thầy Kiện (rừng có ngôi nhà lầu của một vị luật sư đã bỏ hoang).**

**Ba U là địa danh có nhiều cách lý giải khác nhau:**

***Thứ nhất*:** địa danh được cấu tạo theo phương thức: Số từ (Ba) + Thực vật (Cây mù u).

Cây mù u: Theo quyển *Gia Định thành thông chí*: “Cây thủy mai hay Nam mai (tục gọi là cây mù u), lá và hoa như cây mơ, không có gai, quả tròn to bằng ngón chân cái, bên ngoài có vỏ mỏng rồi đến vò cứng, trong có một hạt, hạt ép dầu hay làm thuốc chữa vết thương gươm giáo, dầu có thể thắp đèn, gián, kiến không ăn, cây thì khẳng khiu, bền và dẻo[[10]](#footnote-10)”. Đây là cây thân gỗ, cao từ 5 - 10 m. Cây mù u được dùng lấy gỗ vì có gỗ cứng và chắc, được dùng trong xây dựng và làm ghe xuồng. Dầu từ hạt mù u được dùng trong các chế phẩm chăm sóc da và tóc, điều trị bỏng. Dầu mù u thời xưa cũng được dùng để thắp sáng.

Với xuất xứ này, Ba U là nơi tiếp giáp giữa ba làng có nhiều cây mù u.

***Thứ hai*:** địa danh được cấu tạo theo phương thức: Số từ (Ba) + Từ Hán Việt (U: tối tăm). Với xuất xứ này, Ba U là nơi hoang vắng, tối tăm, tiếp giáp giữa ba làng.

*Thứ ba*: địa danh được cấu tạo theo phương thức: Thứ (Ba) + Tên người (U); là vùng đất có một người mang tên Ba U

*Thứ tư*: địa danh được cấu tạo theo phương thức: Vị trí đường bộ (Ngã ba) + Thực vật (Cây mù u); là ngã ba có nhiều cây mù u.

Địa danh Ba U gắn liền với cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho. Tháng 4-1940, Tỉnh ủy Mỹ Tho xúc tiến mạnh mẽ và toàn diện công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa; trong đó có việc chọn Ba U làm căn cứ chính của cuộc khởi nghĩa; bởi vì vùng này có vị thế hiểm yếu do ở kế cận Đồng Tháp Mười mênh mông, kênh rạch chằng chịt, dễ giữ bí mật;đồng thời, địch gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong việc tiếp cận và hành quân lùng sục. Người phụ trách xây dựng căn cứ là bà Nguyễn Thị Ngọc Tốt (Nguyễn Thị Thập). Người trực tiếp chỉ huy căn cứ là ông Nguyễn Văn Tân (Lữ Đồng Tân).

Lúc bấy giờ, căn cứ Ba U được chuẩn bị khá quy mô, gồm có 3 khu:

- Khu Marseille (thành phố cảng của nước Pháp): nơi sản xuất vũ khí.

- Khu Paris (thủ đô của nước Pháp): khu hậu cần, dự trữ lương thực, thuốc men, may cờ, in tài liệu.

- Khu Đà Lạt: nơi trực tiếp đón các đồng chí từ ngoài vào dự họp.

Đồng thời, căn cứ Ba U còn là nơi huấn luyện quân sự, đào tạo cán bộ chỉ huy cho lực lượng vũ trang tỉnh.

1 giờ sáng ngày 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho bùng nổ. Đến 7 giờ sáng, từ căn cứ Ba U, một cánh nghĩa quân do đồng chí Nguyễn Thị Thập chỉ huy phối hợp với lực lượng du kích các xã Thân Cửu Nghĩa, Long An, Trung An mang theo cờ, khẩu hiệu, vũ khí thô sơ, nổi trống mõ, pháo tre tấn công đồn Chợ Bưng (xã Tam Hiệp).

Sau đó, cuộc khởi nghĩa Nam kỳ bị thực dân Pháp đàn áp khốc liệt. Tuy nhiên, tiếng vang của cuộc khởi nghĩa và căn cứ Ba U đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng nhân dân Mỹ Tho về ý chí đấu tranh kiên cường, dũng cảm, bất khuất của quân dân ta trong công cuộc giải phóng dân tộc.

**8.** **Bờ Cây Gừa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Bờ) + Thực vật (Cây gừa).

**- Bờ: là đường đi hẹp, bằng đất, dọc theo bờ ruộng, sông, rạch, kênh/kinh, mương,… Hiện nay, có nơi trải sỏi đỏ, đá cấp phối hay bê tông,…**

- Cây Gừa: là cây gỗ lớn, cao tới 25 m, được trồng lấy bóng mát, làm cây kiểng và có tác dụng chống xói mòn, sạt lỡ. Ngoài ra, rễ khí sinh và lá gừa còn là vị thuốc, chữa cảm mạo, sốt cao, viêm amidal, đau nhức khớp xương, thanh nhiệt, tiêu viêm, kháng sinh, làm ra mồ hôi và lợi tiểu.

Bờ Cây Gừa là đường đi hẹp có cây gừa to, thuộc xã Đông Hòa, huyện Châu Thành.

**9.** **Bờ Cỏ Sả**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình thiên nhiên (Bờ) + Thực vật (Cỏ sả).

- Cỏ sả: là loại cây thảo, lâu năm, thân cao tới 2 - 3m, không có thân bò, chỉ sinh nhánh và mọc thành bụi, có đặc tính sinh trưởng mạnh, năng suất cao, khả năng chịu hạn, chịu nóng và chịu bóng cây tốt, dễ trồng. Cỏ sả có tác dụng vừa phủ đất chống xói mòn và giữ ẩm, vừa được dùng làm thức ăn cho chăn nuôi gia súc, như bò, trâu, dê,… rất tốt.

Bờ Cỏ Sả là đường đi hẹp mà hai bên đường được trồng nhiều cỏ sả, thuộc xã Kim Sơn, huyện Châu Thành.

**10**. **Cầu Cây Me (xã Bàn Long, huyện Châu Thành)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây me).

Cầu Cây Me là cầu được xây dựng ở nơi có cây me to, thuộc xã Bàn Long, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2006, dài 46 m, ngang 4 m, kết cấu bê tông cốt thép, trọng tải 8 tấn.

**11.** **Cầu Dừa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây dừa).

Cầu Dừa là cầu được xây dựng ở nơi có cây dừa cao hoặc có nhiều cây dừa. Cầu Dừa nằm trên Đường tỉnh 867, km 03 + 626, dài 36 m, ngang 5 m, bắc ngang qua kênh/kinh Xáng trên địa bàn xã Long Định, huyện Châu Thành, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng trước năm 1975, nâng cấp năm 1991, tải trọng 25 tấn.

**12.** **Cầu Ván (xã Long Định, huyện Châu Thành)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu làm cầu (Ván: là tấm gỗ phẳng).

Lúc mới xây dựng, cầu được làm bằng ván gỗ. Cầu nằm trên Đường tỉnh 867, km 02+548, dài 24 m, ngang 5 m, bắc qua kênh/kinh Phủ Chung, xã Long Định, huyện Châu Thành, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng trước năm 1975, được nâng cấp năm 1982, tải trọng 16 tấn.

**13**. **Cầu Xoài Mút**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Xoài Mút: Xưa kia, ở vùng này có nhiều cây xoài rừng, trái nhỏ, hột to, cơm ít, muốn ăn được, sau khi gọt vỏ, phải đưa vào miệng mút. Rồi lần hồi dân gian gọi là Xoài Mút, cũng có người gọi là Xoài Hột. Xoài Mút thường để chỉ tên rạch, Xoài Hột là tên chợ: chợ Xoài Hột thuộc xã Thạnh Phú).).

Cầu nằm trên Đường tỉnh 864, km 03+587, dài 43,6m, ngang 7 m, bắc qua rạch Xoài Mút (rạch chảy qua vùng có nhiều cây xoài mút), thuộc xã Bình Đức, huyện Châu Thành, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng trước năm 1975, nâng cấp năm 1988, tải trọng 30 tấn.

# 14. Cổ Chi

Cổ Chi, có nơi đọc trại thành Củ Chi, là tên gọi dân gian đối với cây mã tiền.Cổ Chi là vùng đất có nhiều cây cổ chi (cây mã tiền). Theo *Địa bạ Minh Mạng* được lập năm 1836, Xứ Cổ Chi tọa lạc tại hai thôn Tân Hội Đông và Tân Lý Đông, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Hiện nay, Cổ Chi thuộc xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành.

# Cây mã tiền - *Strychnos nux-vomica* L, thuộc họ Mã tiền – *Loganiaceae*, thân gỗ cao 5-12m, có cây cao đến 25m. Hạt cây mã tiền chứa chất strychnine có độc tính cao, dân gian vẫn thường ngâm với rượu để xoa bóp, chữa các chứng nhức xương, cơ và khớp. Rượu không được uống.

Ngoài cách giải thích như trên, có ý kiến cho rằng, Cổ Chi thực ra là Cỗ Chi (chữ Cỗ có dấu ngã). Vào thời xưa, ở đây có ông hương chuyên lo nấu cỗ trong dịp hội hè đình đám của làng; và ông có tên là Chi, nên người dân gọi là ông Hương Cỗ Chi, sau đó, gọi tắt thành Cỗ Chi. Được biết, danh xưng “hương” là một chức việc của thôn xã dưới thời nhà Nguyễn và của làng thời Pháp thuộc. Cỗ là những món ăn bày thành mâm để cúng lễ ăn uống theo phong tục cổ truyền hoặc để thết khách sang trọng. Theo chúng tôi, cách giải thích này chưa hợp lý; vì hai lẽ sau đây:

- Thứ nhất, từ Cổ Chi, trong đó chữ Cổ có dấu hỏi, đã xuất hiện trong các văn bản thành văn từ rất sớm, như *Địa bạ Minh Mạng* được lập năm 1836, tài liệu *27 vị tử đạo tại Ba Giồng (Mỹ Tho)* của Linh mục M. Hamon (1882) hiện còn lưu trữ tại Hội Thừa sai Paris (Pháp), quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho* năm 1902.

- Thứ hai, từ Cỗ Chi, trong đó chữ Cỗ có dấu ngã, chỉ là câu chuyện mang tính chất truyền miệng. Cho đến bây giờ, sau nhiều chuyến đi điền dã, chúng tôi vẫn chưa tìm ra nhân vật có tên Chi một cách xác thực; hay nói cách khác, đó là một nhân vật “ảo”.

**15. Cống Cây Da**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thực vật (Cây da). Cống Cây Da là cống dẫn nước mà xưa kia có cây da mọc tại đó.

- Cống: Theo *Đại Nam quấc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Paulus Của, là “đàng (đường) nước xây dưới đất”. Theo *Địa chí Tiền Giang*, cống là công trình dẫn nước đến một nơi đã định (như cống thoát nước đô thị) hoặc điều tiết nước theo ý muốn (như cống thủy lợi). Cống thường được phân làm hai loại chính là cống ngầm và cống hở. Cống ngầm là cống nằm hoàn toàn trong lòng đất và mực nước bên trong nhiều khi chạm trần ống. Cống hở là cống có một mặt lộ thiên, trên đó thường được xây cầu, trần ống được thiết kế để mực nước không bao giờ chạm đến; đó là cống thủy lợi, loại cống này thường được bố trí thêm cửa và khe để điều tiết nước.

- Cây da: còn gọi là cây đa, có tên khoa học là Ficus bengalensis, là loài cây lớn nhất thế giới tính theo bề rộng thân và cành cây, với một số cây da cổ thụ có thể che phủ một diện tích tới vài trăm mét vuông. Ở Việt Nam, ý nghĩa biểu tượng của cây da là sự trường tồn, sức sống dẻo dai và tâm linh của con người. Nó còn gắn liền với hình ảnh của làng quê nước ta

Cống Cây Da là cống dẫn nước mà xưa kia có cây da mọc tại đó, tọa lạc tại xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành.

**16**. **Đường Cây Lim**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thực vật (Cây lim: là cây gỗ lớn, cao trên 30 m, được trồng làm bóng mát, vỏ chứa nhiều chất chát dùng để nhuộm; đặc biệt là dùng để lấy gỗ. Gỗ lim là loài gỗ cứng, chắc, nặng, không bị mối mọt; có màu hơi nâu đến nâu thẫm; có khả năng chịu lực tốt, thường được dùng làm cột, kèo, xà, cửa, lát sàn,... và các bộ phận cấu trúc trong các công trình xây cất theo lối cổ, làm đồ gia dụng như tủ thờ, tủ chè, giường, phản,...).

Đường Cây Lim là con đường mà xưa kia có cây lim to mọc tại đó, nay cây lim này đã chết. Đường Cây Lim có chiều ngang 2,5 m, dài 1,5 km, được trải nhựa. Hiện nay, trên con đường này còn có chợ Cây Lim, tọa lạc tại xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

**17. Đường Cây Mai**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Thực vật (Cây Mai).

- Cây Mai: có hai loại Bạch Mai và Hoàng Mai.

+ Bạch Mai: tên khoa học Ochrocarpus siamensis L., thuộc họ mù u Guttiferae, có hoa cánh nhỏ, trắng tinh khôi, thơm dịu và thanh khiết. Bạch Mai được dân gian gọi là Mai Mù U, còn sách vở thì gọi là Nam Mai. Trong quyển *Gia Định Thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức đã ghi: “*Mai Mù U tự linh khí mà sinh ra, không thể đem đi trồng nơi khác được*”.

+ Hoàng Mai: tên khoa học Ochnaceae, thuộc họ Mai vàng hay họ Lão Mai, có hoa cánh nhỏ, màu vàng rực, nở vào dịp Tết âm lịch, được xem là loài hoa tượng trưng cho mùa xuân ở miền Nam nước ta.

Theo chúng tôi, Cây Mai trong địa danh Đường Cây Mai là loài Bạch Mai (Mai Mù u/Nam Mai). Theo *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, ở thôn Tân Thuận, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay thuộc xã Bình Đức) có địa danh Xứ Nam Mai, vốn là Bạch Mai hay Mai Mù U. Ở Thành phố Hồ Chí Minh có hai địa danh Chùa Cây Mai và Gò Cây Mai là để chỉ loài Bạch Mai. Cảnh gò, chùa và cây mai ở đây đã trở thành đề tài xướng họa của nhiều thi nhân trong nửa đầu thế kỷ XIX.

Đường Cây Mai có chiều ngang 3 m, dài 2 km, được lát dal, là con đường mà xưa kia có cây Bạch Mai mọc tại đó, tọa lạc tại xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành. Tại đây, còn có địa danh kênh/kinh Cây Mai.

**18. Đường Truông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa hình tự nhiên (Truông: là vùng đất hoang, ngõ sâu hun hút, cây cối mọc um tùm, rậm rạp như rừng, thường có ở những vùng đất giồng).

Đường Truông tọa lạc tại xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành.

**19**. **Kênh/Kinh Cầu Sao**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sao: là loại cây thân gỗ lớn thuộc họ dầu, có gỗ rất cứng và chịu được nước, thường được dùng để đóng ghe xuồng).

### Kênh/Kinh Cầu Sao là con kênh chảy ngang qua cầu Sao tọa lạc tại Giồng Sao - giồng đất có nhiều cây sao.

### Kênh/Kinh này chảy qua hai huyện Tân Phước và Châu Thành, dài 13,3 km, rộng 35 m, sâu từ 3 - 4,5 m. Điểm đầu nối với Rạch Gầm, điểm cuối nối với kênh/kinh Cà Dăm.

### Ở phía bắc Quốc lộ 1, kênh/kinh Cầu Sao nối với kênh/kinh Bà Thước và kênh/kinh Kháng Chiến ở xã Điềm Hy và băng qua kênh/kinh Hai tại xã Nhị Bình rồi chảy xuống kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành.

Ở phía nam Quốc lộ 1, đoạn chảy qua xã Bình Trưng khá ngoằn ngoèo, trước khi nối vào rạch Gầm ở xã Vĩnh Kim, con kênh/kinh này chia nước cho nhiều kênh/kinh nội đồng trong khu vực và trở thành chi lưu quan trọng của Rạch Gầm.

**20**. **Kênh/Kinh Năn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Thực vật (Năn: là một loại cỏ mọc hoang trên những cánh đồng ngập nước. Củ của loại năn ngọt ăn được. Thịt củ màu trắng, giòn và có thể dùng để ăn sống, luộc, nướng, làm dưa món hoặc đóng hộp. Người ta còn nghiền củ năn ngọt thành bột để làm bánh).

### Kênh/Kinh Năn là con kênh chảy ngang qua những cánh đồng ngập nước, hoang hóa, có nhiều cỏ năn, dài 10,68 km, nối Ngã ba rạch Bến Chùa ở xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành với Ngã ba kênh/kinh Tháp Mười số 2 tại xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước.

**21. Khu phố Me**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố) + Thực vật (Cây me).

Năm 1781, lỵ sở dinh Trấn Định được dời từ thôn Tân Hiệp đến thôn Mỹ Chánh, chợ Mỹ Tho. Cũng theo đó, đồn Trấn Định tại thôn Tân Hiệp trở thành phế tích. Tại đây, trên bờ đồn đã bị phá vỡ, người dân trồng những hàng me vừa lấy bóng mát, vừa thu hoạch trái. Từ đó, thành địa danh.

Khu phố Me thuộc thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành; đông giáp Quốc lộ 1, tây giáp ấp Tân Lược 1, xã Tân Lý Đông, bắc giáp ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, nam giáp Khu phố Rẫy, cùng thị trấn; diện tích tự nhiên 5,67 ha; dân số (2019): 1.412 người, nam 642, nữ 770; được công nhận khu phố Văn hóa.

**22.** **Khu phố Rẫy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố) + Một loại hình đất đai (Rẫy: là đất trồng các loại hoa màu, như rau, củ, quả,…).

Khu phố Rẫy thuộc thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, là tổ chức dân cư mà xưa kia nơi đây người dân chủ yếu làm rẫy.

Khu phố Rẫy đông giáp Quốc lộ 1, tây giáp ấp Thân Đức, xã Thân Cửu Nghĩa, bắc giáp rạch Trấn Định, xã Tân Lý Đông, nam giáp ấp Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa; diện tích tự nhiên 33,7 ha; dân số (năm 2019): 1.757 người, nam 831, nữ 926; được công nhận khu phố văn hóa.

**23.** **Lộ Me**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Lộ: từ Hán Việt: 路 : Con đường) + Thực vật (Cây Me).

Lộ Me là con đường mà xưa kia có hai hàng me được trồng dọc theo hai bên đường hoặc có cây me to, chiều ngang 4 m, dài 5 km, mặt đường được trải nhựa, nối Đường tỉnh 876 với hai xã Song Thuận và Long Hưng, huyện Châu Thành.

**24. Lộ Xoài (xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Lộ) + Thực vật (Cây xoài).

Lộ Xoài là con đường mà trước kia có một cây xoài to ở tại đầu đường. Đây là con đường nội ấp (ấp 6, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành), chiều ngang 4 m, chiều dài 2 km, mặt đường được trải nhựa.

**25**. **Ngã Ba Chim Chim**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Vị trí (Ngã ba) + Thực vật (cây chân/chưn chim, gọi trại thành Chim chim: Theo y học cổ truyền, cây chân/chưn chim là loại cây có vị thuốc; vỏ thân và vỏ rễ dùng chữa sổ mũi, cảm cúm phát sốt, đau họng, phong thấp, đau nhức xương, té ngã tụ máu, sưng đau, tê liệt hoặc gân xương co quắp, viêm hạch bạch huyết cấp, phù thũng, giải độc; rễ dùng làm thuốc bổ, thuốc mát, thông tiểu tiện, thường gọi là Sâm nam hay Nam sâm; lá trị viêm da dị ứng, eczema, phỏng).

Ngày xưa, tại nơi đây có nhiều cỏ chân chim mọc; nên dân gian gọi là lộ Chân Chim, lâu ngày nói trại thành Chim Chim, tọa lạc tại nơi giáp ranh giữa xã Đông Hòa và xã Nhị Bình, huyện Châu Thành. Trước kia, Chim Chim là con lộ nối Tỉnh lộ 25 (nay là Đường tỉnh 876) với lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1). Trước năm 1880, Tỉnh lộ 25 là một trong những con đường huyết mạch nằm trong hệ thống lộ Đông Dương, chạy dọc theo sông Tiền, nối tỉnh lỵ Mỹ Tho đến Cai Lậy.

Ngã ba Chim Chim gắn liền với cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân huyện Châu Thành vào cuối tháng 12/1960. Sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang tập 2 (1954 – 1975)* viết về sự kiện này như sau: “Chào mừng sự kiện ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Mỹ Tho, phong trào nổi dậy đấu tranh của nhân dân diễn ra hết sức mạnh mẽ với nhiều hình thức phong phú, như tập trung đưa đơn, đi chợ nhồi, mít tinh, biểu tình,… Tiêu biểu có cuộc biểu tình được tổ chức ở ngã ba Chim Chim, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành có 15.000 người tham gia chống địch càn quét, bắn phá ruộng vườn và khu dân cư. Mặc dù địch khủng bố dã man, bắn chết 2 người, 13 người khác bị thương, nhưng quần chúng vẫn giữ vững đội ngũ và đấu tranh quyết liệt. Trước sức mạnh của quần chúng, tên quận trưởng buộc phải đồng ý bồi thường sinh mạng và ra lệnh phạt bọn lính ở ngã ba Chim Chim để xoa dịu phong trào”.

Tại ngã ba Chim Chim, sự kiện này đã được dựng bia để ghi dấu cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân ta, đồng thời tố cáo tội ác của kẻ địch.

Hiện nay, ngã ba Chim Chim còn được gọi tên là ngã ba Đông Hòa (lấy tên xã Đông Hòa), thuộc huyện Châu Thành, nối liền Quốc lộ 1 với Đường tỉnh 876, vô Chợ Giữa (Vĩnh Kim).

**\* Địa hình thiên nhiên, động vật:**

1. **Cầu Ô Thước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Điển tích (Chim quạ bắc cầu Ô Thước để Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau).

- Xuất xứ của điển tích chim quạ bắc cầu Ô Thước để Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau:

Ngưu Lang là vị thần chăn trâu của Ngọc hoàng thượng đế, vì say mê một tiên nữ phụ trách việc dệt vải tên là Chức Nữ nên bỏ bê việc chăn trâu, để trâu đi nghênh ngang vào điện Ngọc Hư. Chức Nữ cũng vì mê tiếng tiêu của Ngưu Lang nên trễ nải việc dệt vải. Ngọc Hoàng giận giữ, bắt cả hai phải ở cách xa nhau, người đầu sông Ngân, kẻ cuối sông Ngân.

Sau đó, Ngọc Hoàng thương tình nên ra ơn cho hai người mỗi năm được gặp nhau một lần vào đêm ngày 15 tháng Bảy âm lịch. Khi tiễn biệt nhau, Ngưu Lang và Chức Nữ khóc sướt mướt. Nước mắt của họ rơi xuống trần hóa thành cơn mưa và được người dưới trần gian đặt tên là mưa Ngâu. Thời bấy giờ, sông Ngân trên thiên đình không có một cây cầu nào cả nên Ngọc Hoàng mới ra lệnh cho làm cầu để Ngưu Lang và Chức Nữ được gặp nhau. Các phường thợ mộc ở trần thế được vời lên trời để xây cầu. Vì mạnh ai nấy làm, không ai nghe ai, nên đến kỳ hạn mà cầu vẫn không xong. Ngọc Hoàng bực tức, bắt tội các phường thợ mộc hóa kiếp làm quạ lấy đầu sắp lại làm cầu cho Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau.

Vì thế, cứ tới tháng bảy là loài quạ phải họp nhau lại để chuẩn bị lên trời bắc Ô kiều (cầu Ô). Khi gặp nhau, nhớ lại chuyện xưa nên chúng lại lao vào cắn mổ nhau đến xác xơ lông cánh. Ngưu Lang và Chức Nữ lên cầu, nhìn xuống thấy một đám đen lúc nhúc ở dưới chân thì lấy làm gớm ghiếc, mới ra lệnh cho đàn chim ô thước mỗi khi lên trời làm cầu thì phải nhổ sạch lông đầu. Từ đó, cứ tới tháng bảy thì loài quạ lông bị xơ xác, đầu thì rụng hết lông.

Tuy nhiên, sau một thời gian vì cảm thương cho sự chia lìa của cặp vợ chồng, Ngọc Hoàng đã trả lại hình hài cho những người thợ mộc và ra lệnh họ phải làm một cây cầu thật vững chắc để Ngưu Lang và Chức Nữ có thể gặp nhau. Từ đó, Ngưu Lang và Chức Nữ được sống bên nhau.

Có dị bản khác cho rằng tên gọi của Ô kiều là cầu Ô Thước do chim Ô (quạ) và chim Thước (chim Khách) kết cánh tạo ra.

Chuyện Ngưu Lang - Chức Nữ đã đi vào rất nhiều tác phẩm văn học để chỉ sự xa cách trong tình yêu.

*Truyện* *thơ Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu viết:

*Hữu tình chi bấy Ngưu lang,*

*Tấm lòng Chức Nữ vì chàng mà nghiêng.*

Còn trong *Quan Âm Thị Kính:*

*Thiệt công ô thước bắc cầu,*

*Chàng Ngưu Ả Chức giã nhau từ rày.*

Chuyện tình Ngưu Lang Chức Nữ không chỉ xuất hiện trong văn học trung đại mà còn ở rất nhiều tác phẩm hiện đại. Nhà thơ Tản Đà viết:

*Trên trời Chức Nữ cùng Ngưu Lang,*

*Một dải sông Ngân lệ mấy hàng…*

Nhà thơ Lưu Trọng Lư trong bài *Một mùa đông* cũng có viết:

*Đây là giải Ngân hà,*

*Anh là chim Ô thước.*

*Sẽ bắc cầu nguyện ước,*

*Một đêm một lần qua.*[[11]](#footnote-11)

Cầu Ô Thước là cầu được đặt tên theo điển tích nêu trên. Theo GS.TS Trần Văn Khê, tên Ô Thước là do một nhà văn - nhà thơ ở địa phương là Khổng Nghi đặt[[12]](#footnote-12).

Cầu tọa lạc tại xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, bắc ngang qua rạch Gầm, xây dựng trước năm 1975, được nâng cấp năm 1996, được làm bằng thép gỗ, bề ngang khoảng 2,5 m, dài khoảng 60 m.

**2.** **Cầu Trâu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động vật (Trâu).

Cầu Trâu là cạnh cầu có bến nước để trâu đến tắm và uống nước, tọa lạc tại ấp Trung, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành. Tại đây, còn có đường Cầu Trâu.

**3.** **Chợ Ông Hổ**

**Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động vật (Ông Hổ).**

**Về danh xưng Ông Hổ là do thời xưa, khi mới khai khẩn vùng đất này, cọp có khá nhiều và đe dọa cuộc sống của người đi khai hoang. Theo tín ngưỡng dân gian, d**o sợ cọp (còn gọi là hổ, hùm, ông ba mươi) nên ở trong đình làng, về phía trái sân đình, cư dân lập miếu thờ cọp, tôn cọp làm thần với danh hiệu “Sơn quân chi thần”, “Chúa xứ sơn lâm” hay “Sơn Lâm chúa tể”. Cư dân còn bầu cọp làm Hương Cả của thôn làng; và có tục gọi cọp là “Ông”: Ông Hổ. Dân gian có tục lệ là vào ngày mùng ba Tết Nguyên đán, sau khi cúng tiễn ông bà xong, người ta thường dán trước cửa nhà một mảnh giấy hồng điều có vẽ hình cọp với dòng chữ Hán “Sơn lâm đại tướng quân” với lòng mong muốn là “Ông Hổ” sẽ trấn giữ không cho ma quỷ, tà khí vào nhà, bảo hộ cho gia chủ.

**Chợ Ông Hổ** tọa lạc tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành; **nằm bên cạnh rạch và cầu Ông Hổ. Đây là chợ nhỏ, không có nhà lồng, chủ yếu bán thực phẩm, chỉ hoạt động vào buổi sáng.**

**4**. **Miếu Ông Cọp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Miếu) + Động vật (Cọp).

Thời xưa, ở xã Long Hưng có Hương cả Ngô Ngọc Lựu, tục gọi là Cả Lựu. Năm 1833, nhân việc vua Minh Mạng trả thù Tả quân Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt vì có con nuôi là Lê Văn Khôi khởi binh chống lại triều đình, Cả Lựu lợi dụng quyền thế ở địa phương chiếm đoạt ruộng đất của gia đình Lê Văn Duyệt, trở thành đại địa chủ lớn nhất ở vùng này. Cả Lựu có con là Ngô Ngọc Quang, giữ chức Cai tổng dưới thời Pháp thuộc, đồng thời được chính quyền thực dân ban tước huyện hàm, nên tục gọi là Huyện Trụ. Hai cha con Cả Lựu và Huyện Trụ là cường hào ác bá ở địa phương, đàn áp, giết hại, vơ vét, bóc lột nông dân đến tận xương tủy.

Sống giữa oán thù chất ngất như thế, Cả Lựu và Huyện Trụ vô cùng lo sợ, nên cho xây dựng nhà ở thành một dinh thự rất kiên cố, giống như một pháo đài, có gia nô được trang bị súng bảo vệ ngày đêm. Đồng thời, về mặt tâm linh, để trấn ngự những oan hồn đã bị đè nén, dồn đến đường cùng phải chết, hai cha con cho lập một ngôi miếu thờ cọp ở ngay trước cổng nhà, làm nhiệm vụ như là một tiền án, ngăn chặn từ xa. Tác giả Trần Văn Sanh trong bài *Hai khu mộ trăm năm cô đơn* được in trong quyển *Đất Long Hưng* cho biết: “*Cái miếu bề ngoài âm u như một cảnh dưới địa ngục. Bên trong vẽ một thần Hổ, dáng dữ tợn, mắt như tóe lửa, miệng há ra đỏ lòm như máu, ba chân trụ xuống đất, một chân giơ lên như sẵn sàng xé xác kẻ nào dám đụng đến sự an toàn của chủ gia*”.

Miếu Ông Cọp là miếu thờ cọp, thuộc xã Long Hưng, huyện Châu Thành.

**5. Kênh/Kinh Cầu Voi**

### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Công trình xây dựng (Cầu) + Động vật (Voi).

### Kênh/Kinh Cầu Voi là con kênh/kinh chảy ngang qua cầu mà vào thời xưa nơi đây là một bến nước có nhiều voi đến tắm và uống nước.

Kênh/Kinh Cầu Voi được đào năm 1947, nhằm phục vụ cho công tác thủy lợi và công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại địa phương. Kênh/Kinh dài khoảng 2 km, ngang khoảng 15 m, chảy trên địa bàn xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành nối với kênh/kinh Đào của xã Long Hưng cùng huyện.

**6. Khu phố Cá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Khu phố) + Động vật (Cá).

Nguyên ở đây, vào thời xưa, tại chỗ giao nhau giữa rạch Trấn Định và kênh/kinh Bảo Định, ghe thuyền chở cá từ các nơi theo kênh/kinh Bảo Định đến đây neo đậu để chuyển cá lên bờ tiêu thụ; sau đó, nơi này được đặt địa danh như thế.

Khu phố Cá thuộc thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, đông giáp ấp Hòa Ninh, xã Hòa Tịnh, tây giáp Quốc lộ 1, bắc giáp ấp Cửu Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, nam giáp khu phố Ga, cùng thị trấn; diện tích tự nhiên 276 ha; dân số (2019): 2.047 người, nam 973, nữ 1.074; được công nhận khu phố văn hóa.

**7.** **Trại rắn Đồng Tâm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trại) + Động vật (Rắn) + Tên căn cứ quân sự của quân đội Mỹ và quân đội Sài Gòn từ năm 1967 - 1975 (Đồng Tâm).

Trại rắn Đồng Tâm có tên đầy đủ là Trung tâm nuôi trồng, nghiên cứu, chế biến dược liệu Quân khu 9. Trại rắn được thành lập năm 1977; tọa lạc tại xã Bình Đức, huyện Châu Thành, cách thành phố Mỹ Tho khoảng 8 km và Quốc lộ 1 khoảng 5 km.

Với tổng diện tích là 15 ha, Trại rắn Đồng Tâm đã được nhân dân khắp nơi biết đến với tính cách là nơi nuôi rắn có quy mô lớn nhất ở Việt Nam. Hiện nay, Trại rắn có khoảng hàng ngàn con rắn các loại, nhiều nhất là hổ mang, hổ chúa, hổ mèo, mái gầm (cạp nong), lục đầu dồ, rắn ráo,... Đây là những loại rắn cực độc, nhưng rất có giá trị trong nghiên cứu khoa học và khai thác nọc để phục vụ cho điều, chữa trị bệnh. Đàn rắn bảo tồn có khoảng 200 con hổ chúa, trong đó có gần 10 con lớn, mỗi con dài từ 3 m - 4 m, nặng từ 8 kg - 10 kg.

Năm 1996, Trại rắn xây dựng Nhà bảo tàng chuyên ngành rắn, được xem là đầu tiên và lớn nhất ở Việt Nam. Nhà bảo tàng đã lưu mẫu hầu hết các loại rắn ở nước ta, có tác dụng thiết thực trong công tác nghiên cứu khoa học, học tập và tham quan.

Bên cạnh đó, Trại rắn còn là nơi điều trị nạn nhân bị rắn độc cắn. Đa số bệnh nhân ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, một số tỉnh miền đông Nam bộ và cực nam Trung bộ. Mỗi năm, Trại rắn đã tiến hành cấp cứu và điều trị miễn phí (trừ thuốc kháng huyết thanh) từ 400 - 500 ca bị rắn độc cắn. Năm 2005, Trại rắn được đầu tư 3,5 tỷ đồng để xây dựng Khoa điều trị bệnh nhân bị rắn cắn và Xí nghiệp bào chế Đông dược. Đặc biệt, từ năm 2000 - 2020, Trại rắn đã điều trị thành công 100% các ca bị rắn độc cắn, không có ca nào bị tử vong.

Ngoài ra, Trại rắn còn đầu tư nuôi một số loài động vật quý hiếm khác, như trăn, gấu, đà điểu, nai, cá sấu, nhím, khỉ, vượn, cua đinh,... Đàn ong mật của Trại rắn có đến 600 đàn, hàng năm cho khoảng 300 tấn mật.

Trại rắn còn thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ; và từ đó đã bào chế thành công nhiều loại thuốc y dược học dân tộc cổ truyền, tạo được hiệu quả cao trong chữa trị bệnh, phục vụ cho nhu cầu của nhân dân, sản xuất kinh doanh và quốc phòng, như cao trăn, cao rắn, cao khỉ, rượu rắn, mỡ trăn, thuốc xoa nọc rắn, rượu hội, viên điều trị rắn độc cắn, bột rắn lục, bột rắn hổ mang,... Đồng thời, Trại rắn còn là địa điểm tham quan rất độc đáo và lý thú, mỗi năm thu hút hàng trăm ngàn du khách trong và ngoài nước đến thưởng ngoạn.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh tỉnh:**

**1. Đạo Trường Đồn**

長 Trường: Lâu dài.

敦 Đồn: Đồn trú

長敦道 Trường Đồn Đạo

Năm Nhâm Tý (1772), chúa Nguyễn Phúc Thuần quyết định thành lập tại Mỹ Tho một đơn vị hành chính mang tính quân quản là đạo Trường Đồn. Đứng đầu đạo Trường Đồn có một quan võ cấp Cai cơ (hoặc Cai đội), một quan văn cấp Thư ký và lực lượng tinh binh, thuộc binh. Lỵ sở đạo Trường Đồn đặt tại giồng Kiến Định (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành).

Năm 1776, nghĩa quân Tây Sơn tiến vào Nam, chiếm đạo Trường Đồn, chính quyền của chúa Nguyễn tan rã. Theo một tấm bia khắc đời Cảnh Thịnh hiện còn lưu tại Hà Nội và quyển *Lê Quý kỷ sự*, vùng Mỹ Tho - Gò Công được nhà Tây Sơn lập huyện Vĩnh Định thuộc phủ Tây Định[[13]](#footnote-13).

**2. Dinh Trường Đồn**

営 Dinh

長 Trường: Lâu dài.

敦 Đồn: Đồn trú.

長敦営 Trường Đồn Dinh

Năm Mậu Tuất (1778), Nguyễn Phúc Ánh chiếm lại đạo Trường Đồn. Năm Kỷ Hợi (1779), ông cho bãi bỏ các kho biệt nạp, điều chỉnh lại địa giới hành chính ở Nam Bộ, lập dinh Trường Đồn. Đặt các chức Lưu thủ, Ký lục, Cai bạ[[14]](#footnote-14) để cai trị. Lỵ sở dinh Trường Đồn vẫn đặt tại giồng Kiến Định.

Dinh Trường Đồn không có “phủ” mà chỉ có một “huyện”, đó là huyện Kiến Khương (Kiến Khang, tương ứng với tỉnh Tiền Giang, một phần tỉnh Bến Tre và một phần tỉnh An Giang ngày nay), có ba thuộc[[15]](#footnote-15). Đứng đầu thuộc có chức Cai thuộc (phụ trách chung), Thuộc lại, Ký thuộc chuyên trách việc thuế khóa, từ tụng. Ba thuộc là:

- Thuộc Kiến Hưng: gồm vùng đất khai phá sớm, dọc theo Ba Giồng (nay là vùng đất từ thành phố Tân An, tỉnh Long An qua thị trấn Tân Hiệp và đến vùng Rạch Gầm, huyện Châu Thành).

- Thuộc Kiến Hòa: tương ứng hiện nay là vùng đất từ Chợ Cũ (thành phố Mỹ Tho) đến Chợ Gạo, Gò Công,... bao gồm luôn cả hai huyện Châu Thành và Bình Đại của tỉnh Bến Tre.

- Thuộc Kiến Đăng: bao gồm khu vực Cai Lậy, Cái Bè (tỉnh Tiền Giang), Cao Lãnh đến Hồng Ngự (tỉnh Đồng Tháp), Chợ Mới (tỉnh An Giang ) ngày nay. Thuộc Kiến Đăng đến giữa thế kỷ XVIII vẫn còn là vùng biên địa, việc khai hoang vẫn đang được tiếp diễn.

**3. Dinh Trấn Định**

営 Dinh

鎮 Trấn Chỗ chợ đông đúc, khu vực hành chánh dưới cấp Huyện

定 Định

鎮定営 Trấn Định Dinh

Năm 1781, chúa Nguyễn Phúc Ánh cho đổi tên dinh Trường Đồn thành dinh Trấn Định. Lỵ sở của dinh Trấn Định đặt tại giồng Kiến Định (nay thuộc thị trấn Tân Hiệp). Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, gò Kiến Định là *“gò đống rộng lớn, cây cối sum suê, chỗ khởi lên chỗ phục xuống, tiếp tục nối liền, trước có đại giang* (tức sông Tiền) *ngăn trở, sau tựa Chằm Mãng Trạch* (tức Đồng Tháp Mười)*”*.

Sau đó, lỵ sở của dinh Trấn Định được dời sang thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho (thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An; nay là khu vực Chợ Cũ thuộc các phường 2, 3, 8, TP Mỹ Tho), gồm có 1 phủ là Kiến An, 3 huyện là Kiến Đăng, Kiến Hưng và Kiến Hòa, 6 tổng là Kiến Phong, Hòa Bình, Kiến Thuận, Hưng Xương, Kiến Thạnh và Kiến Lợi, 314 thôn ấp.

Năm 1792, thành của dinh Trấn Định, còn gọi là đồn Mỹ Tho, được xây dựng. Thành này do Trần Văn Học vẽ kiểu theo mô hình thành Vauban của Pháp. Khi hoàn tất việc xây dựng, đích thân chúa Nguyễn Phúc Ánh đã đến dự lễ khánh thành.

Theo *Gia Định thành thông chí*, thành dinh Trấn Định “*được đắp bằng đất, có dạng hình vuông, chu vi 998 tầm (2.430,13 m[[16]](#footnote-16)), có mở hai cái cửa ở phía tả và phía hữu, nơi cửa có cầu treo bắc ngang hào, hào rộng 8 tầm (19,48 m), sâu 1 tầm (2,435 m), bốn mùa nước ngọt có nhiều tôm cá, dưới cầu có dòng nhỏ để thông với sông lớn Mỹ Tho, ngoài hào có đắp lũy đất, có cạnh góc lồi lõm như hình hoa mai, chân lũy mặt tiền ra 30 tầm (73,05 m) thì đến sông lớn. Trong đồn có kho gạo, kho thuốc súng, trại quân và súng lớn, tích trữ đầy đủ, nghiêm túc, mặt sông rộng lớn. Năm Giáp Dần 1794 trên đồn có đặt súng lớn...*”.

Theo quyển *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn thì “*tháng giêng năm Nhâm Tý (1792), vua (tức Nguyễn Phúc Ánh) sai đắp thành Mỹ Tho. Thành được đắp bằng đất, góc thành có dạng như hoa mai, chu vi 499 trượng (khoảng 2.430,13 m[[17]](#footnote-17)), phát quan quân các dinh đến ứng dịch, vua ngự đến xem*”.

Còn quyển *Đại Nam nhất thống chí* (*phần tỉnh Định Tường*) của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “*Bảo cũ Mỹ Tho (tức thành dinh Trấn Định) ở địa phận huyện Kiến Hòa, cách lỵ sở tỉnh Định Tường chừng một dặm về phía Đông. Chu vi chừng 4 dặm, mở hai cửa tả hữu. Hào rộng 4 trượng, ngoài cửa có bắc cầu treo. Ngoài cửa hào có dạy đắp bằng đất có góc như hình con hổ. Bảo được dựng từ năm Nhâm Tý (1792) đầu đời trung hưng*”.

Vị trí của thành dinh Trấn Định phỏng đoán nằm lọt khung giữa các con đường Đinh Bộ Lĩnh (nam) - Nguyễn Huỳnh Đức (tây) - Học Lạc (bắc) - Thái Sanh Hạnh (đông) thuộc phường 8, phường 9, TP Mỹ Tho hiện nay. Thành có hai cửa: cửa tả, phỏng đoán tại ngã ba đường Học Lạc - Nguyễn Văn Nguyễn; cửa hữu, phỏng đoán tại ngã ba đường Đinh Bộ Lĩnh - Nguyễn Văn Nguyễn.

Liên quan đến địa danh dinh Trấn Định có bài thơ *Trấn Định xuân canh* do Trịnh Hoài Đức sáng tác năm 1794 khi ông được cử làm Ký lục dinh này. Bài thơ ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, tinh thần lao động hăng say và cuộc sống yên bình, an lạc của nhân dân dinh Trấn Định xưa:

TRẤN ĐỊNH XUÂN CANH

Trấn Định xuân hồi biến ngạn nhai,

Dân xu Nam mẫu[[18]](#footnote-18) lực tương giai.

Quán thông hồ thỉ điền trung hức,

Lê phá đào hoa vũ hậu cai.

Mục địch bối hoành ngưu trạc trạc,

Tiều ca thanh học điểu hài hài.

Đương gia lão đại cung canh chức,

Quỹ hưởng tang âm xuất tiểu oa.

Dịch thơ của Hoài Anh:

CÀY MÙA XUÂN Ở TRẤN ĐỊNH

Xuân về bến đẹp bờ tươi,

Ruộng phía nam sức bao người dồn ra.

Tưới thông mương máng chan hòa,

Sau mưa cày gốc cây già bật tung.

Trẻ chăn trâu sáo ngang lưng,

Tiếng chim hòa tiếng ca lừng tiều phu.

Người lớn dệt vải cày bừa,

Rẽ dâu, đứa trẻ cơm đưa ra đồng.

Ngoài ra, ông còn sáng tác bài thơ Mỹ Tho dạ vũ khi thành dinh Trấn Định (thành Mỹ Tho) được xây dựng:

MỸ THO DẠ VŨ

Trạc anh[[19]](#footnote-19) xướng bãi nguyệt trầm tê (tây),

Tiêu tích Tho giang[[20]](#footnote-20)vũ chính thê.

Hòe thị[[21]](#footnote-21) trào đôi du[[22]](#footnote-22) giáp quán,

Tông kiều[[23]](#footnote-23) vân ủng thạch ngưu[[24]](#footnote-24) nê.

Quang hàn liễu[[25]](#footnote-25) phố ngư thuyền hỏa,

Thanh thấp mai thành[[26]](#footnote-26) thú trại bề.

Vạn khoảnh minh triêu trình hợp dĩnh,

Tang lâm[[27]](#footnote-27) vô sự đảo kiền tê.

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

MƯA ĐÊM Ở MỸ THO

Khúc “giặt dải mũ” hát xong,

Nhìn ra trăng đã lặn vùng trời tây.

Chợ Hòe triều mới dâng đầy,

Quả du dồn đống phơi bày đường trơ.

Cầu Tông mây phủ mịt mờ,

Che hình trâu đá sau mưa lấm bùn.

Lửa thuyền chài bến liễu vờn,

Thành mai vọng gác trống dồn tong tong.

Sáng nom lúa trỗ đòng đòng,

Cần chi cầu đảo nhọc lòng rừng Tang.

Bản dịch thơ của Huỳnh Minh Đức:

MƯA ĐÊM Ở MỸ THO

Hát khúc “trạc anh”, trăng gác tê,

Mưa đêm sông Mỹ kéo lê thê.

Nước giăng Hòe thị, du thành đống,

Mây phủ Tông kiều, trâu bị che.

Bến liễu, lửa chày soi bóng lạnh,

Thành mai, tiếng trống vọng tư bề.

Sáng mai lúa trổ tràn đồng ruộng,

Đâu phải Tang Lâm đợi mưa về.

**4.** **Trấn Định Tường**

鎮 Trấn: Chỗ chợ đông đúc, khu vực hành chánh dưới cấp Huyện.

定 Định: Yên ổn, không thay đổi.

祥 Tường: Tốt, lành.

定祥鎮: Định Tường Trấn

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên vua, xưng đế hiệu là Gia Long. Năm 1806, nhà vua cho đổi huyện Kiến Khương (thuộc dinh Trấn Định) thành huyện Kiến An.

Năm 1808, đơn vị **dinh** được đổi thành **trấn**. Lúc bấy giờ, ở Nam kỳ có 5 trấn: Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Long và Hà Tiên; 5 trấn này thuộc thành Gia Định. Đứng đầu thành Gia Định có các chức Tổng trấn, Phó Tổng trấn và Hiệp trấn.

Tỉnh Tiền Giang ngày nay, lúc đó, được gọi là trấn Định Tường. Đồng thời, vua Gia Long còn cho thăng huyện Kiến An thành phủ Kiến An, thăng 3 thuộc Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng thành 3 huyện Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng.

Đứng đầu trấn Định Tường là Trấn thủ. Dưới có các chức vụ Thư ký (phụ trách công việc hành chính), Cai án (phụ trách công việc tư pháp), Tri bạ (phụ trách công việc ruộng đất, hộ khẩu), Ty Xá sai (phụ trách việc văn án, từ tụng) và Ty Tướng thần lại (phụ trách lương thực, thuế khóa). Sau đó, hai Ty Xá sai và Tướng thần lại được đổi thành hai Ty Tả thừa và Ty Hữu thừa.

Dưới trấn có phủ, huyện, tổng và thôn. Đứng đầu phủ có viên Tri phủ; đứng đầu huyện có viên Tri huyện.

Theo quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, năm 1808, trấn Định Tường có: 1 phủ, 3 huyện, 6 tổng, 313 thôn và 1 ấp.

Phủ Kiến An

Phủ Kiến An có 3 huyện:

1. Huyện Kiến Hưng: có 2 tổng, 76 thôn. Lỵ sở đóng tại thôn Tân Lý Tây (nay thuộc huyện Châu Thành). Hai tổng[[28]](#footnote-28)1 gồm:

+ Tổng Kiến Thuận (nay thuộc vùng thành phố Mỹ Tho và vùng nam huyện Châu Thành), có 39 thôn (Thới sơn, Phú An Tây, Phú An Lộc, Điều Hòa giang trạm, An Đức Chánh, Bình Tạo, An Hòa, Trung Lương, Đạo Ngạn, An Đức Đông, Long Hội, An Vĩnh, Cửu Viễn, Ngãi Hữu, Thân Nhơn, An Thới, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Thạnh, Tân Thạnh Trung, An Phước, Tân An, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Bình Thuyên/Toàn Đông, Tân Đức Đông, Tân Đức Chánh, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Long Hưng, Bình Đông, Bình Toàn Tây, Hữu Đạo, Bình Sơn, Mỹ Điền, Tân Phú Sơn, Phú Hòa, Tân Hưng).

+ Tổng Hưng Xương (nay thuộc vùng bắc huyện Châu Thành đến bờ sông Vàm Cỏ - Long An) có 37 thôn (Hòa Mỹ, Tân Hiệp, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương Tây, Tân Hương, Tân Hương Trung, Nhơn Hậu, Nhơn Lợi Lương Hòa - Lương Thạnh nhị thôn, Bình Quân, Nhơn Lý Tây, Bình Định, Nhơn Nhượng, Xuân Sanh, Nhơn Hậu Đông, Bình An, Nghĩa Lợi, Dương Hòa, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Vĩnh Hòa, Phú Mỹ, Vĩnh Hòa Đông, Mỹ Thạnh, Long Định, Tường Khánh, Bình An Đông, Phú Khương, Phú Thượng, Thân Hòa, Đông An, Mỹ Phước, Đông An (mới lập), Thân Đông, Chánh Đông Trung, Tân Thanh, Tuyên Thạnh).

2. Huyện Kiến Hòa: có 2 tổng, 150 thôn, 1 ấp. Lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Hóa (nay thuộc xã Mỹ Phong - thành phố Mỹ Tho). Hai tổng[[29]](#footnote-29)2 gồm:

+ Tổng Kiến Thạnh (nay thuộc vùng đất từ Mỹ Tho, Chợ Gạo đến huyện Vàm Cỏ - Long An) có 65 thôn (Mỹ Chánh, Phú Hội, Mỹ Hóa, Bình Hài, Bình Phong, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Hạnh, An Hòa, Lương Phú, Phú An, Phú Đức, Mỹ Trung, Bình Trung, Bình Phú, Bình Trị, Nhơn Nghĩa, Phú Lộc, Bình Cang, Bình Nguyên, Bình Tâm, Phú Long, Bình Quới, Phú Đa, Bình Hiệp, Bình Định Đông, Bình Công Tây, Ái Nghĩa, Tân Nho, Tân Hòa, Bình Thạnh, Đông An, Tân Xuân, Tân Thạnh, Bình An, Bình Dương, Nhựt Tân, An Khương, Phú Hòa, Phú Xuân, Bình Phước, Tân Long Hưng, Tân Hội, Tân An Tây, Tân Thủy, Phú Tây, Bình Thuận, Mỹ Đức, Thanh Xuân Đông, Bình Thới, Tân An, Tân Giang, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Tân Mỹ, Tân Thạnh Lợi, Hưng Nghĩa, Long Trì, Long Hựu, Tân Tĩnh, Điền Trang, Bình Thời, Mỹ Thuận, Tân Hưng).

+ Tổng Hòa Bình (nay là vùng đất Gò Công (tỉnh Tiền Giang) và hai huyện Bình Đại, Châu Thành (tỉnh Bến Tre), có 85 thôn, 1 ấp (Bình Phú Đông, Bình Xuân, Bình Sơn, Tân Hóa, Long Thạnh, Bình Phương (Phan), Bình Hưng, Bình Quang, Thuận Hòa, An Định, Bình Thạnh, Toàn Thạnh, Bình Thủy, Bình Phục Nhứt, Bình Phục Nhứt Đông, Bình Phục Nhị, Bình Phú Chánh, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh An, Vĩnh Thạnh, Bình Long (Luông) Tây, Bình Long (Luông), An Long (Yên Luông) Đông, An Long (Yên Luông) Tây, Tân Cang (Cương), Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Bình Nghị, Bình Ân, Tăng Huy - An Hòa, Toàn Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Dương Phước, Tân Long (Luông), Bình Thuận Đông, Bình Thuận Tây, Bình Thạnh Đông, Bình Công, Tân Phú, Miễu Ông, Giao Long, Phước An Đông, Phước Hòa, Tân Thạch - An Hồ, Phước Thới, Phước Hậu, Phú Vinh (Vang), Huỳnh Long - Quới Sơn, Phú Anh Thạnh, Phú An Hòa, An Hải, Giao Hòa, An Hòa Tân, Long Phụng, Phú Thuận, Thanh Long - Long Thạnh nhị thôn, Phú Mỹ, Châu Hưng, Thới Long, Vang Quới, Lộc Thuận, Tân Định, Tân Hội, Phú Hòa, Phước Thuận, Lương Thạnh, Bình Đại, An Lộc Tân, Thới Hòa, Vinh Thạnh, Tân Phong, Long Thới - Long Hòa, Phước Toàn, Phước Định, Phú Thạnh, Phước Hạnh Tây, Phú Mỹ, Phước Hạnh, Long Hưng, Bình Thành Đông, Phước Hạnh Đông, Vĩnh Đức Hòa, ấp An Hòa).

3. Huyện Kiến Đăng: có 2 tổng, 87 thôn, lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Đức Đông (vàm Cái Thia - nay là xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè). Hai tổng gồm:

+ Tổng Kiến Lợi: (nay là vùng Cai Lậy, một phần huyện Châu Thành) có 44 thôn (Kim Sơn, Giao Long, Phú Phong, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Trung, Mỹ Đông Chánh, Mỹ Hòa, Mỹ Đông Trung, Mỹ Đông, An Thủy Đông, Long Phú, Hòa An, An Thủy Tây, Tân Sơn, Long Điền, Mỹ Quới, Mỹ Ân, Trà Luật, Mỹ An, Phú Long, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Mỹ Trinh, Tân Hội, Tân Hòa, Tân Thuận, Hữu Hòa - Thanh Sơn, Hội Sơn, Xuân Sơn, Cẩm Sơn, Phú Nhuận Đông, Bình Chánh Tây, Phú An, Bình Phú, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Tây, Phước An, Phú Mỹ, Đông An, An Mỹ, Bình Hiệp, Mỹ Hưng).

+ Tổng Kiến Phong (nay là vùng Cái Bè, Cao Lãnh và Chợ Mới - An Giang) có tất cả 43 thôn (Tân Đức, Tân Hiệp, Tân Phú Sơn, An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, Mỹ Chánh, Mỹ Thạnh, Hòa Mỹ, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Mỹ Hòa, Mỹ Lương, An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, Mỹ Thuận, Mỹ An Đông, Thanh Hưng, Mỹ An Tây, An Mỹ, Mỹ Luông, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Mỹ Đảo, Mỹ Lộc, Mỹ Định, Mỹ Trà, Mỹ Nghĩa, Tân An, An Bình Long, Tân Mỹ, Tân Phú, Tân Thạnh, Tân An, Tân Khánh, Tân Phú Đông, Tân Phú Tây).

+ Thành trấn Định Tường: Năm Bính Tuất (1826), lỵ sở trấn Định Tường được dời từ thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho (huyện Kiến Hòa, nay thuộc khu vực Phường 2 và Phường 8, TP Mỹ Tho) về ranh thôn Điều Hòa và thôn Bình Tạo (huyện Kiến Hưng, nay thuộc khu vực các Phường 1, 4, 7, TP Mỹ Tho ). Theo đó, thành Định Tường được dựng lên. Thành này do Tổng trấn thành Gia Định Lê Văn Duyệt trực tiếp chỉ huy khoảng 11.000 nhân công xây dựng. Theo quyển Đại Nam nhất thống chí, thành Định Tường được đắp bằng đất, hình vuông, chu vi 320 trượng (khoảng 2.000 m), cao 9 thước 5 tấc (khoảng 4,5 m), mở 4 cửa, hào rộng 8 trượng (khoảng 3 m), sâu 6 thước 5 tấc (khoảng 3 m) . Phỏng đoán ngôi thành này nằm lọt khung trong các con đường 30 tháng 4 (phía nam), Lê Đại Hành (phía bắc), Lê Lợi (phía đông), Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía tây). Trong quyển “Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ năm 1861”, **Léopold Pallu mô tả ngôi thành như sau: “**Thành Mỹ Tho xây theo lối châu Âu. Thành vuông vức, có ụ làm pháo đài. Hào chung quanh rộng có nước, tường thành cao và rất dày. Xung quanh thành là đầm lầy. Khí giới của thành có đại pháo nòng lớn. Thành kiểm soát hết sông Tiền Giang và các đường thuỷ đổ vào sông này”.

Tại lỵ sở mới, ngoài việc xây dựng tỉnh thành, chính quyền nhà Nguyễn còn tiến hành xây dựng các công trình khác nhằm phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế và văn hóa, như trường học của tỉnh (1826), đàn Tiên nông thờ thần Nông (1832), đàn Xã tắc thờ thần Đất nước (1833), chợ, cửa quan thu thuế (1835), miếu Thành hoàng (1848), văn miếu đặt tại thôn Bình Tạo (tọa lạc ở khu vực bến phà Rạch Miễu cũ, Phường 6, thành phố Mỹ Tho) nhằm tôn vinh sự học, tôn vinh người trí thức, đặc biệt là người trí thức địa phương theo nguyên lý “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”,…

**5.** **Tỉnh Định Tường (1832 - 1867)**

省 Tỉnh

定 Định: Yên ổn, không thay đổi

祥 Tường: Tốt, lành

定祥省: Định Tường Tỉnh

Năm Đinh Mão (1831), vua Minh Mạng đổi đơn vị **trấn** thành đơn vị **tỉnh** trực thuộc chính quyền trung ương, xóa bỏ cấp trung gian “thành” (Gia Định Thành). Ở Nam Kỳ, năm 1832, chính quyền thành lập 6 tỉnh (quen gọi Nam Kỳ lục tỉnh), bao gồm ba tỉnh *kiêm nhiếp* (Chữ “Nhiếp”: 攝 có nghĩa “Thay quyền để thống trị, kiêm quyền”) và ba tỉnh *phân hạt* (tỉnh nhỏ):

+ Tỉnh Gia Định kiêm nhiếp tỉnh Biên Hòa (phân hạt).

+ Tỉnh Vĩnh Long kiêm nhiếp tỉnh Định Tường (phân hạt).

+ Tỉnh An Giang kiêm nhiếp tỉnh Hà Tiên (phân hạt).

Thống nhiếp hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường có Tổng đốc Long Tường, thường kiêm hàm Binh Bộ Thượng thư hoặc Đô Sát viện hữu Đô Ngự sử. Đứng đầu tỉnh Định Tường có Tuần phủ, giúp việc có Bố chánh, Án sát, Lãnh binh.

Tuần phủ là một quan văn nhưng có hàm Đô đốc. Bố Chánh là một quan văn làm nhiệm vụ hành chánh. Án Sát là một quan văn trông coi việc luật pháp, chấn hưng phong hóa. Lãnh binh là một quan võ, phụ trách việc quân sự.

Giúp việc Tuần phủ có hai ty chuyên trách:

+ Ty Bố chánh (Ty Phiên): phụ trách hành chính.

+ Ty Án sát (Ty Niết): phụ trách việc hình án từ tụng, chấn hưng phong hóa.

Ngoài ra, tại tỉnh còn 3 ty khác:

+ Ty Lễ sinh: phụ trách quản lý và phụ tế các đền miếu.

+ Ty Chiêm hậu: chuyên việc xem thiên tượng và làm lịch.

+ Ty Lương y: chuyên việc chữa trị bệnh tật.

Riêng về giáo dục, theo truyền thống của nước ta từ xưa, các việc giảng dạy đều do tư nhân đảm trách. Ở cấp tỉnh, nhà Nguyễn chỉ lập nhà Tỉnh học, cử một Đốc học; cấp phủ lập nhà Phủ học, cử một Giáo thọ; cấp huyện lập nhà Huyện học, cử một Huấn đạo. Các chức quan này vừa làm nhiệm vụ giảng dạy, vừa kiểm tra chất lượng giáo dục tư nhân, giới thiệu học trò đi thi.

Mỗi phủ có một chức Tri phủ, mỗi huyện có một chức Tri huyện.

Do địa bàn quá rộng, giao thông bất tiện nên vào năm Nhâm Thìn (1832), vùng Gò Công được tách rời khỏi tỉnh Định Tường và nhập vào tỉnh Gia Định. Theo đó, tổng Hòa Bình (vùng Gò Công) được tách ra khỏi tỉnh Định Tường và hợp nhất với một phần tổng Thuận Đạo thuộc tỉnh Gia Định để lập huyện Tân Hòa, thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo *Địa bạ tỉnh Định Tường năm 1836*, tỉnh Định Tường có 1 phủ (Kiến An), 3 huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng), 15 tổng và thôn. Cụ thể như sau:

- Phủ Kiến An

- Ba huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng):

+ Huyện Kiến Hưng: Huyện Kiến Hưng do phủ Kiến An kiêm nhiếp, lỵ sở ở thôn Tân Hiệp (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành), có 5 tổng, 75 thôn, gồm:

- Tổng Thuận Trị có 19 thôn (An Đức, An Đức Đông, An Hòa, An Thành, An Vĩnh, Bình Tạo, Cửu Viễn, Đạo Ngạn, Điều Hòa, Long Hội, Long Hội Tây, Ngãi Hữu, Nhơn Hòa, Phú Đức Đông, Phú Đức Tây, Tân Thuận, Thân Nhơn, Thới Sơn, Trung Lương).

- Tổng Thuận Bình có 17 thôn (An Phước, An Thạnh, Bình Đông, Bình Sơn, Bình Thuyên Đông, Hữu Đạo, Long Hưng, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Tân Đức Đông, Tân Đức Tây, Tân Phú Đông, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Thạnh Phú).

- Tổng Hưng Nhơn có 12 thôn (Dương Hòa, Định Hòa, Hưng Thạnh, Long Định, Mỹ Điền, Nhị Bình, Phú Mỹ, Phước An, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây).

- Tổng Hưng Nhượng có 13 thôn (Bình An Đông, Bình Cư, Bình Quân, Hòa Mỹ, Lợi Thạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Lý Tây, Nhơn Nhương, Tân Hiệp, Tân Hương Tây, Tường Khánh, Xuân Sanh, Tân Hương).

- Tổng Hưng Long có 14 thôn (Bình An, Bình Long Đông, Chánh Đông, Đông An, Ngãi Lợi, Phú Khương, Phú Thượng, Tân Đông, Thân Hòa Đông, Thân Hòa Tây, Thủy Đông, Trường Thạnh, Tuyên Thạnh, Vĩnh Thạnh, Mỹ Phước).

+ Huyện Kiến Hòa: lỵ sở đóng ở thôn Tân Hóa (nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo), có 5 tổng, 78 thôn, gồm:

- Tổng Hòa Hảo có 12 thôn (An Định, Bình Phục Đông, Bình Phục Nhứt, Bình Phương (Phan), Bình Thủy, Mỹ Hảo, Tân Hóa, Toàn Thạnh, Vĩnh An, Bình Quang, Hòa Bình, Hòa Thạnh).

- Tổng Hòa Hằng có 20 thôn (Bình Đại, Châu Hưng, Hằng Thạnh, Hòa Thới, Lộc Thuận, Phú Thành, Phú Thạnh Đông, Phú Thuận, Phú Vinh, Phước An Đông, Quới Sơn, Tân Phong, Thạch Hồ, Thạnh Hội, Từ Linh, Vinh (Vang) Quới, Giao Hòa, Giao Long, Long Phụng, Tân Định).

- Tổng Hòa Thinh (Hòa Thanh) có 17 thôn (An Hòa Tân, Lộc Tân, Lương Thạnh, Minh Đức, Phú Hữu, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phú Thạnh, Phước Định, Phước Hậu, Phước Hòa, Phước Thới, Phước Thuận, Phước Toàn, Thọ Phú, Thới Lai, Thới Thuận).

- Tổng Thạnh Phong có 14 thôn (Bình Đăng, Bình Hài, Bình Hạnh, Bình Phong, Bình Thời, Điền Trang, Long Hựu, Mỹ Chánh, Mỹ Hóa, Phong Thuận, Phú Hội, Tân Tĩnh, Tân Tĩnh Đông, Thạnh Lợi).

- Tổng Thạnh Quơn (Thạnh Quang) có 15 thôn (An Khương, An Lạc, Bình Cách, Bình Dương, Long Hòa, Lương Phú, Mỹ Trung, Phú Kiết, Phú Hòa, Song Thạnh, Thanh Xuân, Trung Lộc, Vĩnh Phước, Hưng Ngãi, Nhựt Tân).

+ Huyện Kiến Đăng: lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc thị xã Cai Lậy), có 5 tổng, 80 thôn:

- Tổng Lợi Trinh có 19 thôn (An Mỹ, Bình Chánh Tây, Bình Phú, Cẩm Sơn, Giai Mỹ, Hòa Sơn, Hòa Thuận, Hội Sơn, Lợi An, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Phú Nhuận, Phú Thuận Đông, Tân Hòa, Tân Hội, Xuân Sơn).

- Tổng Lợi Trường có 21 thôn (An Thủy Đông, An Thủy Tây, Bàn Long, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Hòa An, Kim Sơn, Long Điền, Long Phú, Mỹ An, Mỹ Ân, Mỹ Đông, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông Trung, Mỹ Hòa, Mỹ Quới, Mỹ Trinh, Phú Long, Phú Phong, Tân Sơn, Trà Tân, Bình Chánh Trung).

- Tổng Phong Hòa có 12 thôn (An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, An Cư, Hiệp Hòa, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông, Mỹ Hòa, Mỹ Thạnh, Mỹ Thiện, Phú Sơn, Tân Đức).

- Tổng Phong Phú có 17 thôn (An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Hòa Lộc, Mỹ An Đông, Mỹ An Tây, Mỹ Đức Tây, Mỹ Hưng, Mỹ Long, Mỹ Lợi, Mỹ Lương, Mỹ Thuận, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Thanh Hưng).

- Tổng Phong Thạnh có 11 thôn (An Bình, An Long, An Phong, Mỹ Đảo, Mỹ Ngãi, Mỹ Trà, Nhị Mỹ, Phong Mỹ, Tân An, Tân Phú, Tân Thạnh)[[30]](#footnote-30).

Năm 1838, chính quyền nhà Nguyễn nâng hai tổng Phong Phú và Phong Thạnh của huyện Kiến Đăng thành ba tổng Phong Phú, Phong Thạnh và Phong Nẫm thuộc huyện Kiến Phong mới lập, trực thuộc phủ Kiến Tường mới lập. Phủ Kiến Tường đóng lỵ sở tại thôn Mỹ Trà (nay thuộc TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) kiêm lý huyện Kiến Phong.

Riêng về huyện Tân Hòa (vùng Gò Công) thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định có những chuyển biến hành chánh như sau:

Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo Địa bạ Minh Mạng năm 1836, huyện Tân Hòa có 4 tổng:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn.

+ Tổng Thạnh Hội có 16 thôn.

+ Tổng Thạnh Mục có 16 thôn.

Trong 4 tổng nêu trên, hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc thuộc vùng Gò Công (nay thuộc địa phận huyện Gò Công Tây, thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông); còn hai tổng Thạnh Hội và Thạnh Mục thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Long An ngày nay. Số thôn của hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc như sau:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn: Bình Công, Bình Hưng, Bình Long, Bình Long Tây, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhị/Nhì, Bình Xuân Đông, Dương Phước, Đồng Sơn, Long Chánh, Tân Cang/Cương, Tân Nhựt, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Tăng Hòa, Thuận Ngãi (Bình Thuận Đông cũ), Thuận Tắc (Bình Thuận Tây cũ); và 1 phường: Toàn Phước.

Năm 1841, vua Thiệu Trị chia huyện Tân Hòa thành hai huyện: vùng ven sông Vàm Cỏ lập huyện Tân Thạnh; vùng Gò Công lập huyện Tân Hòa. Riêng huyện Tân Hoà có 4 tổng: Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ.

Lúc đó, huyện Tân Thạnh và huyện Tân Hòa thuộc phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Lỵ sở phủ Hòa Thạnh đặt tại Đồng Sơn.

Năm 1852, vua Tự Đức cho sáp nhập hai huyện Tân Thạnh và Tân Hòa để thành lập huyện mới lấy tên là huyện Tân Hòa vẫn thuộc tỉnh Gia Định. Huyện Tân Hòa (mới) có 8 tổng: Thạnh Hội Thượng, Thạnh Hội Hạ, Thạnh Mục Thượng, Thạnh Mục Hạ, Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ. Lỵ sở của huyện đóng tại thôn Thuận Ngãi, tổng Hòa Lạc Hạ (nay thuộc thị xã Gò Công).

Như vậy, vào năm 1852, vùng Gò Công thuộc huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định, có 4 tổng, 37 thôn, phường:

- Tổng Hòa Đồng Thượng: có 8 thôn: Bình Hưng, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Bình Phước, Đồng Sơn, Tân Nhựt, Trường Xuân.

- Tổng Hòa Đồng Hạ: có 9 thôn: Bình Công, Bình Hòa, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Long Chánh, Tân Cương, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

- Hòa Lạc Thượng: có 8 thôn: Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước và 1 phường: Toàn Phước

- Tổng Hòa Lạc Hạ: có 11 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Dương Phước, Kiểng Phước (do phường Toàn Phước đổi thành), Tăng Hòa, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Thuận Ngãi, Thuận Tắc.

**6.** **Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mytho: 1900-1954)**

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông dương ban hành Nghị định đổi các Tiểu khu hành chính thành tỉnh (Province) kể từ ngày 01/01/1900. Theo đó, Nam kỳ có 21 tỉnh. Mỹ Tho và Gò Công là hai tỉnh riêng biệt.

Theo *Địa phương chính tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, tỉnh Mỹ Tho có diện tích là 223.660 hecta, dân số là 233.802 người, bao gồm 231.276 người Việt, 2.381 người Hoa, 103 người Âu, 42 người Ấn. Tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho.

Toàn tỉnh có 15 tổng, 202 làng.

- Tổng Thuận Trị:

Có 19 làng: Điều Hòa, Thạnh Trị, Đạo Ngạn, An Vĩnh, Ngãi Hữu, Cửu Viễn, Thân Nhơn, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Hội, Long Hội, Trung Lương, An Đức Đông, Bình Tạo, An Đức, Tân Thuận, Thới Sơn, Phú Đức, Phú Túc.

- Tổng Thuận Bình:

Có 15 làng: An Thạnh, An Phước, Thạnh Phú, Long Hưng, Mỹ Thuận Tây, Mỹ Thuận Đông, Vĩnh Kim Tây, Vĩnh Kim Đông, Bình Hòa Đông, Phong Trưng, Hữu Đạo, Điềm Hy, Dưỡng Điềm.

- Tổng Lợi Trường:

Có 12 làng: Mỹ Quý, Mỹ Quý Đông, Mỹ Phú, Mỹ Quý Tây, Long Điền, Mỹ Hậu, Bàn Long, Kim Sơn, Phú Phong, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Đông, Bình Chánh.

- Tổng Lợi Mỹ:

Có 08 làng: Phú Long, Mỹ Khánh, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông, Mỹ Đông Trung, Tân Thới, Trà Tân, Ngũ Hiệp.

- Tổng Lợi Trinh:

Có 15 làng: Long Phước, Mỹ Hạnh Tây, Bình Chánh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Tân Phú Đông, Tân Hội, Mỹ Tường, Tân Long, Tân An, Hòa Sơn, Thanh Sơn, Mỹ Trang, Hòa Thuận, Cẩm Sơn.

- Tổng Hưng Nhơn:

Có 13 làng: Phú Mỹ, Hưng Thạnh, Mỹ Điền, Phước Lộc, Nhị Bình, Long Định, Định Hòa, Tân Lập, Tân Lý Đông, Tân Thành, Dương Hòa, Tân Hội Tây, Tân Hội Đông.

- Tổng Hưng Nhượng:

Có 06 làng: Tân Hương, Tân Hương Tây, Tân Lý Tây, Tân Hiệp, Hòa Mỹ, Tịnh Giang.

- Tổng Thạnh Quơn:

Có 13 làng: Tịnh Hà, An Khương, Trung Hòa, Song Thạnh, Bình Cách, Nhựt Tân, Mỹ Trung, Phú Kiết, Lương Phú, An Lạc, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Dương.

- Tổng Thạnh Phong:

Có 16 làng: Hưng Ngãi, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Điền Trang, Bình Hài, Mỹ Phong, Phú Hội, Mỹ Chánh, Phong Thuận, Bình Phong, Bình Thạnh, Bình Hạnh, Long Thạnh, Tân Tĩnh Đông, Tân Xuân, Tân Tĩnh.

- Tổng Hòa Hảo:

Có 15 làng: Bình Long, Bình Phục Tây, Bình Quơn, Thuận Hòa, Bình Phục Đông, Tân Hóa, Hòa Thạnh, An Định, Hòa Bình, Hòa Ninh, Hòa An, Mỹ Thạnh, Bình Thủy, Bình Phan, Bình Trị.

- Tổng Hòa Quới:

Có 24 làng: An Hồ, Tân Thạch, Quới Sơn, Phú Thạnh, Giao Long, Giao Hòa, Nguyệt Thạnh, Long Phụng, Phú Thuận, Vang Quới, Phú Vang, Thới Lai, Châu Hưng, Tân Hưng, An Hóa, Phước Hậu, Phước Thới, Phước Hòa, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phước Khánh, Phước Thiện, Phước Định, Phú Thạnh.

- Tổng Hòa Thinh:

Có 11 làng: Lộc Thuận, Phú Long, Tân Định, Bình Trung, Bình Đại, Lộc Tân, Thạnh Lộc, Phước Thuận, Thọ Phú, Thừa Đức, Thới Thuận.

- Tổng Lợi Thuận:

Có 15 làng: Mỹ Thạnh, Đại Phú, Giai Mỹ, Phú Thuận Đông, Bình Phú, Phú Hưng, Phú Nhuận, Lợi Thành, Lợi An, An Mỹ, Phú Sơn, Hiệp Hòa, Tân Đức, Xuân Sơn, Hội Sơn.

- Tổng Phong Hòa:

Có 11 làng: Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Mỹ Hội, An Cư, Hậu Thành, An Bình Đông, Phú Hòa, An Hiệp, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông.

- Tổng Phong Phú:

Có 09 làng: Mỹ Lợi, Thanh Hưng, An Thái Đông, An Thái Trung, Mỹ Lương, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, An Hữu, Mỹ Thuận[[31]](#footnote-31).

Sau thời gian thực hiện chính sách trực trị (tỉnh - tổng - làng) không thành công, ở tỉnh Mỹ Tho, thực dân Pháp bắt buộc phải lập cấp quận làm trung gian giữa tỉnh và tổng, làng.

**7. Quận Châu Thành:**

Quận Châu Thành lập ngày 22-3-1912, có 3 tổng: Thuận Bình (15 làng), Thuận Trị (16 làng) và Lợi Trường (3 làng được tách từ quận Cai Lậy): Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn).

Năm 1925, do thực hiện việc chia tách, nên tổng Thuận Bình còn 13 làng, tổng Thuận Trị còn 10 làng. Ngày 19-11-1927, xóa hẳn tổng Lợi Trường, nhập 3 làng Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn vào tổng Thuận Bình.

8. Tỉnh Định Tường (Chính quyền Sài Gòn: 1954-1975)

Về phía chính quyền Sài Gòn, theo Sắc lệnh 143-NV ngày 22-10-1956  của Tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm về việc “thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam”, tỉnh Định Tường được thành lập trên phần đất tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công cũ. Tỉnh lỵ tỉnh Định Tường đặt tại Mỹ Tho, về mặt hành chánh thuộc xã Điều Hòa, quận Châu Thành.

Theo sự phân định hành chính của chính quyền Sài Gòn, Định Tường là một trong 22 tỉnh của Nam Phần lúc đó, bắc giáp tỉnh Kiến Tường, đông bắc giáp tỉnh Long An, đông giáp biển Đông, tây nam và nam giáp hai tỉnh Vĩnh Long và Kiến Hòa, tây giáp tỉnh Kiến Phong, tây nam giáp tỉnh Sa Đéc. Ranh giới phía nam của tỉnh Định Tường là sông Tiền Giang (đoạn này còn gọi là sông Mỹ Tho).

Ngày 24-4-1957, chính quyền Sài Gòn ấn định các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh. Tỉnh Định Tường có tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho, bao gồm 7 quận, 15 tổng, 123 xã. Cụ thể như sau:

(1) Quận Châu Thành (quận lỵ: xã Điều Hòa), có 2 tổng, 22 xã.

- Tổng Thuận Trị, gồm 09 xã: Bình Đức, Đạo Thạnh, Điều Hòa, Long An, Tam Hiệp, Thạnh Phú, Thới Sơn, Trung An, Phước Thạnh.

- Tổng Thuận Bình, gồm 13 xã: Bàn Long, Bình Trưng, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Ðiềm Hy, Hữu Đạo, Kim Sơn, Long Ðịnh, Long Hưng, Nhị Bình, Phú Phong, Song Thuận, Vĩnh Kim.

(2) Quận Bến Tranh (quận lỵ: xã Lương Hòa Lạc), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hưng Nhơn, gồm 09 xã: Hưng Thạnh Mỹ, Tân Hội Ðông, Tân Lý Tây, Tân Lý Ðông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hòa Thành, Phú Mỹ.

- Tổng Thạnh Quơn, gồm 07 xã: Lương Hòa Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Trung Hòa, Thanh Bình

(3) Quận Chợ Gạo (quận lỵ: xã Bình Phan), có 2 tổng, 13 xã.

- Tổng Thạnh Phong, gồm 06 xã: Ðăng Hưng Phước, Long Bình Điền, Mỹ Phong, Song Bình, Tân Mỹ Chánh, Xuân Ðông.

- Tổng Hòa Hảo, gồm 07 xã: An Thanh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Quơn Long, Hoà Ðịnh, Tân Thuận Bình

(4) Quận Cái Bè (quận lỵ: xã Ðông Hoà Hiệp), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Phong Hòa, gồm 08 xã: Đông Hòa Hiệp, Hội Cư, Hòa Khánh, Hậu Thành, Hậu Mỹ, Mỹ Thiện, Mỹ Đức Đông, Mỹ Ðức Tây.

- Tổng Phong Phú, gồm 08 xã: An Hữu, Hưng Thuận (cù lao Quy), An Thái Đông, An Thái Trung, Thanh Hưng, Hòa Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Lương.

(5) Quận Cai Lậy (quận lỵ: xã Thanh Hòa), có 3 tổng, 25 xã.

- Tổng Lợi Trinh, gồm 09 xã: Thanh Hoà, Nhị Mỹ, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây, Cẩm Sơn, Tân Phú Đông, Mỹ Hạnh Đông, Tân Bình, Tân Hội.

- Tổng Lợi Hoà, gồm 08 xã: Long Trung, Long Khánh, Tam Bình, Ngũ Hiệp, Mỹ Long, Long Tiên, Phú Quý, Nhị Quý.

- Tổng Lợi Thuận, gồm 08 xã: Phú An, Phú Nhuận Đông, Bình Phú, Thạnh Phú, Hiệp Đức, Hội Sơn, Xuân Sơn, Mỹ Thành.

(6) Quận Gò Công (quận lỵ: xã Long Thuận), có 2 tổng, 15 xã.

- Tổng Hòa Lạc Thượng, gồm 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Niên Ðông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ, gồm 07: xã An Hòa, Bình An, Long Thuận, Phước Trung, Tân Bình Ðiền, Tăng Hòa, Tân Thành.

(7). Quận Hòa Đồng (quận lỵ: xã Đồng Sơn), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hòa Đồng Thượng, gồm 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Hạ, gồm 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Ngày 05-12-1957, chính quyền Sài Gòn dời quận lỵ quận [Bến Tranh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%BFn_Tranh) từ xã Lương Hòa Lạc đến xã Tân Hiệp.

Ngày 08-11-1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, đồng thời dời quận lỵ từ xã Điều Hòa tới xã Long Định. Ngày 09-8-1961, tách một phần đất thuộc quận Cái Bè lập một quận mới, lấy tên là quận Giáo Đức, quận lỵ đặt tại xã An Hữu, gồm 2 tổng Phong Phú và An Phú (mới lập). Quận Cái Bè đổi tên thành quận Sùng Hiếu. Quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích.

Ngày 20-12-1963, chính quyền Sài Gòn tách hai quận Gò Công và Hòa Đồng ra khỏi tỉnh Định Tường để tái lập tỉnh Gò Công.

Ngày 23-5-1964, chia quận Long Định thành 2 quận: Châu Thành và Long Định. Quận Châu Thành có 2 tổng Thuận Trị và Thuận Hòa (mới lập), quận lỵ đặt tại xã Trung An, Quận Long Định có 2 tổng Thuận Bình và Lợi Trường, quận lỵ dời từ xã Long Định đến xã Vĩnh Kim.

Ngày 10-11-1964, đổi lại tên quận Sùng Hiếu thành quận Cái Bè, quận Khiêm Ích thành quận Cai Lậy như cũ. Sau năm 1965, chính quyền Sài Gòn giải thể cấp tổng; từ đó, các xã trực thuộc cấp quận. Ngày 24-3-1969, chính quyền Sài Gòn đổi tên quận Long Định thành quận Sầm Giang.

Ngày 30-9-1970, Thủ tướng chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh số 114/SL-NV cải biến xã Điều Hòa thuộc quận Châu Thành thành thị xã [Mỹ Tho](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9_Tho), là thị xã tự trị trực thuộc chính quyền trung ương, đồng thời kiêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường. Lúc đó, tỉnh Định Tường có 01 thị xã, 07 quận, 92 xã, diện tích 1.686 km², dân số 453.562 người, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Mỹ Tho. Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN THỊ XÃ/TÊN QUẬN/ TÊN XÃ** | **DIỆN TÍCH**  **(km²)** | **DÂN SỐ**  **(Người)** |
| **I** | **Thị xã Mỹ Tho** | **8,0** | **109.975** |
| **II** | **Quận Bến Tranh: 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp** | **225,7** | **67.531** |
| 1 | Hòa Tịnh | 7,7 | 2.604 |
| 2 | Lương Hòa Lạc | 15,0 | 6.464 |
| 3 | Mỹ Tịnh An | 12,1 | 3.230 |
| 4 | Phú Kiết | 11,5 | 3.306 |
| 5 | Phú Mỹ | 46,8 | 5.612 |
| 6 | Tân Bình Thành | 12,5 | 2.458 |
| 7 | Tân Hiệp | 1,0 | 4.571 |
| 8 | Tân Hòa Thành | 20,1 | 3.309 |
| 9 | Tân Hội Đông | 8,4 | 4.118 |
| 10 | Tân Hương | 13,3 | 8.060 |
| 11 | Tân Lý Đông | 40.4 | 4.903 |
| 12 | Tân Lý Tây | 4,5 | 5.368 |
| 13 | Thanh Bình | 12,3 | 2.079 |
| 14 | Thân Cửu Nghĩa | 9,6 | 9.326 |
| 15 | Trung Hòa | 10,5 | 2.123 |
| **III** | **Quận Cái Bè: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Đông Hòa Hiệp** | **278,4** | **79.124** |
| 16 | Đông Hòa Hiệp | 17,0 | 27.197 |
| 17 | Hậu Mỹ | 60,9 | 10.474 |
| 18 | Hậu Thành | 10,6 | 8.130 |
| 19 | Hiệp Đức | 11,4 | 625 |
| 20 | Hòa Khánh | 25,5 | 10.311 |
| 21 | Hội Cư | 23,1 | 5.304 |
| 22 | Hội Sơn | 4,3 | 170 |
| 23 | Mỹ Thành | 40,6 | 8.273 |
| 24 | Mỹ Thiện | 64,7 | 3.742 |
| 25 | Phú An | 14,2 | 4.523 |
| 26 | Xuân Sơn | 6,1 | 375 |
| **IV** | **Quận Cai Lậy: 20 xã, quận lỵ đặt tại xã Thanh Hòa** | **363,5** | **101.017** |
| 27 | Bình Phú | 19,3 | 6.863 |
| 28 | Cẩm Sơn | 13,9 | 300 |
| 29 | Long Khánh | 17,9 | 5.024 |
| 30 | Long Tiên | 14,0 | 3.861 |
| 31 | Long Trung | 19,4 | 3.772 |
| 32 | Mỹ Hạnh Đông | 30,1 | 2.000 |
| 33 | Mỹ Hạnh Trung | 10,2 | 4.152 |
| 34 | Mỹ Long | 11,5 | 1.103 |
| 35 | Mỹ Phước Tây | 39,1 | 7.041 |
| 36 | Ngũ Hiệp | 27,3 | 6.039 |
| 37 | Nhị Mỹ | 12,5 | 5.823 |
| 38 | Nhị Quý | 11,8 | 7.344 |
| 39 | Phú Nhuận Đông | 15,6 | 4.980 |
| 40 | Phú Quý | 9,3 | 2.814 |
| 41 | Tam Bình | 16,9 | 4.885 |
| 42 | Tân Bình | 13,0 | 6.724 |
| 43 | Tân Hội | 10,9 | 3.519 |
| 44 | Tân Phú Đông | 5,3 | 675 |
| 45 | Thanh Hòa | 9,9 | 21.588 |
| 46 | Thạnh Phú | 55,6 | 2.510 |
| **V** | **Quận Châu Thành: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Trung An** | **107,3** | **52.208** |
| 47 | Bình Đức | 11,8 | 11.237 |
| 48 | Đạo Thạnh | 6,7 | 6.645 |
| 49 | Long An | 13,6 | 5.254 |
| 50 | Mỹ Phong | 11,1 | 5.456 |
| 51 | Phước Thạnh | 11,5 | 3.125 |
| 52 | Tam Hiệp | 13,6 | 2.749 |
| 53 | Tân Long | 4,9 | 7.208 |
| 54 | Tân Mỹ Chánh | 6,9 | 3.974 |
| 55 | Thạnh Phú | 7,9 | 2.183 |
| 56 | Thới Sơn | 13,8 | 2.148 |
| 57 | Trung An | 5,5 | 2.209 |
| **VI** | **Quận Chợ Gạo: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Bình Phan** | **163,1** | **52.664** |
| 58 | An Thạnh Thủy | 17,1 | 4.915 |
| 59 | Bình Ninh | 20,0 | 3.575 |
| 60 | Bình Phan | 9,0 | 5.903 |
| 61 | Bình Phục Nhứt | 18,3 | 5.786 |
| 62 | Đăng Hưng Phước | 14,5 | 6.257 |
| 63 | Hòa Định | 22,0 | 2.700 |
| 64 | Long Bình Điền | 12,1 | 4.331 |
| 65 | Quơn Long | 14,2 | 4.778 |
| 66 | Song Bình | 12,1 | 4.260 |
| 67 | Tân Thuận Bình | 14,9 | 5.579 |
| 68 | Xuân Đông | 8,9 | 4.580 |
| **VII** | **Quận Giáo Đức: 10 xã, quận lỵ đặt tại xã An Hữu** | **226,5** | **58.791** |
| 69 | An Hữu | 15,0 | 12.047 |
| 70 | An Thới Đông | 7,3 | 6.458 |
| 71 | An Thới Trung | 16,1 | 5.576 |
| 72 | Hòa Lộc | 5,1 | 1.214 |
| 73 | Hưng Thuận | 15,9 | 6.551 |
| 74 | Mỹ Đức Đông | 8,0 | 2.454 |
| 75 | Mỹ Đức Tây | 68,2 | 8.716 |
| 76 | Mỹ Lợi | 42,7 | 1.052 |
| 77 | Mỹ Lương | 13,6 | 5.404 |
| 78 | Thanh Hưng | 34,6 | 9.319 |
| **VIII** | **Quận Sầm Giang: 14 xã, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim** | **321,5** | **42.227** |
| 79 | Bàn Long | 10,2 | 385 |
| 80 | Bình Trưng | 6,5 | 1.146 |
| 81 | Điềm Hy | 4,6 | 1.762 |
| 82 | Dưỡng Điềm | 7,0 | 3.384 |
| 83 | Đông Hòa | 95,5 | 6.057 |
| 84 | Hữu Đạo | 4,6 | 941 |
| 85 | Hưng Thạnh Mỹ | 85,9 | Không có số liệu |
| 86 | Kim Sơn | 12,6 | 2.884 |
| 87 | Long Định | 22,6 | 7.599 |
| 88 | Long Hưng | 14,0 | 1.460 |
| 89 | Nhị Bình | 32,9 | 7.409 |
| 90 | Phú Phong | 10,9 | 1.338 |
| 91 | Song Thuận | 9,0 | 1.968 |
| 92 | Vĩnh Kim | 5,2 | 5.894 |

Ngày 12-7-1974, chính quyền Sài Gòn lập quận mới Hậu Mỹ, quận lỵ đặt tại xã Hậu Mỹ, quận này bao gồm một phần đất của các quận Cái Bè, Giáo Đức, Cai Lậy cùng tỉnh, của quận Kiến Bình (tỉnh Kiến Tường) và của quận Mỹ An (tỉnh Kiến Phong). Các đơn vị hành chính của quận Hậu Mỹ chưa sắp xếp xong thì miền Nam được giải phóng (30-4-1975).

**9**. **Tỉnh Tiền Giang**

**Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc “nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước”. Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công  thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987,  Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện  Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho  là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã, phường, thị trấn** | **Diện tích (ha)**  **(Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)** | **Dân số**  **(người)** |
|
| **I** | **Huyện Cái Bè** | **42,089.82** | **291,627** |
| 1 | Thị trấn Cái Bè | 426.26 | 16,856 |
| 2 | An Thái Đông | 728.12 | 9,834 |
| 3 | Hậu Mỹ Phú | 1,120.44 | 7,306 |
| 4 | An Cư | 1,142.82 | 14,211 |
| 5 | Hậu Thành | 1,163.09 | 14,354 |
| 6 | Mỹ Đức Đông | 1,208.66 | 9,445 |
| 7 | Thiện Trí | 1,314.59 | 9,210 |
| 8 | Mỹ Hội | 1,377.24 | 8,383 |
| 9 | An Hữu | 1,411.36 | 17,263 |
| 10 | Hoà Hưng | 1,540.34 | 15,335 |
| 11 | Mỹ Lương | 1,608.97 | 10,370 |
| 12 | Tân Thanh | 1,634.06 | 10,427 |
| 13 | Mỹ Tân | 1,736.26 | 4,893 |
| 14 | Mỹ Lợi A | 1,747.61 | 10,298 |
| 15 | Đông Hoà Hiệp | 1,781.23 | 14,023 |
| 16 | Tân Hưng | 1,888.60 | 12,282 |
| 17 | An Thái Trung | 1,911.87 | 14,901 |
| 18 | Mỹ Lợi B | 1,912.95 | 7,414 |
| 19 | Mỹ Đức Tây | 1,975.46 | 13,965 |
| 20 | Hậu Mỹ Bắc B | 1,977.17 | 10,480 |
| 21 | Thiện Trung | 2,018.96 | 8,991 |
| 22 | Hoà Khánh | 2,253.21 | 20,142 |
| 23 | Mỹ Trung | 2,416.47 | 8,347 |
| 24 | Hậu Mỹ Bắc A | 2,626.04 | 12,787 |
| 25 | Hậu Mỹ Trinh | 3,168.04 | 10,110 |
| **II** | **Huyện Cai Lậy** | **29,599.36** | **186,583** |
| 1 | Hiệp Đức | 1,013.78 | 5,977 |
| 2 | Mỹ Thành Bắc | 1,748.73 | 8,075 |
| 3 | Cẩm Sơn | 1,241.58 | 8,009 |
| 4 | Hội Xuân | 1,168.68 | 8,880 |
| 5 | Mỹ Long | 1,280.75 | 9,158 |
| 6 | Phú Nhuận | 1,363.58 | 9,206 |
| 7 | Thạnh Lộc | 2,384.06 | 11,298 |
| 8 | Long Tiên | 1,644.10 | 12,001 |
| 9 | Long Trung | 1,511.30 | 12,141 |
| 10 | Phú Cường | 3,259.79 | 12,733 |
| 11 | Mỹ Thành Nam | 2,179.25 | 12,652 |
| 12 | Tân Phong | 2,469.99 | 12,594 |
| 13 | Phú An | 1,577.08 | 15,149 |
| 14 | Ngũ Hiệp | 2,780.00 | 16,117 |
| 15 | Tam Bình | 2,081.75 | 16,383 |
| 16 | Bình Phú | 1,894.94 | 16,210 |
| **III** | **Thị xã Cai Lậy** | **14,018.95** | **123,775** |
| 1 | Phường 1 | 220.53 | 11,427 |
| 2 | Phường 2 | 349.19 | 5,416 |
| 3 | Phường 3 | 335.75 | 3,323 |
| 4 | Phường 4 | 203.74 | 6,039 |
| 5 | Phường 5 | 255.62 | 7,499 |
| 6 | Phường Nhị Mỹ | 553.84 | 4,586 |
| 7 | Thanh Hoà | 672.58 | 5,061 |
| 8 | Tân Phú | 826.44 | 5,410 |
| 9 | Phú Quí | 835.34 | 6,405 |
| 10 | Mỹ Hạnh Trung | 996.26 | 7,251 |
| 11 | Mỹ Hạnh Đông | 1,609.86 | 8,617 |
| 12 | Nhị Quí | 787.70 | 10,422 |
| 13 | Tân Bình | 900.93 | 5,669 |
| 14 | Tân Hội | 1,375.81 | 11,029 |
| 15 | Mỹ Phước Tây | 2,029.64 | 13,200 |
| 16 | Long Khánh | 2,065.72 | 12,421 |
| **IV** | **Huyện Châu Thành** | **22,991.09** | **242,757** |
| 1 | Thị trấn Tân Hiệp | 74.49 | 4,995 |
| 2 | Dưỡng Điềm | 341.58 | 6,192 |
| 3 | Hữu Đạo | 469.64 | 4,570 |
| 4 | Tân Lý Tây | 509.46 | 11,148 |
| 5 | Thạnh Phú | 733.81 | 9,686 |
| 6 | Đông Hoà | 758.96 | 9,530 |
| 7 | Song Thuận | 783.92 | 6,442 |
| 8 | Bình Trưng | 893.71 | 9,140 |
| 9 | Phú Phong | 900.03 | 6,980 |
| 10 | Tân Hội Đông | 913.62 | 7,589 |
| 11 | Long An | 591.85 | 9,258 |
| 12 | Bàn Long | 925.63 | 8,352 |
| 13 | Tân Hương | 1,103.29 | 15,170 |
| 14 | Bình Đức | 755.29 | 13,215 |
| 15 | Kim Sơn | 1,169.09 | 10,085 |
| 16 | Thân Cửu Nghĩa | 1,244.81 | 19,201 |
| 17 | Điềm Hy | 1,429.48 | 9,020 |
| 18 | Long Hưng | 1,475.67 | 12,355 |
| 19 | Tân Lý Đông | 1,555.24 | 14,275 |
| 20 | Long Định | 1,779.10 | 14,359 |
| 21 | Nhị Bình | 1,889.68 | 16,930 |
| 22 | Tam Hiệp | 2,121.40 | 14,015 |
| 23 | Vĩnh Kim | 571.34 | 10,250 |
| **V** | **Huyện Tân Phước** | **33,321.74** | **57,561** |
| 1 | Thị trấn Mỹ Phước | 279.40 | 2,792 |
| 2 | Phú Mỹ | 1,340.10 | 7,862 |
| 3 | Tân Lập 2 | 1,647.54 | 2,278 |
| 4 | Tân Hoà Thành | 1,747.22 | 9,847 |
| 5 | Thạnh Hoà | 2,533.85 | 842 |
| 6 | Tân Hoà Đông | 2,677.93 | 1,593 |
| 7 | Thạnh Mỹ | 2,832.35 | 2,134 |
| 8 | Tân Lập 1 | 2,870.98 | 5,549 |
| 9 | Thạnh Tân | 3,319.80 | 1,892 |
| 10 | Hưng Thạnh | 3,348.75 | 6,836 |
| 11 | Tân Hoà Tây | 3,352.21 | 4,257 |
| 12 | Phước Lập | 3,475.54 | 8,936 |
| 13 | Mỹ Phước | 3,896.07 | 2,743 |
| **VI** | **Thành phố Mỹ Tho** | **8,154.10** | **220,014** |
| 1 | Phường 1 | 77.71 | 7,994 |
| 2 | Phường 2 | 70.81 | 13,743 |
| 3 | Phường 3 | 54.11 | 10,452 |
| 4 | Phường 4 | 79.36 | 16,570 |
| 5 | Phường 5 | 271.77 | 20,653 |
| 6 | Phường 6 | 311.30 | 23,448 |
| 7 | Phường 7 | 40.15 | 9,128 |
| 8 | Phường 8 | 69.70 | 11,954 |
| 9 | Phường 9 | 237.57 | 7,116 |
| 10 | Phường 10 | 282.90 | 10,477 |
| 11 | Phường Tân Long | 272.79 | 3,470 |
| 12 | Đạo Thạnh | 1,031.47 | 15,866 |
| 13 | Trung An | 1,063.03 | 21,667 |
| 14 | Tân Mỹ Chánh | 931.59 | 12,271 |
| 15 | Mỹ Phong | 1,130.60 | 16,534 |
| 16 | Phước Thạnh | 1,017.60 | 12,291 |
| 17 | Thới Sơn | 1,211.64 | 6,380 |
| **VII** | **Huyện Chợ Gạo** | **23,256.81** | **178,803** |
| 1 | Thị trấn Chợ Gạo | 307.67 | 7,525 |
| 2 | Hoà Tịnh | 704.65 | 6,286 |
| 3 | Bình Phan | 1,059.00 | 7,039 |
| 4 | Tân Bình Thạnh | 1,126.85 | 7,555 |
| 5 | Trung Hoà | 1,077.76 | 6,452 |
| 6 | Song Bình | 932.58 | 8,055 |
| 7 | Phú Kiết | 1,154.46 | 9,942 |
| 8 | Đăng Hưng Phước | 1,476.48 | 11,151 |
| 9 | Tân Thuận Bình | 1,225.72 | 10,323 |
| 10 | Long Bình Điền | 1,192.33 | 11,875 |
| 11 | Mỹ Tịnh An | 1,143.39 | 8,782 |
| 12 | Quơn Long | 1,330.55 | 9,538 |
| 13 | Thanh Bình | 1,399.60 | 9,535 |
| 14 | Hoà Định | 1,359.25 | 8,136 |
| 15 | Lương Hoà Lạc | 1,007.99 | 12,477 |
| 16 | Xuân Đông | 1,514.64 | 8,666 |
| 17 | An Thạnh Thuỷ | 1,573.59 | 12,503 |
| 18 | Bình Phục Nhứt | 1,805.76 | 12,358 |
| 19 | Bình Ninh | 1,864.54 | 10,605 |
| **VIII** | **Huyện Gò Công Tây** | **18,220.53** | **131,252** |
| 1 | Thành Công | 810.52 | 5,934 |
| 2 | Yên Luông | 1,049.62 | 8,347 |
| 3 | Bình Phú | 1,321.53 | 7,569 |
| 4 | Long Vĩnh | 1,221.50 | 7,455 |
| 5 | Đồng Sơn | 1,483.55 | 8,844 |
| 6 | Thạnh Trị | 1,426.25 | 9,676 |
| 7 | Bình Tân | 1,669.13 | 10,368 |
| 8 | Bình Nhì | 1,375.49 | 11,750 |
| 9 | Đồng Thạnh | 1,567.52 | 10,351 |
| 10 | Vĩnh Hựu | 1,908.62 | 11,450 |
| 11 | Thạnh Nhựt | 1,783.72 | 12,821 |
| 12 | Long Bình | 1,839.67 | 15,055 |
| 13 | Thị Trấn Vĩnh Bình | 763.41 | 11,632 |
| **IX** | **Huyện Gò Công Đông** | **26,768.16** | **142,797** |
| 1 | Thị trấn Tân Hoà | 325.01 | 6,830 |
| 2 | Tân Điền | 2,002.19 | 7,182 |
| 3 | Tăng Hoà | 1,745.67 | 9,836 |
| 4 | Phước Trung | 2,103.03 | 10,201 |
| 5 | Bình Ân | 1,337.50 | 9,855 |
| 6 | Tân Đông | 1,137.91 | 10,002 |
| 7 | Bình Nghị | 1,319.05 | 11,176 |
| 8 | Gia Thuận | 1,912.06 | 6,066 |
| 9 | Kiểng Phước | 4,038.74 | 15,178 |
| 10 | Tân Phước | 2,194.76 | 13,857 |
| 11 | Tân Thành | 6,618.98 | 13,976 |
| 12 | Thị trấn Vàm Láng | 600.00 | 14,302 |
| 13 | Tân Tây | 1,433.26 | 14,336 |
| **X** | **Thị xã Gò Công** | **10,198.49** | **96,877** |
| 1 | Phường 1 | 45.35 | 5,625 |
| 2 | Phường 2 | 71.33 | 7,673 |
| 3 | Phường 3 | 109.71 | 5,656 |
| 4 | Phường 4 | 137.66 | 6,507 |
| 5 | Phường 5 | 160.00 | 4,623 |
| 6 | Long Hưng | 657.22 | 5,241 |
| 7 | Long Hoà | 642.64 | 6,211 |
| 8 | Long Chánh | 768.26 | 5,584 |
| 9 | Long Thuận | 615.32 | 6,553 |
| 10 | Bình Đông | 2,244.87 | 13,776 |
| 11 | Bình Xuân | 2,786.41 | 16,056 |
| 12 | Tân Trung | 1,959.72 | 13,372 |
| **XI** | **Huyện Tân Phú Đông** | **22,211.31** | **40,501** |
| 1 | Phú Thạnh | 2,232.10 | 7,769 |
| 2 | Tân Thới | 2,138.26 | 10,248 |
| 3 | Tân Phú | 2,025.49 | 8,708 |
| 4 | Tân Thạnh | 2,237.03 | 4,374 |
| 5 | Phú Tân | 10,629.13 | 3,472 |
| 6 | Phú Đông | 2,949.30 | 5,930 |

*Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **TP**  **Mỹ Tho** | **TX**  **Cai Lậy** | **TX Gò Công** | **H. Cái Bè** | **H. Cai Lậy** | **H. Châu**  **Thành** |
| Diện tích (km2) | 81,541 | 140,189 | 101,985 | 420,898 | 295,993 | 229,910 |
| Dân số (người) | 270.704 | 23.775 | 96.877 | 291.627 | 242.757 | 186.583 |
| Mật độ dân (người/km2) | 3320 | 883 | 950 | 693 | 630 | 1056 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **H. Chợ**  **Gạo** | **H. Gò Công Đông** | **H. Gò Công Tây** | **H. Tân Phú Đông** | | **H. Tân Phước** |
| Diện tích (km2) | 232,568 | 267,681 | 182,205 | 222,113 | 333,217 | |
| Dân số (người) | 178.803 | 142.797 | 131.252 | 40.501 | 57.561 | |
| Mật độ dân (người/km2) | 769 | 533 | 720 | 182 | 172 | |

Nguồn: *Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh huyện, xã, thị trấn thuộc huyện Châu Thành:**

**1. Huyện Châu Thành**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh “Châu thành” được sử dụng khá phổ biến ở Nam Bộ. Một số từ điển ghi nhận với nhiều nghĩa khác nhau:

- Theo *Việt Nam từ điển* của Lê Văn Đức, Châu Thành là “thành thị, khu vực chính một xứ hay một tỉnh, nơi người đứng đầu xứ hay tỉnh trưởng cai trị, thường dân cư đông đúc, mua bán thịnh vượng”.

- Trong quyển *Từ điển Tiếng Việt*, hai tác giả Quang Hùng và Ánh Ngọc cho rằng, Châu thành là từ Hán Việt. Châu là vùng đất, thành là đô thị, từ châu thành được giải thích là vùng đô thị hay còn gọi là thành phố.

Trong sách *Phương ngữ Nam bộ - Ghi chép và chú giải*, Nam Chi Bùi Thanh Kiên ghi: “Châu thành chỉ các làng xã vây quanh tỉnh lỵ. “Châu thành không phải là một tên riêng. Các tỉnh Nam Bộ đều có quận, huyện châu thành. Châu thành chỉ các làng xã vây quanh tỉnh lỵ”.

- Tác giả Nguyễn Thanh Lợi, trong bài viết *Giải mật những địa danh kỳ lạ - Đất Châu Thành nam thanh nữ tú* (đăng trên Báo Tuổi trẻ online ngày 24/02/2021) giải thích về địa danh Châu Thành như sau: “Ban đầu ‘châu thành’ chỉ các trung tâm hành chính, nơi có chợ búa, các cơ quan của hạt tham biện trú đóng. Sau khi thành lập các thị xã với chức năng “tỉnh lỵ”, nó chiếm một phần diện tích của “châu thành”, phần diện tích còn lại vẫn giữ tên cũ là quận Châu Thành và sau này là huyện Châu Thành”.

**Vị trí địa lý:**

Huyện Châu Thành nằm về phía Tây của tỉnh, phía Đông giáp thành phố Mỹ Tho và huyện Chợ Gạo, phía Tây giáp huyện Cai Lậy, phía Nam giáp tỉnh Bến Tre qua ranh giới tự nhiên là sông Tiền, phía Bắc giáp huyện Tân Phước và tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 22.991,09 ha

**Hành chính:**

Huyện Châu Thành có 23 đơn vị hành chính cấp xã gồm: 22 xã, 01 thị trấn, như sau: 22 xã: Tân Hương, Tân Lý Đông, Thân Cửu Nghĩa, Tam Hiệp, Bình Đức, Long Định, Nhị Bình, Dưỡng Điềm, Phú Phong, Kim Sơn, Song Thuận, Vĩnh Kim, Bàn Long, Bình Trưng, Điềm Hy, Đông Hòa, Long Hưng, Thạnh Phú, Long An, Tân Lý Tây, Tân Hội Đông, Hữu Đạo; 01 thị trấn: Tân Hiệp.

**Lịch sử hình thành:**

Huyện Châu Thành được khai phá và ổn định dân cư sớm nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long. Vào khoảng đầu thế kỷ thứ XVII, các giồng cát huyện Châu Thành đã có người từ miền Trung, miền Bắc vào khai hoang lập nghiệp.

Năm 1772, một đơn vị hành chính, có tính quân sự được thành lập là đạo Trường Đồn. Đạo Trường Đồn được đặt tại giồng Kiến Định (thị trấn Tân Hiệp ngày nay). Theo sách *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, giồng Kiến Định có *“gò đống rộng lớn, cây cối sum suê, chỗ khởi lên chỗ phục xuống, tiếp tục nối liền, trước có đại giang* (tức sông Tiền và kênh/kinh Bảo Định - Người viết) *ngăn trở, sau tựa Chằm Mãng Trạch* (tức Đồng Tháp Mười - Người viết)*”*. Năm 1779, đạo Trường Đồn được nâng lên dinh Trường Đồn. Lỵ sở dinh Trường Đồn vẫn đặt tại giồng Kiến Định.

Năm 1781, dinh Trường Đồn được đổi tên lại là dinh Trấn Định. Lỵ sở dinh Trấn Định vẫn đặt tại giồng Kiến Định. Đến năm 1792, lỵ sở dinh Trấn Định mới dời về thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho (thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An; nay là khu vực Chợ Cũ thuộc các phường 2, 3, 8, TP Mỹ Tho).

Năm 1808, dưới thời vua Gia Long, vùng đất Châu Thành bao gồm hai tổng Kiến Thuận và Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Lỵ sở phủ Kiến An kiêm nhiếp huyện Kiến Hưng đóng tại thôn Tân Lý Tây. Năm 1836, dưới đời vua Minh Mạng, vùng đất này là bốn tổng Thuận Trị, Thuận Bình, Hưng Nhơn và Hưng Nhượng, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Huyện lỵ đặt tại thôn Tân Hiệp (nay lả thị trấn Tân Hiệp).

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất Châu Thành thuộc hạt Thanh tra Mỹ Tho. Năm 1871, vùng đất Châu Thành bao gồm bốn tổng Thuận Trị, Thuận Bình, Hưng Nhơn và Hưng Nhượng thuộc hạt Tham biện Mỹ Tho. Năm 1876, bốn tổng Thuận Trị, Thuận Bình, Hưng Nhơn và Hưng Nhượng thuộc Trung tâm hành chính Mỹ Tho. Năm 1902, bốn tổng này thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1912, quận Châu Thành được thành lập, có 3 tổng: Thuận Bình (15 làng), Thuận Trị (16 làng) và Lợi Trường (3 làng được tách từ quận Cai Lậy là Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn).

Năm 1925, do thực hiện việc chia tách, nên tổng Thuận Bình còn 13 làng, tổng Thuận Trị còn 10 làng. Năm 1927, xóa hẳn tổng Lợi Trường, nhập 3 làng Bàn Long, Phú Phong và Kim Sơn vào tổng Thuận Bình. Năm 1928,quận Châu Thành nhận thêm tổng Hưng Nhơn và tổng Hưng Nhượng từ quận Bến Tranh vừa bị giải thể. Lúc này, tổng Hưng Nhượng cũng bị giải thể và sáp nhập vào tổng Hưng Nhơn.

Sau nhiều lần sáp nhập và thành lập các làng mới, từ năm 1933 - 1954, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho có 33 làng trực thuộc với các tên gọi mới như sau:

- Tổng Hưng Nhơn gồm 10 làng: Hưng Thạnh Mỹ (hợp nhất Hưng Thạnh, Mỹ Điền và Phước Lộc), Phú Mỹ, Tân Hội Đông, Tân Hòa Thành (hợp nhất Tân Hội Tây, Dương Hòa và Tân Thành), Tân Lý Đông (sáp nhập Tân Lập vào Tân Lý Đông), Long Định (sáp nhập Định Hòa vào Long Định), Nhị Bình, Tân Hương (sáp nhập Tân Hương Tây vào Tân Hương), Tân Hiệp, Tân Lý Tây.

- Tổng Thuận Trị gồm 10 làng: Thân Cửu Nghĩa (hợp nhất Thân Nhơn, Cửu Viễn và Nghĩa Hữu), Tam Hiệp (hợp nhất Nhơn Hòa, An Hội và Long Hội Tây), Long An (hợp nhất Long Hội và An Vĩnh), Bình Đức (hợp nhất Bình Tạo, An Đức và Tân Thuận), Đạo Thạnh (hợp nhất Đạo Ngạn và Thạnh Trị), Trung An (hợp nhất Trung Lương và An Đức Đông), Thới Sơn, Điều Hòa, Phú Đức, Phú Túc.

- Tổng Thuận Bình gồm 13 làng: Song Thuận (hợp nhất Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây), Vĩnh Kim (hợp nhất Vĩnh Kim Đông và Vĩnh Kim Tây), Hữu Đạo, Dưỡng Điềm, Điềm Hy, Đông Hòa (hợp nhất Bình Đông và Bình Hòa Đông), Bình Trưng (hợp nhất Bình Sơn và Phong Trưng), Phước Thạnh (hợp nhất An Phước và An Thạnh), Long Hưng, Thạnh Phú, Kim Sơn, Bàn Long, Phú Phong.

Về phía chính quyền cách mạng, từ năm 1945-1954, không gọi quận Châu Thành, mà là huyện Châu Thành; không có đơn vị hành chính cấp “tổng”; không gọi “làng” mà là “xã” với 33 xã mà tên gọi như cách gọi thuộc quận Châu Thành.

Từ năm 1954 - 1975, về phía chính quyền Sài Gòn, năm 1956, hai xã Phú Túc và Phú Đức thuộc quận Châu Thành được sáp nhập vào quận Bình Đại, tỉnh Kiến Hòa (nay là tỉnh Bến Tre). Cũng trong năm này, quận Bến Tranh được tái lập. Lúc này, tổng Hưng Nhơn được trả về cho quận Bến Tranh như thời kỳ 1913 - 1928. Quận lỵ Bến Tranh ban đầu vẫn đặt tại xã Lương Hòa Lạc (trước đó thuộc quận Chợ Gạo); tuy nhiên, năm 1957, quận lỵ quận Bến Tranh được dời từ xã Lương Hòa Lạc tới xã Tân Hiệp (ngày nay là thị trấn Tân Hiệp thuộc huyện Châu Thành).

Như vậy, khoảng thời gian năm 1956, 1957, huyện Châu Thành ngày nay bao gồm hai quận Châu Thành (quận lỵ đặt tại xã Điều Hòa (kiêm thêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường) và Bến Tranh (quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp) cùng thuộc tỉnh Định Tường.

Năm 1958, lập xã Tân Long trên phần đất cù lao Rồng thuộc quận Châu Thành. Năm 1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, quận lỵ đặt tại xã Long Định. Năm 1964, chia quận Long Định thành hai quận Châu Thành và Long Định. Quận Châu Thành có quận lỵ đặt tại xã Trung An, gồm 2 tổng Thuận Trị với 6 xã, Thuận Hòa (mới lập) với 6 xã, trong đó có nhận thêm 2 xã Mỹ Phong, Tân Mỹ Chánh tách từ quận Chợ Gạo. Quận Long Định, quận lỵ đặt tại xã Long Định còn 2 tổng: Thuận Bình với 7 xã, Lợi Trường (lập lại) với 7 xã.

Sau năm 1965, các tổng đều bị giải thể. Về sau, quận lỵ quận Châu Thành cũng được dời qua xã Đạo Thạnh (kế bên xã Trung An).

Năm 1969, quận Long Định đổi tên là quận Sầm Giang, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim.

Năm 1970, chính quyền Sài Gòn cải biến xã Điều Hòa thành thị xã Mỹ Tho.

Cho đến năm 1975, theo sự phân chia, sắp xếp hành chính của chính quyền Sài Gòn, vùng đất huyện Châu Thành bao gồm:

- Quận Châu Thành có 11 xã: Bình Đức, Đạo Thạnh, Long An, Mỹ Phong, Phước Thạnh, Tam Hiệp, Tân Long, Tân Mỹ Chánh, Thạnh Phú, Thới Sơn, Trung An. Quận lỵ đặt tại xã Trung An.

- Quận Bến Tranh có 15 xã: Tân Hội Đông, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hoà Thành, Phú Mỹ, Lương Hoà Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Trung Hoà. Quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp.

- Quận Sầm Giang có 14 xã: Hưng Thạnh Mỹ, Nhị Bình, Long Định, Dưỡng Điềm, Điềm Hy, Hữu Đạo, Bình Trưng, Bàn Long, Phú Phong, Đông Hòa, Vĩnh Kim, Kim Sơn, Long Hưng, Song Thuận. Quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim.

Về phía chính quyền Cách mạng, địa giới hành chính của huyện Châu Thành thuộc tỉnh Mỹ Tho vẫn được duy trì như trước năm 1956.

Năm 1967, Trung ương Cục miền Nam nâng cấp thị xã Mỹ Tho lên thành thành phố Mỹ Tho, là đơn vị hành chính cấp tỉnh trực thuộc Khu 8, tồn tại ngang bằng với tỉnh Mỹ Tho cho đến năm 1976. Địa bàn thành phố Mỹ Tho bao gồm các xã Điều Hòa, Đạo Thạnh, Trung An, Tân Long, Mỹ Phong, Tân Mỹ Chánh vốn cùng thuộc địa bàn quận Châu Thành, tỉnh Định Tường của chính quyềnSài Gòn.

Đồng thời, tên gọi xã Hưng Thạnh Mỹ của chính quyền thực dân Pháp và sau đó là chính quyền Sài Gòn sử dụng không được phía chính quyền Cách mạng công nhận; mà thay vào đó, vẫn giữ nguyên tên của hai xã riêng biệt là Hưng Thạnh và Mỹ Phước như trước khi chính quyền thực dân Pháp cho hợp nhất hai xã này và lấy tên chung là Hưng Thạnh Mỹ. Ngoài ra, chính quyền Cách mạng vẫn duy trì xã Tân Lập như trước thời điểm xã này bị chính quyền thực dân Pháp giải thể và sáp nhập vào xã Tân Lý Đông.

Năm 1969, huyện Châu Thành được chia thành hai huyện là Châu Thành Bắc và Châu Thành Nam thuộc tỉnh Mỹ Tho. Ranh giới giữa hai huyện này chủ yếu được lấy theo tuyến đường Quốc lộ 4 lúc bấy giờ (ngày nay là Quốc lộ 1).

Huyện Châu Thành Bắc có 16 xã: Tân Hội Đông, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hoà Thành, Tân Lập, Phú Mỹ, Long An, Tam Hiệp, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Nhị Bình, Long Định, Điềm Hy.

Huyện Châu Thành Nam có 14 xã: Bình Đức, Phước Thạnh, Thạnh Phú, Thới Sơn, Dưỡng Điềm, Hữu Đạo, Bình Trưng, Bàn Long, Phú Phong, Đông Hòa, Vĩnh Kim, Kim Sơn, Long Hưng, Song Thuận

Bên cạnh đó, chính quyền Cách mạng vẫn đặt các xã Lương Hoà Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Thanh Bình, Trung Hoà thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng hợp nhất hai huyện Châu Thành Bắc và Châu Thành Nam thành huyện Châu Thành thuộc tỉnh Mỹ Tho. Đồng thời, xã Tân Hòa Đông thuộc huyện Châu Thành cũng được thành lập do tách một phần diện tích tích tự nhiên và dân số từ xã Tân Đông thuộc quận Tuyên Nhơn, tỉnh Kiến Tường (nay là tỉnh Long An).

Từ tháng 3/1976, huyện Châu Thành thuộc tỉnh Tiền Giang. Huyện lỵ là thị trấn Tân Hiệp, được thành lập trên toàn bộ phần đất xã Tân Hiệp. Huyện Châu Thành ban đầu gồm 31 đơn vị hành chính trực thuộc là các xã: Bàn Long, Bình Đức, Bình Trưng, Điềm Hy, Đông Hòa, Dưỡng Điềm, Hưng Thạnh, Hữu Đạo, Kim Sơn, Long An, Long Định, Long Hưng, Mỹ Phước, Nhị Bình, Phú Mỹ, Phú Phong, Phước Thạnh, Song Thuận, Tam Hiệp, Tân Hòa Đông, Tân Hòa Thành, Tân Hội Đông, Tân Hương, Tân Lập, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây, Thân Cửu Nghĩa, Thạnh Phú, Thới Sơn, Vĩnh Kim và thị trấn Tân Hiệp.

Năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở tách một phần diện tích tự nhiên và dân số hai huyện Châu Thành và Cai Lậy. Lúc này, 6 xã Tân Hòa Đông, Hưng Thạnh, Mỹ Phước, Phú Mỹ, Tân Lập và Tân Hòa Thành thuộc huyện Châu Thành được giao cho huyện Tân Phước quản lý.

Sau khi thành lập huyện Tân Phước (1994), huyện Châu Thành còn lại diện tích tự nhiên 25.376,03 hécta với nhân khẩu 243.880, có 25 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm 24 xã: Phú Phong, Kim Sơn, Song Thuận, Bàn Long, Vĩnh Kim, Bình Trưng, Hữu Đạo, Đông Hoà, Long Hưng, Dưỡng Điềm, Điềm Hy, Nhị Bình, Long Định, Tam Hiệp, Phước Thạnh, Thạnh Phú, Bình Đức, Thân Cửu Nghĩa, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hội Đông, Tân Hương, Long An, Thới Sơn và thị trấn Tân Hiệp.

Năm 2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho. Theo đó, điều chỉnh 2.585,77 ha diện tích tự nhiên và 24.440 nhân khẩu của huyện Châu Thành, bao gồm: điều chỉnh 1.211,64 ha diện tích tự nhiên và 5.505 nhân khẩu của xã Thới Sơn; điều chỉnh 329,90 ha diện tích tự nhiên và 4.174 nhân khẩu của xã Long An; điều chỉnh 177,69 ha diện tích tự nhiên và 1.754 nhân khẩu của xã Thạnh Phú; điều chỉnh 510,01 ha diện tích tự nhiên và 6.177 nhân khẩu của xã Phước Thạnh; điều chỉnh 356,53 ha diện tích tự nhiên và 6.830 nhân khẩu của xã Bình Đức về thành phố Mỹ Tho quản lý. Trong đó, phần diện tích và dân số của 3 xã Long An, Phước Thạnh và Thạnh Phú lập thành xã Phước Thạnh mới thuộc thành phố Mỹ Tho. Phần diện tích và dân số của xã Bình Đức nhập vào xã Trung An; điều chỉnh 323,14 ha diện tích tự nhiên và 3.093 nhân khẩu còn lại của xã Phước Thạnh về xã Thạnh Phú quản lý.

Trong lịch sử, trên địa bàn huyện Châu Thành, năm 1785, đã diễn ra một chiến công hiển hách; đó là việc nghĩa quân Tây Sơn và nhân dân ta dưới sự chỉ huy tài ba của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ đã đánh bại cuộc xâm lược của 5 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền trên sông Tiền đoạn từ Rạch Gầm đến rạch Xoài Mút, bảo vệ vững chắc nền độc lập ở vùng đất phương Nam của Tổ quốc.

Trong công cuộc giải phóng dân tộc (1930-1975), Đảng bộ Châu Thành đã lãnh đạo nhân dân giành những thắng lợi hết sức vang dội, tiêu biểu nhất là: Khởi nghĩa Nam kỳ (xã Long Hưng là nơi xuất hiện lá cờ đỏ sao vàng, danh xưng Việt Nam dân chủ công hòa quốc, Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh và Tòa án Nhân dân cách mạng đầu tiên trên cả nước), trận đánh đồn cầu Đúc - Long Định (1946), mặt trận Kênh Xáng (1946), chiến thắng Giồng Dứa (1947)…trong kháng chiến chống Pháp; cuộc đấu tranh chính trị tại ngã ba Chim Chim, vành đai diệt Mỹ ở Bình Đức…trong kháng chiến chống Mỹ. Lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Châu Thành và 12 xã: Long Hưng, Kim Sơn, Bình Đức, Tam Hiệp, Song Thuận, Điềm Hy, Bình Trưng, Nhị Bình, Long Định, Bàn Long, Thạnh Phú và Vĩnh Kim được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Huyện có 18 xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới: Long An (2015), Tân Hội Đông (2015), Tam Hiệp (2016), Kim Sơn (2016), Tân Lý Tây (2017), Vĩnh Kim (2018), Tân Lý Đông (2018), Hữu Đạo (2019), Nhị Bình (2019), Tân Hương (2019), Phú Phong (2019), Thân Cửu Nghĩa (2020), Thạnh Phú (2020), Dưỡng Điềm (2020), Long Hưng (2020), Bình Trưng (2020), Đông Hòa (2020), Long Định (2021); 01 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị: Tân Hiệp (2020).

Đặc sản: trái vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim, trái sapôchê Mặc Bắc, cháo lòng Tân Hiệp,...

**Dân số:** 266.062 người (năm 2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 47,106 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Nhờ vị trí địa lý thuận lợi, toàn huyện có Quốc lộ 1 đi xuyên qua chiều dài của huyện, nằm cặp bờ sông Tiền; cửa ngõ của Tiền Giang với Thành phố Hồ Chí Minh nên kinh tế của huyện phát triển khá nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp và thương mại - dịch vụ, đến năm 2020. cơ cấu như sau:Khu vực I (Nông nghiệp): 40,38%; Khu vực II (Công nghiệp): 32,06%; Khu vực III (Thương mại và dịch vụ): 27,56%.

*Về nông nghiệp:* Chủ yếu là kinh tế vườn, có diện tích 11.359 ha với các loại cây chủ yếu như sapô, nhãn, vú sữa và các loại cây có múi với sản lượng hàng năm khoảng 135.000 tấn.

Cây lúa có diện tích canh tác 4.990 ha, sản lượng hàng năm khoảng 8.000 tấn.

Cây rau màu thực phẩm diện tích xuống giống hàng năm khoảng 7.200 ha.

*Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:*

Huyện có 709 cơ sở sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, qui mô vốn 950,34 tỷ đồng, giải quyết việc làm 18.642 lao động. Hiện có 1 cụm Công nghiệp Song Thuận 5 ha, đang quy hoạch cụm Công nghiệp Tam Hiệp qui mô 80 ha.

*Về thương mại - dịch vụ:*

Huyện có 18 chợ, trong đó có 1 chợ đầu mối là Vĩnh Kim, có sức mua bán trao đổi khá lớn, huyện đang kêu gọi đầu tư mở rộng.

**Giáo dục:**

Mạng lưới trường học từ giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông của huyện tiếp tục được duy trì và phát triển. Năm 2020, toàn huyện có 23 trường mầm non, 23 trường tiểu học, 16 trường trung học cơ sở, 05 trường trung học phổ thông. Tổng số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia là 36 trường (11 mầm non, 15 tiểu học, 10 trung học cơ sở).

**Y tế:**

Trên địa bàn huyện có 27 cơ sở y tế, trong đó có 1 Trung tâm Y tế (có bệnh viện) thực hiện 2 chức năng (Y tế dự phòng và khám, chữa bệnh), 3 phòng khám đa khoa khu vực (Dưỡng Điềm, Vĩnh Kim, Tân Hương) và 23 trạm y tế xã, thị trấn.

Về nhân lực, toàn huyện có tổng cộng 474 cán bộ ngành y và 42 cán bộ ngành dược, trong đó có 63 bác sĩ và 04 dược sĩ.

Năm 2015, một số chỉ tiêu phát triển của lĩnh vực y tế:

- Số giường bệnh/vạn dân: 3,45

- Số bác sĩ/ vạn dân: 2,55 (trung bình của tỉnh là 6 bác sĩ/vạn dân)

- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ: 100%

- Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc Y sĩ sản - nhi: 100%

- Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã: 26,08% (6/23 xã, thị trấn)

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị SDD: 12,3% (của tỉnh là 13,1%).

Hệ thống y tế ngoài công lập năm 2020 có: 53 phòng khám tây y, 02 phòng khám răng hàm mặt, 11 phòng chẩn trị, 01 nhà bảo sanh, 03 nhà thuốc tư nhân, 08 nhà thuốc y học dân tộc, 224 đại lý thuốc và 11 cơ sở mua bán thuốc thành phẩm, bình quân có 12,4 cơ sở mua bán thuốc phục vụ 1 vạn dân.

Năm 2020, có 61,2% người dân tham gia bảo hiểm y tế, 100% xã, thị trấn trên địa bàn đã có bác sĩ và hộ sinh hoặc y sĩ sản, 100% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin phòng ngừa, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống trong thời gian qua, hiện còn 12,3%. Hoạt động chăm sóc, bảo vệ bà mẹ và trẻ em trong thời gian qua cũng đã đạt được nhiều kết quả tích cực (tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh ở trạm y tế giảm, số lượt khám thai/ khám phụ khoa và số người sinh trong cơ sở y tế tăng…).

**Giao thông:**

- Mạng lưới giao thông bộ

Trên địa bàn huyện có nhiều loại hình đường giao thông khác nhau: đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và hệ thống giao thông nông thôn, đóng vai trò kết nối giao thương hàng hóa, đi lại của người dân trong và ngoài huyện.

*Đường cao tốc, quốc lộ:*

+ Đường cao tốc: đoạn cao tốc qua địa bàn huyện là một phần của đường cao tốc Tp. Hồ Chí Minh – Trung Lương – Cần Thơ, dài 11 km, có điểm đầu tại xã Tân Hội Đông và điểm cuối tại xã Thân Cửu Nghĩa. Đây là trục quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, góp phần rút ngắn khoảng cách không gian giữa Châu Thành với các trung tâm kinh tế lớn ở phía Nam như: TP Hồ Chí Minh, TP Cần Thơ.

+ Quốc lộ 1:

Quốc lộ (QL) 1 đoạn đi qua địa bàn huyện dài 22 km, được phân thành 2 nhánh và giao nhau tại Trung An (Tp. Mỹ Tho), nhánh 1 đi qua các xã, thị trấn thuộc vùng Đông Bắc huyện: thị trấn Tân Hiệp, xã Tân Hương, Tân Lý Tây, Thân Cửu Nghĩa và Long An, đóng vai trò là trục phát triển kinh tế đối với vùng Đông Bắc huyện. Nhánh 2 có điểm đầu tại ranh xã Tam Hiệp và điểm cuối tại ranh xã Điềm Hy, đóng vai trò là trục hành lang phát triển kinh tế đối với các xã Tam Hiệp, Long Định, Nhị Bình, Điềm Hy, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Long Hưng và Thạnh Phú.

*Đường tỉnh (ĐT):*

+ ĐT 864:

- Về đường: đoạn qua huyện dài 12,5 km, kết cấu mặt đường bê tông nhựa và láng nhựa, tình trạng khai thác tốt, có đặc điểm nằm song song với QL 1 và cặp sông Tiền, kết nối với ĐT 876 và ĐT 870 và đi qua các xã Phú Phong, Kim Sơn, Song Thuận, Bình Đức, đóng vai trò là trục giao thông quan trọng đối với phát triển kinh tế vườn tại các xã phía Nam của huyện, đồng thời kết nối thông thương với TP Mỹ Tho.

- Về cầu: đoạn qua huyện có 5 cầu: cầu Xoài Mút, cầu Kinh Xáng, cầu Rạch Gầm, cầu Phú Phong, cầu cống Song Thuận.

+ ĐT 866:

- Về đường: toàn tuyến đi qua huyện Tân Phước và Châu Thành, đoạn qua địa bàn huyện dài 7 km, qua các xã: Tân Hội Đông, Tân Lý Đông và Tân Lý Tây, kết cấu mặt đường chủ yếu là láng nhựa, tình trạng khai thác tốt.

- Về cầu: đoạn qua huyện có 1 cầu.

+ ĐT 866B

- Về đường: tuyến đi qua khu công nghiệp Đông Nam Tân Phước, đoạn qua huyện dài 2,1 km, đạt cấp IV đồng bằng, kết cấu mặt đường láng nhựa, tình trạng khai thác tốt, có đặc điểm nằm vắt ngang xã Tân Lý Đông và kết nối với ĐT 866.

- Về cầu: đoạn qua huyện có cầu vượt số 10 dài 260m thuộc dự án cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Trung Lương.

+ ĐT 867

- Về đường: tuyến đi qua 2 huyện, kết nối xã Long Định với thị trấn Mỹ Phước (huyện Tân Phước), chạy dọc theo kênh Nguyễn Tấn Thành (kênh Xáng - Long Định), đoạn qua huyện dài 3,9 km, hiện đang trong tình trạng khai thác tốt.

- Về cầu: đoạn qua huyện có 4 cầu (cầu Chợ, cầu Ván, cầu Ba Râu, cầu Dừa).

+ ĐT 870:

- Về đường: là một trong các tuyến đường sườn nối liền QL1 và ĐT.864; toàn tuyến dài 5,7km, đạt cấp IV đồng bằng, kết cấu mặt bê tông nhựa, tình trạng khai thác tốt.

- Về cầu: toàn tuyến có 1 cầu với chiều 12,5m; tải trọng 25T.

+ ĐT 874:

- Về đường: đoạn qua huyện nằm trên địa bàn xã Điềm Hy, đóng vai trò kết nối Điềm Hy với thị trấn Mỹ Phước (huyện Tân Phước); đoạn qua huyện dài 1,9 km, đạt cấp V đồng bằng, kết cấu mặt đường láng nhựa, tình trạng khai thác tương đối tốt.

- Về cầu: đoạn qua huyện có 2 cầu (cầu Điềm Hy và cầu Kinh Ngang).

+ ĐT 876:

- Về đường: toàn tuyến dài 8,59km, đạt cấp IV đồng bằng, kết cấu mặt đường BTN, tình trạng khai thác tuyến tương đối tốt, đóng vai trò là trục giao thông xương sống trong phát triển kinh tế vườn đối với các xã phía Nam QL 1A với trung tâm là xã Vĩnh Kim.

- Về cầu: toàn tuyến có 2 chiếc với tổng chiều dài 63,5m; cầu Vĩnh Kim và cầu Song Thuận, tải trọng 30 tấn.

+ ĐT 878:

- Về đường: điểm đầu tại đường nhánh cao tốc TP HCM – Trung Lương (xã Tam Hiệp), điểm cuối giao với ĐT.865 (xã Hưng Thạnh); đoạn qua huyện dài 1,25 km, nằm trên địa bàn xã Tam Hiệp và xã Tân Lý Đông, đây là trục giao thông quan trọng kết nối với vùng đô thị - công nghiệp Đông Nam Tân Phước, hiện đã được phê duyệt đang chuẩn bị khởi công xây dựng.

+ ĐT 878B:

- Về đường: đoạn qua huyện dài 1,4 km, nằm trùng với ranh giới 2 xã Tân Hương và Tân Lý Tây, đạt cấp IV đồng bằng, kết cấu mặt đường láng nhựa, tuyến trong trạng thái khai thác tốt.

- Về cầu: toàn tuyến có 1 cầu dài 38m (cầu Hòa Tịnh, tải trọng 12 tấn, nằm trên địa bàn huyện Chợ Gạo).

*Đường huyện (ĐH):*

Tổng chiều dài 73,5 km, bao gồm các tuyến: ĐH 31, ĐH 32, ĐH 33, ĐH 34, ĐH 35B, ĐH 35, ĐH 36, ĐH 37, ĐH 38, ĐH 38B, ĐH 39, ĐH Dây Thép đóng vai trò kết nối các trung tâm xã với hệ thống đường tỉnh và mạng lưới đường quốc gia (quốc lộ, cao tốc), góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói chung và đảm bảo thông thương giữa các xã và thị trấn trên địa bàn huyện.

*Giao thông nông thôn:*

Một số tuyến đường trục chính, giao thông nông thôn trọng điểm của các xã đã được đầu tư xây dựng láng nhựa, đan bê tông cốt thép đã tạo nên bộ mặt nông thôn mới cho các xã. Trong giai đoạn 2011-2013 đã đầu tư xây dựng 150 công trình giao thông nông thôn, tổng chiều dài 95,3 km, tổng nguồn vốn đầu tư trên 60 tỷ đồng, được huy động từ các nguồn vốn khác nhau: vốn tín dụng ưu đãi, vốn tỉnh hỗ trợ và nhân dân đóng góp và nguồn vốn từ chương trình xây dựng nông thôn mới.

*Giao thông nội thị:*

Các tuyến đường giao thông nội thị đã được đầu tư nâng cấp, mở rộng, xây mới đã tạo nên nét văn minh và mỹ quan đô thị cho thị trấn Tân Hiệp.

+ Đánh giá chung:

Các tuyến đường tỉnh và đường huyện được hình thành theo mạng xương cá với trục chính là Quốc lộ 1, phân bố rộng khắp đảm bảo sự giao thương hàng hóa, giao lưu văn hóa và nhu cầu đi lại của người dân trên địa bàn. Khu vực phía Bắc và phía Tây QL1 các tuyến đường tỉnh và đường huyện phân nhánh từ QL1 hướng về Chợ gạo, TP Mỹ Tho và vùng Đồng Tháp Mười như: ĐH.878B nối liền QL1 từ Tân Lý Tây đi Tân Bình Thạnh (Chợ Gạo) và cắt ĐT.879B đi Long An. Khu vực phía Nam QL1: Giữa trục QL1 và trục ĐT.864, các tuyến đường tỉnh và đường huyện nối liền 2 trục này tạo thành mạng lưới giao thông trong khu vực kinh tế vườn. Ngoài ra còn có trục phụ Đông - Tây là tuyến đường liên 6 xã (ĐH.35), đi qua Vĩnh Kim và nối với các tuyến đường trục đô thị của TP Mỹ Tho.

Hệ thống đường tỉnh là khá nhiều nhưng đa phần không nằm trọn tuyến trên địa bàn huyện, các tuyến có chiều dài tương đối ngắn (khoảng 1-2 km), như: ĐT 874, ĐT 867, ĐT 866B, ĐT 878, ĐT 878B.

Hệ thống đường huyện kết nối chặt chẽ với hệ thống đường tỉnh đảm bảo yêu cầu vận chuyển hàng hóa và nhu cầu đi lại của nhân dân trên địa bàn.

- Mạng lưới giao thông thủy

Trên địa bàn huyện có sông Tiền, dài 7,6 km là tuyến đường thủy nội địa cấp đặc biệt do Trung ương quản lý, đóng vai trò phục vụ giao thông cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đi Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyến kênh Nguyễn Tấn Thành (Kênh Xáng) là tuyến kênh cấp III, do Trung ương quản lý, đoạn qua huyện dài 11,8 km, đóng vai trò kết nối giao thông vùng Đồng Tháp Mười với sông Tiền.

Hệ thống kênh rạch do huyện và tỉnh quản lý phân bố khá chằng chịt, nhất là ở các xã phía Nam QL 1A, khu vực có điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế vườn. Trong khi đó, ở các xã phía Bắc và phía Đông QL 1, hệ thống kênh rạch nhỏ và không có điều kiện thuận lợi để phát triển dưới sự tác động của cống điều tiết ngọt hóa Bến Chùa.

**Văn hóa:**

Châu Thành còn là một trong những nơi có truyền thống văn hoá lâu đời được phát huy qua nhiều thế hệ. Chính nơi đây đã sản sinh và thu hút nhiều nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, nhà khoa học, bác sĩ, nhạc sĩ nổi tiếng như: TS Phan Hiển Đạo, nhà thơ Nguyễn Văn Lạc (Học Lạc), chí sĩ Mai Bạch Ngọc, gia đình nội ngoại của GS.TS Trần Văn Khê về âm nhạc (Trần Quang Diệm, Trần Ngọc Viện (Diện), Trần Văn Chiều, GS.TS Trần Văn Khê, Trần Văn Trạch, TS Trần Quang Hải, Nguyễn Tri Túc, Nguyễn Tri Lạc, Nguyễn Tri Khương, Nguyễn Mỹ Ca), bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng, kỹ sư Canh nông Ngô Tấn Nhơn, GSTS Âm nhạc Nguyễn Văn Nam, bác sĩ Trần Nam Hưng, bác sĩ Trần Khải Siêu, bác sĩ Trần Hữu Di (ba anh em ruột đều theo ngành Y), nhà giáo Đặng Minh Trứ, Tiến sĩ Thú y Trương Tấn Ngọc, nhà thơ Khổng Nghi, PGS.TS Văn học Nguyễn Tấn Phát,... mà trung tâm là vùng Chợ Giữa - Vĩnh Kim nổi danh cả nước với danh xưng “làng tiến sĩ”. Đặc biệt, huyện còn có gánh hát Đồng Nữ Ban – gánh hát nữ duy nhất, nổi tiếng một thời, từng biểu diễn khắp Nam kỳ Lục tỉnh.

Năm 2020, các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần làm cho đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân thêm phong phú. Tiếp tục bảo quản và khai thác có hiệu quả trang thiết bị hiện có, nâng cao chất lượng, nội dung chương trình truyền thanh, công tác tuyên truyền phản ánh kịp thời tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị của huyện… nhất là trong dịp Tết Nguyên đán, kỷ niệm các ngày lễ lớn.

Hàng năm tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, hội thi, hội diễn và phối hợp ban, ngành, đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng, các hoạt động văn hóa, trưng bày triển lãm… Công tác thông tin tuyên truyền cổ động trực quan đến tận hộ dân, các giá trị văn hóa truyền thống được lưu giữ và phát huy, đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục truyền thống, nâng cao ý thức chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước trong nội bộ và nhân dân tại địa phương.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn với xây dựng “Nông thôn mới” được đẩy mạnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Đến nay, tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hoá 94,52%; có 22 xã được công nhận xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới và 1 thị trấn văn minh đô thị; 133/133 ấp văn hoá.

**Thể thao:**

Năm 2020, Huyện có 36 sân bóng đá mini, 5 sân tennis, 41 sân bóng chuyền, 45 sân cầu lông, 1 hồ bơi, 1 câu lạc bộ võ thuật, 1 câu lạc bộ thẩm mỹ, 1 nhà thi đấu cầu lông, 100% các trường học đều có sân bãi và dạy tốt môn thể dục thể thao nội khóa.

Phong trào thể dục, thể thao tiếp tục phát triển và có nhiều tiến bộ rõ nét, thể thao quần chúng được phát động và hưởng ứng rộng rãi. Giáo dục thể chất trong nhà trường được duy trì thường xuyên. Công tác xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao có nhiều chuyển biến tích cực, sân bãi luyện tập và thi đấu được đầu tư, thu hút số người thường xuyên tham gia luyện tập thể dục thể thao tăng lên đáng kể. Tỷ lệ % dân số tập TDTT thường xuyên đạt 30%. Nhìn chung, phong trào thể dục thể thao trong thời gian qua có chuyển biến tích cực nhưng còn tự phát, chưa thường xuyên.

**Du lịch:**

Du lịch Châu Thành mang đậm nét đặc trưng du lịch sinh thái, sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã và đang thu hút ngày càng nhiều du khách trong và ngoài nước đến với Tiền Giang nói chung và Châu Thành nói riêng. Huyện Châu Thành có 4 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia (Di tích chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, Di tích Đình Long Hưng, Di tích Bia căm thù Chợ Giữa, Di tích chiến thắng Giồng Dứa), 20 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh và một số điểm tham quan khác, như khu sinh vật cảnh Đồng Tâm (Trại rắn Đồng Tâm), các làng nghề truyền thống như: làng nghề truyền thống thủ công mỹ nghệ Tân Lý Đông, Tân Lý Tây, làng nghề truyền thống bàng buông Thân Cửu Nghĩa, làng nghề truyền thống dệt chiếu Long Định, làng nghề truyền thống kim hoàn ở xã Tân Hương và làng nghề chiếu cói Bình Đức. Bên cạnh đó, huyện còn có những vườn cây ăn trái ven sông Tiền rất thích hợp với phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch miệt vườn.

Sản phẩm du lịch của huyện gồm: du lịch sinh thái nghỉ dưỡng gắn với tham quan nghiên cứu di tích lịch sử - văn hóa, du lịch miệt vườn và du lịch gắn với tham quan tìm hiểu hoạt động sản xuất của các làng nghề truyền thống.

Tiềm năng phát triển du lịch của Châu Thành là rất lớn, trong thời gian qua phát triển khá nhanh, tuy nhiên cách thức tổ chức hoạt động du lịch thiếu tính liên kết, chậm cải tiến về hình thức, nội dung hoạt động, loại hình du lịch còn đơn điệu, sản phẩm du lịch ít được đổi mới bổ sung, chủ yếu là kinh doanh ăn uống nhỏ lẻ và nhà nghỉ bình dân, chất lượng phục vụ chưa cao, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất ngành du lịch thiếu đồng bộ nên vòng quay của khách còn thấp.

**Tổng số liệt sĩ:** 5.750 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 1.060 Bà mẹ.

**2.** **Thị trấn Tân Hiệp**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

合 Hiệp: Hợp lại, gộp lại

**市鎮**: Thị trấn

新合**市鎮** Tân Hiệp Thị trấn

**Vị trí địa lý:**

Thị trấn Tân Hiệp là trung tâm hành chính - kinh tế - văn hóa - xã hội của huyện, nằm về phía Đông Bắc của huyện Châu Thành, phía Bắc giáp xã Tân Lý Đông và xã Tân Lý Tây, phía Nam giáp xã Thân Cửu Nghĩa, phía Tây giáp xã Tân Lý Đông và xã Thân Cửu Nghĩa, phía Đông giáp xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo.

**Diện tích tự nhiên:** 75,75 ha.

**Hành chính:**

Thị trấn có 04 ấp: ấp Ga, ấp Me, ấp Cá, ấp Rẫy.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Hiệp, thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Hiệp thuộc tổng Hưng Nhượng, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, là phủ lỵ của phủ Kiến An.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng[[32]](#footnote-32) Tân Hiệp thuộc tổng Hưng Nhượng, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhượng, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho. Năm 1928, làng Tân Hiệp thuộc tổng Hưng Nhơn, quân Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hiệp Lý (do hai xã Tân Hiệp và Tân Lý Tây hợp nhất) thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tân Hiệp thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Hiệp thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, gọi là xã Tân Hiệp thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Hiệp được nâng lên thành thị trấn Tân Hiệp, là huyện lỵ của huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, thị trấn đạt chuẩn đô thị loại V. Năm 2020, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị.

**Dân số:** 6.430 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 48 triệu/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của thị trấn tập trung vào lĩnh vực thương mại - dịch vụ. Năm 2020, trên địa bàn thị trấn hiện có 596 cơ sở thương mại - dịch vụ - sản xuất kinh doanh*.* Trong đó: Doanh nghiệp tư nhân: 14, Công nghiệp: 28, Vận tải: 22, Thương nghiệp: 347, Dịch vụ khác: 82, Lưu trú, ăn uống: 103. Chợ Tân Hiệp có hoạt động buôn bán rất nhộn nhịp.

Bên cạnh đó, người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ngoài ra, thị trấn còn có một số cơ sở sửa chữa gia công cơ khí, may mặc và sản xuất bánh kẹo nhỏ lẻ,…

**Giáo dục:**

Thị trấn có 03 trường học: Trường mầm non Tân Hiệp (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Hiệp (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Đoàn Giỏi. 100% đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn.

Thi trấn đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mẩm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các khu phố đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

**Giao thông:**

Năm 2020, 100% các con đường trên địa bàn thị trấn đã được trải nhựa hoặc bê tông hoá, lát gạch vĩa hè nội thị, trồng cây xanh hai bên đường tạo sự thông thoáng, mát mẽ, không che khuất tầm nhìn, người dân đi lại, buôn bán dễ dàng, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

**Văn hóa:**

Thị trấn có nhà văn hóa đạt chuẩn quy định. Các ấp đều có trụ sở kiêm điểm văn hóa được xây dựng khang trang.

Phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây đời sống văn hóa”* luôn được sự quan tâm lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy đảng, chính quyền; qua phát động phong trào hàng năm có 100% số hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, tỷ lệ hộ đạt 3 tiêu chuẩn gia đình văn hoá đạt từ 95 – 98% trên tổng số hộ đăng ký; bốn ấp đều được tái công nhận ấp văn hóa.

Thị trấn có 02 đội kèn tây, 01 đội lân và 01 câu lạc bộ đờn ca tài tử.

**Du lịch:** Thị trấn chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Năm 2020, thị trấn có 06 đội bóng đá, 04 đội bóng chuyền, 01 đội thể dục dưỡng sinh, 01 đội cầu lông, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh; số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên: 2.583/6458 người, đạt 39,99%; số gia đình thể dục thể thao: 413/1.181 hộ, đạt 34,97%.

**Tổng số liệt sĩ:** 45 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 07 Bà mẹ.

**3.** **Xã Bàn Long**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

蟠 Bàn: Uốn khúc

龍 Long: Rồng

蟠龍社 **Bàn Long** Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bàn Long nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Kim Sơn và xã Vĩnh Kim; phía Tây giáp xã Phú Phong và xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy; phía Bắc giáp xã Bình Trưng và xã Hữu Đạo; phía Nam: Giáp xã Kim Sơn và xã Vĩnh Kim.

**Diện tích tự nhiên**: 894 ha.

**Hành chính:**

Xã có 6 ấp: Long Trị, Long Thạnh, Long Hòa A, Long Hòa B, Long Thành A, Long Thành B.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Bàn Long thuộc tổng Kiến Lợi; huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường; năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Bàn Long thuộc tổng Lợi Trường, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng Bàn Long thuộc tổng Lợi Trường, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bàn Long thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Bàn Long, tổng Lợi Trường, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bàn Long thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Bàn Long thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bàn Long thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 8523 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người**: 50,8 triệu/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng cây ăn trái, giữ vai trò chủ yếu trong nền kinh tế của xã. Các lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ có xu hướng ngày càng phát triển.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và

**Y tế:**

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 03 y sĩ và 01 dược sĩ.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

**Giao thông:**

Hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã gồm Đường huyện 35, đường xã, đường ấp và đường dân sinh:

Đường xã: có 03 tuyến với tổng chiều dài 6.730 m.

Đường ấp: có 07 tuyến với tổng chiều dài 8.012 m.

Đường dân sinh: Có 62 tuyến với tổng chiều dài khoảng 41.052 m.

Tất cả các tuyến đường đã được nhựa hóa, bê tông hóa và cứng hóa.

Xã có hệ thống sông rạch chằng chịt, quan trọng nhất là Rạch Gầm và rạch rau Răm đều đổ ra sông Tiền, thuận lợi cho giao thông đường thủy.

**Văn hóa:**

Xã có trung tâm văn hóa - thể thao; 06/06 ấp có nhà văn hóa ấp.

Hàng năm các hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa đều đạt tỷ lệ 100% và cuối năm xét công nhận đạt tỷ lệ trên 95%.

Xã có 06/06 ấp được công nhận và giữ vững danh hiệu “Ấp văn hóa” theo quy định liên tục từ 05 năm liền trở lên (đạt tỉ lệ 100%).

Xã Bàn Long có hai ngôi chùa: chùa Bửu Long ở ấp Long Thạnh, chùa Bửu Linh ở ấp Long Trị, có di tích Vịnh Cá Bông ấp Long Trị, đền thờ liệt sĩ Quân – Dân y Châu Thành - Mỹ Tho ở ấp Long Hòa B.

**Du lịch:** Không.

**Thể thao:**

Hằng năm, xã đều tham gia các giải thể thao cấp huyện: bóng đá, kéo co, cầu lông, bóng chuyền,... Có các câu lạc bộ: takewondo, cầu lông, bóng đá, bóng chuyền.

Số hộ tập luyện thể thao thường xuyên 572/2.190 hộ chiếm 26,11%, số người tập luyện thường xuyên 2.596/8.613 người đạt 30,14%.

**Tổng số liệt sĩ:** 279 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 52 Bà mẹ.

**4.** **Xã Bình Đức**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

徳 Đức: Đạo đức, đức hạnh

平徳社 **Bình Đức** Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Đức nằm về phía Nam Quốc lộ 1 của huyện Châu Thành, phía Đông: giáp xã Trung An (TP Mỹ Tho), phía Bắc giáp xã Thạnh Phú và xã Long Hưng, phía Nam giáp sông Tiền và xã Thới Sơn (TP Mỹ Tho), phía Tây giáp kinh Nguyễn Tất Thành, xã Song Thuận và xã Long Hưng.

###### Diện tích tự nhiên: 870,24 ha.

**Hành chính:**

Xã được chia làm 3 ấp: Lộ Ngang, Tân Thuận A và Tân Thuận B.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn là An Đức Chánh, An Đức Đông và Bình Tạo, đều thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường; năm 1836, đời vua Minh Mạng, có bốn thôn là An Đức, An Đức Đông, Bình Tạo và Tân Thuận, đều thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, các làng Tân Thuận, An Đức, An Đức Đông và Bình Tạo thuộc tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, bốn làng này thuộc quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hợp nhất ba làng Tân Thuận, An Đức và An Đức Đông thành làng Thuận Đức; năm 1932, hợp nhất hai làng Thuận Đức và làng Bình Tạo thành làng Bình Đức thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Đức thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Bình Đức, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bình Đức thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Bình Đức thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1964, thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bình Đức thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, gồm 5 ấp: Tân Thuận, Lộ Ngang, Bình Taọ, ấp Chợ và ấp Đồng.

Tháng 6/2009, theo Đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã Bình Đức, huyện Châu Thành để mở rộng thành phố Mỹ Tho, toàn bộ diện tích và dân số ấp Đồng và ấp Bình Tạo; một phần diện tích và dân số ấp Lộ Ngang và ấp Chợ của xã Bình Đức được giao cho thành phố Mỹ Tho quản lý. Năm 2023, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 7.735 người (2020)

**Thu nhập bình quân đầu người:** 58 triệu đồng/ người/ năm (2020).

**Kinh tế:**

Xã Bình Đức có Đường tỉnh 870 và Đường tỉnh 864 đi qua, lại tiếp giáp giữa Khu công nghiệp Mỹ Tho và Cụm công nghiệp Song Thuận nên tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nông nghiệp xã không giữ vai trò chủ đạo, toàn xã chỉ có 216 hộ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, chiếm 9,46% số hộ trên địa bàn toàn xã, các loại cây trồng chủ yếu trên địa bàn xã là nhãn, dừa, chuối,...

Kinh tế của xã chủ yếu là công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ khác. Trên địa bàn xã có 60 doanh nghiệp. Trong đó: có 03 doanh nghiệp sản xuất, lau bóng gạo; 09 doanh nghiệp sản xuất, chế biến thủy sản, còn lại các doanh nghiệp khác kinh doanh trên các lĩnh vực khác như đóng tàu, mua bán sắt thép, phế liệu… và 460 hộ kinh doanh, thương mại dịch vụ.

Hoạt động trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp, các ngành sản xuất thủy hải sản, kinh doanh lương thực, dệt may ổn định, các ngành dịch vụ mua bán được phát triển.

**Giáo dục**

Trên địa bàn xã có 02 trường gồm: trường Mầm non Bình Đức và trường Tiểu học Bình Đức. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế**

Xã có 1 trạm Y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã. Trạm có 08 cán bộ, nhân viên: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 hộ sinh, 02 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Trên địa bàn xã có 27 tuyến đường bao gồm: 02 đường xã, 03 đường ấp và 22 đường dân sinh với tổng chiều dài khoảng 10.300m. Đường hiện trạng có là: đường nhựa, đan bê tông cốt thép, đan bê tông không thép.

- Đường xã: Các tuyến giao thông đường xã gồm 2 tuyến gồm đường Vành Đai và đường Lộ Ngang; tổng chiều dài là 3.000m; kết cấu: láng nhựa.

- Đường ấp:gồm 3 tuyến, tổng chiều dài 2.900m đã được bê tông hóa.

- Đường ngõ, xóm: có 22 tuyến chiều dài 6.400m, không lầy lội vào mùa mưa, được cứng hóa 100%.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa xã với hội trường có sức chứa 250 chổ ngồi. Trên địa bàn xã có 03/03 ấp đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

**Du lịch:**

Có Trại rắn Đồng Tâm thu hút đông đảo du khách khắp nơi đến tham quan.

**Thể thao:**

Trên địa bàn xã có 01 sân bóng đá mini tư nhân, tọa lạc ấp Lộ Ngang diện tích 500m2 , phục vụ cho việc đá bóng cho các em học sinh, công nhân và nhân dân trong xã.

**Tổng số liệt sĩ:** 80 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 21 Bà mẹ.

**5.** **Xã Bình Trưng**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

嬍 Trưng: Trưng tập, gọi đến

平嬍社 Bình Trưng Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Bình Trưng nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành, phía bắc giáp xã Dưỡng Điềm, Nhị Bình, phía đông giáp xã Đông Hoà, phía tây giáp xã Hữu Đạo và Bàn Long, phía Nam giáp xã Vĩnh Kim.

**Diện tích tự nhiên:** 918,12 ha.

**Hành chính:**

Xã có 08 ấp: Bình Hòa A, Bình Hòa B, Bình Thới A, Bình Thới B, Bình Trung, Bình Thuận, Bình Thạnh, Bình Phú.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Bình Sơn thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường; năm 1836, đời vua Minh Mạng, tôn này thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường; năm 1852, đời vua Tự Đức, có thêm thôn Phong Trưng, thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Bình Sơn và Phong Trưng thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, hai làng này thuộc quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Bình Sơn và Phong Trưng được hợp nhất, lấy tên là làng Bình Trưng thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Bình Trưng thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Bình Trưng, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Bình Trưng thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Bình Đức thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Bình Trưng thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 9.636 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50,39 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nhất là kinh tế vườn với nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế, như bưởi da xanh, sa pô chê, vú sữa… Trong lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, phát triển mô hình kinh tế hợp tác nông nghiệp, công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật thường xuyên được sự giúp đỡ của các ngành chức năng trong tỉnh và huyện; việc ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất đạt hiệu quả; chất lượng các mặt hàng nông sản từng bước đáp ứng kinh tế thị trường; cuộc sống của nông hộ không ngừng được cải thiện nâng cao.

Trên lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ, xã có 01 cơ sở sản xuất rau củ quả; 01 công ty may giày tại ấp Bình Trung thu hút trên 100 lao động trong và ngoài địa phương, 18 hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống,...

**Giáo dục:**

Xã có 01 Trường tiểu học Bình Trưng và 01 Trường mầm non Bình Trưng. Cả hai trường đều đạt chuẩn quốc gia. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Xã có 100% đường trục xã, liên xã, 94,78% đường trục ấp, liên ấp và 64,57% đường ngõ xóm đã được được nhựa hóa, bê tông hóa đạt chuẩn

Năm 2020, xã có 61 tuyến đường giao thông nông thôn thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của xã. Với tổng chiều dài 52,35 km, gồm có 04 tuyến đường xã dài 5,115 km; 04 tuyến đường ấp dài 7,949 km và 53 tuyến đường dân sinh dài 39,291 km.

**Văn hóa:**

Địa bàn xã có 05/08 cơ sở thờ tự được công nhận cơ sở thờ tự văn hóa, đạt tỷ lệ 62,5%.

Xã có 1 nhà văn hóa xã gồm 3 phòng chức năng sức chứa hơn 200 người và 3 nhà văn hóa liên ấp. Các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

**Du lịch**: Không

**Thể thao**:

Xã có sân tập thể dục - thể thao ở nhà văn hóa xã và nhà văn hóa liên ấp.

**Tổng số liệt sĩ:** 284 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 64 Bà mẹ.

**6.** **Xã Dưỡng Điềm**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

养 Dưỡng: Nuôi dưỡng

恬 Điềm: Bình tĩnh, điềm đạm, yên ổn

养恬社 **Dưỡng Điềm** Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Nhị Bình; phía Tây giáp xã Hữu Đạo; phía Bắc giáp xã Điềm Hy, phía Nam giáp xã Bình Trưng.

**Diện tích tự nhiên:** 344,11 ha.

**Hành chính:**

Xã có 05 ấp:  Bình, Hòa, Tây, Thuận, Trung Nam.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Đức Đông thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có thêm thôn Tân Đức Tây; hai thôn Tân Đức Đông và thôn Tân Đức Tây thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; trong thập niên 1860, hai làng Tân Đức Tây và Tân Đức Đông được hợp nhất lấy tên là làng Tân Đức; năm 1876, làng Tân Đức được tách ra: Tân Đức Tây được đổi thành Điềm Hy, Tân Đức Đông được đổi thành Dưỡng Điềm; từ năm 1900, làng Dưỡng Điềm thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Dưỡng Điềm thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Dưỡng Điềm, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Dưỡng Điềm thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Dưỡng Điềm thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Dưỡng Điềm thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuần xã Nông thôn mới.

**Dân số:** 6.487người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50,2 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của địa phương là sản xuất nông nghiệp nhất là trồng cây ăn trái, như sa pô chê, dừa bưởi, chanh, cam,…

Ngoài ra, người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, và buôn bán nhỏ.

**Giáo dục:**

Xã có 04 trường học: Trường mầm non Dưỡng Điềm (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Dưỡng Điềm, Trường trung học cơ sở Dưỡng Điềm, Trường trung học phổ thông Dưỡng Điềm.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 03 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

**Giao thông:**

Đi ngang qua xã có Quốc lộ 1.

Xã 78 tuyến đường giao thông nông thôn, tất cả đều được trải bê tông, đảm đảm lưu thông và phục vụ vận chuyển hàng hóa, nông sản.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa xã, 01 câu lạc bộ Đờn ca tài tử, 01 câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp khang trang.

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 96% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa.

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 04 sân bóng đá mini, 01 sân bong chuyền, 01 đội bóng đá của xã, 05 đội bóng đá của 05 ấp, 01 đội bóng chuyền của xã, 05 đội bóng đá của 05 ấp và 01 câu lạc bộ dưỡng sinh.

**Tổng số liệt sĩ:** 155 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 23 Bà mẹ.

**7.** **Xã Điềm Hy**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

恬 Điềm: Bình tĩnh, điềm đạm, yên ổn

**僖** Hy: Vui vẻ, vui mừng

恬**僖**社 **Điềm Hy** Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Điềm Hy nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Nhị Bình, huyện Châu Thành; phía Tây giáp hai xã Tân Hội và Tân Phú, thị xã Cai Lậy; phía Nam xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành; phía Bắc giáp xã Phước Lập, huyện Tân Phước.

**Diện tích tự nhiên:** 1.385 ha.

**Hành chính:**

Xã có 04 ấp: ấp Hưng, ấp Thới, ấp Bắc A, ấp Bắc B.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, có hai thôn Tân Đức Đông và thôn Tân Đức Tây thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; trong thập niên 1860, hai làng Tân Đức Tây và Tân Đức Đông được hợp nhất lấy tên là làng Tân Đức; năm 1876, làng Tân Đức được tách ra: Tân Đức Tây được đổi thành Điềm Hy, Tân Đức Đông được đổi thành Dưỡng Điềm; từ năm 1900, làng Điềm Hy thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Điềm Hy thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Điềm Hy, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Điềm Hy thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Điềm Hy thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Điềm Hy thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2023, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 11.659 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của địa phương là sản xuất nông nghiệp. Xã có hai vùng đất khác nhau: từ phía bắc Quốc lộ 1 đến đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận là vùng nước ngọt, đất đai màu mỡ, nước phù sa Sông Tiền chảy vào thích hôp cho việc trồng cây ăn trái và rau màu; từ đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận đến giáp xã Phước Lập, huyện Tân Phước là vùng đất thấp bị nhiễm phèn nên nhân dân trồng lúa nước, chất lượng, năng suất khá.

Ngoài ra, người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản, làm nghề đan lát và buôn bán nhỏ.

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Điềm Hy, Trường tiểu học Điềm Hy.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

**Giao thông:**

Đi ngang qua xã có Quốc lộ 1, Đường tỉnh 874, Đường huyện 38B.

Xã 76 tuyến đường giao thông nông thôn, tất cả đều được trải bê tông và hệ thống kênh/kinh rạch chằng chịt, đảm đảm lưu thông và phục vụ vận chuyển hàng hóa, nông sản.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa xã, tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp khang trang.

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 97% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa.

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 04 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền và 03 câu lạc bộ dưỡng sinh.

**Tổng số liệt sĩ:** 222 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 51 Bà mẹ.

**8.** **Xã Đông Hòa**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

東 Đông: Phía đông

和 Hòa: Hoà hợp, hoà thuận

東和社 Đông Hòa Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Long Hưng; phía Tây giáp xã Bình Trưng; phía Nam giáp xã Vĩnh Kim; phía Bắc giáp xã Nhị Bình và xã Long Định.

**Diện tích tự nhiên:** 736,41 ha.

**Hành chính:**

Xã có 8 ấp: Dầu, Đông A, Đông B, Nguơn, Tây B, Tân Trang, Thới, Trung.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn là Bình Đông và Bình Thuyên Đông (có tài liệu ghi là Bình Toàn Đông), thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; làng Bình Thuyên Đông được đổi tên thành Bình Hòa Đông; từ năm 1900, hai làng Bình Đông và Bình Hòa Đông thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, hai làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Bình Đông và Bình Hòa Đông hợp nhất, lấy tên là Đông Hòa thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Đông Hòa thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Đông Hòa, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Đông Hòa thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Đông Hòa thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Đông Hòa thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 9.927(2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50,48 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của địa phương là sản xuất nông nghiệp; tập trung vào việc trồng cây ăn trái, như vú sữa, sa pô chê, dừa, bưởi da xanh,…

Ngoài ra, người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản và buôn bán nhỏ.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Đông Hòa (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Điềm Hy Đông Hòa, Trường trung học cơ sở Đông Hòa (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 01 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Đi ngang qua xã có Quốc lộ 1, Đường tỉnh 876.

Xã 81 tuyến đường giao thông nông thôn, tất cả đều được trải bê tông và hệ thống kênh/kinh rạch chằng chịt, đảm đảm lưu thông và phục vụ vận chuyển hàng hóa, nông sản.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định; năm 2019, được công nhận Xã văn hóa. Tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa và có nhà văn hóa ấp khang trang.

Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 94% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa.

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 03 sân cầu lông, 02 sân bóng đá mini, 01 sân bong chuyền, 08 đội bóng đá, 08 đội bóng chuyền.

**Tổng số liệt sĩ:** 122 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 10 Bà mẹ.

**9.** **Xã Hữu Đạo**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

有 Hữu: Có, hữu ích, sung túc

道 Đạo: Đạo lý, đạo nghĩa

有道社 **Hữu Đạo** Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Hữu Đạo nằm ở phía tây của huyện Châu Thành, phía đông và phía bắc giáp xã Dưỡng Điềm, Bình Trưng, phía tây giáp xã Nhị Quý thuộc thị xã Cai Lậy và xã Mỹ Long thuộc huyện Cai Lậy, phía nam giáp xã Bàn Long.

**Diện tích tự nhiên:** 392,75 ha.

**Hành chính:**

Xã có04 ấp: Hữu Bình, Hữu Hòa, Hữu Thuận, Hữu Lợi.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Hữu Đạo thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Hữu Đạo thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Hữu Đạo thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Hữu Đạo, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Hữu Đạo thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Hữu Đạo thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Hữu Đạo thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới. Năm 2023, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 5.355 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 49 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Về nông nghiệp, xã tập trung đẩy mạnh kinh tế vườn, trồng các loại cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao như sầu riêng, bưởi, sa pô chê,…. Ngoài ra, còn có một số hộ buôn bán nhỏ lẻ.

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Hữu Đạo, Trường tiểu học Hữu Đạo, được xây dựng theo chuẩn nông thôn mới đáp ứng cho nhu cầu dạy và học cho con em trong và ngoài xã. Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 cán bộ, nhân viên: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 93% (2020).

**Giao thông:**

Về đường thủy, xả có hệ thống kênh/kinh, rạch chằng chịt, quan trọng là kênh Trời Xanh, kênh Chùa, kênh Hội Đồng,....

Về đường bộ, các tuyến đường liên xã, đường liên ấp đều được trải nhựa và trải bê tông, tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, đi lại của nhân dân.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định, các ấp đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa, 04/04 ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

**Du lịch:** Không có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có các địa điểm tập luyện thể dục, thể thao ở sân nhà văn hóa xã và các trường học.

**Tổng số liệt sĩ:** 165 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 33 Bà mẹ.

**10.** **Xã Kim Sơn**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

金 Kim: Vàng

山 Sơn: Núi

金山社 Kim Sơn Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Kim Sơn nằm ở phía Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Song Thuận, phía Tây giáp xã Phú Phong, phía Nam giáp sông Tiền, phìa Bắc giáp hai xã Bàn Long và Vĩnh Kim.

**Diện tích tự nhiên**: 1.169,088 ha.

**Hành chính:**

Xã có 04 ấp: ấp Đông, ấp Tây, ấp Mỹ, ấp Hội.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Hữu Đạo thuộc tổng Kiến Lợi, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Kim Sơn thuộc tổng Lợi Trường, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Lợi Trường, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1927, làng Kim Sơn thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Kim Sơn thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Kim Sơn, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Kim Sơn thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Kim Sơn thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Kim Sơn thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới.

**Dân số:** 10.578 người (2020).

**Thu thập bình quân đầu người:** 50,2 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là trồng cây ăn trái: sa pô chê, vú sữa, cam, quýt, bưởi,... Năm 2020, sản lượng bình quân từ cây ăn trái đạt 19.500 tấn. Xã có 01 hợp tác xã cung ứng dịch vụ nông nghiệp, 04 tổ hợp tác trái sapôchê thương hiệu Mặc Bắc ở 4 ấp.

Về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đa phần các doanh nghiệp nằm cặp Đường tỉnh 864, Đường tỉnh 876 và cặp sông Tiền. Năm 2020, toàn xã có 30 công ty, doanh nghiệp.

Thương mại, dịch vụ có bước phát triển. Năm 2020, xã có 272 hộ kinh doanh nhỏ, lẻ.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Kim Sơn, Trường tiểu học Kim Sơn, Trường trung học cơ sở Rạch Gầm. Cả 3 trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đặt chuẩn Quốc gia, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 3 y sĩ, 01 hộ sinh, 1 dược sĩ, 01 y tá.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Xã có 82 tuyến đường giao thông với tổng chiều dài 60.954 m, gồm đường xã; đường ấp; đường xóm, đã được trải nhựa và bê tông. Giao thông đường thủy thuận lợi với hệ thống sông rạch chằng chịt, quan trọng là sông Tiền và Rạch Gầm.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa, trong đó có hội trường đa năng (diện tích 450 m2 với 250 chỗ ngồi) phục vụ sinh hoạt văn hóa của toàn xã.

Xã có có 01 câu lạc bộ đờn ca tài tử, 01 Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia: Di tích Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, có 4/4 ấp đạt ấp văn hóa và có nhà văn hóa.

Hàng năm có 100% hộ đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có trên 92 % số hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

**Du lịch:**

Di tích Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng đá có diện tích trên 6.700m2, các sân tập luyện thể dục, thể thao ở nhà văn hóa xã và nhà văn hóa các ấp, 01 CLB cầu lông, 04 CLB bóng đá, 04 CLB bóng chuyền, 04 CLB dưỡng sinh. Phong trào Thể dục - thể thao ngày càng phát triển. Số người tham gia luyện tập TDTT thường xuyên 67%, số hộ gia đình thể thao 32% chất lượng ngày càng nâng lên.

**Tổng số liệt sĩ:** 378 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 65 Bà mẹ.

**11.** **Xã Long An**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

安 An: Bình an, an toàn, yên ổn

隆安社 Long An Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Long An nằm ở phía Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp sông Bảo Định, xã Đạo Thạnh (thành phố Mỹ Tho), xã Lương Hòa Lạc (huyện Chợ Gạo), phía Tây giáp xã Tam Hiệp, phía Bắc giáp xã Thân Cửu Nghĩa, phía Nam giáp xã Phước Thạnh (thành phố Mỹ Tho).

**Diện tích tự nhiên:** 646,29 ha.

**Hành chính:**

Xã Long An có 04 ấp: Long Tường, Long Thới, Long Bình, Long Thạnh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Long Hội và An Vĩnh, đều thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này đều thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Long Hội và An Vĩnh thuộc tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, hai làng này thuộc tổng Lợi Trường, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1932, hai làng Long Hội và An Vĩnh hợp nhất thành làng Long An thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long An thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long An, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Long An thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, đặt xã Long An thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long An thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới. Năm 2023, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 9.865 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 52,5 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp: trồng cây ăn trái, rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản

Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, năm 2020, trên địa bàn xã có 03 doanh nghiệp tư nhân, 03 công ty trách nhiệm hữu hạn, 01 công ty cổ phần, 01 cơ sở sản xuất bàng buông xuất khẩu.

Về thương mại dịch vụ, do xã có nhiều tuyến giao thông chính đi qua, nên việc kinh doanh thương mại - dịch vụ được thuận lợi, năm 2020, xã có 351 cơ sở hoạt động.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Long An, Trường tiểu học Long An, Trường trung học cơ sở Long An. Tất cả ba trường này đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã, có 10 biên chế: 06 y sĩ, 02 dược sĩ, 1 điều dưỡng, 01 hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có Tổ y tế.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

**Giao thông:**

Năm 2020,xã có 118 tuyến đường giao thông nông thôn đều được trải nhựa và bê tông, thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của xã.

**Văn hoá:**

Xã có Nhà văn hoá xã với Hội trường đa năng: 500m2, 250 chỗ ngồi, có 04 nhà văn hóa ấp, các nhà văn hoá ấp đều xây dựng đạt chuẩn, đảm bảo sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng dân cư trên địa bàn.

Năm 2020, 100% số hộ đăng ký thực hiện 3 tiêu chuẩn gia đình văn hóa đạt 100%; cuối năm bình xét có 98% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

**Du lịch:**

Xã có 01 điểm du lịch sinh thái tại ấp Long Thạnh (Trạm dừng chân Mê-Kông).

**Thể thao:**

Xã có 05 sân bóng đá mini, 01 hồ bơi.

Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên của xã: 3.643/9865 người, đạt 36,98%.

**Tổng số liệt sĩ:** 91 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 21 Bà mẹ.

**12.** **Xã Long Định**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

定 Định: Ổn định, yên ổn

隆定社 Long Định Xã

**Vị trí địa lý**

Xã Long Định nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Tam Hiệp, phía Tây giáp xã Nhị Bình, phía Nam giáp xã Long Hưng, xã Đông Hòa, phía Bắc giáp xã Phước Lập và xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước.

**Diện tích tự nhiên:** 1.779 ha.

**Hành chính**

Xã có 08 ấp và 01 khu phố: ấp Mới, ấp Kinh 2A, ấp Tây 1, ấp Tây 2, ấp Trung, ấp Keo, ấp Đông, ấp Long Hòa B và Khu phố Lương Minh Chánh.

**Lịch sử hình thành**

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Long Định thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Long Định được chia tách thành hai thôn là Long Định và Định Hòa; đều thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Long Định và Định Hòa thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1905, hai làng này được hợp nhất thành làng Long Định; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1942, làng Long Định thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long Định thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long Định, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Long Định thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Long Định thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long Định thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới.

**Dân số:** 16.197 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50,7 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, trong đó chủ lực là trồng cây ăn trái với những loại cây có giá trị kinh tế, như bưởi da xanh, cam, mít, sa pô chê,…

Xã có một chợ trung tâm phục vụ mua sắm cho nhân dân trên địa bàn xã và một phần nhân dân các xã lân cận như xã Long Hưng, Nhị Bình, Đông Hoà, Tam Hiệp huyện Châu Thành và xã Phước Lập huyện Tân Phước; có làng nghề Dệt chiếu có khoảng 330 hộ làm nghề dệt chiếu, có 01 Hợp tác xã thương mại dịch vụ, đồng thời có các cơ quan trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn như Viện nghiên cứu cây ăn quả Miền Nam, Trung tâm bảo vệ thực vật phía Nam rất thuận lợi cho việc nhân dân trồng lúa, cây ăn quả và rau màu... và có một Công ty cổ phần rau quả Tiền Giang tạo việc làm cho trên 1.000 lao động của xã.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Long Định, Trường tiểu học Long Định, Trường trung học cơ sở Long Định (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học.

**Y tế:**

Xã có trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, với 08 biên chế: 01 bác sĩ, 06 y sĩ và 01 dược sĩ.

Toàn xã có 09 tổ y tế ấp. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 92% (2020).

**Giao thông:**

Xã có tuyến Quốc lộ 1 đi ngang qua dài hơn 5,4 km, Đường tỉnh 867 chiều dài hơn 04 km, Đường huyện 33, Đường huyện lộ 38B; có tuyến kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành và hệ thống kênh rạch chằng chịt.

Xã có 86 tuyến đường giao thông nông thôn được bê tông hoá, nhựa hoá với 11,891 km trải bê tông, 11,552 km trải nhựa rất thuận tiện cho việc đi lại và lưu thông hàng hoá.

Các tuyến đường giao thông thủy - bộ đã tạo thuận lợi choviệc đi lại và lưu thông hàng hóa, sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định, được công nhận xã đạt chuẩn văn hóa năm 2020; có 08 ấp và 01 khu phố đạt chuẩn ấp văn hóa; tất cả các ấp và khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa. Hằng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 97,4% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa.

**Du lịch:**

Xã có làng nghề dệt chiếu ở Khu phố Lương Minh Chánh và Công ty sản xuất kẹo sôcôla Kim My ở ấp Tây 2, thường xuyên có các đoàn tham quan của du khách trong và ngoài nước.

**Thể thao:**

Xã có 10 đội bóng đá, 01 đội bóng chuyền và 03 câu lạc bộ dưỡng sinh.

**Tổng số liệt sĩ:** 332 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 63 Bà mẹ.

**13.** **Xã Long Hưng**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

隆 Long: Hưng thịnh, long trọng

興 Hưng: Hưng thịnh

隆興社 Long Hưng Xã

**Vị trí địa lý:**

XãLong Hưng nằm phía Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Thạnh Phú; phía Tây giáp xã Vĩnh Kim, Đông Hòa, Song Thuận; phía Nam giáp xã Bình Đức; phía Bắc giáp xã Long Định.

**Diện tích tự nhiên:** 1.497 ha.

**Hành chính:**

Xã Long Hưng có 9 ấp: Thạnh Hòa, Long Thuận A, Long Thuận B, Long Thới, Long Thạnh A, Long Lợi, Long Bình A, Long Bình B và ấp Nam.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Long Thạnh và Long Hưng, thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. năm 1936, đời vua Minh Mạng, hai thôn Long Thạnh và Long Hưng được hợp nhất thành thôn Long Hưng, thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Long Hưng thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Long Hưng thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Long Hưng, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Long Hưng thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Long Hưng thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Long Hưng thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới.

**Dân số:** 14.345 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 54 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tập trung vào việc trồng cây ăn trái (vú sữa, sa pô chê, bưởi danh xanh, cam, dừa,…) và trồng rau màu. Ngoài ra người dân còn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản theo mô hình kinh tế hộ và trang trại nhỏ.

Về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, năm 2020, trên địa bàn xã có 24 doanh nghiệp và 195 hộ sản xuất cá thể với các ngành như may gia công, sản xuất thực phẩm, cấp nước sinh hoạt nông thôn,…

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường: Trường mầm non Long Hưng, Trường tiểu học Long Hưng và Trường trung học cơ sở Long Hưng.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 05 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Bảo hiểm y tế toàn dân đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Hệ thống đường bộ, có Quốc lộ 1 qua xã 5 km, Đường huyện 35 qua xã 6 km, Đường huyện 34 qua xã 8 km, đường Vành đai Đồng Tâm - Long Hưng - Thạnh Phú - Bình Đức qua xã 6 km, hệ thống đường giao thông liên xóm ấp có 24 đường trải bê tông và nhựa, tổng chiều dài 22,6 km.

Hệ thống giao thông đường thủy có kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành, kênh/kinh Xáng Cụt, kênh/kinh Đào, kênh/kinh Kháng Chiến.

Hệ thống giao thông thủy, bộ tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, giao thương hàng hóa được dễ dàng.

**Văn hóa:**

Xã có nhà Văn hóa xã, 9 ấp có trụ sở ấp kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, có Khu Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia Nam kỳ khởi nghĩa, Khu mộ bia Gò Me, Bia Chiến thắng, Chùa Ông Hiếu, Lăng thân sinh Tả quân Lê văn Duyệt,...

**Du lịch:**

Khu Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia Nam kỳ khởi nghĩa, Khu mộ bia Gò Me, Bia Chiến thắng, Chùa Ông Hiếu, Lăng thân sinh Tả quân Lê văn Duyệt,... thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan.

**Thể thao:**

Số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt 35% so với dân số trong toàn xã. Xã có 01 câu lạc bộ thể dục thể thao, 02 sân bóng chuyền, 01 sân cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 614 liệt sĩ.

**Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 114 Bà mẹ.

**14.** **Xã Nhị Bình**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

二 Nhị: Hai, số hai

平 Bình: Hoà bình, bình đẳng

二平社 Nhị Bình Xã

**135.2. Vị trí địa lý:**

Xã Nhị Bình nằm ở phía Tây của huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Đông Hòa, xã Long Định; phía Tây giáp xã Điềm Hy, xã Dưỡng Điềm: phía Nam giáp xã Bình Trưng, phía Bắc giáp xã Phước Lập, huyện Tân Phước.

**Diện tích tự nhiên:** 1.889,68 ha.

**Hành chính:**

Xã có 8 ấp: ấp Hưng, ấp Tây, ấp Hòa, ấp Nam, ấp Trung A, ấp Trung B, ấp Đông A, ấp Đông B.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Bình Yên và Bình Thuyên Đông (còn gọi là Bình Toàn Đông), thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này được hợp nhất thành thôn Nhị Bình thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Nhị Bình thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1928, làng Nhị Bình thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Nhị Bình thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Nhị Bình, tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Nhị Bình thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Nhị Bình thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Nhị Bình thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Xã nông thôn mới.

**Dân số:** 19.200 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 55 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Hoạt động kinh tế của địa phương chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp. Xã triển khai thực hiện hiệu quả cánh đồng lớn ở các ấp phía Bắc Quốc lộ 1, phát triển mạnh rau màu và cây ăn trái ở các ấp phía Nam Quốc lộ 1 và thương mại dịch vụ phát triển mạnh ở các trục lộ chính đi ngang qua địa bàn và ở chợ Gò Lũy.

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, năm 2020, xã có 19 doanh nghiệp, 1.892 hộ kinh doanh thương mại, dịch vụ và buôn bán nhỏ lẻ, 01 hợp tác xã thương mại - dịch vụ, đặc biệt thương mại, dịch vụ phát triển mạnh ở các trục lộ chính đi ngang qua địa bàn và ở chợ Gò Lũy.

**Giáo dục:**

Xã Nhị Bình có 03 trường học: Trường mầm non Nhị Bình, Trường Tiểu học Nhị Bình, Trường trung học cơ sở Bùi Văn Hòa. Cả ba trường đều được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**135.10. Y tế:**

Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 12 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 06 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Bảo hiểm y tế toàn dân đạt 91% (2020).

**Giao thông:**

Xã Nhị Bình có Quốc lộ 1, Đường huyện 37, kênh/kinh Kháng Chiến đi ngang qua và hệ thống kênh/kinh, rạch chằng chịch nên rất thuận lợi trong việc đi lại và lưu thông hàng hóa, sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Về giao thông nông thôn (đường xã, đường ấp, đường dân sinh) có tổng chiều dài 58,554 km, gồm có đường xã 05 tuyến dài 8,925 km; đường ấp 02 tuyến dài 2,898 km và đường dân sinh 48 tuyến dài 46,731 km

**Văn hóa:**

Xã có 08/08 ấp trên địa bàn xã được công nhận và giữ vững danh hiệu “Ấp văn hóa” trong 05 năm liên tục (từ năm 2016 đến năm 2020).

Có nhà văn hóa xã và 05 nhà văn hóa ấp đạt chuẩn theo quy định.

Xã có 1 Câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

**Du lịch:** Không.

**Thể thao:**

Hoạt động thể dục thể thao từng bước được phát triển, nâng cao cả về mặt số lượng lẫn chất lượng, các môn được người dân tham gia tập luyện nhiều nhất đó là môn bóng đá, bóng chuyền hơi, chạy bộ...

Có 01 câu lạc bộ bóng đá và 02 câu lạc bộ bóng chuyền thu hút đông đảo thanh thiếu niên trên địa bàn xã tham gia.

**Tổng số liệt sĩ**: 595 liệt sĩ.

**Tổng số bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 106 Bà mẹ.

**15.** **Xã Phú Phong**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

富 Phú: Giàu có

豐 Phong: Đầy, thịnh, đẹp, được mùa

富豐社 Phú Phong Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Phú Phong nằm về phía Tây Nam của huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Kim Sơn, phía Tây giáp xã Tam Bình (huyện Cai Lậy), phía Nam giáp với sông Tiền, phía bắc giáp với xã Bàn Long.

**Diện tích tự nhiên:** 1.027,35 ha.

**Hành chính:**

Xã có 6 ấp: Phú Hoà, Phú Ninh, Phú Thuận, Phú Long, Phú Quới và Phú Thạnh

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Phú Phong thuộc tổng Kiến Lợi; huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, trấn Định Tường; năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Phú Phong thuộc tổng Lợi Trường, huyện Kiến Đăng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Phú Phong thuộc tổng Lợi Trường, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, làng này thuộc tổng Lợi Trường, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1927, làng Phú Phong thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Phú Phong thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Phú Phong, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Phú Phong thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Phú Phong thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Phú Phong thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 7.234 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 49 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, tập trung vào việc trồng các cây có giá trị kinh tế, như vú sữa, sầu riêng, bưởi, cây sapôchê, dừa,...

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xã có 06 doanh nghiệp, 01 hợp tác xã Dịch vụ vật tư nông nghiệp.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường Mầm non Phú Phong, Trường tiểu học Phú Phong, Trường trung học cơ sở Phú Phong.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

**Giao thông:**

Xã có 63 tuyến đường giao thông nông thôn thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của xã với tổng chiều dài 47,448 km, gồm có đường xã 01 tuyến, dài 2,02 km; đường ấp 03 tuyến, dài 5,95km và đường dân sinh 59 tuyến, dài: 39,79 km. Tất cả các tuyền đường đã được trải nhựa và bê tông.

Giao thông đường thủy thuận lợi do có hệ thống sông, rạch chằng chịt, quan trọng là sông Tiền, rạch Rau Răm,...

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa xã, trong đó có hoặc hội trường đa năng (diện tích 500m², hơn 200 chỗ ngồi); 03 nhà văn hóa liên ấp: nhà văn hóa liên ấp Phú Thạnh - Phú Quới - Phú Long, nhà văn hóa liên ấp Phú Hòa - Phú Ninh, ấp Phú Thuận do có địa giới hành chính riêng lẻ nên xây dựng riêng một nhà văn hóa ấp, đạt chuẩn đảm bảo sinh hoạt văn hóa phục vụ cộng đồng dân cư trên địa bàn. Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân bóng đá mini ở ấp Phú Thạnh, diện tích 800m², tận dụng tất cả các sân trường tiểu học, sân trường trung học, sân nhà văn hóa xã và nhà văn hóa liên ấp để làm sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân tập thể dục dưỡng sinh,..

Có 03 câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh, 06 câu lạc cầu lông và 6 câu lạc bộ bóng chuyền, 01 phòng tập gym.

**Tổng số liệt sĩ:** 230 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 47 Bà mẹ.

**16.** **Xã Song Thuận**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

双 Song: Đôi, cặp

順 Thuận: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ

双順社 Song Thuận xã

**Vị trí địa lý**

Xã Song Thuận nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành; phía Đông giáp kinh Nguyễn Tấn Thành; phía Tây giáp xã Kim Sơn; phía Nam giáp Sông Tiền; phía Bắc giáp xã Long Hưng.

**Diện tích tự nhiên:** 783,92 ha.

**Hành chính:**

Xã có 05 ấp: Đông Hòa, Tây Hòa, Mỹ Thạnh, Mỹ Hòa, Mỹ Phú.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, hai làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây hợp nhất thành làng Song Thuận thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Song Thuận thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Song Thuận, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Song Thuận thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Song Thuận thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Song Thuận thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 7.372 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế**

Kinh tế chủ yếu của xã là sản xuất nông nghiệp, trong đó tập trung vào việc trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế, như vú sữa, sầu riêng, bưởi, sa pô chê, dừa,... Xã có Cụm công nghiệp Song Thuận với 14 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động.

**Giáo dục**

Xã có 02 trường học: Trường mầm non Song Thuận, Trường tiểu học Song Thuận (đạt chuẩn Quốc gia).

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 04 y sĩ, 01 điều dưỡng và 01dược sĩ.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

**Giao thông**

Xã có Đường tỉnh 864, Đường tỉnh 876 đi ngang qua, 38 tuyến đường giao thông nông thôn đều được trải nhựa và bê tông, đảm bảo lưu thông và phục vụ vận chuyển hàng hóa, nông sản.

Giao thông đường thủy thuận lợi với hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt, quan trọng là tuyến Sông Tiền và kênh/kinh Nguyễn Tấn Thành.

**Văn hóa**

Hằng năm, có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 95% hộ, đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa. Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định. Các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa khang trang.

**Du lịch:**

Trên địa bàn xã có 01 điểm du lịch “Ve chay thần kỳ” tọa lạc ấp Mỹ Phú.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân vận động, sân tập thể dục, thể thao ở nhà văn hóa xã, có 06 đội bóng đá, 06 câu lạc bộ bóng chuyền và 06 câu lạc bộ cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 166 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 50 Bà mẹ.

**17.** **Xã Tam Hiệp**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

三 Tam: Ba, số ba

合 Hiệp: Hợp lại, gộp lại

三合社 Tam Hiệp Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tam Hiệp nằm ở phía Tây Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Long An và xã Thân Cửu Nghĩa, phía Tây giáp xã Long Định, phía Nam giáp xã Phước Thạnh (thành phố Mỹ Tho), phía Bắc giáp xã Tân Lý Đông, xã Tân Lập (huyện Tân Phước).

**Diện tích tự nhiên:** 2.121,4 ha.

**Hành chính:**

Xã có 08 ấp: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5, Ấp 6, Ấp 7 và ấp Khu Phố.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Nhơn Hòa, An Thành và Long Hội Tây thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Nhơn Hòa, An Thành và Long Hội Tây thuộc tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, ba làng này thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Mỹ Thuận Đông và Mỹ Thuận Tây hợp nhất thành làng Song Thuận thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, làng Nhơn Hòa hợp nhất với làng An Hội thành làng Nhơn Hội; năm 1933, làng Nhơn Hội hợp nhất với làng Long Hội Tây thành làng Tam Hiệp, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tam Hiệp, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Tam Hiệp thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 15.662 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 60,5 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tập trung vào việc trồng cây ăn trái, rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản. Ngoài ra, người dân còn làm nghề buôn bán và dịch vụ,...

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường đều đạt chuẩn quốc gia: Trường mầm non Tam Hiệp, Trường tiểu học Tam Hiệp, Trường trung học cơ sở Tam Hiệp.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 10 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 dược sĩ, 02 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

**Giao thông:**

Xã có Quốc lộ 1, nhánh cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương chạy ngang qua, có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Có 5 tuyến đường liên xã tổng chiều dài 11.364 m được nhựa hóa đạt 100%; 13 tuyến đường liên ấp tổng chiều dài 22.194 m, được trải bê tông 20.374 m, đạt tỷ lệ 91,7%.

**Văn hóa:**

Xã có 01 nhà văn hóa xã và 8/8 ấp có nhà văn hóa ấp; 100% ấp đều được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa.

**Du lịch:**

Xã có 02 điểm: Điền Lan Thôn Trang và Bách Nhật Hoa Viên.

**Thể Thao:**

Số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ 64%, số hộ gia đình thể thao đạt 33%. Có 01 sân bóng đá đạt chuẩn.

**Tổng số liệt sĩ:** 520 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 96 Bà mẹ.

**18.** **Xã Tân Hội Đông**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

會 Hội: Hội hè, tụ hội

東 Đông: Phía đông

新會東社 Tân Hội Đông Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Hội Đông nằm về phía Tây Bắc huyện Châu Thành; phía Đông giáp xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An; phía Tây và phía Bắc giáp xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An; xã Tân Hoà Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; phía Nam giáp xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**Diện tích tự nhiên:** 913,62 ha.

**Hành chính:**

Xã có 05 ấp: Khu Phố, Tân Xuân, Tân Hoà, Tân Thới, Tân Thuận.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Tân Hội Đông thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Hội Đông thuộc tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, làng Tân Hội Đông thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Hội Đông thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tân Hội Đông, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Hội Đông thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Tân Hội Đông thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Hội Đông thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 7.978 người (2020).

**Thu thập bình quân đầu người:** 60,2 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng lúa chất lượng cao, trồng rau màu và các loại cây ăn trái. Xã xây dựng mô hình cánh đồng lớn tại địa bàn 02 ấp Tân Thới và Tân Thuận trồng lúa Nàng Hoa 9, mở rộng trồng lúa nếp IR 4625 trên địa bàn ấp Tân Hòa. Có hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp ký liên kết bao tiêu cung cấp giống ban đầu và đầu ra với Cơ sở dịch vụ nông nghiệp Lúa Vàng, Doanh nghiệp tư nhân Quốc Đạt và Công ty Hạt giống Hoa Tiên.

Ngoài ra, xã có 05 doanh nghiệp, gồm: 1 nhà máy xay xát, 2 cơ sở cất chế tinh dầu rau om, 1 doanh nghiệp cung cấp nước sạch sinh hoạt, 01 doanh nghiệp kinh doanh vàng bạc và các cơ sở nhỏ lẻ như sản phẩm nông cụ, hàn tiện, sửa chữa cơ khí, ép bàng,...

Xã có nghề truyền thống đan các sản phẩm bàng buông, như đan nón, manh đệm, giỏ xách,…

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường đạt chuẩn Quốc gia: Trường mầm non Tân Hội Đông, Trường tiểu học Tân Hội Đông, Trường trung học cơ sở Tân Hội Đông.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 06 biên chế: 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

**Giao thông:**

Toàn xã có 17 tuyến đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài 14.200 m, tất cả đền được trải nhựa, bê tông.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa, trong đó có hội trường đa năng phục vụ sinh hoạt văn hóa của toàn xã, có 01 câu lạc bộ đờn ca tài tử, 01 câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững. Năm 2020, có 100% hộ đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có trên 93 % số hộ đạt 03 tiêu chuẩn gia đình văn hóa.

Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa khang trang.

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ 67%, số hộ gia đình thể thao đạt 32%. Sân nhà văn hóa xã và sân các trường học được sử dụng làm nơi tập luyện, thi đấu các môn bóng chuyền, cầu lông,…

**Tổng số liệt sĩ:** 79 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 10 Bà mẹ.

**19.** **Xã Tân Hương**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

鄉 Hương: Thôn

新鄉社 Tân Hương Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Hương nằm về phía Đông Bắc huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An; phía Tây giáp xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; phía Nam giáp xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành và xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo; phía Bắc giáp xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 1.036,11 ha.

**Hành chính:**

Xã Tân Hương có 4 ấp: Tân Hòa, Tân Thuận, Tân Phú và Tân Thạnh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Tân Hương, Tân Hương Tây và Tân Hương Trung, thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, chỉ còn lại hai thôn là Tân Hương và Tân Hương Tây, thuộc tổng Hưng Nhượng, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Tân Hương, Tân Hương Tây thuộc tổng Hưng Nhượng, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhượng, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng được hợp nhất thành làng Tân Hương; năm 1928, làng Tân Hương thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Hương thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp gọi là làng Tân Hương thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Hương thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Tân Hương thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Hương thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 17.482 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 53 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của xả là sản xuất nông nghiệp, bao gồm trồng các giống lúa xuất khẩu, cây ăn trái có giá trị kinh tế, rau màu và chăn nuôi. Đồng thời, nhân dân còn có nghề đươn đệm với nhiều sản phẩm đa dạng, như đệm lúa, đệm nằm, đươn nóp ngủ chống muỗi, tụng đựng lúa (bao óng), giỏ xách, gối nằm, cặp học cho trẻ em, nón,…; nghề chế tác vàng bạc,…

Trên địa bàn xã, có Khu công nghiệp Tân Hương với quy mô 200 ha, có 27 doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, thu hút trên 60 ngàn lao động, tập trung các ngành nghề chế biến thực phẩm, may, thức ăn gia súc,…

Các loại hình dịch vụ phát triển, như ngân hàng, khách sạn, nhà hàng, nhà trọ, ăn uống, bán lẻ hàng tiêu dùng, sửa chữa cơ khí,…

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Hương (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Tân Hương (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Tân Hương.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ .

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, có 07 biên chế: 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91%.

**Giao thông**

Đi ngang qua xã có Quốc lộ 1, Đường tỉnh 878B, Đường tỉnh 866, Đường huyện.

Hệ thống giao thông nông thôn của xã có 3 tuyến đường trục xã, 18 tuyến trục ấp với tổng chiều dài 33,5 km, tất cả đều được trải nhựa và bê tông.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn quy định. Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa khang trang.

Xã có 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: Đình Tân Hương (Đình Cột Lớn) và Đình Tân Hương Tây.

Năm 2020, có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa; đến cuối năm bình xét có 97% hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa.

**Du lịch:** Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có sân bóng đá tại ấp Tân Thạnh, diện tích 4000 m², 05 sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, sân cầu lông,... tại Nhà văn hóa xã.

Ở xã và các ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông với hàng trăm vận động viên.

Tỷ lệ hộ gia đình thể thao của xã đạt 25%, tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể thao thường xuyên chiếm 30%.

**Tổng số liệt sĩ:** 151 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 22 Bà mẹ.

**20.** **Xã Tân Lý Đông**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

理 Lý: Sửa sang

東 Đông: Phía đông

新理東社 Tân Lý Đông Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Lý Đông nằm về phía Tây Bắc huyện Châu Thành, phía Đông giáp hai xã Tân Hương và Tân Lý Tây, cùng huyện; phía Tây giáp xã Tân Lập 1, huyện Tân Phước; phía Nam giáp với thị trấn Tân Hiệp, xã Tam Hiệp và xã Thân Cửu Nghĩa, cùng huyện; phía Bắc giáp xã Tân Hội Đông, , cùng huyện và xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước.

**Diện tích tự nhiên:** 1.555,239 ha.

**Hành chính:**

Xã có 07 ấp: Tân Quới, Tân Phú 2, Tân Phú 1, Tân Thạnh, Tân Lập, Tân Lược 1, Tân Lược 2.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Tân Lý Đông[[33]](#footnote-33) thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Lý Đông thuộc tổng Hưng Nhượng, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhượng, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, làng Tân Lý Đông thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Lý Đông thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tân Lý Đông thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Lý Đông thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Tân Lý Đông thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Lý Đông thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 16.496 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Từ khi Khu công nghiệp Tân Hương và Khu công nghiệp Long Giang hình thành và đi vào hoạt động, cơ cấu kinh tế của xã phát triển theo hướng giảm dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ: ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng 61,4%, thương mại và dịch vụ chiếm 22,8%, nông nghiệp chiếm 15,8%.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Lý Đông, Trường tiểu học Tân Lý Đông (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học cơ sở Tân Lý Đông.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

**Giao Thông:**

Ngang qua xã có Đường tỉnh 866 và Đường tỉnh 866B. Trên địa bàn xã có 81 tuyến đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài 65 km, trong đó 100% tuyến đường xã được nhựa hóa, bê tông hóa, 68,54% tuyến đường ấp và liên ấp được cứng hóa.

**Văn hóa:**

Xã có 01 nhà văn hóa đa năng xã và 04/07 nhà văn hóa ấp cùng với 03/7 trụ sở ấp văn hóa; tất cả các ấp đều được công nhận Ấp văn hóa.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân vận động, 01 sân bóng đá mini của tư nhân, sân bóng chuyền, sân cầu lông,... tại Nhà văn hóa xã.

Xã và 07 ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

Tỷ lệ hộ gia đình thể thao của xã đạt 27%, tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể thao thường xuyên đạt 32%.

**Tổng số liệt sĩ:** 201 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 29 Bà mẹ.

**21**. **Xã Tân Lý Tây**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

理 Lý: Sửa sang

西 Tây: Phía tây

新理西社 Tân Lý Tây Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Lý Tây nằm ở phía Đông Bắc huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, phía Tây giáp xã Tân Lý Đông, phía Nam giáp thị trấn Tân Hiệp, phía Bắc giáp xã Tân Hương.

**Diện tích tự nhiên:**  509 ha.

**Hành chính:**

Xã có 3 ấp: Tân Phong, Tân Phú và Tân Thạnh.

**Lịch sử hành chính:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Tân Lý Tây thuộc tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, làng Tân Lý Tây thuộc tổng Hưng Nhượng, tỉnh Mỹ Tho; năm 1913, làng này thuộc tổng Hưng Nhượng, quận Bến Tranh, tỉnh Mỹ Tho; năm 1928, làng Tân Lý Tây thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Tân Lý Tây thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Tân Lý Tây thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Lý Tây thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Tân Lý Tây thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Lý Tây thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2017, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 15.645người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50 triệuđồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế nông nghiệp có thế mạnh về trồng lúa năng suất cao, rau màu và chăn nuôi, đặc biệt là nuôi bò. Địa bàn xã nằm gần Khu công nghiệp Tân Hương của tỉnh tạo ra thời cơ và động lực mới thúc đẩy xã chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Xã có nghề truyền thống đặc biệt và lâu đời là đan các sản phẩm bàng buông, như đệm, giỏ xách, nón, cập,…

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Lý Tây, Trường tiểu học Tân Lý Tây, Trường trung học cơ sở Đoàn Giỏi. Cả ba trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 91%.

**Giao thông:**

Qua xã có Quốc lộ 1, Đường tỉnh 866, Đường tỉnh lộ 878B.

Hệ thống giao thông nông thôn gồm đường liên xã, trục xã, liên ấp, dường

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa xã, trong đó có hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của xã.

Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng khang trang.

Có 97% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

Xã có di tích kiến trúc rất lâu đời như: di tích Gò Gạch ở ấp Tân Phong, di tích Gò Sao ở ấp Tân Phú, nhất là quần thể đình Tân Lý Tây và các cây sao, dầu cổ thụ xung quanh được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

**Du lịch:**

Các di tích Gò Gạch, di tích Gò Sao, đình Tân Lý Tây thu hút du khách đến tham quan.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân vận động, 02 sân bóng đá mini của tư nhân, sân bóng chuyền, sân cầu lông,... tại Nhà văn hóa xã.

Xã và tất cả các ấp đều có đội bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 172 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 21 Bà mẹ.

**22**. **Xã Thạnh Phú**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

盛 Thịnh (Thạnh): Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

富 Phú: Giàu có

盛富社 Thạnh Phú Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Thạnh Phú nằm về phía Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp Đường tỉnh 870, phía Tây giáp xã Long Hưng, phía Nam giáp xã Bình Đức, phía Bắc giáp Quốc lộ 1.

**Diện tích tự nhiên:** 839,35 ha.

**Hành chính:**

Xã **c**ó 06 ấp: Chợ, Bờ Xe, Cây Xanh, Miểu Hội, Xóm Vông, Thạnh Hưng.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có thôn Tân Thạnh Trung thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Tân Thạnh Trung được đổi tên thành Thạnh Phú thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900. làng Thạnh Phú thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Thạnh Phú thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Thạnh Phú, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Thạnh Phú thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Thạnh Phú thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thạnh Phú thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 10.493 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50,32 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ của địa phương là sản xuất nông nghiệp, nhất là trồng rau màu và cây ăn trái, như cây vú sữa, dừa, sa pô chê, cây có múi,… Ngoài ra, người dân còn chăn nuôi, buôn bán nhỏ,...

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường: Trường mầm non Thạnh Phú và Trường Tiểu học Thạnh Phú. Cả hai trường đều được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng, 01 dân số viên.

Tất cả các ấp đều có tổ y tế

**Giao thông:**

Đường xã nhựa hóa, bê tông hóa đạt tỷ lệ 100%.

Đường ấp cứng hóa đạt 50%.

Đường dân sinh không lầy lội vào mùa mưa 100%.

**Văn hóa:**

Xã có nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định; 100% ấp đạt chuẩn Ấp văn hóa, có nhà văn hóa ấp.

Năm 2020, xã có 100% tổng số hộ đăng ký gia đình văn hóa, kết quả cuối năm bình xét gia đình văn hóa có 2893/3061 hộ đạt 94,5%.

**Du lịch:** xã không có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Xã có sân vận động, 03 câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

06 ấp có 18 câu lạc bộ, mỗi ấp 03 câu lạc bộ: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

**Tổng số liệt sĩ:** 215 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 45 Bà mẹ.

**23.** **Xã Thân Cửu Nghĩa**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**

Địa danh Hán Việt:

親 Thân: Thơm, thương yêu, đáng tin cậy

乆 Cửu: Lâu dài

義 Nghĩa: Đúng lẽ phải, hợp đạo lý

親乆義社 Thân Cửu Nghĩa Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Thân Cửu Nghĩa nằm về phía Bắc huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, phía Tây giáp xã Tân Lý Đông và xã Tam Hiệp, phía Bắc giáp xã Tân Lý Đông, thị trấn Tân Hiệp, phía Nam giáp xã Tam Hiệp và xã Long An.

**Diện tích tự nhiên:** 1.244,81 ha.

**Hành chính:**

Xã có 07 ấp: Thân Bình, Thân Đạo, Thân Hoà, Thân Đức, Cửu Hoà, Ngãi (do chữ Nghĩa nói trại) Thuận, Ngãi Lợi.

**Lịch sử hình thành**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có ba thôn Cửu Viễn, Ngãi Hữu và Thân Nhơn thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, ba thôn này thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, ba làng Cửu Viễn, Ngãi Hữu và Thân Nhơn thuộc tổng Thuận Trị, tỉnh Mỹ Tho; năm 1912, ba làng này thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, làng Ngãi Hữu và làng Cửu Viễn được hợp nhất thành làng Cửu Nghĩa (từ “Ngãi” do từ “Nghĩa” đọc trại mà ra); năm 1932, hợp nhất làng Thân Nhơn và làng Cửu Nghĩa thành làng Thân Cửu Nghĩa, thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho..

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Thân Cửu Nghĩa thuộc tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho;

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Bắc, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, từ năm 1956, xã Thân Cửu Nghĩa thuộc quận Bến Tranh, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 19.855 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 50,5 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Xã chuyên canh cây rau màu, cây ăn trái. Ngoài ra, người dân còn trồng lúa, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản.

Xã có 19 doanh nghiệp tư nhân, 03 công ty trách nhiệm hữu hạn, 01 công ty cổ phần.

Sản xuất bàng buông xuất khẩu là thế mạnh của xã, tổng sản phẩm bán ra trung bình 4 triệu sản phẩm/năm.

Do có nhiều tuyến giao thông chính đi qua địa bàn, nên việc kinh doanh thương mại - dịch vụ ở xã được thuận lợi; năm 2020, có 565 cơ sở hoạt động.

**Giáo dục:**

Xã có 03 trường học: Trường mầm non Thân Cửu Nghĩa, Trường tiểu học Thân Cửu Nghĩa, Trường trung học cơ sở Thân Cửu Nghĩa. Tất cả các trường đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 05 y sĩ. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Quốc lộ 1 và đường nhánh dẫn vào đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương.

Xã có 81 tuyến đường giao thông nông thôn với tổng chiều dài 55,824 km, gồm có 03 tuyến đường xã dài 5,3 km, 10 tuyến đường ấp dài 12,211 km và 68 tuyến đường dân sinh dài 38,313 km. Tất cả các tuyến đường đều được trải nhựa, bê tông.

**Văn hóa:**

Xã cóNhà văn hoá xã, bao gồm: Hội trường đa năng và 04 phòng chức năng (Phòng Hành chính, Phòng Đọc sách báo - thư viện, Phòng thể thao, Phòng Truyền thống.

Xã có 03 nhà văn hóa ấp và 02 nhà văn hóa liên ấp. 07/07 ấp đạt chuẩn Ấp văn hóa. Các nhà văn hoá ấp đều xây dựng đạt chuẩn, đảm bảo sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng dân cư trên địa bàn.

**Du lịch:**

Có 01 điểm du lịch sinh thái tại ấp Thân Hoà (Vườn Dì Sáu) có diện tích trên 10.000m2 .

**Thể thao:**

Xã có 02 sân bóng đá mini và 01 hồ bơi tư nhân. Sân nhà văn hóa xã, nhà văn hóa liên ấp, nhà văn hóa ấp cũng là nơi nhân dân đến tập luyện thể dục, thể thao. Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên của xã 7.055 người, đạt 40% dân số của xã

**Tổng số liệt sĩ:** 213 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 35 Bà mẹ.

**24.** **Xã Vĩnh Kim**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

永 Vĩnh: Lâu dài, mãi mãi, vĩnh viễn

金 Kim: Vàng, tiền

永金社 Vĩnh Kim Xã

**Vị trí địa lý:**

Vĩnh Kim nằm ở phía Nam huyện Châu Thành, phía Đông giáp xã Long Hưng, xã Song Thuận; phía Tây giáp xã Bàn Long; phía Nam giáp xã Kim Sơn, phía Bắc giáp xã Bình Trưng, xã Đông Hòa.

**Diện tích tự nhiên:**  571,34 ha.

**Hành chính:**

Xã Vĩnh Kim có 06 ấp: Vĩnh Hòa, Vĩnh Bình, Vĩnh Phú, Vĩnh Quý, Vĩnh Thới, Vĩnh Thạnh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, có hai thôn là Vĩnh Kim Đông và Vĩnh Kim Tây thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị; từ năm 1900, hai làng Vĩnh Kim Đông và Vĩnh Kim Tây thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho; từ năm 1912, hai làng này thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; năm 1925, hai làng Vĩnh Kim Đông và Vĩnh Kim Tây hợp nhất thành làng Vĩnh Kim thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng, gọi là xã Vĩnh Kim thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân Pháp, gọi là làng Vĩnh Kim, tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Vĩnh Kim thuộc huyện Châu Thành; từ tháng 5/1968, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, năm 1956, xã Vĩnh Kim thuộc quận Châu Thành; năm 1960, thuộc quận Long Định; năm 1969, thuộc quận Sầm Giang, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Vĩnh Kim thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn xã Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 13.652 người(2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 61 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Hoạt động kinh tế của địa phương chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trong đó tập trung vào việc trồng cây ăn trái, như bưởi da xanh, sa pô chê, vú sữa lò rèn (từng là đặc sản của xã),...

Xã có 53 cơ sở sản xuất, như sản xuất bánh mì, cơ khí sửa chữa, hàn tiện, chế biến đồ mộc, may gia công,…

Trên địa bàn xã có 02 chợ, Chợ Giữa Vĩnh Kim với hoạt động mua bán các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu và Chợ Trái cây Vĩnh Kim là chợ đầu mối thu mua, trung chuyển các loại trái cây đi các nơi trong cả nước; có 802 hộ kinh doanh mua bán.

Ngoài ra, xã còn có hợp tác xã thương mại - dịch vụ với cửa hàng bách hóa tổng hợp và cửa hàng Bách hóa xanh phục vụ nhu cầu mua sắm hàng tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn xã và các xã lân cận.

**Giáo dục:**

Trên địa bàn xã có 04 trường học: Trường mầm non Vĩnh Kim (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Vĩnh Kim, Trường trung học cơ sở Vĩnh Kim (đạt chuẩn Quốc gia), Trường trung học phổ thông Vĩnh Kim.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã, có 07 biên chế: 03 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 cán bộ dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tất cả các ấp đều có tổ y tế. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%.

Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có Phòng khám đa khoa Vĩnh Kim. Đây là phòng khám công lập hạng 4 có chức năng khám chữa các bệnh lý đa khoa.

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Đường tỉnh 876, Đường huyện 35.

Hệ thống giao thông nông thôn đã được trải nhựa và bê tông, gồm có:

- Đường xã: có 3 tuyến đường với chiều dài 2,995 km.

- Đường ấp: Có 6 tuyến dài 8,785 km.

- Đường dân sinh: có 83 tuyến, tổng chiều dài 38,826 km.

Giao thông đường thủy thuận lợi với hệ thống sông, kênh/kinh, rạch chằng chịt, quan trọng là tuyến Rạch Gầm.

**Văn hóa:**

Xã Vĩnh Kim là quê hương của nhiều trí thức nổi tiếng, của nhiều người có học vị tiến sĩ, được mệnh danh là “làng tiến sĩ”, riêng về lĩnh vực âm nhạc có Giáo sư Tiến sĩ Âm nhạc học Trần Văn Khê, Giáo sư Tiến sĩ Âm nhạc học Trần Quang Hải (con của Giáo sư Tiến sĩ Trần Văn Khê), Giáo sư Tiến sĩ Âm nhạc học Nguyễn Văn Nam,...

Có Nhà Văn hóa xã và 02 Nhà Văn hóa liên ấp Vĩnh Hòa - Vĩnh Bình và Vĩnh Phú - Vĩnh Thới, 01 Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Quý. Tất cả các nhà văn hóa đều đạt chuẩn theo quy định, 06/06 ấp được công nhận danh hiệu Ấp văn hóa.

Xã có 1 Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, có 98% hộ dân đạt danh hiệu Gia đình văn hóa (2020), 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia: di tích thảm sát Chợ Giữa - Vĩnh Kim; 01 di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh: ngôi nhà nơi Bác Tôn Đức Thắng ở và hoạt động cách mạng.

**Du lịch:**

Với lợi thế Vĩnh Kim là xã trung tâm của các xã lân cận, có chợ trái cây Vĩnh Kim và Chợ Giữa là nơi giao thương buôn bán rất nhộn nhịp; có vườn cây ăn trái sum suê, lại có di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia và cấp tỉnh, hứa hẹn một tiềm năng to lớn để phát triển du lịch.

**Thể thao:**

Xã có 01 sân vận động, 01 câu lạc bộ bóng đá xã; 06 câu lạc bộ bóng đá và 6 câu lạc bộ bóng chuyền tại 6 ấp; 2 phòng tập gym và các nhóm, hội cầu lông, thể dục dưỡng sinh, aerobic (thể dục nhịp điệu), tỷ lệ người dân tham gia các hoạt động thể dục thể thao đạt 30%.

**Tổng số liệt sĩ**: 218 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 43 Bà mẹ.

**Nghiên cứu địa danh chỉ công trình xây dựng**.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ,** đường cao tốc, đường tỉnh:

Khái niệm đường bộ, tên đường bộ và số hiệu đường bộ:

- Theo Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:  Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

- Theo Điều 40, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cách đặt tên và số hiệu đường bộ như sau: Tên đường được đặt tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử, văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết; trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu quốc lộ.

Quốc lộ: 03 địa danh.

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Quốc lộ là đường nối liền thủ đô Hà Nội với trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường nối liền trung tâm hành chính cấp tỉnh từ 3 địa phương trở lên; đường nối liền từ cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế đến các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên đường bộ; đường có vị trí đặc biệt quan trọng với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng, khu vực.

**1. Quốc lộ 1**, **đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (1).

Quốc lộ 1 trước đây, dưới thời nhà Nguyễn, trong nửa đầu thế kỷ 19, được gọi là đường Thiên lý; dưới thời thực dân Pháp (từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1954), là Lộ Đông Dương; dưới thời chính quyền Sài Gòn (1954-1975) là Lộ 4.

Quốc lộ 1 là tuyến đường giao thông xuyên suốt Việt Nam, bắt đầu từ cửa khẩu Hữu Nghị trên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, nằm tại thị trấn Đồng Đăng thuộc huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, kết thúc tại thị trấn Năm Căn thuộc huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau với tổng chiều dài 2.482 km. Đây là tuyến đường quan trọng hàng đầu Việt Nam.

Quốc lộ 1 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 1954 tại cầu Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xuyên qua huyện Châu Thành, thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè, kết thúc tại km 2029 cầu Mỹ Thuận, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, giáp giới tỉnh Vĩnh Long, dài 75 km.

\* **Đường cao tốc:**

**1. Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) + Địa danh hành chính (Thành phố Hồ Chí Minh) **+** Địa danh hành chính xưa (Thôn Trung Lương).

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương là đường cao tốc nối Thành phố Hồ Chí Minh với Tiền Giang nói riêng và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Đây là một phần của tuyến đường cao tốc Bắc – Nam, có điểm đầu tuyến là nút giao thông Chợ Đệm, xã Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, điểm cuối là nút giao thông Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

Việc đưa vào khai thác tuyến đường cao tốc này đáp ứng cho khoảng 50.000 lượt ô tô qua lại mỗi ngày. Với tuyến đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, thời gian từ Thành phố Hồ Chí Minh đi Tiền Giang và ngược lại được rút ngắn chỉ còn khoảng 30 phút, thay vì 90 phút như trước đó.

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương được khởi công xây dựng năm 2004, khánh thành năm 2010; có chiều dài toàn tuyến 61,9 km; vận tốc thiết kế 120 km/giờ; tổng kinh phí đầu tư 9.884 tỷ đồng; Chủ đầu tư Bộ Giao thông vận tải; đơn vị thi công: Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4 và Tổng công ty xây dựng Trường Sơn; tư vấn giám sát là Công ty QCI (Cuba).

Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang xuyên qua các xã Tân Lập 1 (huyện Tân Phước), Tân Hội Đông, Tân Lý Đông, Tam Hiệp, Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), dài 14 km.

**2.** **Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường cao tốc) **+** Địa danh Hán Việt (Trung Lương: Xin xem mục 1.2.1 - Mỹ: 美: Tốt, đẹp; Thuận: 順: Thuận theo, hoà thuận, suôn sẻ).

Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận là một đoạn tuyến của tuyến đường cao tốc Bắc - Nam đi qua địa phận tỉnh Tiền Giang; có điểm đầu tiếp nối đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương tại nút giao thông Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành), đi song song với Quốc lộ 1 và kết thúc tại nút giao thông An Thái Trung (huyện Cái Bè) giao với Quốc lộ 30.

Tuyến đường cao tốc này có chiều dài 51 km, đi qua 5 huyện, thị của tỉnh [Tiền Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%81n_Giang) là huyện Châu Thành, huyện Tân Phước, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè; vận tốc thiết kế 80 km/giờ với 4 làn xe, mà không có làn dừng khẩn cấp mà chỉ có một số điểm dừng khẩn cấp. Đây là tuyến cao tốc trọng điểm giảm tải cho [Quốc lộ 1](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_l%E1%BB%99_1). Đoạn cao tốc này là một trong những tuyến đường huyết mạch, kết nối vùng [Tây Nam Bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2y_Nam_B%E1%BB%99) với [Thành phố Hồ Chí Minh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) và khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tuyến đường được xây dựng theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BOT), tổng mức đầu tư cho giai đoạn 1 là 12.668 tỷ đồng; đuợc khởi công vào năm 2009, dự kiến hoàn thành năm 2013. Tuy nhiên, do thiếu vốn nên tuyến đường chỉ mới đạt 10% khối lượng. Cho khi đến năm 2019, dự án mới được cấp vốn và tái khởi công.

Tuyến đường được thông xe tạm thời vào ngày 25/01/2022 để phục vụ người dân [Đồng bằng sông Cửu Long](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_b%E1%BA%B1ng_s%C3%B4ng_C%E1%BB%ADu_Long) lưu thông vào dịp [Tết Nguyên Đán](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%BFt_Nguy%C3%AAn_%C4%90%C3%A1n). Ngày 27/4/2022, đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận chính thức được đưa vào hoạt động.

**\* Đường tỉnh:**

1. **Đường tỉnh 866**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (866).

Đường tỉnh 866, có số hiệu đường bộ ĐT.866; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.865 (xã Phú Mỹ, huyện Tân Phước); chiều dài: 9,822 km.

**2.** **Đường tỉnh 866B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (866B).

Đường tỉnh 866B, có số hiệu đường bộ ĐT.866B; điểm đầu: ĐT.866 (Ngã ba Việt Kiều, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành); điểm cuối: Kinh Năn (xã Tân Lập, huyện Tân Phước); chiều dài: 5,340 km.

**3.** **Đường tỉnh 867**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (867).

Đường tỉnh 867, có số hiệu đường bộ ĐT.867; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Long Định, huyện Châu Thành); điểm cuối: Cầu ngã năm Hoàng Gia (ranh tỉnh Long An - xã Thạnh Mỹ, huyện Tân Phước); chiều dài: 23,160 km.

**4**. **Đường tỉnh 870**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (870).

Đường tỉnh 870, có số hiệu đường bộ ĐT.870; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã tư Đồng Tâm, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho và xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.864  (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho và xã Bình Đức, huyện Châu Thành); chiều dài: 5,712 km.

**5.** **Đường tỉnh 874**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (874).

Đường tỉnh 874, có số hiệu đường bộ ĐT.874; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Khu di tích Ấp Bắc, xã Điềm Hy, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.867, thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước; chiều dài: 8,785 km.

**6.** **Đường tỉnh 876**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (876).

Đường tỉnh 876, có số hiệu đường bộ ĐT.876; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Đông Hòa, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.864 (Ngã ba Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành); chiều dài: 8,600 km.

**7.** **Đường tỉnh 878**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878).

Đường tỉnh 878, có số hiệu đường bộ ĐT.878; điểm đầu: Đường nhánh cao tốc Đồng Tâm (xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.865 (xã Hưng Thạnh, huyện Tân Phước); chiều dài: 13,480 km.

8. **Đường tỉnh 878B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878B).

Đường tỉnh 878B, có số hiệu đường bộ ĐT.878B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã ba Hòa Tịnh - xã Tân Lý Tây và xã Tân Hương, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.879B (xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 8,700 km.

9. **Đường tỉnh 878C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (878C).

Đường tỉnh 878C, có số hiệu đường bộ ĐT.878C; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã tư Lương Phú, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.879 (Chợ Bến Tranh, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 1,293 km.

\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở huyện Châu Thành:

**Khái niệm đường bộ, tên đường bộ và số hiệu đường bộ:**

**- Theo Điều 3,** Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:  Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

**- Theo Điều 40,** Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cách đặt tên và số hiệu đường bộ như sau: Tên đường được đặt tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử, văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết; trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu quốc lộ.

Đường huyện:

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

**1. Đường huyện 31**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (31).

Đường huyện 31 có số hiệu đường bộ ĐH.31; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Tân Hương); điểm cuối: Cầu Cổ Chi (xã Tân Hội Đông); chiều dài: 340 km.

**2. Đường huyện 32**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (32).

Đường huyện 32 có số hiệu đường bộ ĐH.32; điểm đầu: Quốc lộ 1 (thị trấn Tân Hiệp); điểm cuối: Ngã ba Thầy Khanh (nối đường nhánh cao tốc) (xã Thân Cửu Nghĩa); chiều dài: 3,500 km.

**3. Đường huyện 32B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (32) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 32 có số hiệu đường bộ ĐH.32; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Thân Cửu Nghĩa); điểm cuối: Đê Quản Thọ (xã Thân Cửu Nghĩa); chiều dài: 3,000 km.

**4. Đường huyện 33**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (33).

Đường huyện 33 có số hiệu đường bộ ĐH.33; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Long Định); điểm cuối: Kênh Năng (xã Long Định); chiều dài: 4,000 km.

**5. Đường huyện 34**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (34).

Đường huyện 34 có số hiệu đường bộ ĐH.34; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Long Hưng); điểm cuối: Đường tỉnh 870 (xã Thạnh Phú - Bình Đức); chiều dài: 15,600 km.

**6. Đường huyện 35**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (35).

Đường huyện 35 có số hiệu đường bộ ĐH.35; điểm đầu: Đường tỉnh 870 (xã Thạnh Phú); điểm cuối: Giáp ranh huyện Cai Lậy (xã Bàn Long); chiều dài: 12 km.

**7. Đường huyện 35B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (35) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 35B có số hiệu đường bộ ĐH.35B; điểm đầu: Quốc lộ 1 - cầu Kênh Xáng (xã Long Định); điểm cuối: Đường tỉnh 864 - cầu Kênh Xáng (xã Song Thuận); chiều dài: 7,800 km.

**8. Đường huyện 36**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (36).

Đường huyện 36 có số hiệu đường bộ ĐH.36; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Dưỡng Điềm); điểm cuối: Đường tỉnh 876 (xã Bình Trưng); chiều dài: 9,400 km.

**9. Đường huyện 37**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (37).

Đường huyện 37 có số hiệu đường bộ ĐH.37; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Nhị Bình); điểm cuối: Cầu Bến Hải (xã Nhị Bình); chiều dài: 9,400 km.

**10. Đường huyện 38**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (38).

Đường huyện 38 có số hiệu đường bộ ĐH.38; điểm đầu: Đường tỉnh 866B (xã Tân Lý Đông); điểm cuối: Kênh Xáng Long Định/ Kênh Nguyễn Tấn Thành (xã Long Định); chiều dài: 14,100 km.

**11. Đường huyện 38B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (38) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 38B có số hiệu đường bộ ĐH.38B; điểm đầu: Đường tỉnh 867 - cầu Chợ (xã Long Định); điểm cuối: Đường tỉnh 874 - cầu số 2 (xã Điềm Hy); chiều dài: 6,800 km.

**12. Đường huyện 39**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (39).

Đường huyện 39 có số hiệu đường bộ ĐH.39; điểm đầu: Đường dẫn cao tốc Đồng Tâm (xã Tam Hiệp); điểm cuối: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (xã Tam Hiệp); chiều dài: 4,340 km.

**Đường phố:**

Tại Khoản 9, Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường phố là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

Theo định nghĩa trên thì có thể hiểu đường phố là phần đất được sử dụng cho việc đi lại của người dân và kết cấu hạ tầng công cộng, như cây xanh, đèn chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống thoát nước, lòng đường cho xe di chuyển. Đường phố có vai trò quan trọng đối với những hoạt động đời sống của con người.

**1. Đường Bên Hông Trung Tâm Văn Hóa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Vị trí (Bên hông) + Cơ quan văn hóa (Trung tâm văn hóa).

Đường Bên Hông Trung Tâm Văn Hóa có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Đường huyện 32; chiều dài: 0,210 km; chiều rộng: 8 m.

**2. Đường Bưu Điện**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Bưu điện)

Đường Bưu điện có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Chùa Linh Phong; chiều dài: 0,150 km; chiều rộng: 8 m.

**3. Đường Cầu Hộ Tài**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ làng xã thời xưa (Hộ lại: gọi tắt là Hộ - người trông coi hộ khẩu, hôn nhân, giá thú, khai sinh, khai tử) + Tên người (Tài).

Đường Cầu Hộ Tài có điểm đầu: Đường nội thị; điểm cuối: Cầu Hộ Tài; chiều dài: 0,350 km; chiều rộng: 8 m.

**4. Đường Cống Kênh Mã Lân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Cống - Kênh) + Linh vật (Mã Lân).

Đường Cống Kênh Mã Lân có điểm đầu: Nhà hàng Hồng Kim Bảo; điểm cuối: Nhà dân; chiều dài: 1 km; chiều rộng: 4 m.

**5. Đường Gom**

##### **Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Gom: dồn hết lại một chỗ để làm việc gì hoặc để cho gọn).**

Đường Gom có điểm đầu: Trường Trung học phổ thông Tân Hiệp cũ; điểm cuối: Cổng chợ Tân Hiệp; chiều dài 0,500 km; chiều rộng: 6 m.

**6. Đường Kênh Mé Tre**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Kênh) + Phương hướng (Mé: ở về phía) + Thực vật (Cây tre).

Đường Kênh Mé Tre có điểm đầu: Rạch Trấn Định; điểm cuối: Cột mốc 3 xã; chiều dài: 0,600 km; chiều rộng: 4 m.

**7. Đường Khu Gia Binh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng quân sự (Khu Gia binh).

Đường Khu Gia Binh có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Trung tâm Y tế huyện; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 6 m.

**8. Đường Khu Phố Me**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư (Khu phố) + Thực vật (Cây me).

Đường Khu Phố Me có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Ranh xã Tân Lý Đông; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 6 m.

**9. Đường Lộ Cũ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Lộ; đường) + Tính từ (Cũ).

Đường Lộ Cũcó điểm đầu: Cổng chợ Tân Hiệp; điểm cuối: Ranh xã Tân Lý Tây; chiều dài: 0,320 km; chiều rộng: 10 m.

**10. Đường Nhà thương Hồng Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng y tế (Nhà thương Hồng Phước).

Đường Nhà thương Hồng Phước có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Ranh xã Tân Lý Đông; chiều dài 0,500 km; chiều rộng: 5 m.

**11. Đường Nối Đường Huyện 32**

##### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Nối: làm cho tiếp liền vào nhau, tạo ra một sự liên tục) + Tên đường huyện (Đường Huyện 32).

Đường Nối Đường Huyện 32có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Đường huyện 32; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 4 m.

**12. Đường Nội Thị**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh Hán Việt (Nội thị - Bên trong thị trấn).

Đường Nội Thị có điểm đầu: Chùa Linh Phong; điểm cuối: Đường vào chợ Tân Hiệp; chiều dài: 0,450 km; chiều rộng: 8 m.

**13. Đường Quầy sách Thanh Tùng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Nơi bán sách (Quầy sách Thanh Tùng).

Đường Quầy sách Thanh Tùng có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Chợ Tân Hiệp; chiều dài: 1,250 km; chiều rộng: 4 m.

**14. Đường Tân Hiệp - Thân Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp - Ấp Thân Đức thuộc xã Thân Cửu Nghĩa).

Đường Tân Hiệp - Thân Đức có điểm đầu: giao với Quốc lộ 1; điểm cuối: Xã Thân Cửu Nghĩa; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 10 m.

**15. Đường Vào Chợ Tân Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Vào: di chuyển đến một vị trí ở phía trong) + Công trình xây dựng (Chợ Tân Hiệp).

Đường Vào Chợ Tân Hiệp có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Nhà thờ Tân Hiệp; chiều dài: 0,140 km; chiều rộng: 16 m.

**16. Đường Vào Chùa Linh Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Vào: di chuyển đến một vị trí ở phía trong) + Công trình xây dựng Phật giáo (Chùa Linh Phong).

Đường Vào Chùa Linh Phong có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Chùa Linh Phong; chiều dài: 0,140 km; chiều rộng: 16 m.

**17. Đường Vào Công An Huyện**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Vào: di chuyển đến một vị trí ở phía trong) + Cơ quan Công an (Công an huyện).

Đường Vào Công An Huyện có điểm đầu: Đường Nội thị ; điểm cuối: Cổng Công an huyện; chiều dài: 0,100 km; chiều rộng: 6 m.

**18. Đường Vào Huyện Ủy**

##### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Vào: di chuyển đến một vị trí ở phía trong) + Cơ quan Đảng (Huyện ủy).

Đường Vào Huyện Ủy có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Trụ sở Huyện ủy; chiều dài: 0,140 km; chiều rộng: 16 m.

**19. Đường Vào Sân Bắn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Động từ (Vào: di chuyển đến một vị trí ở phía trong) + Công trình xây dựng quân sự (Sân bắn).

Đường Đường Vào Sân Bắn có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Ranh xã Thân Cửu Nghĩa; chiều dài: 0,600 km; chiều rộng: 30 m.

**20. Đường Xóm Giá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực phẩm (Giá).

Đường Xóm Giá có điểm đầu: Quốc lộ 1; điểm cuối: Ranh xã Tân Lý Đông; chiều dài: 2 km; chiều rộng: 4 m.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở huyện Châu Thành:**

**Khái niệm Cầu**

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch[,](https://wiki.edu.vn/wiki/index.php?title=H%E1%BB%93) hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

**Trên Đường tỉnh 864:**

**1. Cầu** **Kinh/Kênh Xáng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng: do Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc).

- Vị trí: Km 6+003, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành

- Quy mô: 7 nhịp dài 172m, mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 9m; 5 dầm BTTA chữ T/25m, 5 dầm BTTA chữ I/24,5m; Htt: +9.50

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1994

**2. Cầu** **Cống** **Song Thuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh hành chính (Xã Song Thuận).

- Vị trí: Km 6+925, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Song Thuận

- Quy mô: 1 nhịp dài 8m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm bản đổ liền khối BTCT; cầu giao thông kết hợp cống thủy lợi.

- Tải trọng (Tấn): HL93[[34]](#footnote-34)

- Năm đưa vào sử dụng: 2019

**3. Cầu Rạch Gầm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình tự nhiên (Rạch Gầm).

- Vị trí: Km 10+613, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Gầm

- Quy mô: 7 nhịp dài 148,7m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 9m; 10 dầm BTTA chữ T/12,5m, 5 dầm BTTA chữ I/24,54m; Htt: +4.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1999

**4. Cầu Phú Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Phú Phong)

- Vị trí: Km 14+639, xã Phú Phong, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Rau Răm.

- Quy mô: 5 nhịp dài 108,18m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; 6 dầm BTTA/nhịp; Htt: +4.30

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

**Trên Đường tỉnh 866:**

**1. Cầu Cổ Chi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây cổ chi).

### - Vị trí: Km 5+036, xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 866.

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Đạo

- Quy mô: 3 nhịp dài 62m; mặt BTCT; khổ cầu 10m (0,5x2+9m); dầm BTDƯL 6 dầm/nhịp; Htt:+3.55

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

**2. Cầu Vượt số 9 đường cao tốc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Chữ số (số 9) + Công trình xây dựng (Đường cao tốc).

### - Vị trí: Km 5+971,5, xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 866.

- Cầu bắc qua: Cầu vượt qua Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương.

- Quy mô: 6 nhịp dài 200m; mặt BTCT rộng 12m; khổ cầu 13m; dầm BTDUL; chiều cao tĩnh không 4,85m

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2010

**Trên Đường tỉnh 866B:**

**Cầu Vượt số 10 đường cao tốc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Chữ số (số 10) + Công trình xây dựng (Đường cao tốc).

### - Vị trí: Km 01+252, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 866B.

- Cầu bắc qua: Cầu vượt qua Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương.

- Quy mô: 8 nhịp dài 260m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTDUL; Chiều cao tĩnh không 4,85m

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2010

**Trên Đường tỉnh 867:**

**1. Cầu Ba Râu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và biệt danh (Ba Râu).

### - Vị trí: Km 3+230, xã Long Định, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Phủ Chung

- Quy mô: 1 nhịp dài 13,2m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/nhịp; Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015.

### 2. Cầu Chợ

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Chợ).

### - Vị trí: Km 1+885, xã Long Định, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Kháng Chiến

- Quy mô: 1 nhịp dài 25,14m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 10m (1,5+7+1,5); 9 dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 1996.

**3. Cầu Dừa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (cây dừa).

### - Vị trí: Km 3+662, xã Long Định, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ba Ngang

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 10m; dầm BTTA 11 dầm/nhịp; Htt: +3.50

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015.

**4. Cầu Ván**

### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Vật liệu (Ván gỗ).

### - Vị trí: Km 2+666, xã Long Định, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 867.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh 2A

- Quy mô: 3 nhịp dài 29m; mặt BTCT rộng 8m; khổ cầu 9m; 11 dầm BTTA/ nhịp 12,5; 11 dầm BTCT thường/ nhịp 8; Htt: +2.80

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2010.

**Trên Đường tỉnh 870:**

**Cầu Lộ Ngang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Lộ: Đường) + Vị trí (Ngang).

### - Vị trí: Km 4+854, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 870.

- Cầu bắc qua: Rạch Xoài Hột.

- Quy mô: 1 nhịp dài 13; mặt BTCT 9m; 10 dầm BTTA

- Tải trọng (Tấn): 40

- Năm đưa vào sử dụng: 1990.

**Trên Đường tỉnh 874:**

**1. Cầu Điềm Hy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Điềm Hy).

- Vị trí: Km 1+803, xã Điềm Hy, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Ngang

- Quy mô: 3 nhịp dài 24m; mặt BTCT rộng 4 m; khổ cầu 4,5m; 5 dầm I.550/ nhịp 6m + 6 dầm I.550/ nhịp 12m; Htt: +3.30

- Tải trọng (Tấn): 8

- Năm đưa vào sử dụng: 1992

**2. Cầu Kinh/Kênh Ngang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Ngang).

- Vị trí: Km 1+235, xã Điềm Hy, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Kênh Ngang

- Quy mô: 1 nhịp dài 15m; mặt BTCT rộng 4m; khổ cầu 4,5m; 6 dầm I.596; Htt: +3.30

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

**Trên Đường tỉnh 876:**

**1. Cầu Song Thuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Song Thuận).

- Vị trí: Km 6+655, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 876

- Cầu bắc qua: sông Rạch Gầm

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 12m; dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 40

- Năm đưa vào sử dụng: 2003

**2. Cầu Vĩnh Kim**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

- Vị trí: Km 5+321, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 876

- Cầu bắc qua: Rạch Gầm

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 12m; dầm BTTA; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 40

- Năm đưa vào sử dụng: 2003

**Trên Đường tỉnh 878:**

**1. Cầu Quản Thọ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: người trông coi an ninh, trật tự của làng xã) + Tên người (Thọ).

- Vị trí: Km 11+366, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 878

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Quản Thọ

- Quy mô: 3 nhịp dài 72m; mặt BTCT rộng 15m; khổ cầu 16m; dầm BTDUL 9 dầm/ nhịp; Htt: +4.00

- Tải trọng: HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2020

**Trên Đường tỉnh 878C:**

**1. Cầu Bến Tranh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Bến) + Thực vật (Cỏ tranh).

- Vị trí: Km 1+312, xã Thân Cửu Nghĩa (huyện Châu Thành) - xã Lương Hòa Lạc (huyện Chợ Gạo), trên Đường tỉnh 878C

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định

- Quy mô: 3 nhịp dài 48m; mặt BTCT chiều rộng 10m; khổ cầu 11m; dầm BTTA 10 dầm/nhịp; Htt: +3.85

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2015

**2. Cầu Lương Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Lương Phú).

- Vị trí: Km 0+781, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, trên Đường tỉnh 878C

- Cầu bắc qua: kinh/Kênh Bảo Định

- Quy mô: 1 nhịp dài 19m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 8m; 8 dầm 18m (BTDƯL); Htt: +2.50

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

**Trên Quốc lộ 1:**

**1. Cầu Bến Chùa giữa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Bến) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo (Chùa) + Vị trí (Giữa).

- Vị trí: km1966+641

- Cầu bắc qua: Rạch Bến Chùa

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1968

- Chiều dài: 45 m

- Chiều rộng: 13,5 m

**2. Cầu Bến Chùa phải**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Bến) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo (Chùa) + Vị trí (Phải).

- Vị trí: km1966+641

- Cầu bắc qua: Rạch Bến Chùa

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

- Chiều dài: 45,8 m

- Chiều rộng: 3,5 m

**3. Cầu Bến Chùa trái**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Bến) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo (Chùa) + Vị trí (Trái).

- Vị trí: km1966+641

- Cầu bắc qua: Rạch Bến Chùa

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 10

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

- Chiều dài: 45,8 m

- Chiều rộng: 3,5 m

**4. Cầu Kinh/Kênh Xáng cũ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Phương tiện đào kinh/kênh (Xáng: do Tiếng Pháp Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km1977+174

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 1992

- Chiều dài: 74,7 m

- Chiều rộng: 10,5 m

**5.** **Cầu Kênh Xáng mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Phương tiện đào kinh/kênh (Xáng: do Tiếng Pháp Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km1877+174

- Cầu bắc qua: Kênh Nguyễn Tấn Thành

- Số nhịp: 11

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2014

- Chiều dài: 449,6 m

- Chiều rộng: 12 m

**6. Cầu Rượu cũ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ thức uống (Rượu: thời xưa, nơi đây có một xóm nhà chuyên nấu rượu) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km1972+909

- Cầu bắc qua: Rạch Cầu Rượu

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1997

- Chiều dài: 50,5 m

- Chiều rộng: 12,5 m

**7. Cầu Rượu mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh chỉ thức uống (Rượu: thời xưa, nơi đây có một xóm nhà chuyên nấu rượu) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km 1972+909

- Cầu bắc qua: Rạch Cầu Rượu

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2022

- Chiều dài: 50,5 m

- Chiều rộng: 12,5 m

**8. Cầu Sao cũ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sao) + Tính từ (Cũ).

- Vị trí: km1982+110

- Cầu bắc qua: Rạch Sao

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1998

- Chiều dài: 50,5 m

- Chiều rộng: 12,5 m

**9. Cầu Sao mới**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sao) + Tính từ (Mới).

- Vị trí: km1982+110

- Cầu bắc qua: Rạch Sao

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2022

- Chiều dài: 50,5 m

- Chiều rộng: 12,5 m

**10. Cầu Tân Hương 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương) + Chữ số (1)

- Vị trí: km 1955+163

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Đạo

- Số nhịp: 1

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 1999

- Chiều dài: 31,8 m

- Chiều rộng: 7,8 m

**11. Cầu Tân Hương 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương) + Chữ số (2)

- Vị trí: km 1955+163

- Cầu bắc qua: Rạch Ông Đạo

- Số nhịp: 1

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2000

- Chiều dài: 31,8 m

- Chiều rộng: 7,8 m

**Trên Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương:**

1. **Cầu Chợ Bưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Bưng: **là địa danh Việt gốc Khmer: Bâng. Theo Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, bưng có nghĩa là “hồ to, chỉ chỗ đất trũng giữa đồng, đọng nước, có nhiều cây mọc (như đưng, đế, lác, ...”.**

Trong tiếng Việt, âm **â** có thể được gọi trại thành âm **ư**; ví dụ: v**â**ng lịnh - v**ư**ng lịnh; d**â**ng cơm - d**ư**ng cơm; n**â**ng - n**ư**ng; t**ầ**ng - t**ừ**ng; v**ầ**ng - v**ừ**ng. Do đó, **Bâng** hoàn toàn có thể được gọi trại thành **Bưng**).

- Vị trí: km2+368

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Chiều dài: 45 m

- Chiều rộng: 20,2 m

**2. Cầu Quản Thọ 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: người trông coi an ninh, trật tự của làng xã) + Tên người (Thọ) + Chữ số (1).

- Vị trí: km45+334

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Chiều dài: 32 m

- Chiều rộng: 23,50 m

**3. Cầu Quản Thọ 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Chức vụ thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: người trông coi an ninh, trật tự của làng xã) + Tên người (Thọ) + Chữ số (2).

- Vị trí: km)+796

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Chiều dài: 33 m

- Chiều rộng: 23,50 m

**4. Cầu Rạch Gốc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Danh từ (Gốc).

Có ba cách giải thích địa danh Rạch Gốc:

- Xuất xứ từ tiếng Khmer: Prêk Kol, gọi trại thành Rạch Gốc.

- Rạch Gốc là một con rạch chính (gốc).

- Rạch Gốc là rạch chảy qua nơi có nhiều gốc cây.

- Vị trí: km40+850

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Chiều dài: 80 m

- Chiều rộng: 23,50 m

**5. Cầu Tân Hương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương).

- Vị trí: km42+301

- Số nhịp: 03

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Chiều dài: 78 m

- Chiều rộng: 23,50 m

**6. Cầu Xáng Múc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Phương tiện đào kinh/kênh (Xáng: do Tiếng Pháp Chaland đọc trại mà thành, còn gọi là sà lan. Trên chiếc xáng có đặt cần cẩu với những gàu to, hoạt động nhờ động cơ, dùng để múc đất, bùn hay cát để đào kinh/kênh hay nạo vét sông, kinh/kênh, rạch. Dân gian còn gọi là xáng múc. Hiện nay, gọi là tàu cuốc).

- Vị trí: km46+500

- Số nhịp: 05

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Chiều dài: 179 m

- Chiều rộng: 23,50 m

**Trên Đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận:**

**1. Cầu Ấp Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Ấp Hưng).

- Vị trí: km60+072

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 44,64 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**2. Cầu Hỏa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Đạ danh Hán Việt (Hỏa: có nghĩa là lửa).

- Vị trí: km62+745

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 51,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**3. Cầu Kinh/Kênh 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chữ số (1).

- Vị trí: km55+273

- Số nhịp: 09

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 369,40 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**4. Cầu Kinh/Kênh Giữa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Vị trí (Giữa).

- Vị trí: km60+619

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 38,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**5. Cầu Kinh/Kênh Năn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cỏ năn).

- Vị trí: km51+040

- Số nhịp: 10

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 385,22 m

- Chiều rộng: 12,50 m

**6. Cầu Sao**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây Sao).

- Vị trí: km61+405

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 53,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**7. Cầu Sáu Ầu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thứ và tên người (Sáu Ầu).

- Vị trí: km54+043

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 53,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**8. Cầu Tám Thước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Kích Thước (Tám thước/mét).

- Vị trí: km54+412

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 27,10 m

- Chiều rộng: 17,50 m

**9. Cầu Vượt Đường Huyện 39**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường huyện 39).

- Vị trí: km52+620

- Số nhịp: 05

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 208,25 m

- Chiều rộng: 07 m

**10. Cầu Vượt Đường Tỉnh 874**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Đường tỉnh 874).

- Vị trí: km63+796

- Số nhịp: 07

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 288,40 m

- Chiều rộng: 07 m

**11. Cầu Vượt Nút Giao Thân Cửu Nghĩa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Động từ (Vượt) + Công trình xây dựng (Nút giao) + Địa danh hành chính (Xã Thân Cửu Nghĩa).

- Vị trí: km50+418

- Số nhịp: 10

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

- Chiều dài: 368,20 m

- Chiều rộng: 12,50 m

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

**Cống:**

**1. Cống Phú Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình hành chính (Xã Phú Phong).

Cống ở đầu sông Phú Phong thuộc xã Phú Phong, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 50 m, sâu 7 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 30.000 ha.

2. **Cống Rạch Gầm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Rạch Gầm).

Cống ở đầu vàm Rạch Gầm thuộc xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2023; là loại cống lộ thiên, số cửa 2, chiều rộng 50 m, sâu 7 m, có chức năng ngăn nước mặn từ sông Tiền không để xâm nhập vào và trữ ngọt bên trong, diện tích phục vụ khoảng 30.000 ha.

\*Cống vừa và nhỏ:

1. **Cống Ba Đô**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Thứ và tên người (Ba Đô).

Cống ở xã Bình Đức, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2016; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5,5 m, sâu 2,7 m, diện tích phục vụ 100 ha.

**2. Cống Mương Đào**

##### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Công trình xây dựng (Mương: là dòng chảy để dẫn nước) + Động từ (Đào: lấy lên một khối lượng đất đá để tạo thành một khoảng trống sâu xuống hoặc để tìm lấy vật gì ở dưới lòng đất).

Cống ở xã Long Hưng, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2016; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 250 ha.

**3. Cống Xáng Cụt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tính từ (Cụt: đoạn cuối bị ùn tắc lại, không thông được với nơi khác).

Cống ở xã Long Hưng, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 2016; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2,5 m, diện tích phục vụ 270 ha.

**\*Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

**Bến xe:**

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Khái niệm bến xe khách:**

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Loại bến xe khách** | | | | | |
| Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | Loại 4 | Loại 5 | Loại 6 |
| 1 | Diện tích mặt bằng (tối thiểu) | m2 | 15.000 | 10.000 | 5.000 | 2.500 | 1.500 | 500 |
| 2 | Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 | 5.000 | 3.000 | 1.000 | 500 | 160 | 80 |
| 3 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 | 2.000 | 1.500 | 900 | 400 | 30 | 20 |
| 4 | Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến) | m2 | 500 | 300 | 150 | 100 | 50 | 30 |
| 5 | Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu) | vị trí | 50 | 40 | 30 | 20 | 10 | 6 |
| 6 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | chỗ | 100 | 60 | 30 | 20 | 10 | 10 |
| 7 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) | - | Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện |
| 8 | Diện tích khu vực làm việc | - | Bình quân 4,5 m2/người | | | | | |
| 9 | Diện tích văn phòng dành cho Y tế | - | Tối thiểu 10 m2 | | | |  | |
| 10 | Diện tích khu vệ sinh | - | > 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD) | | | | | |
| 11 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ | - | Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích | | | | | |
| 12 | Đường xe ra, vào bến | - | riêng biệt | | | chung  (rộng tối thiểu 7,5 m) | | |
| 13 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách | - | Có mái che | |  | | | |
| 14 | Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến | - | Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng | | |  | | |
| 15 | Hệ thống cung cấp thông tin | - | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động | | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn | |  | |
| 16 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến | - | Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến | | Có phần mềm quản lý bến xe | |  | |

**Bến xe Vĩnh Kim**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

Bến xe Vĩnh Kim, mã số (63)19, tọa lạc tại xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, diện tích 2.504 m², điện thoại: (0273)3834019, xếp loại 4.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bệnh viện (tỉnh, khu vực, huyện, quân đội):**

**Khái niệm**

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): Bệnh viện là một bộ phận của một tổ chức mang tính chất y học và xã hội, có chức năng đảm bảo cho nhân dân được săn sóc toàn diện về y tế cả chữa bệnh và phòng bệnh.

Trước đây bệnh viện chỉ được coi là một cơ sở khám và điều trị bệnh nhân đơn thuần. Bước sang thế kỷ XXI, cách mạng khoa học kỹ thuật - công nghệ trên thế giới đã phát triển như vũ bão và đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, tác động sâu sắc làm thay đổi quan niệm về bệnh viện. Bệnh viện không chỉ đơn thuần làm công tác khám và điều trị mà còn thực hiện những chức năng khác trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, như giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe tại nhà và đồng thời còn là trung tâm đào tạo cán bộ y tế và tiến hành các nghiên cứu y học về khám chữa bệnh và phòng bệnh.

**Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Bệnh lý (Bệnh tâm thần: là bệnh lý do rối loạn hoạt động não bộ gây ra những biến đổi bất thường về lời nói, tác phong, tình cảm, hành vi, ý tưởng...) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

- Khái quát Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang

+ Địa chỉ: Km 1980, Quốc lộ 1, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0733. 834 437 Fax: 0733. 832 948, 0733.832 235

+ Trang thông tin điện tử: http://benhvientamthantg.gov.vn

+ Email: [bvtamthantg@yahoo.com](mailto:bvtamthantg@yahoo.com)

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 5.962 m²; diện tích sử dụng: 5.738 m²

+ Tổng số cán bộ, viên chức (2022): 191; trong đó nam: 59, nữ 132.

**Năm 2002**, Trung Tâm sức khỏe tâm thần được chuyển đổi thành Bệnh viện Tâm Thần  Tiền Giang theo Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 13/05/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiền thân của Bệnh viện tâm thần là:

**Năm 1977:** Khoa Tâm thần trực thuộc Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Tiền Giang được thành lập.

**Năm 1995: T**heo Quyết định số 884/QĐUB ngày 18/4/1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, Trạm Tâm thần trực thuộc Sở Y tế tỉnh Tiền Giang được thành lập.

**Năm 1997**: Theo quyết định số 3004/QĐUB ngày 31/10/1997 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, Trung Tâm sức khoẻ tâm thần Tiền Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trạm Tâm thần thuộc Sở Y tế và Khoa Tâm thần thuộc Bệnh viện Đa khoa trung tâm Tiền Giang.

Bệnh viện Tâm thần là Bệnh viện chuyên khoa tâm thần hạng 2, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về chuyên môn cho Sở Y tế; thực hiện chỉ đạo quản lý, theo dõi sức khỏe tâm thần tại cộng đồng; khám, chữa chuyên khoa tâm thần cho bệnh nhân tâm thần trong và ngoài tỉnh; chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn; nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Đảng bộ Bệnh viện có 04 chi bộ trực thuộc với 45 đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 giám đốc và 02 phó giám đốc; Công đoàn cơ sở có 191 công đoàn viên; Chi Đoàn thanh niên có 25 đoàn viên.

Bệnh viện có với 250 giường bệnh; 04 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Điều dưỡng; 06 khoa chuyên môn: Lâm sàng (03 khoa): Khoa Hồi sức cấp cứu, Khoa Khám bệnh, Khoa Điều trị nội trú; Cận lâm sàng (03 khoa): Khoa Dược, Khoa Dinh dưỡng, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Bệnh viện có: Thạc sĩ: 04; Bác sĩ chuyên khoa 1: 09, Bác sĩ chuyên khoa 2: 03; Dược sĩ chuyên khoa 1: 01; Điều dưỡng chuyên khoa 1: 05; Cử nhân đại học: 56, Cử nhân cao đẳng: 08, Trình độ khác: 104.

**Y tế tuyến huyện:**

**Trung tâm Y tế huyện Châu Thành**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Huyện Châu Thành).

- Khái quát Trung tâm Y tế huyện Châu Thành:

+Địa chỉ: Ấp Rẫy, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

+ Điện thoại: 0273.3831271; Fax: 0273.3896544

+ Trang thông tin điện tử: <http://ttytchauthanh.soytetiengiang.gov.vn>

+ Email: ChauThanh.ttytdp@Tiengiang.gov.vn

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 22.226,2 m² ; diện tích sử dụng: 13.811,9 m²

+ Tổng số cán bộ, viên chức (2022): 408; trong đó nam: 117; nữ: 291

Trung tâm Y tế huyện Cái Bè được thành lập năm 2009 theo Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 02/7/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng, phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

+ Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

+ Thực hiện các hoạt động phòng, chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm, phòng chống bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuât, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

+ Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi, điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

+ Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em; phối hợp thực hiện công tác dân số kế hoạch hóa gia đình theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Y tế và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

+ Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về Y tế, tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

+ Chỉ đạo tuyến, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, y tế ấp và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, xí nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn.

+ Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế ấp và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế Tiền Giang và quy định của pháp luật.

+ Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

+ Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật.

+ Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về các lĩnh vực liên quan.

+ Về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản: Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, chỉ báo thuộc lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; chỉ đạo hướng dẫn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình cho các bộ phận chuyên môn thuộc Trung tâm và tuyến y tế cơ sở.

Đảng bộ Trung tâm y tế huyện Châu Thành có 06 chi bộ trực thuộc với 95 đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 39 tổ công đoàn với 408 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 02 chi đoàn với 28 đoàn viên.

Trung tâm có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Dân số; 09 khoa lâm sàng và cận lâm sàng: Khoa Hồi sức cấp cứu, Khoa Khám bệnh, Khoa Nội tổng hợp, Khoa Ngoại tổng hợp, Khoa Nhi, Khoa phụ sản, Khoa Truyền nhiễm, Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dược; 04 khoa thuộc hệ y học dự phòng: Khoa Kiểm soát bệnh tật, Khoa Y tế công cộng và dinh dưỡng, Khoa Quản lý bệnh xã hội, Khoa An toàn thực phẩm.

Ngoài ra, Trung tâm còn có 03 phòng khám đa khoa: Phòng khám đa khoa Vĩnh Kim, Phòng khám đa khoa Dưỡng Điềm, Phòng khám đa khoa Tân Hương; 23 trạm y tế thị trấn, xã: thị trấn Tân Hiệp và 22 xã: Tân Hội Đông, Tân Hương, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây, Thân Cửu Nghĩa, Tam Hiệp, Điềm Hy, Nhị Bình, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Hữu Đạo, Long An, Long Hưng, Bình Trưng, Thạnh Phú, Bàn Long, Vĩnh Kim, Bình Đức, Song Thuận, Kim Sơn, Phú Phong, Long Định. Bệnh viện thuộc Trung tâm Y tế huyện xếp hạng 3 với 180 giường bệnh.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm Y tế huyện Châu Thành có: Bác sĩ chuyên khoa 2: 01 ; Bác sĩ chuyên khoa 1: 30; Cử nhân đại học: 55; Cử nhân cao đẳng: 113; Trình độ khác: 209.

**\*Quân đội:**

**Phòng khám đa khoa quân dân y tỉnh Tiền Giang**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Phòng khám) + Tính từ (Đa khoa: có nhiều khoa) + Loại hình y tế (quân dân y: Căn cứ Khoản 1 Điều 2 Nghị định 118/2018/NĐ-CP Quy định về công tác kết hợp quân dân y, có hiệu lực từ 30/10/2018, kết hợp quân dân y được quy định như sau: Kết hợp quân dân y là sự kết hợp giữa lực lượng quân y và lực lượng dân y nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng y tế nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân, bộ đội và đáp ứng các tình huống về y tế) + Địa danh hành chính (tỉnh Tiền Giang).

- Khái quát Phòng khám đa khoa quân dân y tỉnh Tiền Giang

+ Địa chỉ: 211A, Ấp Mới, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 02733632891

+ Email: [quandanytg@yahooo.com](mailto:quandanytg@yahooo.com)

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 17.768 m²; diện tích sử dụng: 4.600 m²

+ Tổng số cán bộ, viên chức (2022): 17; trong đó: nam: 12; nữ: 05

Tiền thân của Phòng Khám đa khoa quân dân y Tiền Giang là Bệnh xá Quân y Long Định, Tiền Giang. Phòng Khám chính thức đi vào hoạt động trên tinh thần phối hợp giữa Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Sở Y tế tỉnh Tiền Giang theo Quyết định thành lập số: 4123/QĐ-UBND ngày 24/10/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Phòng Khám có chức năng, nhiệm vụ: Điều trị bệnh cho người dân, cán bộ, sĩ quan, chiến sĩ, cán bộ hưu trí, cựu chiến binh, gia đình chính sách, gia đình có công, gia đình neo đơn có hoàn cảnh khó khăn,… trên địa bàn trong và ngoài tỉnh; khám tuyển quân; thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và chính trị do cấp trên chỉ đạo.

Năm 2022, Phòng Khám có chi bộ với 06 đảng viên; lãnh đạo đơn vị: 01 trưởng phòng (đồng thời là Bí thư chi bộ); công đoàn cơ sở có 15 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 05 đoàn viên.

Phòng Khám có: Khoa Khám - Cấp Cứu; Khu lưu bệnh điều trị nội trú;Khu Khám nội tổng hợp; Khu Khám ngoại tổng quát; Khu Tiểu phẫu; Phòng Khám Đông Y; các bộ phận cận lâm sàng bao gồm X quang, Siêu âm, Đo điện tim, Xét nghiệm, Dược;Khu Hành chánh có Ban Lãnh đạo, tổ chức, kế toán và 20 giường bệnh.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Phòng Khám có: Bác sĩ đa khoa: 03; Bác sĩ chuyên khoa 1: 01; Cử nhân đại học: 04; Cử nhân cao đẳng: 03; Dược sĩ đại học: 02; Dược sĩ trung học: 01; trình độ chuyên môn khác: 02.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm (nghiên cứu, biên soạn thêm bia tưởng niệm, khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Tượng đài:**

Tượng đài là công trình xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu ghi nhớ, tưởng niệm các sự kiện, các nhân vật lịch sử, được thể hiện bằng nghệ thuật điêu khắc kết hợp với nghệ thuật kiến trúc, ở những nơi công cộng, bằng các chất liệu bền vững, như đá, kim loại không gỉ, bê tông,…

**1. Tượng đài Căm thù Chợ Giữa (Vĩnh Kim)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Tính từ (Căm thù) + Công trình xây dựng (Chợ Giữa).

Sự kiện lịch sử:

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (ngày 23-11-1940), thực dân Pháp huy động lực lượng quân sự đông đảo để càn quét trấn áp ý chí đấu tranh kiên cường của nhân dân ta. Các xã có phong trào khởi nghĩa mạnh, như Long Hưng, Đông Hòa, Vĩnh Kim, Kim Sơn,… đều bị địch càn quét với thủ đoạn thật tàn bạo, dã man, đặc biệt trong đó có làng Vĩnh Kim, nơi mà quân Pháp cho rằng đây là cơ quan chỉ huy của cuộc khởi nghĩa.

Chợ Giữa xưa[[35]](#footnote-35) nằm ở làng Vĩnh Kim Đông thuộc tổng Thuận Bình, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc ấp Vĩnh Hoà, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Tại Chợ Giữa, vào một buổi sáng đầu tháng 12-1940, nhân dân ở các làng lân cận đổ về đây họp chợ, một số người dân do địch ruồng bố gắt gao cũng về đây tránh bom đạn. Vào giờ cao điểm chợ đang họp đông đúc, giặc đã cho máy bay ném hai quả bom xuống giữa chợ, bom nổ làm chết, bị thương rất nhiều người trong số đó có nhiều phụ nữ đang mang thai khiến cho các bào thai văng ra ngoài bụng mẹ.

Ném bom xong giặc Pháp xua quân bao vây chợ bắt những người còn sống sót kéo xác những người đã chết ném xuống hố bom không cho thân nhân, gia đình người bị nạn đem xác về chôn. Trong số đó, có người bị thương chưa chết, giặc vẫn cho chôn sống. Dưới sông gần chợ, ghe xuồng của nhân dân đi lại cũng bị chúng bắn giết bừa bãi, xác chết trôi đầy sông, máu loang đỏ cả một đoạn sông. Hơn 10 ngày sau, vì quá hôi thối nhân dân quanh chợ đấu tranh, địch mới cho thân nhân, gia đình đem xác về chôn nơi khác.

Theo báo cáo của chủ tỉnh Mỹ Tho Dufour, từ ngày 3 đến ngày 5-12-1940, địch đã càn quét bắt 400 người, từ ngày 6-12 đến cuối tháng 12-1940, bắt thêm 2500 người. Tổng cộng trong vòng 1 tháng chúng bắt được 2.900 người dân vô tội. Ngoài ra, thực dân Pháp còn đưa những người bị bắt ra xử tử hàng loạt. Chúng đem những người bị bắt về nhốt tại nhà việc làng Điều Hòa, Mỹ Tho rồi dùng dây thép gai xiên tay lại với nhau đày ra Côn Đảo.

Tượng đài Tượng đài Căm thù Chợ Giữa (Vĩnh Kim) được khánh thành năm 2004 trong khuôn viên có diện tích 600 m2, tọa lạc tại Chợ Giữa (Vĩnh Kim), xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tượng đài do nhà điêu khắc Lương Văn Thạnh tạo mẫu, nặng 8 tấn, cao 4 m, được tạo tác bằng hợp kim đồng. Bức tượng thể hiện hình tượng người phụ nữ với nón lá, gióng gánh trong tư thế quỳ, một tay ôm đứa con đã chết, một tay cầm chiếc đòn gánh gãy, phía dưới là thúng, gióng, mắt hướng lên bầu trời nơi có máy bay giặc đang quần đảo, với ánh mắt đầy căm phẫn. Phía dưới tượng đài là dải tranh gốm sứ tái hiện cảnh thảm sát năm xưa.

Tượng đài Căm thù nằm trong khuôn viên Di tích Địa điểm vụ thảm sát Chợ Giữa - Vĩnh Kim. Di tích được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử cách mạng cấp Quốc gia theo Quyết định số 62/QĐ-BVHTT ngày 27/11/2003.

Hằng năm, vào ngày 05-12, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Vĩnh Kim cùng các đoàn thể của xã tổ chức mít tinh kỷ niệm, có đông đảo đồng bào các xã lân cận và các gia đình nạn nhân trong vụ thảm sát về dự. Đây cũng là dịp để cho thế hệ trẻ biết và tự hào về những ngày tháng đấu tranh hào hùng của dân tộc.

**2. Tượng đài Chiến thắng Giồng Dứa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Giồng Dứa).

Sự kiện lịch sử:

Thời xưa, Giồng Dứa là vùng đất hoang vu, hiểm trở, nên có câu ca dao:

Ai về Giồng Dứa qua truông,

Gió lay bông sậy để buồn cho em.

Giồng Dứa gắn liền với một chiến công oanh liệt của quân dân tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) - Chiến thắng Giồng Dứa.

Vào ngày 25 hàng tháng, Bộ Chỉ huy quân Pháp ở Nam Bộ thường tổ chức một đoàn xe tiếp tế vũ khí, lương thực cho binh lính của bọn chúng ở các tỉnh miền Tây. Nắm được quy luật đó, Bộ Chỉ huy Khu 8 của ta quyết định tấn công đoàn xe này. Đúng 10 giờ ngày 25/4/1947, đoàn xe quân sự của địch lọt vào trận địa phục kích. Bộ đội ta anh dũng nổ súng tiến công. Bị đánh phủ đầu một cách bất ngờ, toàn bộ quân địch nhanh chóng tan rã. Sau 10 phút chiến đấu, ta giành thắng lợi hoàn toàn, phá hủy 14 xe quân sự; tịch thu nhiều vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng; diệt nhiều tên địch, trong đó có những sĩ quan cao cấp của quân đội thực dân Pháp.

Chiến thắng Giồng Dứa đã gây chấn động lớn trong dư luận trong và ngoài nước, chứng tỏ bộ đội ta ngày càng lớn mạnh, hoàn toàn có khả năng đánh bại lực lượng địch đông hơn gấp nhiều lần và được trang bị hiện đại; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh mẽ ở chiến trường Khu 8.  Chiến thắng này đã khiến cho quân địch càng hoang mang, dao động. Từ đây, địch buộc phải bố trí lực lượng cơ giới đi hộ tống các đoàn xe chở quân, vũ khí, lương thực; và không dám rút bớt quân để tăng viện cho chiến trường chính miền Bắc.

Tượng đài Chiến thắng Giồng Dứa được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang xây dựng năm 1985 trong khuôn viên Trường Quân sự Tiền Giang tại ấp Đông, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tượng đài gồm một cụm tượng với  các nhân vật được thể hiện là một nữ dân quân, hai chiến sĩ vệ quốc đoàn và một nông dân thổi tù và đang trong tư thế tiến công dũng mãnh tiêu diệt địch. Phía dưới là bức phù điêu mô tả sinh động, hào hùng cảnh quân dân ta chiến đấu đốt xe địch.

Tượng đài do hai nhà điêu khắc Đỗ Như Cẩn và Phạm Mười tạo mẫu, dưới sự cố vấn của Thượng tướng Trần Văn Trà, người chỉ huy trận đánh năm xưa. Năm 2000, do nhu cầu mở rộng Quốc lộ 1, tượng đài đã được quy hoạch tôn tạo và di dời vào phía bên trong, cách vị trí cũ 40 m, trên diện tích gần 9.000 m2 với các hạng mục: công viên, vườn hoa, cây cảnh, hồ nước bao bọc chung quanh. Tượng đài cao 7 m và phù điêu dài 24 m, được tạo tác bằng chất liệu bê tông cốt thép.

Di tích Chiến thắng Giồng Dứa được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 62/2003/QĐ-BVHTT, ngày 27/11/2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

**3. Tượng đài Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút).

Sự kiện lịch sử:

Khoảng tháng 12/1784, quân Xiêm tiến đến sông Tiền, đóng quân từ rạch Trà Lọt (Cái Bè) đến rạch Trà Tân (Cai Lậy), chuẩn bị tấn công Mỹ Tho. Cũng vào thời điểm này, quân Tây Sơn, do Nguyễn Huệ chỉ huy, vượt biển tiến vào Mỹ Tho.

Sau khi xem xét tình hình quân địch và địa bàn sông nước, Nguyễn Huệ quyết định chọn đoạn sông Tiền từ Rạch Gầm đến rạch Xoài Mút làm trận địa quyết chiến với quân Xiêm.

Đoạn sông này dài khoảng 7 km, ở giữa có cù lao Thới Sơn, hai bên bờ sông cây cối um tùm, cách Mỹ Tho khoảng 12 km. Nguyễn Huệ đã cho bố trí một trận địa mai phục lớn ở tại đây. Thủy quân được giấu trong các con rạch. Bộ binh và pháo binh được bố trí trên bờ và trên cù lao ở giữa sông.

Đêm ngày 19 rạng ngày 20/01/1785 (tức đêm mùng 9 rạng ngày mùng 10 tháng Chạp năm Giáp Thìn), nhằm lúc nước thủy triều lên, Nguyễn Huệ cho chiến thuyền tấn công khiêu khích quân địch. Sau một lúc chiến đấu, chiến thuyền Tây Sơn giả vờ thua bỏ chạy. Hai tướng giặc huy động toàn bộ lực lượng đuổi theo và lọt vào trận địa mai phục của quân Tây Sơn. Sau đợt công kích phủ đầu bằng pháo binh, quân thủy - bộ Tây Sơn đồng loạt xông ra, chia cắt đội hình của quân địch và tấn công vô cùng dũng mãnh. Quân Xiêm hoàn toàn bị rối loạn, không còn khả năng chống trả, đành phải thua trận. Toàn bộ chiến thuyền của giặc bị đánh đắm. Quân Xiêm bị tiêu diệt gần hết; chỉ còn một số ít thoát được theo đường bộ trốn chạy về nước; Nguyễn Ánh cũng theo đám tàn quân chạy sang Xiêm. Sử triều Nguyễn ghi: “*Kể từ sau trận Giáp Thìn, người Xiêm sợ quân Tây Sơn như sợ cọp “.*

Trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút là một trận đánh mai phục kết hợp với bao vây tiêu diệt. Muốn mai phục được ở một vùng đất có dân như ở Rạch Gầm - Xoài Mút thì vấn đề cốt lõi đầu tiên là nắm được lòng dân. Nơi ẩn náu kín đáo nhất và lợi hại nhất của quân Tây Sơn không phải là địa hình hiểm trở mà chính là lòng dân. Nhân dân Tiền Giang đã một lòng theo Tây Sơn. Điều này được thể hiện qua việc nhân dân hướng dẫn Nguyễn Huệ đi trinh sát địa bàn, cung cấp những chi tiết cần thiết về tình hình sông nước, thủy triều để ông thiết lập trận địa mai phục và lên phương án tác chiến; đồng thời, nhân dân đã giữ bí mật trận địa mai phục đến phút chót khiến quân địch không mải may nghi ngờ. Bên cạnh đó, nhân dân còn đóng góp lương thực, thực phẩm và các vật dụng, như dầu mù u, vỏ dừa khô,… để nghĩa quân chiến đấu tiêu diệt giặc Xiêm.

Ở Tiền Giang có câu ca dao:

*Gái Mỹ Tho, mày tằm mắt phụng,*

*Giặc đến nhà chẳng vụng huơ đao.*

Câu ca dao trên phản ánh việc phụ nữ nói riêng, nhân dân Tiền Giang nói chung đã tham gia đánh giặc cùng với quân Tây Sơn trong việc bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

Thắng lợi của trận thủy chiến Rạch Gầm-Xoài Mút không chỉ là thắng lợi của quân Tây Sơn mà còn là thắng lợi của nhân dân Tiền Giang.

Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, nhân dân Nam bộ, trong đó có nhân dân Tiền Giang, cùng với quân Tây Sơn, dưới sự lãnh đạo tài ba của Nguyễn Huệ đã đánh bại sự xâm lược hung hãn của bọn phong kiến Xiêm và trừng trị đích đáng hành động “cõng rắn cắn gà nhà” của Nguyễn Ánh; giữ vững nền độc lập dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ thành quả khai hoang của nhân dân Nam bộ, tạo điều kiện để vùng đất này sớm trở thành vựa lúa lớn nhất của đất nước.

Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, một cuộc kháng chiến chống ngoại xâm do giai cấp nông dân đảm nhiệm. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút đánh dấu một bước ngoặc cơ bản, một sự chuyển biến về chất của phong trào nông dân Tây Sơn: từ cuộc đấu tranh giai cấp, phong trào đã nhận lãnh sứ mệnh lịch sử vẻ vang là đi đầu trong cuộc đấu tranh dân tộc. Chính điều này đã làm cho uy tín của phong trào Tây Sơn ngày càng được nâng cao trong nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào và nhân dân Bắc hà đánh bại cuộc xâm lược của ngót 30 vạn quân Thanh (Trung Quốc) vào năm 1789.

Trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút là một trong chiến công lẫy lừng của nhân dân ta, sánh cùng với những Bạch Đằng, Hàm Tử, Chi Lăng, Ngọc Hồi - Đống Đa, … oanh liệt. Thật là:

*Bần gie đóm đậu sáng ngời,*

*Rạch Gầm - Xoài Mút muôn đời oai linh.*

(Ca dao)

Tượng đài Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút được khánh thành năm 2005, tác giả là nhà điêu khắc Nguyễn Hải, khắc họa vị anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trong tư thế chỉ huy chiến đấu. Tượng làm bằng đồng, cao hơn 8 m, được đặt trên bệ cao mô phỏng hình chiến thuyền. Chính giữa là bức tượng Nguyễn Huệ oai phong đứng trên chiến thuyền đang rút gươm, bên dưới là người dân địa phương chèo thuyền và nghĩa quân giương nỏ nhìn về phía sông Tiền như đang chuẩn bị xông lên, tấn công quân Xiêm xâm lược.

Dưới chân tượng đài là khu nhà trưng bày, với dãy phù điêu bằng đồng bao bọc xung quanh. Hoa văn trên dãy phù điêu chạm khắc hình người và chim lạc được tác giả cách điệu từ mặt trống đồng. Trên vách bên trong nhà trưng bày là dãy tranh ghép gốm màu, gồm 4 chương: khẩn hoang, lập ấp, trận thủy chiến và khải hoàn, chiều cao 1,8 m có diện tích 57 m², hai mảng phù điêu chim muông với cây trái có diện tích 13 m² bằng chất liệu composite.

Di tích Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút được công nhận Di tích cấp Quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 2408/QĐ TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

**\* Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Bia lưu niệm/tưởng niệm:**

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

**Bia tưởng niệm “Bốn chiến sĩ khởi nghĩa Nam Kỳ tuẫn tiết tại Gò Me”**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia tưởng niệm) + Sự kiện lịch sử (Bốn chiến sĩ khởi nghĩa Nam Kỳ tuẫn tiết tại Gò Me).

Gò Me tọa lạc tại ấp Long Bình B, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Địa danh này gắn liền với sự kiện lịch sử bi tráng của dân tộc trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ. Đó là cuộc tuẫn tiết đầy khí phách anh hùng của bốn chiến sĩ cộng sản kiên cường: Lê Văn Giác, Nguyễn Văn Ghè, Nguyễn Văn Quới, Nguyễn Văn Huân.

1 giờ sáng ngày 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho bùng nổ với tâm điểm là xã Long Hưng. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Mỹ Tho và sự chỉ huy trực tiếp của Ủy ban khởi nghĩa tỉnh, quần chúng nhân dân và lực lượng võ trang đã đồng loạt nổi dậy và tiến đánh địch ở toàn địa bàn huyện Châu Thành, lật đổ hầu như toàn bộ chính quyền địch ở cơ sở.

Ngay sau đó, chính quyền thực dân tỉnh Mỹ Tho huy động lực lượng hùng hậu để đàn áp. Cuộc khởi nghĩa bị dìm trong biển máu. Ngày 04/01/1941, quân Pháp tổ chức một trận càn quét với quy mô lớn vào Long Hưng. Nghĩa quân đã kiên cường đánh trả. Nhưng do tương quan lực lượng có sự chênh lệch quá lớn, nên lực lượng cách mạng phải rút vào Gò Me cố thủ. Đến 6 giờ 30 phút ngày hôm sau (tức ngày 05/01/1941, nhằm ngày 8 tháng 12 năm Canh Thìn), sau khi bắn đến viên đạn cuối cùng, bốn ông Nguyễn Văn Ghè (Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Huyện ủy Châu Thành, ủy viên Ban Khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho), Nguyễn Văn Quới (Huyện ủy viên huyện Châu Thành, ủy viên Ban Khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho), Lê Văn Giác (ủy viên Ban Khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho, Bí thư Chi bộ đầu tiên của xã Long Hưng), Nguyễn Văn Quân (cán bộ huyện Châu Thành, phụ trách Chi bộ xã Bình Trưng) đã quyết định tuẫn tiết để không sa vào tay giặc, bảo vệ cơ sở Đảng và cách mạng. Hành động vị quốc vong thân của Bốn Ông và địa danh Gò Me đã đi vào lịch sử dân tộc, sống mãi ngàn thu.

Di tích được xây dựng vào năm 1985, trùng tu năm 1994 và 2010. Với diện tích khoảng 2.000 m2, di tích có 2 hạng mục: Miếu thờ, bia lưu niệm. Bia được làm bằng bê- tông cốt thép, hình chữ nhật, bên chân phải bia có cách điệu biểu tượng bông lúa. Nội dung bia khắc những dòng chữ:

“Nơi đây vào lúc 6 giờ 30 phút ngày 8 tháng 12 năm Canh Thìn (05/01/1941) bốn đồng chí đã tự cắt cổ tử tiết để khỏi rơi vào tay giặc Pháp: Nguyễn Văn Ghè - Tỉnh ủy viên, Ban khởi nghĩa của tỉnh, Bí thư Huyện ủy Châu Thành; Nguyễn Văn Quới - Huyện ủy viên Châu Thành, Ban khởi nghĩa của tỉnh; Lê Văn Giác - Ban khởi nghĩa của tỉnh, Bí thư chi bộ đầu tiên của xã Long Hưng; Nguyễn Văn Quân - Cán bộ huyện phụ trách chi bộ xã Bình Trưng (huyện Châu Thành)”.

Bia nằm trong khuôn viên Di tích Gò Me. Di tích này được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**Bia mộ:**

Bia mộ là phần được tạo tác bằng đá, xây trước mộ. Trên bia mộ có ghi một số thông tin như: họ tên, ngày/tháng/năm sinh, ngày/tháng/năm mất của người quá cố, ghi chép tóm tắt tiểu sử và công trạng của người mất.

**Bia mộ Phan Hiển Đạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia mộ) + Nhân vật lịch sử (Phan Hiển Đạo).

Phan Hiển Đạo sinh năm 1822 tại thôn Vĩnh Kim Đông, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay là xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, hiếu học và học giỏi. Năm 1847, tại khoa thi Hương được tổ chức ở Gia Định, ông đỗ Cử nhân hạng ba; và là người duy nhất của tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang) được đăng khoa ở khoa thi này.

Sau đó, ông lại khăn gói ra kinh đô Huế tiếp tục dùi mài kinh sử. Tại đây, sau những giờ cần mẫn đèn sách, ông còn cất công đi tìm các thầy dạy nhạc ở chốn cung đình để thọ giáo môn âm nhạc. Vì thế, ông có kiến thức nhất định về âm nhạc truyền thống của dân tộc, nhất là âm nhạc bác học và dân gian Huế. Đồng thời, ông còn biết sử dụng nhiều loại nhạc khí; trong đó, điêu luyện nhất là đàn tranh và đàn kìm.

Giữa lúc quan niệm “*xướng ca vô loại*” của Nho giáo đang ngự trị trong xã hội; thì việc học nhạc của ông - vốn là người xuất thân từ cửa Khổng sân Trình - được xem là một hành động cách tân và dũng cảm. Ông đã tiếp nối truyền thống yêu chuộng âm nhạc của dân tộc nói chung và của nhân dân tỉnh Định Tường nói riêng. (Sách *Đại Nam nhất thống chí*, ở mục Phong tục của tỉnh Định Tường, có ghi rằng: “*Người ở đây hay múa hát làm vui*”).

Năm 1856, ông cùng với hàng ngàn sĩ tử của mọi miền đất nước bước vào kì thi Hội được tổ chức tại kinh đô Huế. Kết quả, khoa thi đó, cả nước chỉ có sáu người đỗ Chánh bảng và một người đỗ Phó bảng; trong đó, ông được đăng khoa ở Chánh bảng và nhận học vị Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Sau khi được nhà vua ban áo mão Tiến sĩ, ông “*vinh quy bái tổ*” về quê nhà; và được nhân dân tiếp đón nồng hậu; bởi vì, cho đến lúc đó, ông là vị Tiến sĩ đầu tiên của tỉnh Định Tường và là một trong số rất ít Tiến sĩ của cả Nam Kỳ lục tỉnh hồi nửa đầu thế kỷ 19.

Sau đó, ông được triều đình bổ chức Đốc học tỉnh Định Tường. Từ đó, ông đã đem hết tâm huyết và năng lực phục vụ sự nghiệp giáo dục của tỉnh nhà. Bên cạnh đó, ông còn ra sức quảng bá âm nhạc truyền thống dân tộc ở địa phương; nhất là ở Vĩnh Kim, để khiến nơi này sau đó trở thành một trong những “*cái nôi*” của nghệ thuật ca nhạc tài tử Nam bộ.

Năm 1861, thực dân Pháp chiếm tỉnh Định Tường. Trước sự thay đổi của thời cuộc, ông lui về ở ẩn tại quê nhà, bất hợp tác với địch; mặc dù, bọn chúng đã nhiều lần sai Tôn Thọ Tường đến Vĩnh Kim Đông, vừa mua chuộc, vừa ép buộc ông phải ra làm việc cho Pháp.

Năm 1864, ông đến Vĩnh Long, xin gặp Phan Thanh Giản; nhưng không được vị Khâm sai đại thần này tiếp. Không những thế, Phan Thanh Giản còn nghi ngờ ông khiếp nhược đầu hàng giặc. Không thể chịu đựng nổi oan ức, ông lặng lẽ trở về quê nhà tự vẫn.

Giữa lúc ở Nam Kỳ đã xuất hiện những tên tay sai có cỡ như Trần Bá Lộc, Huỳnh Văn Tấn, Tôn Thọ Tường,…; thì việc ông không để giặc lợi dụng và tìm đến cái chết là một hành động đáng quý. Nó nói lên sự thanh khiết, lòng yêu nước của một trí thức chân chính.

Khu mộ Phan Hiển Đạo tọa lạc tại xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Về bia mộ của ông, ở Vĩnh Kim có ông Phan Bộ Tam gốc người Minh Hương viết văn bia minh oan cho Phan Hiển Đạo. Bia mộ của Phan Hiển Đạo được chạm khắc chữ chìm trên đá, cao khoảng 1 m, rộng khoảng 0,7 m, đặt ở trước mộ của ông.

Nội dung bia mộ (bản dịch của Tiến sĩ Văn học Võ Phước Lộc):

*“Ông huý Đạo tự ... họ Phan, đậu tiến sĩ làm quan đến Học chính tỉnh Định Tường.*

*Năm Tự Đức... bọn Pháp Lang đến cướp nước, các nơi đều mất, ông bất khuất qua đời và chôn ở làng Vĩnh Kim Đông.*

*Than ôi! Sĩ cùng thấy tiết nghĩa. Đời loạn rõ trung thần.*

*Nay quốc gia đang lúc bên trong không sinh lo nghĩ, bên ngoài chưa khỏi hoạn nạn. Người đương thời nói với nhau rằng: “Nếu ông ấy chẳng phải trung thần, nếu ông ấy chẳng phải là liệt sĩ thì cũng là người cứng cỏi vì giận lời đồn đại hoặc cũng là người mềm lòng ví giận hiện tượng bên ngoài, nên lâm nạn, miễn bàn...”*

*Ông của tôi bỗng chốc gặp vận nước gian nan có thể cởi mũ về quê hoặc mở cửa thành ra hàng giặc để được toàn thân bảo vệ vợ con. Ví dù đã như vậy, tôi nghe tiếng Phan công, lòng cũng hỗ thẹn lắm. Tuy nhiên, nếu Phan ông không phải là học trò mà tự tìm cái chết, thì cũng đáng trách vậy. Đương thời trọng nghĩa Cần Vương, chí mong khôi phục. Nếu như trời không bắt tội khổ sở, thì cũng có thể giành lại được. Giúp vua được việc là tốt không giúp được việc tự tìm cái chết là việc kế đó. Vì ông đã tự tìm cái chết , nên lòng kẻ này mới được yên ổn. Đầu tiên chẳng cần ai biết đến, tuy nhiên cái chết của ông cũng tự nhiên nổi danh bất hủ.*

*Không ai chờ đợi bài minh, cũng chẳng ai suy tính hẹp hòi nên tôi mới vui vẻ làm bài minh này.*

*Há có một mình tôi xiển dương cái đức để đền ơn cho bậc cố lão, mong làm gương cho bọn bầy tôi có hai lòng ở trong thiên hạ đời sau vậy.*

*Có bài minh rằng:*

*Lấy trung làm đạo tốt là sự tích. Sanh mà chết nhưng bị tiếng gian, thì chỉ có cách khắc ghi trên đá, để làm gương cho kẻ làm tôi vậy.*

*Đường cử nhân Phan Bộ Tam*”.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

**Công viên/Vườn hoa:**

**Khái niệm:**

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

**Công viên Tân Hội Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hội Đông).

Công viên được khánh thành năm 2015, tọa lạc tại xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, diện tích 1.120 m², hệ thực vật gồm có các loài hoa và cây thấp tầng tạo cảnh quan; 01 bệ bê tông cao 3 m, ốp gạch giả đá, trên mặt bệ có tượng chim bồ câu trắng, đèn chiếu sáng, hệ thống điện nước, thiết bị tập thể dục ngoài trời, ghế đá,…

**Rạp hát:**

**Khái niệm:**

Rạp hát là nơi để biểu diễn các tác phẩm âm nhạc, sân khấu (kịch, cải lương, chèo, tuồng,…), điện ảnh,…

**Rạp Kim Quang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Địa danh Hán Việt (Kim: 金: Vàng, tiền; Quang: 光: Sáng, quang đãng).

### Rạp Kim Quang được xây dựng vào khoảng cuối thập niên 1950, là rạp chiếu phim và biểu diễn cải lương, 400 chỗ ngồi, tọa lạc tại Ấp Me, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 2006, do sự phát triển của Internet, rạp phải dừng hoạt động và được Công ty cổ phần Sách và Dịch vụ văn hóa Long An thuê kinh doanh với tên gọi Nhà sách Tân Hiệp.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

**Chợ**

**-** Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, “Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi,ngày nhất định”[[36]](#footnote-36).

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: “Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung vàcầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa ngườisản xuất, người mua bán và người tiêu dùng”[[37]](#footnote-37).

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: “Chợ là nơi tụ họp buôn bán”; “chợ búa là nơi tụ họp bày bánhàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định muabán”[[38]](#footnote-38).

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành vàphát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vựcdân cư”[[39]](#footnote-39).

**Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác”[[40]](#footnote-40).

**Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác  
nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu “Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ gócnhìn văn hóa học”, Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[[41]](#footnote-41):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI** | **LOẠI HÌNH CHỢ** |
| 1 | Theo thời gian họp chợ | - Chợ sáng  - Chợ hôm  - Chợ chiều  - Chợ đêm  - Chợ phiên |
| 2 | Theo lịch sử | - Chợ truyền thống  - Chợ hiện đại (siêu thị) |
| 3 | Theo khu vực địa lý | - Chợ quê  - Chợ ven đô  - Chợ đô thị  - Chợ đồng bằng  - Chợ miền núi |
| 4 | Theo quy mô hành chánh | - Chợ làng  - Chợ xã (liên làng)  - Chợ huyện (liên xã)  - Chợ thị trấn  - Chợ thị xã |
| 5 | Theo tình chất, quy mô trao đổi hàng hóa | - Chợ đầu mối  - Chợ bán lẻ  - Chợ chuyên doanh  - Chợ tổng hợp |
| 6 | Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ | - Chợ vải  - Chợ trâu  - Chợ trái cây  - Chợ hải sản |
| 7 | Theo quy mô xây dựng | - Chợ kiên cố  - Chợ bán kiên cố  - Chợ tạm |

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[[42]](#footnote-42):

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[[43]](#footnote-43):

- Chợ loại 1: Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- Chợ loại 2: Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- Chợ loại 3: Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa  
được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua  
bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

**Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[[44]](#footnote-44):

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

**Chợ ở huyện Châu Thành:**

**1. Chợ Bình Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Bình Đức).

Chợ loại 3, ở xã Bình Đức, huyện Châu Thành, diện tích 591 m², có 121 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, kim khí điện máy, tạp hóa,…

**2. Chợ Bưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Bưng).

**Theo Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, bưng có nghĩa là “*hồ to, chỉ chỗ đất trũng giữa đồng, đọng nước, có nhiều cây mọc, như đưng, đế, lác,...*”.** Trong tiếng Việt, âm **â** có thể được gọi trại thành âm **ư**; ví dụ: v**â**ng lịnh - v**ư**ng lịnh; d**â**ng cơm - d**ư**ng cơm; n**â**ng - n**ư**ng; t**ầ**ng - t**ừ**ng; v**ầ**ng - v**ừ**ng. Do đó, **Bâng** hoàn toàn có thể được gọi trại thành **Bưng**)[[45]](#footnote-45).

Theo Vương Hồng Sển trong quyển *Tự vi ̣tiếng nói miền Nam*, bưng “*là đất sình lầy lấp xấp nước, cá tôm ở nhiều, cỏ lác mọc loạn xạ. Bưng là do tiếng Khmer là “trapéang” đổi ra “péang”, bâng, bưng nói dồn lại*”[[46]](#footnote-46).

Theo Trần Minh Thương, “*Bưng”* được Việt hóa từ chữ *tra - péang*: *vũng, ao*; lúc đọc là *trà bang, trà vang*; sau rút lại còn *bang* rồi biến âm theo cách nói người miền Nam thành *bưng, như ca dao có câu: “Trắng da vì bởi má cưng/Đen da vì bởi lội* ***bưng*** *vớt bèo”*[[47]](#footnote-47)*.*

Theo *Địa chí Tiền Giang*, bưng là đất sình lầy, nước lắp xắp, cá tôm ở nhiều, cỏ lác mọc loạn xạ[[48]](#footnote-48).

Chợ Bưng là chợ loại 3, ở xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, diện tích 600 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**3. Chợ Đông Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Đông Hòa).

Chợ loại 3, ở xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, diện tích 1.612 m², có 60 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**4. Chợ Rạch Gầm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm thanh của động vật (Cọp Gầm, gọi tắt thành Gầm) hoặc Âm thanh của người đàn ông (Ông Gầm, gọi tắt thành Gầm) hoặc Thực vật (Cây gằm, gọi trại thành Gầm) hoặc Động vật (Tiếng Khmer Ca Răm: Con Cọp).

- Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được. Ở Trung Bộ và Bắc Bộ hoàn toàn vắng mặt từ này. Còn ở Nam Bộ, nó hết sức phổ biến[[49]](#footnote-49).

Theo Lê Trung Hoa, rạch là tiếng Việt gốc Khmer *P*rêk, có nghĩa là *Dòng sông nhỏ*.Về ngữ âm, *prêk* có thể chuyển hóa thành *rạch*. Trong tiếng Việt, hiện tượng tổ hợp phụ âm đầu có âm lỏng “r” bị rụng âm “r” là điều rất phổ biến, như crème thành kem, frein thành phanh (thắng xe), fromage thành phó mát hay phô mai, (tấm) drap thành (tấm) ra: tấm trải giường, grève - (làm) reo: biểu tình. Như vậy, ***Pr*** hoàn toàn có khả năng chuyển thành ***R***. Âm tiết ***êk*** có thể chuyển thànhách, như méc - mách, (cù) léc - (cù) nách, vêk mục (tiếng Khmer) - vạch mặt[[50]](#footnote-50).

- Về từ “Gầm” có nhiều cách giải thích khác nhau:

+ Cách thứ nhất: Ngày xưa, Rạch Gầm là một vùng đất hoang vu. Thuở đó, khi những người Việt tiền phong đến đây khẩn đất, lập điền, thì chỉ thấy toàn là rừng rậm, cây cối mịt mùng, còn dã thú nhiều không sao kể, nhất là cọp. Tiếng rống của cọp vang dậy cả một vùng, nên những người đi khai hoang đặt tên là rạch Cọp Gầm, rồi về sau, gọi trại thành Rạch Gầm.

- Cách thứ hai: Thuở xưa, tại vùng đất Rạch Gầm ở bên bờ tả ngạn sông Tiền và Phú Túc ở bên bờ hữu ngạn (nay thuộc tỉnh Bến Tre), trời đất tối tăm, mịt mù. Bỗng một đêm nọ, trời mưa như trút nước, sấm chớp nổi lên đùng đùng. Bất chợt, có tiếng gầm từ bờ bên này vang sang bờ bên kia; rồi sau đó, có tiếng hét dội lại, như đối đáp nhau. Đến sáng ra, trời quanh mây tạnh, phong cảnh sáng sủa, tươi tốt. Nhờ vậy, dân chúng làm ăn ngày càng khấm khá, phát đạt. Để ghi lại chuyện này, nhân dân đặt tên cho con rạch ở bờ tả ngạn là rạch Ông Gầm, sau đó gọi tắt là Rạch Gầm, còn con rạch ở bờ hữu ngạn đối diện thuộc cù lao Phú Túc là rạch Bà Hét.

Với cách giải thích thứ nhất và thứ hai, rạch Gầm là địa danh gọi tắt từ rạch Cọp Gầm hay rạch ông Gầm mà ra. Như vậy, rạch Cọp Gầm hay rạch Ông Gầm là địa danh có ba âm tiết. Các địa danh loại này được lược bỏ âm tiết ở giữa là hiện tượng thường xảy ra, như cầu Xóm Kiệu - cầu Kiệu (Thành phố Hồ Chí Minh), sông Ông Đốc - sông Đốc (Cà Mau),…

- Cách thứ ba: Theo tác giả Việt Tuấn trong bài “Rạch Gầm – Xoài Mút” được in trong quyển *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Rạch Gầm có xuất xứ từ tiếng Khmer: Ca Răm, có nghĩa là Con Cọp. Ca Răm gọi trại thành Gầm[[51]](#footnote-51).

Chợ Rạch Gầm là chợ loại 3, ở xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, diện tích 1.700 m², có 33 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**5. Chợ Giữa Vĩnh Kim**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Vị trí (Giữa: chợ này nằm ở vị trí trung tâm của các địa phương xunh quanh, như Đông Hòa, Bình Trưng, Long Hưng, Kim Sơn, Song Thuận,...) + Địa danh hành chính (xã Vĩnh Kim).

Sách Địa chí Tiền Giang năm 2005 viết: “*Chợ Giữa còn gọi là chợ Đình Thung do ông Cai đình tên là Thung lập, nằm ngã ba Rạch Gầm và rạch Chà Là*”.

Chợ loại 2, ở xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, diện tích 3.308 m², có 245 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, kim khí điện máy, quần áo, giày dép, kim khí điện máy, nữ trang, đồ gia dụng, nông cụ, tạp hóa,…

**6. Chợ Gò Lũy (Chợ Kháng Chiến)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng) + Công trình xây dựng (Lũy: công trình được làm bằng đất, bao quanh chỗ đóng quân).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động từ (Kháng chiến: Chiến đấu chống quân xâm lược để bảo vệ nền độc lập, tự do của đất nước). Gò Lũy là vùng căn cứ cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Vì thế, chợ ở đây còn được gọi là chợ Kháng Chiến.

Chợ loại 3, ở xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, diện tích 1.000 m², có 34 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**7. Chợ Long An**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long An).

Chợ loại 3, ở xã Long An, huyện Châu Thành, diện tích 1.000 m², có 27 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, tạp hóa,…

**8. Chợ Long Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Long Định).

Chợ loại 2, ở xã Long Định, huyện Châu Thành, diện tích 2.670 m², có 225 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, nông cụ, nữ trang, kim khí điện máy, đồ gia dụng, trái cây, tạp hóa,…

**9. Chợ Phú Phong (Chợ Rau Răm)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Phú Phong).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (Rau Răm). Ở đây có rạch Rau Răm, là rạch có nhiều người trồng rau răm. Chợ Rau Răm được xây cất bên bờ rạch Rau Răm.

Chợ loại 3, ở xã Phú Phong, huyện Châu Thành, diện tích 3.483 m², có 81 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**10. Chợ Tân Hiệp (Chợ Trấn Định)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (thị trấn Tân Hiệp).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính xưa (Trấn Định: do dinh Trấn Định gọi tắt. Thôn Tân Hiệp xưa từng là lỵ sở của danh Trấn Định).

Chợ loại 2, ở thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, diện tích 1.984 m², có 273 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, giày dép, nông cụ, nữ trang, kim khí điện máy, đồ gia dụng, trái cây, tạp hóa,…

**11. Chợ Tân Hội Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Hội Đông).

Chợ loại 3, ở xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, diện tích 1.411 m², có 110 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**12) Chợ Tân Hương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Hương).

Chợ loại 3, ở xã Tân Hương, huyện Châu Thành, diện tích 776 m², có 93 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**13. Chợ Tân Lý Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Lý Đông).

Chợ loại 3, ở xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, diện tích 1296 m², có 130 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**14. Chợ Tân Lý Tây**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Lý Tây).

Chợ loại 3, ở xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, diện tích 596 m², có 93 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**15. Chợ Thân Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Thân: 親 Thân; Ruột thịt, thương yêu, đáng tin cậy (Theo *Địa bạ Định Tường*, trang 162); Hòa: 和: Hoà hợp, hoà thuận).

Chợ loại 3, ở xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, diện tích 400 m², có 45 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**16. Chợ Thuộc Nhiêu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Chức vụ ở làng xã thời xưa (Thuộc: đơn vị hành chính cuối thế kỷ XVIII, tương đương “tổng” trong nửa đầu thế kỷ XIX, đứng đầu “thuộc” là Cai thuộc) + Tên người (Nguyễn Văn Nhiêu: giữ chức Cai thuộc, nên dân gian gọi tắt là Thuộc Nhiệu. Ông là người miền trung, có công quy tập dân chúng khẩn hoang vùng Dưỡng Điềm ngày nay và lập chợ Thuộc Nhiêu).

Chợ loại 3, ở xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, diện tích 1.054 m², có 143 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa, heo thừa vú,…

**17. Chợ Trái cây Vĩnh Kim**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (Trái cây) + Địa danh hành chính (xã Vĩnh Kim).

Chợ loại 2, ở xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, diện tích 27.414 m², có 288 hộ chuyên kinh doanh trái cây các loại,… cung cấp trái cây cho cả nước và xuất khẩu.

**18. Chợ Xoài Hột**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (Xoài Hột: loại xoài rừng, trái nhỏ, hột to, cơm ít, dân gian gọi là xoài hột hay xoài mút).

Chợ loại 3, ở xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, diện tích 1.500 m², có 76 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, trái cây, quần áo, giày dép, đồ gia dụng, tạp hóa,…

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên khu công nghiệp, kho, trạm:**

**Khu công nghiệp:**

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

**Khu công nghiệp Tân Hương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Khu công nghiệp) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương).

Khái quát Khu công nghiệp Tân Hương:

Khu công nghiệp Tân Hương được thành lập năm 2006 theo Giấy Chứng nhân đầu tư số 53211000001 ngày 20/11/2006 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Tiền Giang cấp, có diện tích 197,33 ha thuộc xã Tân Hương, huyện Châu thành tỉnh Tiền Giang, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 50 km về hướng Đông Nam theo Quốc lộ 1; 37km về hướng Tây Bắc bằng đường Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương; cách thành phố Mỹ Tho 12 km về phía Tây Nam; cách cảng Hiệp Phước khoảng 45 km; cách Sân bay Tân Sơn Nhất khoảng 43 km.

Hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Tân Hương được xây dựng, thiết kế hoàn chỉnh; trạm xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp với công suất 10.000 m3/ngày.

Chủ đầu tư Khu công nghiệp Tân Hương là **Công ty TNHH Nhựt Thành Tân.** Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5312000221, ngày 27/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Số điện thoại: 073.3937091

Số Fax: 073.3875851

Tổng vốn đầu tư: 581,6 tỷ đồng.

Đến năm 2022, có 26 doanh nghiệp đang hoạt động tại Khu Công nghiệp Tân Hương.

**\* Kho:**

Kho là một tòa nhà được xây dựng trên một địa điểm đạt các điều kiện nhất định để sử dụng cho việc chứa và lưu trữ lương thực, hàng hoá,...

**Kho Bình Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đức).

Khái quát Kho Bình Đức:

- Địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Điện thoại: 0273.3853042                   Fax: 0273.3853848

**- Hoạt động chính:** Thu mua, sản xuất chế biến, bảo quản, dự trữ lương thực theo chỉ tiêu, nhiệm vụ công ty giao. Xay xát, chế biến, kinh doanh lương thực, cung ứng cho xuất khẩu và nội địa, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

**- Diện tích và tích lượng kho:**

+ Diện tích: 5.542 m2

+ Tổng diện tích chứa - bảo quản tốt hàng hóa: 2.949 m2

+ Tổng tích lượng qui ra gạo: 6.500 tấn

**- Máy móc thiết bị:**

+ 01 dây chuyền xay xát  năng xuất 5 tấn/giờ.

+ 03 dây chuyền xát và lau bóng đạt năng suất 26 tấn/giờ.

+ 03 dây chuyền đấu trộn gạo trắng năng suất 100 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống silo chứa gạo thành phẩm với năng suất 100 tấn.

+ 01 hệ thống cân điện tử và may bao thành phẩm đạt năng suất 25 tấn/giờ.

+ 01 hệ thống băng tải xuất nhập và luân chuyển hàng hóa trong kho với tổng chiều dài 152m.

+ 01 hệ thống sấy gạo liên tục 20 tấn/giờ.

- Năng lực chế biến: 35.000 tấn/năm.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

**Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:**

**Trường trung học phổ thông:**

**1. Trường Trung học phổ thông Dưỡng Điềm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Dưỡng Điềm).

Địa chỉ: Ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

Số điện thoại: 02733 629 031

Trang thông tin điện tử: [thptduongdiem.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:thptduongdiem.tiengiang@moet.edu.vn)

Email: [c3duongdiem.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c3duongdiem.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1987, phân hiệu Dưỡng Điềm thuộc Trường Trung học phổ thông Vĩnh Kim được thành lập. Năm 1990, phân hiệu Dưỡng Điềm hợp nhất với Trường Phổ thông cơ sở Dưỡng Điềm thành Trường Phổ thông Trung học Dưỡng Điềm. Năm học 2008-2009, trường được tách ra thành Trường Trung học phổ thông Dưỡng Điềm và Trường Trung học cơ sở Dưỡng Điềm. Năm 2011, trường được hợp thức hóa việc thành lập theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 10/5/2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 13; nữ: 10; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 65 công đoàn viên, nam: 32; nữ: 33. Đoàn thanh niên: 570 đoàn viên, nam: 211; nữ: 359.

Tổng số viên chức: 65, nam: 30; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 57; nam: 26; nữ: 31. Thạc sĩ: 05; Cử nhân (đại học): 54; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung cấp: 01. Tổng số học sinh: 1.401, nam: 685; nữ: 716;

Tổng diện tích: 19.600m2 . Diện tích sử dụng: 19.600m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 3 tầng; phòng làm việc: 10; phòng học: 31; phòng thí nghiệm: 08; Phòng nghe nhìn: (ngoại ngữ): 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04; phòng tư vấn học đường: 01; phòng y tế: 01.

**2. Trường Trung học phổ thông Nam Kỳ Khởi Nghĩa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Sự kiện lịch sử (Nam Kỳ Khởi Nghĩa)).

Địa chỉ: Khu phố Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3831366

Trang thông tin điện tử: namkykhoinghia.tiengiang.edu.vn

Email: C3namkykhoinghia.tiengiang.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học phổ thông bán công Châu Thành được thành lập theo Quyết định số 158/QĐ.UB ngày 13/02/1993 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành. Năm 2008, Trường Trung học phổ thông bán công Châu Thành được chuyển đổi mô hình từ trường bán công thành trường công lập và mang tên Trường Trung học phổ thông Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 5/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Sự kiện lịch sử được đặt tên trường:

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Ðảng lần thứ Bảy (khóa I) diễn ra từ ngày 06 đến ngày 08/11/1939 tại Bà Ðiểm (Hóc Môn, Gia Ðịnh) nhận định: Nhật sẽ xâm chiếm Đông Dương và Pháp sẽ đầu hàng Nhật, cách mạng Đông Dương sẽ bùng nổ; do vậy, phải đoàn kết thực hiện bằng được nhiệm vụ đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc; chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, giai cấp, dân tộc và các cá nhân yêu nước.

Tháng 3/1940, Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ do đồng chí Võ Văn Tần làm Bí thư soạn thảo Đề cương chuẩn bị bạo động. Ðến giữa tháng 11/1940, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định phát động toàn Nam Kỳ nổi dậy đánh đổ chính quyền thuộc địa, giành chính quyền về tay Nhân dân. Ngày 21/11/1940, Thường vụ Xứ ủy ra thông báo cho các cấp bộ Đảng và Nhân dân đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa vào lúc 24 giờ ngày 22, rạng sáng ngày 23/11/1940.

Trong một thời gian ngắn từ khi Thường vụ Xứ ủy ra Đề cương chuẩn bị bạo động (tháng 3/1940), công tác chuẩn bị khởi nghĩa được triển khai rất khẩn trương; các tổ chức phản đế xuất hiện nhiều nơi, nhất là ở vùng nông thôn. Mít tinh, biểu tình liên tiếp nổ ra. Nhiều nơi địch đến đánh phá, Nhân dân nổi trống mõ, uy hiếp địch, bảo vệ cán bộ. Các đội tự vệ, du kích phát triển ngay trong những xí nghiệp lớn ở Sài Gòn như Ba Son, nhà máy đèn Chợ Quán, trường Bách Nghệ,... Ở nông thôn, phần lớn các xã đều có từ một tiểu đội đến một trung đội du kích. Các cơ sở sản xuất vũ khí làm việc suốt ngày đêm. Phong trào chống chiến tranh, chống bắt lính với khẩu hiệu “không một đồng xu, không một người lính cho đế quốc chiến tranh” ngày càng lan rộng. Công tác binh vận được tổ chức ráo riết, phần lớn trong số 15.000 binh lính người Việt trong quân đội Pháp đóng ở Sài Gòn sẵn sàng phối hợp nổi dậy.

Đêm ngày 22, rạng sáng ngày 23/11/1940, khởi nghĩa bùng nổ đồng loạt tại hầu hết các tỉnh Nam Kỳ, mạnh nhất là ở Gia Ðịnh, Mỹ Tho, Vĩnh Long,... Lực lượng vũ trang và quần chúng đã nổi dậy tiến công địch ở các xã, tập kích nhiều đồn bốt, tiến đánh một số quận lỵ, phá hỏng nhiều cầu, đường... Tại một số xã, quận, chính quyền địch hoang mang, tan rã, chính quyền cách mạng được thành lập. Lần đầu tiên cờ đỏ sao vàng xuất hiện ở những nơi đã thành lập chính quyền cách mạng và trong nhiều cuộc biểu tình. Bọn phản cách mạng bị xét xử. Ruộng, thóc của địa chủ phản động được chia cho dân cày nghèo. Lần đầu tiên, lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện tại đình Long Hưng (huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho).

Trước tình hình đó, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp, tiến hành khủng bố trắng, dìm cuộc khởi nghĩa vào biển máu. Theo các báo cáo của chính quyền thuộc địa, tính đến hết ngày 31-1-1941, Pháp đã bắt 7.048 người. Hàng nghìn người bị xử tử, chết trong tù, bị đày ra Côn Ðảo và bị giam trong các trại tập trung Bà Rá, Tà Lài,...

Tháng 12/1940, Xứ ủy Nam Kỳ họp ở Bà Quẹo (Gia Định) quyết định dừng cuộc khởi nghĩa để tránh tổn thất, đưa lực lượng còn lại xây dựng căn cứ U Minh và Đồng Tháp Mười. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị dập tắt. Thực dân Pháp nhân cơ hội này xử bắn nhiều đồng chí cán bộ kiên trung của Ðảng bị bắt từ trước khởi nghĩa, như: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến, Phan Ðăng Lưu,...

Khởi nghĩa Nam Kỳ có ý nghĩa lịch sử rất lớn lao. Cuộc khởi nghĩa đã góp phần minh chứng tính chính xác và đúng đắn của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6, tạm gác khẩu hiệu ruộng đất, tích cực chuẩn bị lực lượng chuyển sang đấu tranh vũ trang giành lấy chính quyền cách mạng về tay Nhân dân. Đồng thời, khởi nghĩa Nam Kỳ đã chứng minh rằng muốn lật đổ ách thống trị của thực dân đế quốc để giành độc lập, tự do cho dân tộc, nhất thiết phải bằng khởi nghĩa cách mạng, bạo lực vũ trang của toàn dân, chứ không chỉ bằng đấu tranh chính trị đơn thuần.

Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng. Người triệu tập Hội nghị Trung ương 8 tháng 5/1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng). Hội nghị đã kết luận sự chỉ đạo chuyển hướng chiến lược của Hội nghị Trung ương 6 là hoàn toàn đúng đắn. Đồng thời khi tổng kết kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Đô Lương và Nam Kỳ, Hội nghị cho rằng: “Mặc dù sự đàn áp của giặc Pháp rất dữ dội mà dân ta vẫn không lùi. Nhưng cuộc khởi nghĩa lại gây một ảnh hưởng rộng lớn toàn quốc. Đó là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đấu tranh bằng võ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ mang tính chất của một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tính chất Nhân dân rộng rãi, sâu sắc. Các tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong xã hội đều tham gia khởi nghĩa trên quy mô rộng lớn khắp Nam Kỳ. Từ thực tiễn của cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ, Ðảng ta đúc rút nhiều kinh nghiệm, bài học quý báu vận dụng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, dẫn đến thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên, nam: 12; nữ: 09; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ : 01. Ban Giám hiệu: 03, nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 47 công đoàn viên, nam: 23; nữ 24. Đoàn thanh niên: 192 đoàn viên, nam: 70; nữ : 122

Tổng số viên chức: 47, nam: 23; nữ: 24. Tổng số giáo viên; 38, nam: 20; nữ: 18. Thạc sĩ: 06; Cử nhân (đại học): 34; trình độ khác: 07. Tổng số học sinh: 722, nam: 369; nữ: 353.

Tổng diện tích: 4.752 m2 ; diện tích sử dụng 4.752 m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu, Phòng làm việc: 06; Phòng học: 17, Phòng thí nghiệm: 02; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 02 khi, 08 phòng. Căn tin, nhà xe.

**3. Trường Trung học phổ thông Rạch Gầm - Xoài Mút**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút).

Địa chỉ: Ấp Bình Thới A, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733833630.

Trang thông tin điện tử: không.

Email: c3RachGamXoaiMut.TienGiang@moet.edu.vn:

Năm 1999, Trường Phổ thông Trung học Bán công Rạch Gầm - Xoài Mút được thành lập theo Quyết định số 1229/QĐUB ngày 05 tháng 5 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Năm 2008, trường được chuyển đổi loại hình từ bán công sang công lập với tên gọi Trường Trung học phổ thông Rạch Gầm - Xoài Mút theo Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Sự kiện lịch sử được đặt tên trường: Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (20-01-1785).

**QUÂN XIÊM XÂM LƯỢC NAM BỘ**

Giữa năm 1784, với ý đồ thôn tính nước Đại Việt, vua Xiêm Chakri I, lợi dụng sự cầu viện của Nguyễn Ánh, đã cử hai tướng Chiêu Tăng và Chiêu Sương chỉ huy 5 vạn quân và 300 thuyền chiến, chia làm hai đạo thủy - bộ cùng tiến sang xâm lược nước ta. Đạo quân thủy gồm 2 vạn và 300 thuyền chiến vượt biển đổ bộ lên Rạch Giá (Kiên Giang); đạo quân bộ gồm 3 vạn tiến qua nước Chân Lạp (Campuchia). Cuối năm 1784, cả hai đạo thủy bộ của quân Xiêm tập kết ở Cần Thơ, chuẩn bị tiến đánh Mỹ Tho. Nguyễn Ánh chỉ huy lực lượng riêng của mình theo gót quân giặc trở về nước. Quân Xiêm đi đến đâu là đốt phá, cướp của, giết người đến đó, gây nên những tội ác tày trời.

Trước tình hình đó, tướng Tây Sơn ở Nam bộ là Trương Văn Đa vừa tổ chức chiến đấu nhằm thăm dò và tiêu hao sinh lực của địch; vừa rút lui từng bước để bảo toàn lực lượng. Nhờ đó, thành Mỹ Tho và thành Gia Định vẫn được giữ vững.

Tại Quy Nhơn, bộ chỉ huy quân Tây Sơn theo dõi chặt chẽ hoạt động của quân Xiêm ở Nam bộ và tích cực chuẩn bị lực lượng để quét sạch bọn xâm lược ra khỏi đất nước. Vị tướng lừng danh Nguyễn Huệ nhận lãnh trách nhiệm tổ chức cuộc phản công chiến lược này.

**QUÂN TÂY SƠN ĐẠI PHÁ QUÂN XIÊM**

Khoảng tháng 12/1784, quân Xiêm tiến đến sông Tiền, đóng quân từ rạch Trà Lọt (Cái Bè) đến rạch Trà Tân (Cai Lậy), chuẩn bị tấn công Mỹ Tho. Cũng vào thời điểm này, quân Tây Sơn, do Nguyễn Huệ chỉ huy, vượt biển tiến vào Mỹ Tho.

Sau khi xem xét tình hình quân địch và địa bàn sông nước, Nguyễn Huệ quyết định chọn đoạn sông Tiền từ Rạch Gầm đến rạch Xoài Mút làm trận địa quyết chiến với quân Xiêm.

Đoạn sông này dài khoảng 7 km, ở giữa có cù lao Thới Sơn, hai bên bờ sông cây cối um tùm, cách Mỹ Tho khoảng 12 km. Nguyễn Huệ đã cho bố trí một trận địa mai phục lớn ở tại đây. Thủy quân được giấu trong các con rạch. Bộ binh và pháo binh được bố trí trên bờ và trên cù lao ở giữa sông.

Đêm ngày 18 rạng ngày 19/01/1785 (tức đêm mùng 8 rạng ngày mùng 9 tháng Chạp năm Giáp Thìn ), nhằm lúc nước thủy triều lên, Nguyễn Huệ cho chiến thuyền tấn công khiêu khích quân địch. Sau một lúc chiến đấu, chiến thuyền Tây Sơn giả vờ thua bỏ chạy. Hai tướng giặc huy động toàn bộ lực lượng đuổi theo và lọt vào trận địa mai phục của quân Tây Sơn. Sau đợt công kích phủ đầu bằng pháo binh, quân thủy - bộ Tây Sơn đồng loạt xông ra, chia cắt đội hình của quân địch và tấn công vô cùng dũng mãnh. Quân Xiêm hoàn toàn bị rối loạn, không còn khả năng chống trả, đành phải thua trận. Toàn bộ chiến thuyền của giặc bị đánh đắm. Quân Xiêm bị tiêu diệt gần hết; chỉ còn một số ít thoát được theo đường bộ trốn chạy về nước; Nguyễn Ánh cũng theo đám tàn quân chạy sang Xiêm. Sử triều Nguyễn ghi:“*Kể từ sau trận Giáp Thìn, người Xiêm sợ quân Tây Sơn như sợ cọp”.*

**SỰ ĐÓNG GÓP CỦA NHÂN DÂN TIỀN GIANG TRONG TRẬN THỦY CHIẾN RẠCH GẦM-XOÀI MÚT**

Trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút là một trận đánh mai phục kết hợp với bao vây tiêu diệt. Muốn mai phục được ở một vùng đất có dân như ở Rạch Gầm - Xoài Mút thì vấn đề cốt lõi đầu tiên là nắm được lòng dân. Nơi ẩn náu kín đáo nhất và lợi hại nhất của quân Tây Sơn không phải là địa hình hiểm trở mà chính là lòng dân. Nhân dân Tiền Giang đã một lòng theo Tây Sơn. Điều này được thể hiện qua việc nhân dân hướng dẫn Nguyễn Huệ đi trinh sát địa bàn, cung cấp những chi tiết cần thiết về tình hình sông nước, thủy triều để ông thiết lập trận địa mai phục và lên phương án tác chiến; đồng thời, nhân dân đã giữ bí mật trận địa mai phục đến phút chót khiến quân địch không mải may nghi ngờ. Bên cạnh đó, nhân dân còn đóng góp lương thực, thực phẩm và các vật dụng, như dầu mù u, vỏ dừa khô,… để nghĩa quân chiến đấu tiêu diệt giặc Xiêm.

Ở Tiền Giang có câu ca dao:

*Gái Mỹ Tho, mày tằm mắt phụng,*

*Giặc đến nhà chẳng vụng huơ đao.*

Câu ca dao trên phản ánh việc phụ nữ nói riêng, nhân dân Tiền Giang nói chung đã tham gia đánh giặc cùng với quân Tây Sơn trong việc bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

Thắng lợi của trận thủy chiến Rạch Gầm-Xoài Mút không chỉ là thắng lợi của quân Tây Sơn mà còn là thắng lợi của nhân dân Tiền Giang.

**Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CHIẾN THẮNG RẠCH GẦM - XOÀI MÚT**

Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, nhân dân Nam bộ, trong đó có nhân dân Tiền Giang, cùng với quân Tây Sơn, dưới sự lãnh đạo tài ba của Nguyễn Huệ đã đánh bại sự xâm lược hung hãn của bọn phong kiến Xiêm và trừng trị đích đáng hành động “cõng rắn cắn gà nhà” của Nguyễn Ánh; giữ vững nền độc lập dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ thành quả khai hoang của nhân dân Nam bộ, tạo điều kiện để vùng đất này sớm trở thành vựa lúa lớn nhất của đất nước.

Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, một cuộc kháng chiến chống ngoại xâm do giai cấp nông dân đảm nhiệm. Chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút đánh dấu một bước ngoặc cơ bản, một sự chuyển biến về chất của phong trào nông dân Tây Sơn: từ cuộc đấu tranh giai cấp, phong trào đã nhận lãnh sứ mệnh lịch sử vẻ vang là đi đầu trong cuộc đấu tranh dân tộc. Chính điều này đã làm cho uy tín của phong trào Tây Sơn ngày càng được nâng cao trong nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào và nhân dân Bắc hà đánh bại cuộc xâm lược của ngót 30 vạn quân Thanh (Trung Quốc) vào năm 1789.

Trận thủy chiến Rạch Gầm - Xoài Mút là một trong chiến công lẫy lừng của nhân dân ta, sánh cùng với những Bạch Đằng, Hàm Tử, Chi Lăng, Ngọc Hồi-Đống Đa, … oanh liệt. Thật là:

*Bần gie đóm đậu sáng ngời,*

*Rạch Gầm – Xoài Mút muôn đời oai linh.*

(Ca dao)

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 07; nữ: 09; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 05. Ban Giám hiệu: 01; nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 45 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 27. Đoàn thanh niên: 410 đoàn viên; nam: 185; nữ: 225

Tổng số viên chức: 45; nam: 18; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 38; nam: 14 ; nữ: 24. Thạc sĩ: 03; Cử nhân (đại học): 35.

Tổng số học sinh: 769; nam: 394; nữ: 375 .

Tổng diện tích: 5.836 m²; diện tích sử dựng: 3.000 m²

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; Phòng làm việc: 06; Phòng học: 14; Phòng thí nghiệm: 01; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 01 (400 m2); Khu thể thao: 01 (1.200m2); Nhà vệ sinh: 02 khu; căn tin; nhà xe.

**4. Trường Trung học phổ thông Tân Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp).

Địa chỉ: Trước năm 2019, trường tọa lạc tại thị trấn Tân Hiệp; Sau năm 2019, trường được xây dựng mới tọa lạc tại ấp Thân Đức, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3831310

Trang thông tin điện tử: http://thpttanhiep.tiengiang.edu.vn/

Email: c3tanhiep.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1961, Trường Trung học Bến Tranh được thành lập. Tháng 6/1975, 03 trường Trung học Bến Tranh, Bán công Bến Tranh và Tư thục Từ Thiện hợp nhất thành Trường Phổ thông cấp II - III Tân Hiệp. Năm 1976, các lớp cấp II và cấp III được tách ra thành lập 02 trường mới: Trường cấp II Tân Hiệp và Trường cấp III Tân Hiệp. Năm 1985, trường được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Tân Hiệp. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Tân Hiệp.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 09; nữ: 10; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 64 công đoàn viên; nam: 30; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 1.210 đoàn viên; nam: 443; nữ: 767.

Tổng số viên chức: 64; nam: 30; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 61; nam: 28; nữ: 33. Thạc sĩ: 11; Cử nhân (đại học): 53.

Tổng số học sinh: 1.356; nam: 505; nữ: 851.

Tổng diện tích: 24.100,3m²; diện tích sử dụng: 4.393 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 03 tầng lầu; Phòng làm việc: 09; Phòng học: 31; Phòng thí nghiệm: 06; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 02; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 03 (nhà đa năng, sân bóng đá, hồ bơi); Nhà vệ sinh: 23 (11 nhà vệ sinh dành cho học sinh, 01 nhà vệ sinh ở nhà đa năng, 12 nhà vệ sinh dành cho giáo viên).

**5. Trường Trung học phổ thông Vĩnh Kim**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

Địa chỉ: Ấp Thới, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3834.014

Trang thông tin điện tử: [www.thptvinhkim.tiengiang.edu.vn](http://www.thptvinhkim.tiengiang.edu.vn)

Email: [c3vinhkim.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c3vinhkim.tiengiang@moet.edu.vn)

Trường được thành lập ngày 20/08/1965 với tên gọi là Trường Trung học Long Định. Năm 1969, Nghị định số 45/GD/TN/PC/NĐ của Bộ giáo dục và thanh niên (chế độ cũ) ký ngày 10/9/1969 đổi tên lại là Trường Trung học Sầm Giang.

Sau ngày miền Nam giải phóng (30/4/1975), trường có tên là Trường Cấp 3 Vĩnh Kim rồi Trường Phổ thông trung học Vĩnh Kim. Năm 2011, trường được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông Vĩnh Kim. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Xã Vĩnh Kim.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam: 13; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 89 công đoàn viên; nam: 41; nữ: 48. Đoàn thanh niên: 1.395 đoàn viên; nam: 675; nữ: 720.

Tổng số viên chức: 89; nam: 41; nữ: 48. Tổng số giáo viên: 64; nam: 28; nữ: 36. Thạc sĩ: 09; Cử nhân (đại học): 55.

Tổng số học sinh: 1.516; nam: 582; nữ: 934.

Tổng diện tích: 19.076,1 m²; diện tích sử dụng: 18.399,1 m²

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 11; Phòng học: 24; Phòng bộ môn: 08; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 04; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01 nhà thi đấu đa năng, 01 hồ bơi; Nhà vệ sinh: 04 khu; Căn tin; Nhà xe.

**Trường Trung học cơ sở:**

**1. Trường Trung học cơ sở Bùi Văn Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Bùi Văn Hòa).

Địa chỉ: Ấp Tây, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.627 941

Trang thông tin điện tử: http://thcsbuivanhoa.pgdchauthanhtg.edu.vn/

Email: c2nhibinhchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông Cấp II Nhị Bình được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Nhị Bình và Trường Phổ thông Cấp II Nhị Bình hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Nhị Bình. Năm 1990, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Nhị Bình và Trường Trung học cơ sở Nhị Bình. Năm 2014, Trường Trung học cơ sở Nhị Bình được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Bùi Văn Hòa theo Quyết định số 4865/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

## BÙI VĂN HÒA

**(1940 - 1968)**

Bùi Văn Hòa, tên khai sinh là Bùi Văn Hai, sinh năm 1940 tại làng Nhị Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 5 - 1961, ông gia nhập bộ đội miền Đông Nam Bộ; được cấp trên điều về chiến đấu ở đơn vị U50, Hậu cần Tỉnh đội Biên Hòa, sau được điều lên đơn vị chiến đấu, ở đơn vị chốt 2 (đại đội 2) đặc công. Tại đây, ông được huấn luyện kỹ thuật đặc công. Tháng 2 - 1962, chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, bằng sự dũng cảm cao độ và mưu trí tuyệt vời, ông đã nhiều thâm nhập vào trinh sát căn cứ liên hợp quân sự lớn nhất của Mỹ ở miền Nam đóng tại Long Bình, giúp cho lực lượng đặc công tỉnh Biên Hòa tiến hành những trận đánh “*xuất quỷ nhập thần*” vào căn cứ này, gây cho địch những tổn thất vô cùng to lớn.

Riêng ông đã cùng với đồng đội trực tiếp đánh nhiều trận, góp phần tạo nên những chiến công vang dội; điển hình là hai trận đánh diễn ra trong hai đêm 26 và 27 - 10 - 1966, làm nổ tung 17 kho đạn, vượt hai kho so với kế hoạch, phá hủy 280.000 quả đạn pháo các loại, diệt 300 lính địch, làm hư hại hoàn toàn 17 xe cơ giới, trong đó có 9 xe bọc thép.

Sau đó, để đối phó với ta, địch tăng cường bố phòng và thay đổi cách bố trí các kho đạn. Điều này đã làm cho công tác trinh sát và đột kích của ta gặp không ít khó khăn. Trước tình hình đó, ông đề xuất phương án luồn ra phía sau lưng địch, nhanh chóng thâm nhập vào căn cứ, rồi từ bên trong vượt ra bám các mục tiêu, đặt mìn xen kẻ giữa các kho để tạo thành thế nổ dây chuyền.

Với phương án này, cuối năm 1966, ông và đơn vị đã có một trận đánh lớn và thu được thắng lợi to lớn: phá hủy 40 kho đạn với 800.000 quả pháo các loại và 23 xe cơ giới, diệt và làm bị thương 350 lính địch. Trong bốn ngày cuối tháng 11-1967, ông có ba lần đột kích vào căn cứ Long Bình; trong đó có một lần, do không tiếp cận được mục tiêu, ông đã có sáng kiến dùng súng B. 40 bắn thẳng vào các dãy nhà kho chứa bom đạn, gây nhiều thiệt hại cho địch.

Ngày 28-02-1968, ông được giao nhiệm vụ dẫn đường cho đơn vị pháo 120 ly của Trung đoàn pháo binh 175 Biên Hòa tập kích vào Tổng kho Long Bình. Tới trạm Cờ Đỏ, bị địch phục kích, ông và nhiều đồng đội đã anh dũng hy sinh. Khi hy sinh ông là Trung đội phó Đội Biệt động 238 thị xã Biên Hoà, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

  Theo thống kê, trong khoảng thời gian tham gia chiến đấu, ông đã có 9 lần cùng đồng đội đánh vào căn cứ Tổng kho Long Bình, phá hủy hơn 1,2 triệu quả bom, đạn các loại, 3.500 thùng thuốc nổ, 47 xe cơ giới, tiêu diệt nhiều lính địch.

Với những chiến công và những cống hiến của ông cho cách mạng, ông được tặng 2 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 10-2-1970, ông được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam truy tăng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 22 đảng viên; nam: 16; nữ: 06; Chi ủy: 05; nam: 05; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 20; nữ: 11. Đoàn thanh niên: 18 đoàn viên; nam: 10; nữ: 08. Đội thiếu niên: 626 đội viên; nam: 306; nữ: 320.

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 20; nữ: 11. Tổng số giáo viên: 28; nam: 19; nữ: 09. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 16; Cử nhân (cao đẳng): 11.

Tổng số học sinh: 638; nam: 318; nữ: 320.

Tổng diện tích: 9.463 m2; diện tích sử dụng: 9.463m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 10; phòng bộ môn (Âm nhạc, Mỹ thuật): 02; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**2. Trường Trung học cơ sở Dưỡng Điềm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Dưỡng Điềm).

Địa chỉ: Ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733627808

Trang thông tin điện tử: http://thcsduongdiem.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2duongdiem.chauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1978, Trường Phổ thông cơ sở Dưỡng Điềm được thành lập. Năm 1987, Phân hiệu Dưỡng Điềm thuộc Trường Phổ thông trung học Vĩnh Kim được thành lập. Năm 1990, Trường Phổ thông trung học Dưỡng Điềm (bao gồm Cấp II và Cấp III) được thành lập trên cơ sở hợp nhất Phân hiệu Dưỡng Điềm thuộc Trường Phổ thông trung học Vĩnh Kim và Trường Phổ thông cơ sở Dưỡng Điềm. Sau đó, Trường Phổ thông trung học Dưỡng Điềm được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Dưỡng Điềm. Năm 2008, Trường Trung học cơ sở Dưỡng Điềm được thành lập trên cơ sở tách ra từ Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Dưỡng Điềm theo Quyết định số 8486/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đông Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam: 09; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 72 công đoàn viên; nam: 28; nữ: 44. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 01; nữ: 03. Đội thiếu niên: 1.446 đội viên; nam: 765; nữ: 681.

Tổng số cán bộ, viên chức: 72; nam: 28; nữ: 44. Tổng số giáo viên: 67; nam: 24 ; nữ: 43. Cử nhân (đại học): 62; Cử nhân (cao đẳng): 05.

Tổng số học sinh: 1.446; nam: 765; nữ: 681. .

Tổng diện tích: 7.616 m2; diện tích sử dụng: 5.500m2

Trường có 03 dãy, trong đó 02 dãy trệt, 01 dãy lầu có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**3. Trường Trung học cơ sở Đoàn Giỏi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Giỏi).

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733896681

Trang thông tin điện tử: thcsdoangioi.pgdchauthanh.edu.vn

Email: c2doangioict.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2004, Trường Trung học cơ sở Đoàn Giỏi được thành lập theo Quyết định số 1038/QĐ-UB ngày 13 tháng 9 năm 2004 của Uỷ ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiều sử danh nhân được đặt tên trường:

# ĐOÀN GIỎI

**(1925 – 1989)**

Đoàn Giỏi còn có tên là Đoàn Văn Hòa, bút danh Nguyễn Hoài, Nguyễn Phú Lễ, Huyền Tư, sinh năm 1925 tại làng Tân Hiệp, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình địa chủ yêu nước.

Sau khi có bằng Thành chung tại Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), ông lên Sài Gòn học hội họa tại Trường Mỹ thuật Gia Định. Ông sáng tác văn chương từ rất sớm. Năm 1943, lúc mới 18 tuổi, ông đã có truyện ngắn *Nhớ cố hương* đăng trên tờ *Nam kỳ tuần báo* do Hồ Biểu Chánh làm chủ bút.

Năm 1945, ông tham gia cách mạng ở quê nhà. Năm 1947, ông làm Trưởng Công an, phụ trách mười xã của huyện Châu Thành. Năm 1948, ông được đề bạt làm Trưởng ban Trinh sát Công an huyện; rồi Phó Trưởng ty Tuyên truyền tỉnh Mỹ Tho, phụ trách Phòng Văn nghệ kiêm Chủ bút báo *Tiền Phong*, cơ quan của Mặt trận Việt Minh tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1950, ông được phân công xuống Rạch Giá, đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng ty Thông tin. Năm 1951, ông được bầu làm Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Nam bộ kiêm Phó Trưởng phòng Văn nghệ thuộc Sở Thông tin Nam bộ và là Ủy viên biên tập tạp chí *Lá Lúa*.

Về mặt văn chương, trong thời kỳ 1946 - 1954, ông viết nhiều thể loại khác nhau, như ký sự lịch sử có *Khí hùng đất nước, Những dòng chữ máu, Nam kỳ năm 40*; truyện ngắn có *Đường về gia hương*; kịch thơ có *Người Nam thà chết không hàng, Chiến sĩ Tháp Mười*; tập thơ có *Giữ vững niềm tin*.

Năm 1954, tập kết ra Bắc, ông công tác tại Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam rồi Hội Văn nghệ Việt Nam. Ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam, năm 1957, đồng thời, còn là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn các khóa I, II, III. Thời kỳ này, ông tập trung bút lực sáng tác văn xuôi; và có những tác phẩm nổi tiếng, phản ánh tính cách và cuộc chiến đấu chống Mỹ hào hùng của nhân dân Nam bộ, tiêu biểu là các tác phẩm *Giòng máu Việt Nam phải lưu thông, Cây đước Cà Mau, Ngọn Tầm vông, Cá bống mú, Hoa hướng dương, Trần Văn Ơn, Rừng đêm xào xạc, Cuộc truy tìm kho vũ khí*; *Đất rừng phương Nam*. Đặc biệt, quyển *Đất rừng phương Nam* được bạn đọc trong và ngoài nước đón nhận nồng nhiệt. Đây là quyển truyện viết cho lứa tuổi thiếu nhi rất thành công và nổi tiếng của ông. Truyện đã được dịch ra nhiều tiếng nước ngoài, tái bản nhiều lần, được dựng thành phim và in trong Tủ Sách Vàng của Nhà xuất bản Kim Đồng.

Đồng thời, ông còn sáng tác thơ và có ba tập thơ nổi tiếng: Giữ vững niềm tin, Bến nước mười hai, Truyện thằng Cồi. Ông còn viết kịch bản sân khấu, như các vở *Ánh lửa, Trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, Bất tử, Ba lần dũng sĩ*; trong đó, hai vở *Bất tử, Ba lần dũng sĩ* viết chung với Hoài Anh.

Sau năm 1975, ông trở về miền Nam, công tác tại Hội Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. Vẫn chủ đề về Nam bộ, ông có các quyển *Người thủy thủ già trên hòn đảo lưu đày* viết về Bác Tôn Đức Thắng, *Từ đất Tiền Giang* viết về cán bộ cách mạng lão thành Nguyễn Thị Thập, *Tiếng gọi ngàn* và *Các con vật trên rừng dưới biển*. Ông còn viết nhiều bài ký sự lịch sử về những người phụ nữ Nam bộ “thành đồng Tổ quốc” và hàng loạt bài về thổ sản của đồng bằng sông Cửu Long với sự hiểu biết sâu sắc. Về biên khảo, ông có hai tác phẩm:  Những chuyện lạ về cá, Tê giác giữa ngàn xanh.

Ngoài ra, ông cũng đem hết tâm huyết và kinh nghiệm trong việc góp phần đào tạo, bồi dưỡng giới nhà văn trẻ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, ông đã hoàn thành việc sưu tập một khối lượng lớn tư liệu để chuẩn bị viết quyển *Núi cả cây ngàn*, nói về thuở hồng hoang và những trang sử thi của vùng đất mới phương Nam. Đề cương của tác phẩm này gồm 10 chương đã được ông viết xong; và dự định đến cuối năm 1989 sẽ hoàn tất bản thảo.

Đầu tháng 4 - 1989, ông từ trần tại thành phố Hồ Chí Minh do bệnh ung thư. Đánh giá về sự nghiệp văn chương của ông, nhà văn Anh Đức nhận định: “Với một đời văn trên bốn mươi năm, nhà văn Đoàn Giỏi đã để lại cho đời những dòng đẹp đẽ đậm sắc thái và đầy sinh thú về quê hương, đất nước, con người ở vùng đất Nam bộ thân yêu của Tổ quốc ta. Văn của nhà văn Đoàn Giỏi vừa mang chất trữ tình lại vừa mang tính chất lạ kỳ, sôi động”. Nhà thơ Chế Lan Viên nhận xét: “Văn của Đoàn Giỏi luôn ngồn ngộn nguồn tư liệu và vốn sống mà tác giả chắt lọc. Là một nhà văn chịu khó tìm tòi nghiên cứu mọi chuyện một cách ngọn ngành, nên trang viết của ông thường rất góc cạnh, gồ ghề nhưng cũng đậm đặc chân tình như quê hương ông, miền đất hoang sơ và hào phóng miền Tây Nam bộ. Đoàn Giỏi là một trong những người đầu tiên truyền bá ngôn ngữ Nam bộ hiện đại qua những tác phẩm của mình”. Do có công lao to lớn đối với nền văn học nước nhà, ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 1 (2001). Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 28 đảng viên; nam:13; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 59 công đoàn viên; nam: 24; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 32 đoàn viên; nam: 15; nữ: 17. Đội thiếu niên: 1.286 đội viên; nam: 638; nữ: 648.

Tổng số cán bộ, viên chức: 59; nam: 24; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 54; nam: 21; nữ: 33. Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 14; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 1.306; nam: 646; nữ: 660.

Tổng diện tích: 23.402,2m2; diện tích sử dụng: 4.329m2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 21; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**4. Trường Trung học cơ sở Đông Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Đông Hòa).

Địa chỉ: Ấp Tây B, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733834759

Trang thông tin điện tử: thcsdonghoa.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2donghoachauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông Cấp II Đông Hòa được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Đông Hòa và Trường Phổ thông Cấp II Đông Hòa hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Đông Hòa. Năm 1987, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Đông Hòa và Trường Trung học cơ sở Đông Hòa. Năm 2010, Trường Trung học cơ sở Đông Hòa được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đông Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 04; nữ: 08; Chi ủy: 01; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 01; nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 25 công đoàn viên; nam: 10; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 37 đoàn viên; nam: 22; nữ: 17. Đội thiếu niên: 451 đội viên; nam: 231; nữ: 220.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25; nam: 10; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 21; nam: 09; nữ: 12. Cử nhân (đại học): 16; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 488; nam: 253; nữ: 235.

Tổng diện tích: 4.855 m2; diện tích sử dụng: 4.855 m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 06; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**5. Trường Trung học cơ sở Long Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Long Định).

Địa chỉ: Ấp Mới, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733834599

Trang thông tin điện tử: http://thcslongdinh.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: [c2longdinhchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c2longdinhchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Long Định và Trường Phổ thông cấp II Long Định được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Long Định A và Trường Phổ thông cơ sở Long Định B. Năm 1990, bộ phận Cấp II của hai trường được tách ra, hợp nhất và thành lập Trường Trung học cơ sở Long Định theo Quyết định số 1189/QĐ-UB ngày 31 tháng 8 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đông Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 11; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 41 công đoàn viên, nam: 23; nữ: 18. Đội thiếu niên: 878 đội viên, nam: 458; nữ: 420.

Tổng số cán bộ, viên chức: 41; nam: 23; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 38; nam: 22; nữ: 16. Cử nhân (Đại học): 26; Cử nhân (Cao đẳng): 14; Trung cấp y tế: 01.

Tổng số học sinh: 878; nam: 458; nữ: 420.

Tổng diện tích: 13.011,3 m2 , diện tích sử dụng: 13.011,3 m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy gồm 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 28; phòng thí nghiệm: 04; phòng máy vi tính: 02; phòng học Tiếng Anh: 01; phòng Âm nhạc: 01; phòng Mỹ thuật: 01; phòng thiết bị: 02; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 03.

**6. Trường Trung học cơ sở Long Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Long Hưng).

Địa chỉ: Ấp Long Thạnh A, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.382.377

Trang thông tin điện tử: https://thcslonghung.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2longhungchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Long Hưng và Trường Phổ thông cấp II Long Hưng được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Long Hưng. Năm 2000, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Long Hưng theo Quyết định số 1205/QĐ.UB ngày 02 tháng 10 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Hưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 05; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 24 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 02; nữ: 06. Đội thiếu niên: 424 đội viên; nam: 221; nữ: 203.

Tổng số cán bộ, viên chức: 24; nam: 08; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 19; nam: 07; nữ: 12. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 424; nam: 221; nữ: 203.

Tổng diện tích: 6.575,4m2; diện tích sử dụng: 5.500,2m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**7. Trường Trung học cơ sở Phú Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Phú Phong).

Địa chỉ: Ấp Phú Hòa, xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại:0273894090

Trang thông tin điện tử: thcsphuphongchauthanhtiengiang

Email: c2 phuphong chauthanh.Tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Phú Phong và Trường Phổ thông cấp II Phú Phong được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Phú Phong. Năm 1997, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Phú Phong theo Quyết định số 946/QĐ.UB ngày 08 tháng 12 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Phong.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 08; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 23 công đoàn viên; nam: 10; nữ:13. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 04; nữ: 08; Đội thiếu niên: 368 đội viên; nam: 193; nữ: 175.

Tổng số cán bộ, viên chức: 23; nam: 10; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 19; nam: 09 ; nữ: 10. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 07 ; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 380; nam: 200; nữ: 180. .

Tổng diện tích: 6.907,9 m2; diện tích sử dụng: 6.907,9 m2

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy có 01 tầng trệt; 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; phòng thiết bị: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**8. Trường Trung học cơ sở Tam Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tam Hiệp).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 027 3893 045.

Trang thông tin điện tử: vanthuthcstamhiep.cth

Email: c2tamhiepchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tam Hiệp và Trường Phổ thông cấp II Tam Hiệp được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tam Hiệp. Năm 1990, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tam Hiệp theo Quyết định số 1079/QĐ.UB ngày 31 tháng 8 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tam Hiệp.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 28 đảng viên; nam: 12; nữ: 16; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 46 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 33 đoàn viên; nam: 18; nữ: 15. Đội thiếu niên: 864 đội viên; nam: 441; nữ: 423.

Tổng số cán bộ, viên chức: 46; nam: 18; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 43; nam: 16; nữ: 27. Cử nhân (đại học: 33): ; Cử nhân (cao đẳng: 09); Trung cấp Y tế: 01.

Tổng số học sinh: 897; nam: 459; nữ: 438.

Tổng diện tích: 9.472 m² ; diện tích sử dụng: 9.472 m².

Trường có 02 dãy lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu, 01 dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 16; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; phòng âm nhạc: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**9. Trường** **Trung học cơ sở Tân Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp).

Địa chỉ: Khu phố Cá, Thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273.3838342

Trang thông tin điện tử: thcstanhiep.pgdchauthanhtg.edu.vn.

Email: [c2tanhiepchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c2tanhiepchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1961, Trường Trung học Bến Tranh được thành lập. Tháng 6/1975, 03 trường Trung học Bến Tranh, Bán công Bến Tranh và Tư thục Từ Thiện hợp nhất thành Trường Phổ thông cấp II - III Tân Hiệp. Năm 1976, các lớp cấp II và cấp III được tách ra thành lập 02 trường mới: Trường Phổ thông cấp II Tân Hiệp và Trường Phổ thông cấp III Tân Hiệp. Năm 1984, Trường Phổ thông cấp II Tân Hiệp được tách thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở Tân Hiệp A và Trường Phổ thông cơ sở Tân Hiệp B, Năm 1987, hai trường hợp nhất thành Trường Trung học cơ sở Tân Hiệp.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Tân Hiệp.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam: 05; nữ: 19; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 45 công đoàn viên; nam: 10; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 01; nữ: 05. Đội thiếu niên: 901 đội viên; nam: 453; nữ: 448.

Tổng số cán bộ, viên chức: 45; nam: 10 ; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 41; nam: 09; nữ: 32. Cử nhân (đại học): 38; Cử nhân (cao đẳng): 07.

Tổng số học sinh: 901; nam: 453; nữ: 448.

Tổng diện tích: 1.439,2 m2; diện tích sử dụng: 1.439,2 m2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn (ngoại ngữ): 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

**10. Trường Trung học cơ sở Tân Hội Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hội Đông).

Địa chỉ: Ấp Tân Xuân, xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: : 02733831827

Trang thông tin điện tử: thcstanhoidong.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2tanhoidongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Hội Đông và Trường Phổ thông cấp II Tân Hội Đông được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Hội Đông. Năm 1990, bộ phận Cấp II của trường được tách ra, thành lập Trường Trung học cơ sở Tân Hội Đông theo Quyết định số 1183/QĐ.UB ngày 31 tháng 08 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hội Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 09; nữ: 12; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 43 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 04; nữ: 05. Đội thiếu niên: 955 đội viên; nam: 464; nữ: 491.

Tổng số cán bộ, viên chức: 43; nam: 18; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 38; nam: 17; nữ: 21. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 34; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung cấp y tế: 01.

Tổng số học sinh: 955; nam: 464; nữ: 491.

Tổng diện tích: 8.297,7 m2; diện tích sử dụng: 1.736 m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu, phòng làm việc: 05; phòng học: 22; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 03; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**11. Trường Trung học cơ sở Tân Hương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương).

Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733831003

Trang thông tin điện tử:

Email: c2tanhuongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông Cấp II Tân Hương được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Tân Hương và Trường Phổ thông Cấp II Tân Hương hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Hương. Năm 1987, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Tân Hương và Trường Trung học cơ sở Tân Hương. Năm 2010, Trường Trung học cơ sở Tân Hương được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hương.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 07; nữ: 08; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04; Đội thiếu niên: 614 đội viên; nam: 297; nữ: 317.

Tổng số cán bộ, viên chức: 30; nam: 15; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 26; nam: 13; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 15.

Tổng số học sinh: 614; nam: 297 nữ: 317 .

Tổng diện tích: 826 m2; diện tích sử dụng: 826 m2

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 02; phòng học: 09; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**12. Trường Trung học cơ sở Thân Cửu Nghĩa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thân Cửu Nghĩa).

Địa chỉ: Ấp Ngãi Lợi, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 935001.

Trang thông tin điện tử: thcsthancuunghia.tiengiang.edu.vn.

Email: C2thancuunghiachauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông Cấp II Thân Cửu Nghĩa được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Thân Cửu Nghĩa và Trường Phổ thông Cấp II Thân Cửu Nghĩa hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa. Năm 1987, Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa tách ra thành hai trường là Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa A và Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa B. Năm 1990, Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa A và Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa B hợp nhất thành Trường Trung học cơ sở Thân Cửu Nghĩa theo Quyết định số 1196/QĐ.UB ngày 01 tháng 9 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thân Cửu Nghĩa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 08; nữ: 09; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; trong đó nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 30 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 20 đoàn viên; nam: 05 nữ: 15. Đội Thiếu niên: 564 đội viên; nam: 298; nữ: 266.

Tổng số giáo viên: 30; nam: 14; nữ: 16. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 20; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 584; nam: 303; nữ: 281.

Tổng diện tích: 8.664,9 m²; diện tích sử dụng: 8.664,9 m²

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tần trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng Âm nhạc: 01; phòng Mỹ thuật: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**13. Trường Trung học cơ sở Rạch Gầm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm Thanh (Cọp gầm hay Ông gầm, gọi tắt thành Gầm).

Địa chỉ: Ấp Hội, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733894029

Trang thông tin điện tử: http://thcsrachgam.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2rachgamchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông Cấp II Kim Sơn được thành lập. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Kim Sơn và Trường Phổ thông Cấp II Kim Sơn hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Kim Sơn. Năm 1994, bộ phận Cấp II của trường tách ra và đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Rạch Gầm theo Quyết định số 3043/QĐ.UB ngày 30 tháng 8 năm 1994 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Địa danh chỉ địa hình tự nhiên được đặt tên trường: Rạch Gầm (Xin xem mục từ: Rạch Gầm tại Công việc 4: Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Rạch thuộc Nội dung 6: nghiên cứu địa danh chỉ địa hình thiên nhiên.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 05; nữ: 06; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 22 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 15. Đoàn thanh niên: 53 đoàn viên; nam: 31; nữ: 22. Đội thiếu niên: 361 đội viên; nam: 181; nữ: 180.

Tổng số cán bộ, viên chức: 22 ; nam: 07; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 19; nam: 05; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 8; Cử nhân (cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 414; nam: 212; nữ: 202.

Tổng diện tích: 4.355m2; diện tích sử dụng: 1.691 m2

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu và 02 dãy trệt; phòng làm việc: 09; phòng học: 07; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**14. Trường Trung học cơ sở Vĩnh Kim**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 834 060

Trang thông tin điện tử:

Email: c2vinhkimchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, bộ phận Cấp II được tách ra từ Trường Phổ thông trung học Vĩnh Kim để thành lập Trường Phổ thông Cấp II Vĩnh Kim. Năm 1978, Trường Phổ thông Cấp I Vĩnh Kim và Trường Phổ thông Cấp II Vĩnh Kim hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Vĩnh Kim. Năm 1987, bộ phận Cấp II của trường được tách ra để thành lập Trường Trung học cơ sở Vĩnh Kim. Năm 2010, trường được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Vĩnh Kim.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 30 đảng viên; nam: 15; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 73 công đoàn viên; nam: 32; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 05; nữ: 07. Đội thiếu niên: 1.543 đội viên; nam: 803; nữ: 470.

Tổng số cán bộ, viên chức: 73; nam: 32; nữ: 41. Tổng số giáo viên: 66; nam: 29; nữ: 37. Cử nhân (đại học): 37; Cử nhân (cao đẳng): 33; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 1.543; nam: 803; nữ: 470.

Tổng diện tích: 5.932,8 m2; diện tích sử dụng: 5.932,8 m2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 04; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:**

**1. Trường Tiểu học Bình Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đức).

Địa chỉ: Ấp Lộ Ngang, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3853520

Trang thông tin điện tử: https//: thbinhduc.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: [c1binhducchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1binhducchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Đức A được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Bình Đức A. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Bình Đức. Năm 2010, trường được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Đức.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 09 đảng viên; nam: 01; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 18. Đội thiếu niên: 475 đội viên; nam: 243; nữ: 232.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 09 ; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 22; nam: 8; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 24; Cử nhân (cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp Tài chính - Kế toán: 01; Trung cấp Y tế: 01.

Tổng số học sinh: 640; nam: 349 ; nữ: 291.

Tổng diện tích: 2.242 m2; diện tích sử dụng: 2.242 m2.

Trường có ba điểm trường nằm trên 2 ấp. Cả ba điểm trường có tổng cộng 15 phòng, trong đó có 13 phòng được sử dụng làm phòng học, 01 phòng dùng chung cho thư viện và thiết bị, 01 phòng làm văn phòng chung. Hiện trường chưa có các phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng giáo viên, các khối phòng chức năng hỗ trợ học tập, như phòng nghe nhìn, phòng Tin học…. Sân chơi còn nhỏ hẹp chưa đáp ứng nhu cầu tối thiểu. Trường đang trong dự án xây dựng trường mới đạt chuẩn mức độ 2 giai đoạn 2021-2026.

**2.** **Trường Tiểu học Bình Trưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Bình Trưng).

Địa chỉ: Ấp Bình Trung, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.627.221

Trang thông tin điện tử: [http://thbinhtrung.pgdchauthanhtg.edu.vn](http://thbinhtrung.pgdchauthanhtg.edu.vn/)

Email: c1binhtrungchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bình Trưng được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Bình Trưng. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được phân chia thành hai trường là Trường Tiểu học Bình Trưng A và Trường Tiểu học Bình Trưng B. Năm 2007, Trường Tiểu học Bình Trưng A và Trường Tiểu học Bình Trưng B hợp nhất thành Trường Tiểu học Bình Trưng theo Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Trưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 10 đảng viên; nam: 08; nữ: 02; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban Giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 25 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 13. Đội thiếu niên: 312 đội viên; nam: 155; nữ: 157.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25; nam: 12; nữ: 13. Tổng số giáo viên: 21; nam: 10; nữ: 11. Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 05.

Tổng số học sinh: 473; nam: 238; nữ: 235.

Tổng diện tích: 6.266,4 m2; diện tích sử dụng: 1.939 m2

Trường có 02 dãy lầu, dãy khối hành chánh có 02 tầng, dãy khối phòng học có 03 tầng, phòng làm việc: 08 ; phòng học: 20; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu vệ sinh: 02.

**3. Trường Tiểu học Điềm Hy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Điềm Hy).

Địa chỉ: Ấp Bắc A, xã Điềm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733900234

Trang thông tin điện tử: thdiemhy.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1diemhychauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Điềm Hy được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Điềm Hy. Năm 1992, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Điềm Hy. Năm 2010, Trường Tiểu học Điềm Hy được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Điềm Hy.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 08; nữ: 05; Chi ủy: 03 ; nam: 01 ; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 23 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 10. Đội thiếu niên: 281 đội viên; nam: 151 ; nữ: 130

- Tổng số cán bộ, viên chức: 23; nam: 13; nữ: 10. Tổng số giáo viên: 21; nam: 13; nữ: 08. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 426; nam: 226; nữ: 200 .

Tổng diện tích: 9.364 m2; diện tích sử dụng: 1.925 m2

Trường có 03 dãy nhà cấp 4; phòng làm việc: 02; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 00 ; khu vệ sinh: 03.

**4.** **Trường Tiểu học Đông Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Đông Hòa).

Địa chỉ: Ấp Trung, xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3834 725

Trang thông tin điện tử: thdonghoa.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1donghoachauthanh.tiengiangmoet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Đông Hòa được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Đông Hòa. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Đông Hòa. Năm 2010, Trường Tiểu học Đông Hòa được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản định số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đông Hòa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 03; nữ: 13; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 25. Đội thiếu niên: 506 đội viên; nam: 259; nữ: 247.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32 ; nam: 07 ; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 32 ; nam: 07 ; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 805; nam: 388 ; nữ: .

Tổng diện tích: 9.329 m2; diện tích sử dụng: 9.329 m2

Trường có 02 điểm trường: điểm chính có 03 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; điểm phụ có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 11; phòng học: 34; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

**5. Trường Tiểu học Dưỡng Điềm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Dưỡng Điềm).

Địa chỉ: Ấp Hòa, xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733627849

Trang thông tin điện tử: http://thduongdiem.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1duongdiemchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Dưỡng Điềm được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Dưỡng Điềm. Năm 1991, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Dưỡng Điềm. Năm 2010, Trường Tiểu học Dưỡng Điềm được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Dưỡng Điềm.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 03 ; nữ: 13 ; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 37 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 29. Đoàn thanh niên: 16 đoàn viên; nam: 02; nữ: 14. Đội thiếu niên: 506 đội viên; nam: 263; nữ: 243.

Tổng số cán bộ, viên chức: 37; nam: 08; nữ: 29. Tổng số giáo viên: 35; nam: 08; nữ: 27. Cử nhân (đại học): 34; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 861; nam: 415; nữ: 446.

Tổng diện tích: 3.824 m2; diện tích sử dụng: 3.824 m2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 26; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01 ; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**6. Trường Tiểu học Hữu Đạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Hữu Đạo).

Địa chỉ: Ấp Hữu Hòa, xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733627926

Trang thông tin điện tử:

Email: C1huudaochauthanh@tiengiang.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Hữu Đạo được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Hữu Đạo. Năm 2001, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Hữu Đạo theo Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2001 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Hữu Đạo.

Năm 2003, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 05; nữ: 07; Chi ủy: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 20 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 11. Đội thiếu niên: 187 đội viên; nam: 101; nữ: 86.

Tổng số cán bộ, viên chức: 20; nam: 09; nữ: 11.

Tổng số giáo viên: 18; nam: 07; nữ: 09. Cử nhân (đại học): 16; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 310; nam: 161; nữ: 149.

Tổng diện tích: 3.544,6 m2; diện tích sử dụng: 1.144,6 m2

Trường có hai dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 12; phòng học năng khiếu: 06 (01 phòng âm nhạc, 02 phòng tin học, 01 phòng mỹ thuật, 01 phòng ngoại ngữ, 01 phòng khoa học và công nghệ); thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; Dãy phòng học có 12 phòng (10 phòng từ lớp 1 - 5; 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Khoa học và Công nghệ); sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 06.

**7. Trường Tiểu học Kim Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Kim Sơn).

Địa chỉ: Ấp Hội, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3894 211

Trang thông tin điện tử: thkimson.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1kimsonchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Kim Sơn được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Kim Sơn. Năm 1994, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Kim Sơn theo Quyết định số 3042/QĐ.UB ngày 30 tháng 8 năm 1994 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Kim Sơn.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 07; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 26 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 17. Đoàn thanh niên: 01 đoàn viên; nam: 00; nữ: 01. Đội thiếu niên: 309 đội viên; nam: 164; nữ: 145.

Tổng số cán bộ, viên chức: 26; nam: 09; nữ: 17. Tổng số giáo viên: 22; nam: 07; nữ: 15. Cử nhân (đại học): 19; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 592; nam: 316; nữ: 276.

Tổng diện tích: 5.189,1m2; diện tích sử dụng: 946,4m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 04; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**8. Trường Tiểu học Long Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Định).

Địa chỉ: Ấp Mới, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 834798

Trang thông tin điện tử: thlongdinh.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: C1longdinhchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Long Định được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Long Định A và Trường Phổ thông cơ sở Long Định B. Năm 1990, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Long Định.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Định.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 31 đảng viên; nam: 09; nữ: 22; Chi ủy: 05; nam: 02 ; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 45 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 34. Đội thiếu niên: 965 đội viên; nam: 455; nữ: 510.

Tổng số cán bộ, viên chức: 45; nam: 11; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 39; nam: 10; nữ: 29. Cử nhân (đại học): 40 ; Cử nhân (cao đẳng): 02 ; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 1.265; nam: 656; nữ: 609.

Tổng diện tích: 7.903,2 m2; diện tích sử dụng: 7.062,9 m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng, phòng làm việc: 03; phòng học: 29 ; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01 thư viện: 01; sân chơi: 04; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 04.

**9. Trường Tiểu học Long Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Long Hưng).

Địa chỉ: Ấp Long Thạnh A, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733832197

Trang thông tin điện tử: thlong hung.pgdchauthanh.edu.vn

Email: c1longhungbchauthanh.tiengiang@.moet.edu.vn

Năm 1976, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp I Long Hưng được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Long Hưng. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Long Hưng. Năm 2008, Trường Tiểu học Long Hưng được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 8984/UBND-NV ngày 14 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long Hưng.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 07; nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 14. Đội thiếu niên: 252; nam: 116; nữ: 136

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 07; nữ: 14. Tổng số giáo viên: 17; nam: 06; nữ: 11. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 18; Trung cấp: 02.

Tổng số học sinh: 619; nam: 316; nữ: 303.

Tổng diện tích: 6.045,4 m2; diện tích sử dụng: 6.045,4 m2

Trường có 03 dãy lầu: Dãy thứ nhất: 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; Dãy thứ hai: 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Dãy thứ ba: 01 tầng trệt, 02 tầng lầu.

Phòng làm việc: 03; phòng học: 17; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**10.** **Trường Tiểu học Nhị Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Nhị Bình).

Địa chỉ: Ấp Tây, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3627 205

Trang thông tin điện tử: thnhibinhb.pgdchauthanhtg.edu.VN

Email: c1nhibinhbchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Nhị Bình được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Nhị Bình. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được chia thành Trường Tiểu học Nhị Bình A và Trường Tiểu học Nhị Bình B. Năm 2019, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học Nhị Bình theo Quyết định số 4085/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Nhị Bình.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 32 đảng viên; nam: 13; nữ: 19; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 52 công đoàn viên; nam: 20; nữ: 32. Đội thiếu niên: 649; nam: 342; nữ: 307.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 20; nữ: 32. Tổng số giáo viên: 47; nam: 17; nữ: 30. Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 1036 ; nam: 556 ; nữ: 480 .

Tổng diện tích: 9.307,5 m2; diện tích sử dụng: 9.307,5 m2

Trường có 04 điểm trường: điểm chính có 03 dãy lầu (dãy 1 có 12 phòng, 03 tầng; dãy 2 có 6 phòng, 02 tầng; dãy 03 có 03 tầng, có 17 phòng chia ra: Phòng bộ môn có: 05 phòng (phòng Âm nhạc: 01, Mỹ thuật: 01, Giáo dục thể chất: 01, Anh văn: 01, Tin học: 01), phòng chức năng, làm việc có 12 phòng gồm: văn phòng: 01, phòng họp giáo viên: 01, phòng Phó hiệu trưởng: 01, Phòng khuyết tật: 01, Phòng y tế: 01, phòng Tổng phụ trách: 01, phòng truyền thống: 01, Thư viện: 01, phòng đọc giáo viên: 01, phòng Thiết bị dùng chung: 01, phòng hiệu trưởng: 01, phòng nghỉ giáo viên: 01).

Phòng học có: 44 phòng: Chia ra: điểm phụ 1: ấp Hưng có 02 dãy trệt cấp 4: có 8 phòng; điểm phụ 2: ấp Hòa có 2 dãy trệt cấp 4 có 5 phòng; điểm phụ ấp Trung A có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng có 10 phòng, dãy 02 trệt có 03 phòng cấp 4; Sân chơi: 04 (mỗi điểm có 1 sân chơi); khu vệ sinh: 04 ( mỗi điểm có 01 khu vệ sinh); khu thể thao: 00.

**11. Trường Tiểu học Phú Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phú Phong).

Địa chỉ: Ấp Phú Thạnh, xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 894 212

Trang thông tin điện tử: http://thphuphong.pgdchauthanhtg.edu.vn/

Email: c1phuphongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Phú Phong được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Phú Phong. Năm 1997, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và và được đổi tên thành Trường Tiểu học Phú Phong theo Quyết định số 945/QĐ.UB, ngày 08 tháng 12 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phú Phong.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 08; nữ: 03; Chi ủy: 03; nam: 03; nữ: 00. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 10. Đội thiếu niên: 389 đội viên; nam: 176; nữ: 213.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 11; nữ: 10. Tổng số giáo viên: 18; nam: 09; nữ: 09. Cử nhân (đại học): 17; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp: 01. .

Tổng số học sinh: 538; nam: 275; nữ: 263. .

Tổng diện tích: 3.967 m2; diện tích sử dụng: 3.967 m2

Trường có 01 dãy lầu gồm 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 01; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 90; khu vệ sinh: 02.

**12. Trường Tiểu học Song Thuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Song Thuận).

Địa chỉ: Ấp Tây Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3833 765

Trang thông tin điện tử: thsongthuan.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: [c1songthuanchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1songthuanchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Song Thuận được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Song Thuận. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Song Thuận. Năm 2010, Trường Tiểu học Song Thuận được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Song Thuận.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 01; nữ: 10; Chi ủy: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 15. Đội thiếu niên: 221; nam: 109; nữ: 112.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 06; nữ: 15. Tổng số giáo viên: 19; nam: 06; nữ: 13. Cử nhân (đại học): 15; Cử nhân (cao đẳng): 04.

Tổng số học sinh: 374; nam: 193; nữ: 181.

Tổng diện tích: 5.654,7m2; diện tích sử dụng: 5.319,6m2

Trường có 02 dãy lầu (dãy 1 có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; dãy 2 có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu); phòng làm việc: 07; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01 (nhà đa năng); khu vệ sinh: 05.

**13. Trường Tiểu học Tam Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tam Hiệp).

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 893357

Trang thông tin điện tử: thtamhiep.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1tamhiepchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tam Hiệp được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Tam Hiệp. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được chia thành Trường Tiểu học Tam Hiệp A và Trường Tiểu học Tam Hiệp B. Năm 2010, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học Tam Hiệp theo Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tam Hiệp.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam: 07; nữ: 17; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 46 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 31. Đội thiếu niên: 706 đội viên; nam: 34; nữ: 365.

Tổng số cán bộ, viên chức: 46; nam: 15; nữ: 31. Tổng số giáo viên: 41; nam: 14; nữ: 27. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 36; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 04; Trung cấp kế toán: 01.

Tổng số học sinh: 1.120; nam: 554; nữ: 566.

Tổng diện tích: 12.287,3 m2; diện tích sử dụng: 5.292m2

Trường có 02 điểm trường:

- Điểm chính:

+ 01 dãy lầu hành chính, có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, tầng trệt có 06 phòng (01 phòng thiết bị, 01 phòng giáo viên, 01 phòng phó hiệu trưởng; 01 văn phòng, 01 phòng y tế, 01 phòng giáo dục hòa nhập); tầng lầu có 04 phòng (01 thư viện, 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng truyền thống, 01 phòng Đội);

+ 02 dãy phòng học, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu, tầng trệt có 12 phòng học, tầng lầu có 08 phòng học, 01 phòng Tiếng Anh, 01 phòng Tin học, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mĩ thuật.

+ 01 khu nhà ăn có 01 tầng trệt và 1 tầng lầu và có hệ thống thang nâng.

- Điểm phụ:

+ 01 dãy lầu phòng học có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu, tầng trệt có 06 phòng học, 02 tầng lầu có 12 phòng học.

- Khu thể thao: có 01 sân bóng đá mini.

- Sân chơi: có 02 sân ở 02 điểm trường.

- Khu vệ sinh: ở 02 điểm trường có 02 khu vệ sinh giáo viên và 03 khu vệ sinh học sinh.

- Nhà đa năng: 01.

**14. Trường Tiểu học Tân Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp).

Địa chỉ: Khu phố Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 933 990

Trang thông tin điện tử: thtanhiep.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: [c1tanhiepchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1tanhiepchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Hiệp được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Hiệp. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Hiệp.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Thị trấn Tân Hiệp.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 24 đảng viên; nam: 03; nữ: 21; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 44 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 35. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 04; nữ: 08. Đội thiếu niên: 681 đội viên; nam: 348; nữ: 333.

Tổng số cán bộ, viên chức: 44 ; nam: 09; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 42; nam: 09; nữ: 33. Cử nhân (đại học): 39; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 02.

Tổng số học sinh: 1.135 ; nam: 579; nữ: 556.

Tổng diện tích: 7.500,3 m2; diện tích sử dụng: 7.500,3 m2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 00; phòng bộ môn: 05; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

**15. Trường Tiểu học Tân Hội Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hội Đông).

Địa chỉ: Ấp Tân Xuân, xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 896 238

Trang thông tin điện tử: thtanhoidong.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1tanhoidongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Hội Đông được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Hội Đông. Năm 1990, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Hội Đông theo Quyết định số 1177/QĐ.UB ngày 31tháng 8 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hội Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 08; nữ: 10; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 20. Đội thiếu niên: 441 đội viên; nam: 208; nữ: 233.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38 ; nam: 18 ; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 35; nam:16; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 29; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 05; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 863; nam: 458; nữ: 405.

Tổng diện tích: 5.692,4 m2; diện tích sử dụng: 1.306 m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 1 tầng trệt và 03 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 28 (25 phòng học văn hoá và 02 phòng học bộ môn: âm nhạc, mỹ thuật); phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**16. Trường Tiểu học Tân Hương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương).

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 831828

Trang thông tin điện tử:[http://thtanhuong.pgdchauthanhtg.edu.vn](http://thtanhuong.pgdchauthanhtg.edu.vn/)

Email: [c1tanhuongachauthanh.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1tanhuongachauthanh.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Hương được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Hương. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được chia thành Trường Tiểu học Tân Hương A và Trường Tiểu học Tân Hương B. Năm 2018, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học Tân Hương theo Quyết định số 4088/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Hương.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên, nam: 10; nữ 15; Chi ủy: 05, nam: 04, nữ: 01. Ban giám hiệu: 03, nam: 03, nữ: 00. Công đoàn: 54 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 36. Đoàn thanh niên: 19 đoàn viên; nam: 04 ; nữ: 15. Đội thiếu niên: 788 đội viên; nam: 402; nữ: 386.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 17; nữ: 35. Tổng số giáo viên: 46; nam: 14; nữ: 32. Cử nhân (đại học): 39; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp kế toán: 01; Trung cấp y tế: 01.

Tổng số học sinh:1.323; nam: 700; nữ: 623.

Tổng diện tích:15.165 m2; diện tích sử dụng: 3.124m2

Trường có 05 dãy lầu: 01 dãy có 01 tầng trệt, 03 tầng lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; 02 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 09; phòng học: 39; phòng học bộ môn: 08; phòng máy vi tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 10.

**17. Trường Tiểu học Tân Lý Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Lý Đông).

Địa chỉ: Ấp Tân Quới, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 033831047

Trang thông tin điện tử:

Email: c1tanlydongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Lý Đông được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Lý Đông. Năm 1990, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Lý Đông.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Lý Đông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 25 đảng viên; nam:14; nữ: 11; Chi ủy: 05; nam: 03 ; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 41 công đoàn viên; nam: 18 ; nữ: 23. Đội thiếu niên: 352 đội viên; nam: 194; nữ: 158.

Tổng số cán bộ, viên chức: 41; nam:18 ; nữ: 23. Tổng số giáo viên: 35; nam: 14; nữ: 21. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 24; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 10; Trung cấp: 03.

Tổng số học sinh: 934 ; nam: 485 ; nữ: 449.

Tổng diện tích: 6.387,9 m2; diện tích sử dụng: 4.070 m2

Trường có 02 dãy nhà trệt và 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 23; phòng học bộ môn (âm nhạc, mỹ thuật tin học): 03; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**18. Trường** **Tiểu học Tân Lý Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Lý Tây).

Địa chỉ: ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733896234.

Trang thông tin điện tử: http://thtanlytay.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1tanlytayachauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Tân Lý Tây được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Lý Tây. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được chia thành Trường Tiểu học Tân Lý Tây A và Trường Tiểu học Tân Lý Tây B. Năm 2015, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học Tân Lý Tây theo Quyết định số 4566/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Lý Tây.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 11; nữ: 10; Chi ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02 ; nữ: 01. Công đoàn: 34 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 19. Đội thiếu niên: 01; nam: 601; nữ: 300.

Tổng số cán bộ, viên chức: 34; nam: 15; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 29; nam: 13; nữ: 16. Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung học sư phạm: 07. Tổng số học sinh: 968; nam: 494; nữ: 474.

Tổng diện tích: 8.720,8 m2; diện tích sử dụng: 1.677,51 m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu, phòng làm việc: 14; phòng học: 22; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

**19. Trường Tiểu học Thân Cửu Nghĩa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thân Cửu Nghĩa).

Địa chỉ: Ấp Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 831114.

Trang thông tin điện tử: ththancuunghia.pgdchauthanhtg.edu.vn.

Email: c1thancuunghiaachauthanh.tiengiang@moet.edu.vn.

Năm 1976, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp I Thân Cửu Nghĩa. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Thân Cửu Nghĩa. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được chia thành Trường Tiểu học Thân Cửu Nghĩa A và Trường Tiểu học Thân Cửu Nghĩa B. Năm 2019, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học Thân Cửu Nghĩa theo Quyết định số 4087/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thân Cửu Nghĩa.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 28 đảng viên; nam: 09; nữ: 19; Chi ủy: 05; nam: 04 ; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 53 công đoàn viên; nam: 14; nữ: 39. Đoàn thanh niên: 09 đoàn viên; nam: 01; nữ: 08. Đội thiếu niên: 777 đội viên; nam: 398; nữ: 379.

Tổng số cán bộ, viên chức: 53; nam: 14; nữ: 39. Tổng số giáo viên: 47; nam: 11; nữ: 36. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 05; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 01.

Tổng số học sinh: 1230; nam: 645; nữ: 585.

Tổng diện tích: 15.453 m2; diện tích sử dụng: 9.105 m2.

Trường có 02 điểm:

Điểm chính: có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 23; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

Điểm phụ: có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 10; phòng học: 12; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 01.

**20. Trường Tiểu học Thạnh Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Phú).

Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.893.294

Trang thông tin điện tử: [http://ththanhphu.pgdchauthanhtg.edu.vn](http://ththanhphu.pgdchauthanhtg.edu.vn/)

Email: [c1thanhphuchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1thanhphuchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Thạnh Phú được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Phú. Năm 1990, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Thạnh Phú theo Quyết định 1192/QĐ.UB ngày 31 tháng 8 năm 1990 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thạnh Phú.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 10; nữ: 08; Chi ủy: 05; nam: 04, nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 15; nữ: 16. Đội thiếu niên: 404 đội viên; nam: 204; nữ: 200.

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 15; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 26; nam: 12; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 06.

Tổng số học sinh: 675; nam: 345; nữ: 330.

Tổng diện tích: 5.263,2 m2 ; diện tích sử dụng: 5.263,2 m2

Trường có 03 dãy lầu: 02 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; 01 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 24; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 03.

**21. Trường Tiểu học Vĩnh Kim**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733833766

Trang thông tin điện tử: thvinhkim.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c1vinhkimchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, thành Trường Phổ thông cấp I Vĩnh Kim được thành lập. Năm 1978, là Trường Phổ thông cơ sở Vĩnh Kim. Năm 1987, bộ phận Cấp II tách ra, trường còn lại Cấp I và được đổi tên thành Trường Tiểu học Vĩnh Kim. Năm 2010, Trường Tiểu học Vĩnh Kim được xác nhận đơn vị không có Quyết định thành lập trường theo văn bản số 1841/UBND-NV ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Vĩnh Kim.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 23 đảng viên; nam: 05; nữ: 18; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 51 công đoàn viên; nam: 17; nữ: 34. Đội thiếu niên: 975 đội viên; nam: 507; nữ: 468.

Tổng số cán bộ, viên chức: 51; nam: 17; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 48; nam: 17; nữ: 31. Cử nhân (đại học): 39; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 1.465; nam: 756; nữ: 709.

Tổng diện tích: 2.894,2 m2 ; diện tích sử dụng: 2.894,2 m2

Trường không có lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 18; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**22. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Bàn Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bàn Long).

Địa chỉ: Ấp Long Thành A, xã Bàn Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 02733 834353

Trang thông tin điện tử: http://thcsbanlong.pgdchauthanhtg.edu.vn

Email: c2banlongchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Bàn Long và Trường Phổ thông cấp II Bàn Long được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Bàn Long. Năm 1987, trường tách ra, bộ phận Cấp II thành Trường Trung học cơ sở Bàn Long; bộ phận Cấp I thành Trường Tiểu học Bàn Long. Năm 2022, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bàn Long theo Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bàn Long.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 06; nữ: 15; Chi ủy: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 48 công đoàn viên; nam: 20; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 17 đoàn viên; nam: 05; nữ: 12. Đội thiếu niên: 673 đội viên; nam: 329; nữ: 344.

Tổng số cán bộ, viên chức: 46; nam: 18; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 40; nam: 13 ; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 28; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 04.

Tổng số học sinh: 871; nam: 426; nữ: 445

Tổng diện tích: 9.255,9 m2; diện tích sử dụng: 9.255,9 m2

Trường có 02 điểm:

Điểm tiểu học:

Có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 15; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 03.

Điểm trung học cơ sở:

Có 02 dãy lầu, một dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; một dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; phòng làm việc: 02; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**23. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Long An**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Long An).

Địa chỉ: Ấp Long Tường, xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 856 414

Trang thông tin điện tử: http://thcslongan.pgdchauthanhtg.edu.vn/

Email: [c2longanchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c2longanchauthanh.tiengiang@moet.edu.vn)

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I Long An và Trường Phổ thông cấp II Long An được thành lập. Năm 1978, hai trường hợp nhất thành Trường Phổ thông cơ sở Long An. Năm 1987, trường tách ra thành hai trường là Trường Tiểu học Long An và Trường Trung học cơ sở Long An. Năm 2022, hai trường sáp nhập thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Long An theo Quyết định số 3786/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Châu Thành.

Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Long An.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 26 đảng viên, nam: 12; nữ: 14; Chi ủy: 05; nam: 03; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 49 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 33. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 05; nữ: 07; Đội thiếu niên: 739 đội viên; nam: 373; nữ: 366.

Tổng số cán bộ, viên chức: 49; nam: 16; nữ: 33. Tổng số giáo viên: 42; nam: 14; nữ: 28. Cử nhân (Đại học): 35; Cử nhân (Cao đẳng): 11; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 962; nam: 496; nữ: 466

Tổng diện tích: 6.690,6 m2

Trường có 04 dãy lầu (3 dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; 1 dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu); phòng làm việc: 12; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 08.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

**Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

**1. Kinh/kênh Bang Chón - Trường Gà (Huyện Châu Thành)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ kinh/kênh Bang Chón (Thị xã Cai Lậy).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã thuộc huyện Châu Thành; điểm đầu giáp ranh huyện Châu Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Cà Dăm, dài 4,19 km, bề ngang 24 - 31 m, sâu 2,8 - 3,9 m, diện tích phục vụ 419 ha.

**2.** **Kinh/Kênh Bảo Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Bảo: : gánh vác, giữ gìn; Định: : Yên ổn).



Đây là con kênh được đào đầu tiên ở Nam bộ. Trước khi có con kênh này, tại đây đã có rạch Vũng Cù ở về phía đông bắc, chảy từ sông Vàm Cỏ Tây đến quán Thị Cai (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An); và rạch Mỹ Tho ở về phía nam, chảy từ chợ Lương Phú (nay thuộc xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) ra sông Tiền. Khoảng giữa bắc – nam, tức là từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú là ruộng vườn liên tiếp.

Năm 1705, vâng lệnh Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân trường hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân đánh dẹp quân Cao Miên ở khu vực này khi bọn chúng xâm phạm biên cảnh. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài phòng tuyến, ông cho đào một con mương hào nối liền rạch Vũng Cù và rạch Mỹ Tho. Sau đó, nhân đường nước đã lưu thông, người ta đào sâu thêm, thành ra đường kênh, ghe thuyền đi lại được. Lúc bấy giờ, để tiện cho việc nhắm hướng đào mở, người ta có dựng một cái thang cao, tục gọi là thang trông; và về sau trở thành địa danh: chợ Thang Trông ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Về việc này, sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi chép như sau: “*Thuở xưa, phía đông bắc từ sông nhỏ Vũng Cù chảy đến quán Thị Cai là hết, phía tây từ sông nhỏ Mỹ Tho cũng xuống đông đến chợ Lương Phú là hết, khoảng giữa thì ruộng đất liên tiếp từ nam đến bắc. Năm Ất dậu* (1705), *đời vua Hiển tông Hiếu minh hoàng đế thứ 15* (tứcQuốc chúa Nguyễn Phúc Chu)*, sai Chính thống Vân trường hầu qua đánh Cao Miên. Quân địch thường ra chỗ này quấy nhiễu quân ta. Sau Vân trường hầu bèn đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú, đào hai đầu tận cửa sông Vũng Cù và sông Mỹ Tho dẫn nước chảy đến làm hào mương ngồi lũy để củng cố cuộc phòng ngự. Sau nhân đường nước đã lưu thông, lại đào sâu thêm thành ra đường kinh đi ghe thuyền được*”.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Sử quán triều Nguyễn cũng ghi tương tự: “*Năm Ất Dậu* (1705*), đời Hiển tông, Chánh thống suất Nguyễn Cửu Vân đem quân đi đánh Cao Miên, cho đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú ở chỗ tận cùng hai đầu nguồn rạch Vũng Cù và Mỹ Tho, lấy nước làm hào vòng quanh lũy, để việc phòng thủ được vững vàng; sau đó, nhân đường nước lưu thông, đào sâu mãi xuống thành ra đường kinh thuận tiện cho thuyền bè*”.

Do đoạn kênh tại Thang Trông có giáp nước, nên kênh thường bị bùn lầy làm cho nông cạn. Vì thế, năm 1819, vua Gia Long ra lệnh cho các viên quan đứng đầu thành Gia Định và trấn Định Tường huy động dân phu nạo vét và mở rộng kênh từ Thang Trông đến Húc Đồng (Hóc Đùn) – bến Mỹ Tho dài 40 dặm rưỡi (khoảng 14 km).

Sự việc này được sách *Gia Định thành thông chí* viết như sau: “... *đường sông từ đông đến tây xa cách, nên đến chỗ Vọng Thê (tục gọi là Thang Trông, là chỗ khi đầu dựng cái thang cao để đứng nhắm địa thế đào mở, nhân đó gọi thành địa danh) nước thủy triều giao hội làm chỗ giáp nước, thế nước lênh đênh, khi lên, khi xuống, chảy mạnh, lại nhiều chỗ quanh quẹo hẹp nhỏ, vậy nên bùn cỏ tích tụ, càng ngày càng bị cạn lấp, thuyền lớn đi đến đây phải đợi nước lên cho đầy thì mới đi được. Năm Kỷ mão niên hiệu Gia Long thứ 18* (1819)*, vua xuống chỉ dụ sai đo thẳng từ chỗ Thang Trông đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn, nay thuộc xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), *sai Trấn thủ Định Tường là Bửu thiện hầu Nguyễn Văn Phong đem dân phu trong trấn thay phiên đào mở*”.

Bia *Phụng khai tân cảng ký* (còn gọi là Bia đào kênh Bảo Định), do vua Gia Long cho dựng năm 1819 tại Thang Trông, ghi : “*Đường sông này vốn có nhiều khúc quanh co, nhiều chỗ sâu cạn, nên ghe thuyền các loại khó đi lại*”.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: “*Về phía đông nam, đường nước khá dài; cho nên khi chảy đến địa phận Vọng Thê* (tức Thang Trông) *thì hợp với nước thủy triều; đây là chỗ hai ngọn nước giao nhau nên gọi là Giao đầu thủy. Sở dĩ gọi là Vọng Thê là vì lúc mới bắt đầu đào sông, người ta phải trèo lên thang nhìn nhận những chỗ cần phải đo đạc kinh dinh, tục gọi là Thang Trông. Tuy thế, sông này nhiều chỗ quanh co nhỏ hẹp, mỗi ngày một nông cạn dần, nên năm Gia Long thứ 18* (1819) *sai Trấn thủ Định Tường là Nguyễn Văn Phong bắt hơn 9.000 dân phu đào từ Vọng Thê* (tức Thang Trông) *đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn), *cũng có chỗ đào kinh mới cho liên lạc với sông*”.

Đây là công trình lớn, nên có đến 3 vị quan cao cấp của Gia Định thành và 2 vị quan đứng đầu của trấn Định Tường cùng tham gia chỉ huy, gồm :

- Gia Định thành Phó Tổng trấn - Thị trung Tả Thống chế Lý văn hầu Huỳnh Công Lý. Viên quan này có trách nhiệm chỉ huy toàn bộ công trình.

- Hiệp Tổng trấn, Lại bộ Thượng thư An toàn hầu Trịnh Hoài Đức.

- Tổng đốc Chưởng tiền quân - Bình Tây tướng quân - Đức quận công Nguyễn Huỳnh Đức.

- Trấn thủ Định Tường - Bửu Thiện hầu Nguyễn Văn Phong. Vị này có nhiệm vụ chỉ huy dân phu tại công trình.

- Chưởng cơ Lãnh binh - Nhiệm tín hầu (chưa rõ họ, tên). Vị này có nhiệm vụ huy động dân phu.

Về số lượng dân phu, sách *Gia Định* *thành thông chí* cho biết có 9.679 người; sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi có hơn 9.000 người; trong khi đó, bia *Phụng khai tân cảng ký* ghi chỉ có 3.225 người. Thực ra, ghi chép của các tài liệu đó không mâu thuẫn nhau. Sách *Gia Định thành thông chí* cho biết: “... *đem 9.679 dân phu chia làm 3 phiên, thay nhau đào mở*”. Như vậy, con số 3.225 dân phu được ghi trong bia *Phụng khai tân cảng ký* là số lượng dân phu của một phiên trong ba phiên đào mở của toàn bộ 9.679 dân phu mà *Gia Định thành thông chí* đã ghi chép. Dân phu tại công trình, theo sách *Gia Định thành thông chí*, mỗi người được cấp tiền và gạo; bia *Phụng khai tân cảng ký* cho biết cụ thể hơn: mỗi người được chính quyền địa phương cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo.

Công việc chính của dân phu là nạo vét, mở rộng tuyến kênh đã có và đào sửa cho thẳng những đoạn kênh khúc khuỷu. Sách *Gia Định thành thông chí* chép: “*hoặc nhân theo đường sông cũ uốn nắn mà đào sâu rộng thêm; hoặc mở kênh mới để cho liên lạc*”; bia *Phụng khai tân cảng ký* cũng ghi tương tự: “*hoặc đào thẳng qua ruộng bằng phẳng, hoặc sửa những chỗ nông sâu*”.

Công trình cải tạo kênh được tiến hành trong khoảng 3 tháng; khởi công ngày 28 tháng Giêng năm Kỷ Mão (23–2–1819); kết thúc theo ghi chép của *Gia Định thành thông chí* là ngày 4 tháng 4 nhuận năm Kỹ Mão (28–5–1819); theo ghi chép của bia *Phụng khai tân cảng ký* là ngày 10 tháng 4 nhuận năm Kỷ Mão (3–6–1819).

Sau khi công trình đã được hoàn thành mỹ mãn, vua Gia Long cho tạc sự kiện này vào bia đá dựng tại Thang Trông để “*truyền mãi về sau*”; và đặt tên cho kênh là Bảo Định. Lúc này, kênh có bề ngang 15 tầm (khoảng 32 mét), sâu 9 thước (khoảng 4 mét), hai bên bờ kênh có đường quan lộ được đắp bằng đất, rộng 6 tầm (khoảng 13 mét). Ngay khi ấy, Trịnh Hoài Đức có sáng tác bài thơ nói về tác dụng của kênh Bảo Định và cuộc sống sung túc của người dân ở dọc theo tuyến kênh:

*TÂN KINH THẦN MỤC*

*Lạc nguyệt đề ô náo cửu cai,*

*Tân kinh mục tử[[52]](#footnote-52)* *trục tương lai.*

*Địch xuy lô quản xâm yên tố,*

*Ngưu đạp vân căn[[53]](#footnote-53) nhập thủy ôi.*

*Thảo dụ bình điền hồ khả lạp,*

*Tang âm lục dã lộ kham môi.*

*Phong niên tiếu ngạo Hy Hoàng[[54]](#footnote-54)* *thế,*

*Túy ngọa hoa tùng bất thoát soa.*

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

*SỚM CHĂN TRÂU Ở TÂN KINH*

*Trăng lặn quạ kêu rộn khoảng không,*

*Tân kinh mục tử ruỗi trên đồng.*

*Sáo bằng ống sậy vút trời thẳm,*

*Trâu dẫm đá chìm tới khuỷu sông.*

*Cỏ tốt bãi bằng, săn cáo tiện,*

*Dâu xanh bóng mát họp cò đông.*

*Được mùa ngạo thuở Hy Hoàng nhé,*

*Để áo, nằm say cạnh khóm hồng*

Dưới thời Thiệu Trị (1841 – 1847), kênh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

Kênh Bảo Định, ngoài việc nối với sông Vàm Cỏ Tây ở phía bắc và sông Mỹ Tho ở phía nam; còn thông lưu với 19 con rạch tự nhiên ở phía tây và phía đông, tạo nên một hệ thống kinh rạch tương đối dày đặc. Do đó, ngoài tác dụng về an ninh – quốc phòng, kênh Bảo Định còn có giá trị to lớn về khai hoang, thủy lợi và giao thông thủy đối với vùng đất mới phương Nam. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược của Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu và vua Gia Long trong việc khai đào và mở rộng con kênh được xem là đầu tiên ở Nam bộ.

Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm, kênh Bảo Định gắn liền với chiến công cùa quân dân ta vào năm 1861. Lúc bấy giờ, Định Tường là một tỉnh đông dân, nhiều của; lại là “cửa ngõ” của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cho nên, thực dân Pháp sau khi hạ đại đồn Chí Hoà ở Gia Định (2-1861) đã tính đến việc tiến đánh Định Tường, mà mục tiêu đầu tiên là thành Mỹ Tho.

Ngày 17-3-1861, tàu chiến Pháp đánh chiếm Vũng Gù (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An) và cửa Tiểu (Gò Công) nhằm thực thi kế hoạch tấn công thành Mỹ Tho từ hai hướng: hướng thứ nhất, theo đường kênh Bảo Định

Riêng tại mặt trận kênh Bảo Định, từ Vũng Gù đến Mỹ Tho, quân dân Định Tường đã đắp 9 cản hàn sông và xây dựng 5 đồn quân kiên cố nhằm đối phó với quân địch[[55]](#footnote-55).

Ngày 5-4-1861, liên quân Pháp - Tây Ban Nha với 1 chiến thuyền lớn và 5 pháo hạm được trang bị nhiều đại bác bắt đầu tiến vào kênh Bảo Định. Trên đường hành tiến, quân giặc đã bị quân dân Định Tường chận đánh liên tục. Mãi đến chiều ngày 09-4-1861, mặc dù phải chịu nhiều tổn thất, nhưng với phương tiện chiến tranh và vũ khí vượt trội, đoàn tàu chiến của địch mới tiến đến được một địa điểm ở gần Mỹ Tho.

Trong buổi sáng ngày 10-4-1861, thực hiện mệnh lệnh của viên chỉ huy liên quân là đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo), đại úy pháo binh Sốp-phô (Chauffaut) chỉ huy một toán quân gồm bộ binh Tây Ban Nha, 01 đại đội bộ binh và 01 đại đội thủy quân lục chiến người Pháp, làm nhiệm vụ trinh sát thực địa, chuẩn bị cho việc tấn công thành Mỹ Tho. Toán quân này đi dọc theo bờ hữu ngạn kênh Bảo Định hướng vào trung tâm Mỹ Tho. Trên đường đi, quân giặc bị một quả đạn súng thần công do quân ta bắn rơi vào đội hình. Quả đạn, tuy không làm ai bị thiệt mạng hay bị thương; nhưng đã khiến cho bọn chúng hết sức hoang mang, hỗn loạn, vì không biết rõ đích xác quả đạn từ đâu bắn tới. Trước sự việc đó, quân giặc phải bỏ dỡ cuộc hành quân trinh sát, quay trở về, rút xuống tàu chiến và các pháo hạm đang neo đậu ở giữa dòng kênh Bảo Định.

Đến 15 giờ cùng ngày, mặc dù chưa rõ tình hình bố phòng của quân ta, nhưng với bản chất hung hăng, kiêu ngạo, xem thường đối phương của một tên sĩ quan thực dân, đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo) ra lệnh cho trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) chỉ huy 03 đại đội bộ binh, thủy quân lục chiến với 300 binh lính và 4 pháo hạm mang số hiệu 16, 18, 22, 31, trong đó pháo hạm số 18 là pháo hạm chỉ huy, nhổ neo, xuôi dòng Bảo Định, tiến về thành Mỹ Tho.

Đoàn pháo hạm của địch tiến đến Bến Chùa[[56]](#footnote-56) gần Trung Lương[[57]](#footnote-57) thì xảy ra trận đấu súng quyết liệt giữa súng thần công của quân ta và đại bác của quân địch. Khi phát hiện đồn của quân ta, các pháo hạm của quân Pháp bắt đầu khai hỏa. Lập tức, quân ta bắn trả rất mãnh liệt. Chiếc pháo hạm chỉ huy số 18 bị bắn trúng ba quả đạn thần công, trong đó có 01 quả đạn đã khiến cho trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) chết ngay tại chỗ. Đây là một tổn thất lớn đối với liên quân Pháp - Tây Ban Nha. Bọn binh lính xâm lược ngày càng hoang mang, dao động.

Dòng kinh/kênh Bảo Định vốn hiền hòa nhưng đã nổi sóng căm hờn trước sự xâm lược của quân Pháp, tạo nên một chiến công oanh liệt của quân dân Định Tường trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) đã phải đền tội trên dòng Bảo Định lịch sử. Đây là viên sĩ quan thực dân đầu tiên bị chết trận trong quá trình xâm lược nước ta của thực dân Pháp. Lịch sử Việt Nam ghi nhận chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 1 năm 1873 với cái chết của đại úy Phơ-răng-xi Gạc-ni-ê (Francis Garnier), chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 2 năm 1883 với cái chết của tên thiếu tá hải quân Hăng-ri Ri-vi-e (Henri Rivière) thì chiến công của quân dân Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang) năm 1861 trên dòng Bảo Định sống mãi với non sông gấm vóc Việt Nam.

Dưới thời thuộc Pháp, năm 1867, giới cầm quyền Pháp ở Mỹ Tho đã sử dụng xáng múc (tàu cuốc) để nạo vét kênh Bảo Định. Lúc bấy giờ, chiếc xáng múc to như một chiến hạm, hoạt động bằng máy hơi nước, có công suất khoảng vài trăm mã lực, xúc đất bằng những chiếc gàu sắt đặt liền nhau theo hình đường tròn như kiểu guồng đạp nước, có khả năng đào sâu khoảng 5 – 6 mét. Sau khi công việc hoàn tất, kênh có chiều dài 28 km, nối liền hai tỉnh lỵ Tân An và Mỹ Tho. *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* cho biết: “*Con kênh này được ghe thuyền của người bản xứ xuôi ngược tấp nập*”.

Trước khi có kênh Chợ Gạo (1877), ngoài tác dụng thuỷ lợi, kênh Bảo Định là thuỷ lộ quan trọng để vận chuyển nông sản, hàng hóa, văn thư… từ Sài Gòn đi Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại, nên chính quyền thực dân Pháp mới đặt tên là kênh Bưu Điện (Arroyo de la Poste).

Năm 1974, cống Tân An đã được xây tại đầu phía Bắc của kênh (gần thành phố Tân An) nhằm ngăn nước mặn từ sông Vàm Cỏ Tây xâm nhập vào ruộng, vườn. Năm 2004, cống Bảo Định với chức năng tương tự cũng đã được xây ở đoạn kênh phía Nam trên Quốc lộ 50 tại xã Đạo Thạnh (TP Mỹ Tho). Vào mùa nước mặn hai cống ở phía bắc và phía nam đóng cửa, vai trò giao thông thủy của kênh hiện nay không như trước đây.

Kênh Bảo Định có thể nói là một phần không thể thiếu được của thành phố Mỹ Tho. Nhà thơ Xuân Diệu đã viết về điều này như sau:

*Mỹ Tho bóng mát đường cây,*

*Nước sông Bảo Định dồn mây với thuyền.*

*Cầu Quay phố xá đôi bên,*

*Ta không buôn bán, chỉ ghiền văn thơ.*

*Gió sông mát rượi hồn thanh,*

*Con đò Rạch Miễu chạy quanh đảo Rồng.*

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các Phường 1, 2, 3, 7, 10, xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho; các xã Long An, Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành; các xã Lương Hòa Lạc, Mỹ Tịnh An, Hòa Tịnh, Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với sông Tiền tại Phường 1, thành phố Mỹ Tho, điểm cuối nối với rạch Bà Lý, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, dài 19,8 km, bề ngang từ 40 - 60 m, sâu 4 m, diện tích phục vụ 10.300 ha.

**3.** **Kinh/Kênh Cà Dăm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thực vật (Cà dăm: là cây gỗ cao 10-20 m; vỏ cây được dùng làm thuốc, hỗ trợ điều trị đau nhức xương khớp, phong tê thấp).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua thị trấn Mỹ Phước, xã Phước Lập thuộc huyện Tân Phước; xã Nhị Bình, huyện Châu Thành; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Mỹ Long - Bà Kỳ, dài 6,54 km, bề ngang 19 - 49 m, sâu 1,8 - 3,7 m, diện tích phục vụ 654 ha, được đào năm 2006.

**4.** **Kinh/Kênh Cầu Sao**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây sao). Tuyến kinh này chảy qua giồng Sao - giồng cát có nhiều cây sao - nên được gọi là kinh/kênh Cầu Sao.

Kinh/kênh chảy xuyên qua các xã Bình Trưng, Đông Hòa, Dưỡng Điềm thuộc huyện Châu Thành, điểm đầu kinh nối với Rạch Gầm, điểm cuối nối với kinh/kênh Cà Dăm, dài 13,3 km, bề ngang 22 - 33 m, sâu 2,5 - 3,5 m, diện tích phục vụ 1.100 ha, được đào năm 1990.

**5.** **Kinh/Kênh Chợ Bưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Khmer (Bưng).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Long An, Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành và các xã Tân Lập 1, Tân Lập 2 thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Bảo Định, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 16,4 km, bề ngang 22 - 29 m, sâu 1,5 - 4,5 m, diện tích phục vụ 1.290 ha.

**6**. **Kinh/Kênh Kháng Chiến (Nhị Bình)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Kháng Chiến (Lộ Đất).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Long Định, Nhị Bình, Điềm Hy thuộc huyện Châu Thành; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành, điểm cuối nối với Lộ di tích lịch sử - văn hóa Ấp Bắc, dài 6,86 km, bề ngang 13 - 25 m, sâu 1,0 - 1,8 m, diện tích phục vụ 685 ha.

**7.** **Kinh/Kênh Kháng Chiến (Tam Hiệp)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Xin xem mục từ Kinh/Kênh Kháng Chiến (Lộ Đất).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Long Định, Tam Hiệp thuộc huyện Châu Thành; điểm đầu nối với kinh/kênh Nguyễn Tán Thành, điểm cuối nối với kinh/kênh Chợ Bưng, dài 5.920 km, bề ngang 10 - 16 m, sâu 1,0 m, diện tích phục vụ 592 ha.

**8. Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh?Kênh) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Tấn Thành).

Tiểu sử nhân vật Nguyễn Tấn Thành:

Nguyễn Tấn Thành, bí danh là Chín Kỉnh, sinh năm 1922 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1938, lúc mới 16 tuổi, ông đã lên Sài Gòn tham gia phong trào “Đông Dương đại hội” và các “Ủy ban Hành động” do Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) phát động.

Tháng 11 - 1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở quê nhà. Được biết, Long Hưng là nơi có phong trào khởi nghĩa sôi nổi và mạnh mẽ nhất ở tỉnh Mỹ Tho. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ông bị địch truy nã gắt gao, nên phải rút vào hoạt động bí mật.

Tháng 8 - 1944, ông được cấp trên giao nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng huyện Châu Thành. Để có vũ khí trang bị cho du kích, ông trực tiếp lên Sài Gòn, nhân cuộc đảo chính của Nhật (9 - 3 - 1945), giật súng của lính Pháp đi lẻ mang về Long Hưng.

Tháng 8 - 1945, ông cùng với đội vũ trang tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Châu Thành. Cuối tháng 10 - 1945, sau khi chiếm thị xã Mỹ Tho, địch cho tàu chiến chạy dọc theo sông Tiền bắn phá các xã ven sông để thăm dò lực lượng của ta.

Lúc bấy giờ, đội vũ trang Châu Thành, với phiên hiệu là Phân đội Tự vệ chiến đấu quân, do ông chỉ huy lập phòng tuyến ở vàm kênh xáng Lacomb kiên quyết chiến đấu ngăn chặn địch. Sau đó, Phân đội lãnh trách nhiệm giữ mặt trận bến đò Long Hưng.

Đầu tháng 11 - 1945, Phân đội của ông được bổ sung thêm quân số, hoạt động mạnh ở địa bàn ba xã Long Hưng, Long Định, Tam Hiệp, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề. Danh tiếng của bộ đội Chín Kỉnh vang xa khắp nơi.

Do đó, đến tháng 1 - 1946, ông được bổ sung vào Tỉnh ủy Mỹ Tho; và tại Hội nghị Quân Dân Chính tỉnh Mỹ Tho (3 - 1946), ông được bầu làm Ủy viên Quân sự tỉnh. Với chức trách được giao, ông đã ra sức xây dựng lực lượng vũ trang từ tỉnh xuống tận xã ngày càng lớn mạnh, vừa đánh quân Pháp, tiêu diệt sinh lực địch; vừa tiễu trừ, trấn áp bọn cướp, bọn phản động, bảo vệ cuộc sống, tài sản của nhân dân. Đồng thời, ông còn cho đào các con kênh kháng chiến nhằm phục vụ sản xuất, đời sống dân sinh cho nhân dân và ngăn chặn xe lội nước của địch đột nhập vào vùng căn cứ cách mạng.

Bên cạnh đó, ông đã trực tiếp chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công vào các vị trí chiếm đóng của quân địch, giành được những chiến công vang dội, điển hình như trận đánh đồn Tân Lý Tây tháng 8 - 1947, tiêu diệt toàn bộ quân địch ở đây, thu được nhiều vũ khí, đạn dược; trận đánh liên hoàn vào các đồn của địch trên Lộ 28 trong tháng 4 - 1948, thu được trên 100 khẩu súng các loại; trận đánh diệt đồn Kênh xáng Lacomb trên lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1) tháng 6 - 1948,…

Đồng thời, ông rất chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quân sự cho tỉnh. Hầu hết cán bộ dân quân cấp tỉnh, huyện, xã đều được đưa đi học tại các trường Quân chính của quân khu hoặc của tỉnh. Đặc biệt, vào giữa năm 1947, ông còn cho mở khóa đào tạo 120 cán bộ nữ dân quân để làm nòng cốt xây dựng phong trào nữ dân quân của tỉnh.

Đầu năm 1949, ông được điều động về Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Trước khi đi, với ý định để lại một kỷ niệm đẹp cho đồng chí, đồng đội và cũng nhằm giải quyết sự khan hiếm vũ khí, ông chỉ huy đại đội dân quân tỉnh tấn công đồn cầu đúc An Thạnh (đồn cầu Rượu, xã Long Định, huyện Châu Thành) trên lộ Đông Dương. Nhưng không may, ông đã anh dũng hy sinh.

Để tưởng nhớ người cán bộ quân sự tài ba đã cống hiến tuổi thanh xuân của mình vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã lấy tên ông đặt cho kênh xáng Lacomb chảy xuyên qua nơi “chôn nhau cắt rốn” của ông: kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành.

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành do chính quyền thực dân Pháp đào khoảng năm 1918, gọi là Kinh/Kênh Xáng Lacomb, chảy qua huyện Châu Thành và huyện Tân Phước. Điểm đầu từ kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp A tại trung tâm thị trấn Mỹ Phước thẳng xuống phía nam, cắt Quốc lộ 1 tại cầu Kinh/Kênh Xáng (xã Long Định). Trước khi ra sông Tiền, kinh/kênh cắt Đường tỉnh 864 tại cầu Đồng Tâm.

Kinh/Kênh Nguyễn Tấn Thành dài 19,3 km, rộng 40m, bề rộng tại vàm kinh 125m, sâu 5 - 8 m. Kinh nầy ngoài chức năng giao thông thủy, còn là trục thoát lũ quan trọng của tỉnh. Kinh được nạo vét nhiều lần, lần gần đây nhất vào năm 2000 để lấy đất đắp bờ đê ngăn lũ. Trong mùa khô năm 2020 và 2021, tỉnh Tiền Giang cũng triển khai đắp đập thép ngăn mặn, trữ ngọt trên kinh/kênh Nguyễn Tấn Thành. Công trình đã phát huy hiệu quả trong công tác phòng, chống hạn, mặn, góp phần bảo vệ nước sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt cho người dân hai huyện Tân Phước và Châu Thành của tỉnh Tiền Giang và một phần của tỉnh Long An.

**9. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Nguyễn Văn Tiếp).

Tiểu sử nhân vật Nguyễn Văn Tiếp:

Nguyễn Văn Tiếp sinh năm 1900 tại làng Long Phú, quận Trung Quận, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thưở nhỏ, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học tập. Do có điều kiện tiếp xúc với sách báo tiến bộ và chịu sự tác động của các phong trào đấu tranh chống chính quyền thực dân Pháp, nên ông sớm có tư tưởng yêu nước và cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, ông làm giáo viên tại trường tiểu học Thanh Hà (Bến Lức). Trong khoảng thời gian này, ông tích cực tham gia các phong trào yêu nước đang diễn ra sôi nổi ở Nam bộ, như phong trào Hội kín Nguyễn An Ninh, phong trào đấu tranh đòi chính quyền Pháp trả tự do nhà yêu nước Phan Bội Châu (1925), phong trào để tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh (1926),… Sau đó, ông bị Pháp bắt và giam ở Cần Thơ; nhưng do không có chứng cớ nên bọn chúng đành phải thả ông ra.

Năm 1929, ông gia nhập tổ chức An Nam Cộng sản Đảng. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (tháng 2-1930), ông được cử làm Bí thư chi bộ làng Long Phú (tháng 4-1930). Đây là một trong số mấy chi bộ được thành lập sớm nhất ở tỉnh Chợ Lớn. Tháng 5-1930, ông chỉ huy hàng trăm nông dân tiến vào quận lỵ Trung Quận (nay là thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lực, tỉnh Long An) đấu tranh đòi giảm sưu thuế. Sau cuộc biểu tình này, ông bị thực dân Pháp bắt và xử án tù chung thân đày Côn Đảo. Ở trong tù, mặc dù bị đày ải đến độ cùng cực; nhưng ông vẫn giữ vững tinh thần lạc quan cách mạng, một lòng một dạ trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân.

Cuối năm 1936, do áp lực của phong trào cách mạng trong cả nước và của Mặt trận Nhân dân ở Pháp, ông cùng với nhiều tù chính trị khác được trả tự do. Vừa mới ra tù, ông lại lao vào hoạt động cách mạng. Tháng 11-1940, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Nam kỳ tại quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Một lần nữa, ông bị địch bắt; rồi sau đó, lãnh án khổ sai chung thân tại Côn Đảo.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông và những người tù cộng sản được Đảng rước về đất liền. Lúc này, thực dân Pháp đang lăm le quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với tinh thần tiến công cách mạng, không cho phép mình được nghỉ ngơi , ông hăng hái hoạt động và chấp hành nghiêm chỉnh mọi sự phân công của tổ chức.

Tháng 10-1945, ông được cấp trên tin tưởng cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho kiêm Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Xứ ủy viên Xứ ủy Nam bộ. Với trọng trách đó, ông là một trong những cán bộ lãnh đạo trọng yếu chỉ đạo phong trào kháng chiến của nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng và Khu 8 nói chung ngày càng phát triển mạnh mẽ, trong đó có những chiến thắng vang dội trên toàn quốc, như chiến thắng Cổ Cò (tháng 1-1947), chiến thắng Giồng Dứa (tháng 4-1947),…

Tháng 5-1947, trong khi đang chủ trì một cuộc họp quan trọng của tỉnh Mỹ Tho trong vùng căn cứ Đồng Tháp Mười, ông bị bệnh bất ngờ và qua đời.

Để ghi nhớ công lao của ông, theo đề nghị của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ đã lấy tên của ông đặt cho một con kinh từ Đồng Tháp Mười đổ ra sông Tiền, thay cho tên kinh Tổng đốc Lộc. Đó là kinh Nguyễn Văn Tiếp, một con kinh có tầm quan trọng về nhiều mặt đối với khu vực Đồng Tháp Mười. Đồng thời, một tiểu đoàn chủ lực thuộc trung đoàn 308 của Quân khu 8 cũng được mang tên ông. Hiện nay, tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông ở huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thành phố Tân An và huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phần mộ của ông tọa lạc tại Ấp Bắc, xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc khai hoang phục hóa vùng Đồng Tháp Mười mà còn gắn với những giai đoạn lịch sử quan trọng của đất nước.

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp cho đến cuối thế kỷ XVIII chỉ là một con rạch nhỏ bắt nguồn từ sông Vàm Cỏ Tây, ăn sâu vô Đồng Tháp Mười khoảng vài km với tên gọi Rạch Chanh (Đăng Giang). Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp do đô đốc Đặng Trấn của nhà Tây Sơn cho đào năm Ất Tỵ 1785, khi đó gọi là kinh/kênh mới Rạch Chanh (Tranh giang Tân kinh). Vì đào kinh ngang qua Bàu Bèo nên dân gian khi đó quen gọi là kinh/kênh Bàu Bèo, lâu ngày nói trại thành kinh/kênh Bà Bèo. Mục đích của nhà Tây Sơn đào kinh/kênh này nhằm phục vụ cho việc hành quân, nhưng cũng nhờ nó mà việc đi lại của người dân thuận lợi hơn, phục vụ tốt cho việc khai hoang xây dựng vùng đất mới. Từ đó, người dân đến định cư ở 2 bờ kinh/kênh ngày một nhiều, tạo nên sự sung túc cho cả khu vực. Con kinh/kênh này thường bị lấp cạn do tiếp giáp với Đồng Tháp Mười nên dưới thời vua Minh Mạng nó được nạo vét cho rộng thêm.

Đến thời Pháp, rồi Mỹ - chính quyền Sài Gòn nhận thấy tầm quan trọng của con kinh/kênh này về kinh tế lẫn quân sự nên cho xáng nạo vét sâu, rộng hơn nữa. Thời đầu, thực dân Pháp gọi đây là “Arroyo Commercial” (kinh/kênh Thương Mãi), sau do Tổng đốc Trần Bá Lộc chỉ huy nạo vét thêm nên có giai đoạn được gọi là kinh/kênh Tổng đốc Lộc.

Quyển *Địa chí Tiền Giang (2007)* viết: “Năm 1896, Tổng đốc Lộc (Trần Bá Lộc) cho đào một con kinh/kênh lớn dài 45 km, rộng 10 m. Bắt đầu từ rạch Bà Bèo (Arroyo Commercial), đào thời Tây Sơn, bao quanh cả vùng Mỹ Tho đổ ra rạch Ruộng gần Sa Đéc. Để phục vụ cho công trình này, dân phu phải đào 3 con kinh/kênh nhỏ, đi từ Cái Thia, Trà Lọt, Cái Bè, lấy lối vào kinh/kênh chính, dài tổng cộng 81 km, trong điều kiện cực kỳ khó khăn. Kênh/Kinh đi qua vùng hoàn toàn không có người ở, phải tiếp tế lương thực, thuốc men và nước sinh hoạt cho dân phu. Đào xong 3 con kinh/kênh mở lối này mới dùng thuyền tiếp tế các nhu yếu phẩm nói trên cho việc đào con kinh/kênh chính. Tháng 4 - 1897, kinh/kênh được chủ tỉnh Mỹ Tho Paul Bocquillon tổ chức khánh thành và tháng 7 năm đó được Toàn quyền Paul Doummer chấp thuận đặt tên là kinh/kênh Tổng Đốc Lộc - người khởi xướng và chỉ huy đào kinh”.

Khi mới đào xong kinh/kênh Tổng đốc Lộc, thực dân Pháp và Trần Bá Lộc đã chiêu mộ dân nghèo đến làm ăn, khẩn hoang. Năm 1898, chúng tiếp tục cho đào các kinh/kênh nhỏ, việc khai hoang càng phát đạt. Nhưng công cuộc đào kinh/kênh cũng chỉ dừng lại ở đó, không củng cố và phát triển thêm. Năm 1904 hai trận bão liên tiếp vào ngày 1 tháng 5 và 2 tháng 11 kèm theo lụt lớn đã tàn phá hết mùa màng, nhà cửa, bồi lấp kinh/kênh rạch làm cho phần lớn dân cư bỏ đi đến các vùng dễ làm ăn như miệt Hậu Giang. Bão lũ là nguyên nhân trực tiếp; nhưng thực tế là do lâu ngày kinh mương không được đầu tư tu bổ.

Vào đầu thế kỷ XX, cùng với hàng loạt kinh/kênh rạch khác trong Đồng Tháp Mười, Pháp cho nạo vét lại con kinh/kênh này, từ Rạch Chanh thẳng lên Bà Bèo. Xuất phát từ kinh/kênh Tổng đốc Lộc tại đầu nguồn rạch Cái Nứa, Pháp cho đào một con kinh/kênh thẳng về hướng Tây trong Đồng Tháp Mười, xuyên qua huyện Tháp Mười và Cao Lãnh để ra sông Tiền, dài 60 km. Để thuận tiện giao thông đường thủy, người Pháp đào con kinh thẳng, chứ không theo kinh/kênh cũ cong quẹo. Khi hoàn thành người Pháp đặt tên là Arroyo Commercial (kinh/kênh Thương Mãi) và kinh/kênh này giữ vai trò thông thương giữa miền Tây và Sài Gòn. Ngoài ra, kinh này cũng giữ vị trí chiến lược về mặt quân sự. Vị trí chiến lược này đặc biệt quan trọng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam bộ lần thứ 2 (tháng 9-1945). Kinh/Kênh Thương Mãi trở thành hành lang bảo vệ chiến khu trong Đồng Tháp Mười. Quân Pháp tổ chức nhiều đợt bố ráp vào trong Đồng Tháp Mười xuất phát từ con kinh/kênh này trong những năm 1947 - 1948.

Vê tên kinh/kênh, đến khi Cách mạng tháng Tám (1945) thành công, tên kinh/kênh Tổng đốc Lộc mới xóa bỏ. Sau năm 1947, ta đã lấy tên đồng chí Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Mỹ Tho vừa mới hy sinh để đặt cho con kinh/kênh này - kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp. Năm 1957, Ngô Đình Diệm đổi lại thành kinh/kênh Tháp Mười. Từ sau năm 1975, tên đồng chí Nguyễn Văn Tiếp lại được đặt cho con kinh này.

Những năm 1980, với chủ trương tiến công vào Đồng Tháp Mười, kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp được nạo vét và mở rộng một lần nữa (rộng 50 m); đồng thời xây dựng một con đập ở đoạn giáp với sông Vàm Cỏ, gọi là cống đập Rạch Chanh. Dọc bờ kinh Nguyễn Văn Tiếp là đê bao chống lũ mang tên Đê 19 tháng 5 với nhiều đập nhỏ dùng để tháo chua, ngăn lũ như: đập Rạch Gốc, Cống Tượng, Cầu Quán… Dọc bờ Bắc là Đường Tỉnh 865 xuyên qua địa phận các huyện Tân Phước, Cai Lậy, Cái Bè (Tiền Giang) đến thị trấn Mỹ An (huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).

Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp là kinh/kênh dài nhất tỉnh Tiền Giang, chảy qua 4 huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Châu Thành, dài 66 km, bề ngang 40 m, độ sâu trung bình 4 - 5 m. Trong đó, đoạn kinh/kênh từ rạch Ruộng chạy lên phía đông bắc gọi là kênh Nguyễn Văn Tiếp B dài 20,4 km, đoạn rẽ về phía đông nối với sông Vàm Cỏ Tây gọi là Nguyễn Văn Tiếp A dài 45,5 km. Kinh/Kênh Nguyễn Văn Tiếp B cũng là ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Tiền Giang với Đồng Tháp. Kinh/Kinh được nạo vét nhiều lần, nhất là năm 2000 để lấy đất đắp đê ngăn lũ.

**10**. **Kinh/Kênh Quản Thọ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Chức vụ thời xưa (Hương quản, gọi tắt là Quản: người trông coi an ninh, trật tự của làng xã) + Tên người (Thọ).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tam Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Lý Đông, Tân Hội Đông thuộc huyện Châu Thành; các xã Tân Hòa Thành, Hưng Thạnh thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với kinh/kênh Chợ Bưng, điểm cuối nối với kinh/kênh Nguyễn Văn Tiếp, dài 14,36 km, bề ngang 15 - 27 m, sâu 0,9 - 2,6 m, diện tích phục vụ 1.290 ha, được đào năm 2006.

**11**. **Kinh/Kênh Sáu Ầu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Thứ trong gia đình (Sáu) + Tên người (Ầu).

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các xã Tam Hiệp, Long Định thuộc huyện Châu Thành; các xã Tân Lập 1, Tân lập 2 thuộc huyện Tân Phước; điểm đầu nối với Quốc lộ 1, điểm cuối nối với Kinh/Kênh 1, dài 5,87 km, bề ngang 20-:-25 m, sâu 2,0 - 2,5 m, diện tích phục vụ 850 ha.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

**Khái niệm Đình** (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

**1. Đình An Vĩnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn An Vĩnh).

Đình An Vĩnh tọa lạc tại ấp Long Thạnh, xã Long An, huyện Châu Thành, được xây dựng năm 1852. Đình được trùng tu tôn tạo vào các năm 1960, 1978, 1989, 1996, 2000, 2020.Đình thờ thần Thành hoàng, các vị tiền hiền, hậu hiền ở địa phương. Cửa đình quay về hướng Đông, có tổng diện tích đất là 1.094m², diện tích xây dựng là 433m² gồm: vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà khách, nhà khói.

Đình An Vĩnh được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

**2.** **Đình Cửu Viễn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Cửu Viễn)

Đình Cửu Viễn tọa lạc tại ấp Ngãi Thuận, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, có diện tích đất 1.200 m², diện tích xây dựng 250 m²; trải qua nhiều lần trùng tu, trong đó lần trùng tu quy mô nhất vào năm 1998. Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, lệ cúng hằng năm tại đình: 12 tháng Chạp âm lịch cúng Thượng điền, 12 tháng 6 âm lịch cúng Hạ điền, 3 năm tổ chức hát bội 1 lần.

Đình là cơ sở cách mạng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đình hiện còn lưu giữ 1 Sắc Thần “Cửu Viễn Bổn Cảnh Thành Hoàng” do vua Tự Đức sắc phong năm 1852; một số di vật như: mõ mù u (dùng để báo động trong khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11/1940), be xuồng 3 lá (vận chuyển vũ khí trong trận đánh chiếm đồn Tha La),… Năm 1989, nhân kỷ niệm 49 năm Nam kỳ khởi nghĩa (1940-1989), Đảng bộ, chính quyền xã Thân Cửu Nghĩa tổ chức đặt Bia tưởng niệm tại đình Cửu Viễn để tưởng nhớ, ghi công các Anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng.

Đình Cửu Viễn được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.

**3. Đình Dưỡng Điềm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Dưỡng Điềm).

Đình Nhị Bình tọa lạc tại ấp Trung, xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, diện tích đất 5000 m2, diện tích sử dụng 420 m². Lúc ban đầu, đình, được xây dựng theo kiểu chữ tam (≡) gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện; nền đình được bó bằng đá ong, mặt nền được lót bằng gạch Tàu vuông 30 x 30 cm, cột gỗ căm xe, kê trên táng đá vuông 40 x 40 cm, mái lợp ngói âm dương. Do ảnh hưởng của chiến tranh, đình đã bị hư hại hoàn toàn. Sau ngày 30/4/1975, đình được nhân dân địa phương góp tiền của để xây dựng lại. Đình Dưỡng Điềm hiện nay được xây dựng theo kiểu chữ nhị (=) gồm vỏ ca và chánh điện. Nền đình cao 67 cm và bó nền bằng xi măng, mặt nền được lót gạch tráng men, mái lợp tole Fifro chung quanh được bao bọc tường gạch dầy 10 cm.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đình là cơ sở cách mạng của xã, huyện. Tại đây, dưới nền đình, năm 1961, du kích ấp Trung (xã Dưỡng Điềm) đã làm hầm bí mật để hoạt động.

Đình Dưỡng Điềm được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

**4.** **Đình Hữu Đạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Hữu Đạo).

Đình Hữu Đạo tọa lạc tại xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ 19, có kiến trúc hình chữ Tam (≡), gồm: vỏ ca, vỏ quy, chánh điện (cột gỗ, vách tường, mái tol, nền lát gạch men) với diện tích xây dựng 380 m2.

Căn cứ vào sắc phong của vua Tự Đức và văn tế cúng hàng năm, đình thờ Thành hoàng bổn cảnh, Đại càn Quốc Gia Nam hải và các vị thần Ngũ hành nương nương, Chúa xứ thánh mẫu, Thổ thần, Bạch mã thái giám, Tiên sư, Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ. Đồng thời, đình còn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh và liệt sĩ cách mạng.

Hàng năm, đình có 2 lệ cúng chính: Thượng điền (bắt đầu mùa vụ mới) vào ngày 17/12 âm lịch và Hạ điền (khi thu hoạch xong) vào ngày 17/5 âm lịch.

Đình không chỉ mang ý nghĩa thờ cúng tâm linh mà còn gắn liền với những sự kiện lịch sử cách mạng của xã nói riêng và huyện Châu Thành nói chung. Trong khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, đình là nơi quần chúng tập hợp và kéo đến đánh chiếm nhà việc tề làng Hữu Đạo. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, nhân dân xã Hữu Đạo đã tháo gỡ một số cột đình góp cho lực lượng cách mạng đắp cản hàn sông nhằm ngăn tàu chiến địch. Tháng 1/1960, chính quyền Ngô Đình Diệm cho cất đồn cách đình khoảng 100 m để kiềm kẹp đồng bào và đánh phá cơ sở cách mạng. Lực lượng ta đã cài cắm nội ứng vào đồn địch, chờ cơ hội tiêu diệt chúng. Ngày 17/5/1960 âm lịch, nhằm ngày cúng đình, thừa cơ hội địch ra khỏi đồn, nội ứng của ta chớp thời cơ phối hợp với lực lượng bên ngoài đánh tiêu diệt đồn, thu 9 súng cacbin. Từ năm 1969 - 1972, địch cất lại đồn đối diện với đình khoảng 200m, phía trước là một bờ tường (nhân dân thường gọi là bờ Thần Nông). Dựa vào bờ Thần Nông, du kích xã thường xuyên bắn tỉa đồn địch, làm cho địch ngày đêm hoang mang, dao động, bớt đi càn quét. Ngày 17/5/1973 âm lịch, đình thần Hữu Đạo tổ chức cúng Hạ điền, bọn lính bỏ đồn sang đình tham gia rước sắc thần. Chớp thời cơ, lực lượng du kích xã đã bắt được 6 tên lính địch.

Năm 2015, đình được UBND tỉnh công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 25/11/2016.

**5. Đình Long Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Long Hưng).

Đình Long Hưng tọa lạc tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng khoảng đầu thế kỷ 19, có kiến trúc hình chữ Tam (≡), gồm vỏ ca, chánh điện và nhà khói. Chánh điện có diện tích 10 m x 10 m, lót gạch tàu, lợp ngói âm dương, trên nóc có hình lưỡng long tranh châu, xung quanh là vách gỗ. Có giá trị nhất là mấy cây cột căm xe to cả ôm. Giữa chánh điện là bàn thờ chánh, trên bàn thờ là tấm biển, trên đó có chữ Thần bằng ốc xà cừ. Trước bàn thờ có hai cặp hạc và hai dàn đao kiếm. Hai bên chánh điện có một số bàn thờ nhỏ để thờ các vị thần khác. Ngày thường có một tấm trướng che kín bàn thờ và chỉ kéo lên khi có cúng đình. Liền với chánh điện là vỏ ca được xây cất theo kiểu tứ trụ và là nơi hát bội biểu diễn. Vỏ ca gồm một sân khấu bằng gỗ và một khán đài đủ cho 300 - 400 người xem. Nhà khói là nhà bếp nơi nấu nướng.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), có lần đình bị đốt cháy. Dân làng tự nguyện quyên góp tiền bạc, công sức và nhặt nhạnh những vật liệu chưa bị cháy để xây dựng lại một ngôi đình nhỏ hơn, mặt quay về hướng ngược lại với đình trước kia. Năm 1967, đình bị sập hoàn toàn do gỗ bị mối mọt và tàu Mỹ từ dưới kinh Nguyễn Tấn Thành bắn lên. Năm 1971, bà con chung sức, tiền của dựng lại bằng tre lá.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đình được nhiều lần sửa chữa nhỏ. Năm 1997, nhân dân trong xã làm lại phần chánh điện để thờ cúng Thành hoàng và liệt sĩ của xã. Theo đó, chánh điện được làm theo dạng tứ trụ như lúc ban đầu, cột gỗ kê trên tán cổ bông, đường kính cột 25cm, kèo vỏ đậu, mái lợp ngói âm dương, xung quanh có tường gạch bao bọc, nền lót gạch Tàu, bên trong làm nhiều bàn thờ bằng xi măng để thờ Tổ quốc và các anh hùng, liệt sĩ của xã nhà.

Năm 1991, vỏ ca phía trước được làm thêm cột bê tông, mái lợp phibrô xi- măng, nền tráng xi - măng, phía trước không có cửa, chỉ có hai đầu hồi nhà xây gạch. Đến năm 1996, sau khi đình được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, tỉnh Tiền Giang cho xây thành ngôi đình mới, trên diện tích gần 130 m2 . Ngôi đình lợp ngói âm dương, bốn cột chánh bằng gỗ quý, chung quanh có tường gạch bao bọc, gồm có vỏ ca và chánh điện. Đình thờ vị Thành hoàng bổn cảnh và Tả quân Lê Văn Duyệt, một đại công thần của triều Nguyễn, quê ở Long Hưng; tượng và bức chân dung của ông được tôn trí ở chánh điện; tại đây, còn có bộ ván gồm hai tấm được làm bằng gỗ quý, tương truyền mỗi khi ra đình, Lê Văn Duyệt thường ngủ trên bộ ván này. Ngoài ra, tại chánh điện còn có nhiều bức hoành phi, câu đối, bao lam tuyệt đẹp.

Năm 2005, nhân kỷ niệm 65 năm Ngày Nam kỳ khởi nghĩa (23/11/1940 –23/11/2005), tỉnh Tiền Giang đã tiến hành nâng cấp, mở rộng đình Long Hưng, tạo thành một quần thể kiến trúc rất khang trang, bề thế, bao gồm ngôi đình ở vị trí trung tâm; bên phải đình là Nhà trưng bày hiện vật lịch sử về cuộc khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940 và ngôi nhà cổ Nam bộ thờ bà Nguyễn Thị Thập - một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở tỉnh Mỹ Tho, nguyên Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội; bên trái đình là nhà bia ghi tên 614 liệt sĩ của xã; trong đó có 02 liệt sĩ được nhà nước công nhận Anh hùng lực lượng vũ trang là Lê Thị Hồng Gấm và Hồ Văn Nhánh. Xung quanh khu di tích có nhiều cây xanh, kiểng cổ quý hiếm, hoa tươi nở bốn mùa; đặc biệt, tại đây vẫn còn cây bàng cổ thụ, nơi lá cờ đỏ sao vàng đầu tiên của nước ta được cắm trên đó trong những ngày nổ ra cuộc khởi nghĩa Nam kỳ.

Mỗi năm, đình có 04 lệ cúng: cúng kỳ yên ngày 16/2 âm lịch, cúng hạ điền ngày 16/4 âm lịch, cúng Ông (Lê Văn Duyệt) ngày 1/8 âm lịch, cúng thượng điền ngày 16/11 âm lịch. Bên cạnh đó, hàng năm, vào ngày 23/11, cùng với cả nước kỷ niệm ngày Nam kỳ khởi nghĩa, nhân dân xã Long Hưng tổ chức lễ hội tại đình. Vào những năm chẵn, lễ hội được tổ chức quy mô lớn, có cắm trại, mít tinh, biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao, thi nữ công gia chánh, chưng nghi,…

Đình là trụ sở chỉ huy, trung tâm của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở tỉnh Mỹ Tho (23/11/1940), nơi xuất hiện lá cờ đỏ sao vàng, danh xưng “Việt Nam dân chủ cộng hòa quốc” và tòa án nhân cách mạng đầu tiên của nước ta.

Đình Long Hưng được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 65/QĐBT ngày 16/01/1995.

**6. Đình Mỹ Thuận Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Thuận Đông).

Đình Mỹ Thuận Đông tọa lạc tại ấp Đông Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành.

Đình Mỹ Thuận Đông được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, diện tích đất 11.765 m2, diện tích xây dựng 462,84 m2, có kiến trúc theo kiểu chữ tam (≡), gồm vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà khói, thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị tiền hiền và Hậu hiền. Đình còn lưu giữ những di vật có giá trị văn hóa như: Sắc Thần, khám thờ thần, bộ binh khí. Lễ cúng Hạ điền vào ngày 16 tháng 4 âm lịch và Thượng điền vào ngày 16 tháng 11 âm lịch.

Đình Mỹ Thuận Đông được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 238/QĐ-UBND, ngày 27/01/2016.

**7. Đình Mỹ Thuận Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Thuận Tây)

Đình Mỹ Thuận Đông tọa lạc tại ấp Mỹ Thạnh, xã Song Thuận, huyện Châu Thành.

Đình Mỹ Thuận Tây được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, diện tích đất 1.000 m2, diện tích xây dựng 356,5 m2, có kiến trúc theo kiểu chữ tam (≡), gồm vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà khói, thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị tiền hiền và Hậu hiền. Đình còn lưu giữ bốn sắc phong: hai sắc phong đời vua Thiệu trị năm 1845, hai sắc phong đời vua Tự Đức năm 1850 và năm 1853. Lễ cúng Hạ điền vào ngày 16 tháng 4 âm lịch và Thượng điền vào ngày 16 tháng 11 âm lịch.

Bên cạnh đó, đình còn là cơ sở cách mạng quan trọng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của xã, của huyện.

Đình Mỹ Thuận Đông được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 27/01/2016.

**8. Đình Nhị Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Nhị Bình)

Đình Nhị Bình tọa lạc tại ấp Trung, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, được xây dựng vào đầu thế kỷ 19.

Đình thờ Thần hoàng bổn cảnh, ông Cai Lữ là người có công khai khẩn, lập làng, có diện tích xây dựng 386,82 m2, được trùng tu tôn tạo vào các năm 1959, 1975, 2010 bằng chất liệu hiện đại. Đình được xây dựng theo kiểu chữ tam (≡), gồm có vỏ quy, chánh điện, nhà tiền vãng.

Đình Nhị Bình được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

**9. Đình Nhơn Hội**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Làng Nhơn Hội)

Đình Nhơn Hội tọa lạc tại Ấp 1, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào cuối thế kỷ XIX có cột gỗ căm xe, mái lợp ngói âm dương, theo kiến trúc hình chữ tam, gốm có vỏ ca, vỏ quy và chánh điện. Năm 1965, đình bị trúng bom nên bị hư hại nặng; sau đó, được sửa chữa tạm để thờ Thần. Năm 1990, đình được tu sửa khang trang. Năm 2008, cổng đình và nội thất của chánh điện được trùng tu mới.

Đình Nhơn Hội cùng khuôn viên với chùa Nhơn Phước trên diện tích đất 2.500m2, diện tích đình là 383,3 m2 gồm nhà khách 160 m2, chánh điện 223,3 m2. Nhìn tổng thể ngôi đình xây dựng theo kiểu ba gian hai chái.

Đình Nhơn Hội được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 30/10/2014.

**10. Đình Tân Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp)

Đình Tân Hiệp tọa lạc tại khu phố Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ 19, với diện tích xây dựng hơn 1.000m², có kiến trúc theo hình chữ Nhị (=), nhà ba gian. Cổng đình được xây dựng bằng bê tông theo kiểu tam quan, mái lợp ngói. Sau cổng chính là sân đình và vỏ ca. Vỏ ca được xây dựng theo kiểu nhà tứ trụ, 3 gian, có 16 cột gỗ, nền gạch men màu đỏ. Gian chính vỏ ca trên hai hàng cột có trang trí các câu đối bằng chữ Hán thể hiện sự tri ân, ca ngợi công lao của tiền nhân.

Tiếp đến là chánh điện, được xây dựng theo kiểu nhà tứ trụ, 3 gian, có 16 cột gỗ, trên mái ngói trang trí lưỡng long tranh châu bằng gốm men xanh, hai bên trang trí các mảnh gốm ghép hình hoa 6 cánh, vách ngoài thiết kế dạng song sắt vừa tạo độ thông thoáng vừa lấy ánh sáng tự nhiên.

Trung tâm chánh điện đặt khánh thờ thần uy nghi nổi bật. Bốn cột chính của chánh điện được ốp chạm nổi tứ linh (long, lân, qui, phụng), giữa hai hàng cột chánh điện trang trí mỗi bên hai bộ binh khí. Hai gian bên của chánh điện bố trí bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền, Tiền vãng, Hậu vãng, bàn thờ các Anh hùng liệt sĩ. Đề tài trang trí trên các khánh thờ, hoành phi là tứ linh, tứ quý, chim muông, hoa lá cách điệu tinh xảo. Đặc biệt, năm 1930, đình có đôi long trụ và bức hoành phi được chính quyền thực dân Pháp tỉnh Mỹ Tho mượn để đưa sang Pháp dự đấu xảo ở Paris, mãi ba năm sau mới mang trả[[58]](#footnote-58). Hiện nay, trong đình có 5 bàn thờ chạm tứ linh, 10 liễn đại tự chạm tứ quý và nhiều bài vị sơn son thếp vàng rất rực rỡ.

Đình thờ thờ Đông Chinh vương và Dực Thánh vương[[59]](#footnote-59) là hai hoàng tử con của vua Lý Thái Tổ.

Đình được trùng tu vào năm 1915. Năm 2017, hệ thống kèo, đòn tay trên vỏ ca hư hỏng, nên Ban Hội hương đình cùng với nhân dân đóng góp kinh phí sửa chữa. Trong hai năm 2018, 2019 nền gạch vỏ ca và chánh điện xuống cấp, hư hỏng, được sự chung tay góp sức của các nhà hảo tâm, Ban Hội hương tiếp tục tổ chức lót lại nền vỏ ca, chánh điện và sửa chữa nhà bếp để người dân đến tế lễ thuận lợi.

Đình được UBND tỉnh xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 09/QĐ.UB vào ngày 15/02/2000.

**11. Đình Tân Hương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Tân Hương).

Đình Tân Hương tọa lạc tại ấp Tân Thạnh, xã Tân Hương, huyện Châu Thành.

Đình Tân Hương thờ ông Dương Tấn Tuyên là người có công lập làng Tân Hương và chợ Mỹ Tho. Đình Tân Hương còn gọi là Đình Lớn do đình có các hàng cột có đường kính rất lớn và để phân biệt với Đình Cháy (đình Tân Hương Tây).

Đình được xây dựng trong khoảng thời gian từ năm 1841 đến năm 1845, có 08 lá sắc phong vào năm Thiệu Trị thứ 5 (1845). Đình được trùng tu tôn tạo lớn vào năm 1906, có diện tích xây dựng 478 m2, có kiến trúc theo kiểu chữ tam (≡) gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện. Đình Tân Hương được xây dựng bằng các chất liệu truyền thống như: gỗ, gạch, ngói tây (trước đây là ngói âm dương), đá chất liệu kết dính bằng xi măng (trước đây là ô dước). Hiện nay, được trùng tu tôn tạo bằng chất liệu hiện đại.

Đình Tân Hương được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND, ngày 01-12-2010.

**12. Đình Tân Hương Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Tân Hương Tây)

Đình Tân Hương Tây tọa lạc tại ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện Châu Thành.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX, có diện tích xây dựng 675 m². Trong chánh điện, ở giữa đình nhìn từ ngoài vào là bàn thờ lớn với đôi hạc châu đầu vào nhau, phía sau là bàn phẩm vật cúng tế và tủ lưu giữ Sắc Thần. Phía đối diện, nhìn từ trong ra, ở giữa là bàn thờ Thần (Long án đặt trong khung kính ghi chữ Thần bằng tiếng Hán và 2 mão Thần), hai bên bàn thờ Thần gồm: bên tả thờ Tả ban (giống như Thần, có 2 mão), Bạch mã Thái giám và Tiền hiền (có bài vị khắc tên 11 vị tiền hiền bằng chữ Hán, người có công khai phá, thành lập Đình); bên hữu gồm bàn thờ Hữu ban (giống như Thần), Hậu hiền (có bài vị khắc tên 18 vị có công hiến đất xây đình, mở đường…).

Phía trước chánh điện, ở giữa là bàn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh, hai bên tả, hữu là bàn thờ chiến sĩ; đối diện là sân khấu hát bộ. Trong thời gian diễn ra lễ hội, ngày cũng như đêm, khách thập phương nô nức đến đình thắp hương để cầu nguyện cho một năm mới được an lành, hạnh phúc.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, đình là cơ sở cách mạng: nơi hội họp của cán bộ xã Tân Hương và huyện Châu Thành; là nơi các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy Mỹ Tho làm việc và chỉ đạo cuộc khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940; trụ sở đầu tiên của chính quyền cách mạng xã Tân Hương 1940; nơi Huyện ủy Châu Thành hội họp và chỉ đạo quần chúng tiến hành tổng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945. Năm 1946, sau khi quay trở lại xâm lược Nam Bộ, quân Pháp đã đốt cháy đình. Từ đó, đình còn được gọi là Đình Cháy.

Theo Ban Quản lý Di tích Đình Tân Hương, hiện tại đình còn lưu giữ và bảo quản tốt 8 Sắc Thần, số lượng cao nhất so với các đình khác trong tỉnh. Tổng số Sắc Thần trên được chia làm 2 nhóm như sau:

- Sắc Đại Càn Quốc gia Nam Hải Tứ vị Thượng đẳng Thần: gồm 4 Sắc; trong đó, vua Thiệu Trị năm thứ 5 (1845) phong 2 Sắc, vua Tự Đức năm thứ 3 (1850) và năm thứ 5 (1852) phong 2 Sắc với tổng số 4 vị Thần được sắc phong.

- Sắc Đông Nam Sát hải Nhị đại Tướng quân chi Thần: cũng gồm 4 Sắc có ngày, tháng, niên đại như 4 Sắc Đại Càn với tổng số 2 vị Thần được sắc.

Đình Thần Tân Hương Tây được UBND tỉnh công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

**13. Đình Tân Lý Tây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chánh (Xã Tân Lý Tây)

Đình Tân Lý Tây tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành.

Khi mới thành lập vào đầu thế kỷ 19 có tên “Tân Lý Đình” ghi bằng Hán tự trên tấm bảng hiệu của đình.

Trong những năm 1950, do chiến tranh ác liệt, đình bị hư hại nặng. Đến năm 1961, nhân dân trong vùng đã quyên góp tiền của trùng tu đình như diện mạo hiện nay.

Đình có diện tích đất 1.272 m2, diện tích xây dựng 415 m², cửa quay về hướng chính Đông. Trước khi bước vào vỏ ca là bàn thờ Thần nông, trên tấm bình phong trang trí 4 con lân bằng sứ men xanh, ở giữa là tượng la hán đắp nổi bằng xi măng.

Đình Tân Lý Tây có cấu trúc hình chữ tam (≡), gồm vỏ ca, vỏ quy và chánh điện.

Vỏ ca là ngôi nhà rộng 189 m2 có 24 cột (8 cột gỗ; 16 cột xi măng) gồm 3 gian. Vỏ ca có hệ thống cột kiểu tứ trụ mái ngói âm dương, nền lót gạch men màu vàng. Khoảng không gian giữa bốn cột cái là sân khấu hát bội được làm bằng xi măng. Các bộ phận cấu trúc cột, kèo, xiên, trính, kèo mái, đòn tay đã được đơn giản hóa chỉ còn lại xà ngang, xà dọc và cột. Cột cái được kê trên táng đá vuông bằng mặt nền, cột hàng nhì kê trên táng gỗ theo kiểu cổ bồng, trên xà ngang gian giữa đối diện sân khấu hát bội trang trí tấm hoành phi đại tự “Tân Lý Đình”, gian tả, gian hữu trang trí hoành phi Hán tự “Vũ trụ”, “Thới hòa” nền hình chữ vạn, viền trang trí cuốn thư, chạm nổi tứ quý (mai, lan, cúc, trúc) sơn son thếp vàng, hai mặt bệ đỡ cột trốn chạm đầu rồng rất sinh động.

Vỏ quy có cấu trúc khung theo lối nhà rường, có diện tích 126 m2, gồm 16 cột, 8 cột chia ra làm ba gian, tả, hữu bái, 4 cột chái nối kéo dài tạo ra thế “chỉa ba” để có hai gian chái nối tiếp. Ngăn cách vỏ quy và chánh điện là máng xối giữa hai mái, một mái cao một mái thấp.

Sau máng xối là chánh điện (nơi thờ cúng tôn nghiêm), ngăn cách với nơi bái lạy thần là bộ cửa gỗ bức bàn, phía trên có chạm tứ quý cách điệu sơn màu xanh, đỏ, trắng theo lối ngũ sắc, bên trên cửa chánh điện là 30 khuôn chạm trổ tứ quý, hoa văn chữ “Vạn” chữ “Phước” và trang trí 3 hoành phi đại tự có nội dung “Thánh Cung Vạn Tuế; Huân Cao Bắc Đẩu; Công Ngật Nam Sơn” chạm tứ linh, “chữ vạn” trong phật giáo, hoa mẫu đơn, chùm nho, con sóc với cặp đối liễn Hán tự có nội dung “Vũ Thuận Phong Điều; Hải Yến Hà Thanh” với ý muốn cầu cho mưa thuận gió hòa đem lại điều phước, điều tốt lành cho nhân dân.

Chánh điện là nơi thờ tự chính của Đình Tân Lý Tây, có diện tích 100 m2. Hệ thống đỡ mái gồm 24 cột (8 cột gỗ được kê trên táng đá và 16 cột xi măng chạy xung quanh 2 gian chái. Nối tiếp tường gạch với mái ngói là 12 khuôn tranh vẽ hoa, bướm, mai, điểu trên kiếng tạo nên kết cấu khung chặt chẽ.

Trên cột trốn chánh điện, các nghệ nhân xưa đã thể hiện cách điệu đầu rồng và dơi trên áp quả rất độc đáo. Bên dưới là xà ngang có 2 tấm biển đại tự nền vàng chữ đen treo sát mái ngói với nội dung “Thánh Đức Huyền Quang” và tấm hoành “Quốc Thới Dân An” chạm tứ linh (long, lân, quy, phụng), nền chạm “long ẩn vân” (rồng ẩn trong mây) bên trên tấm hoành chạm “lưỡng long tranh châu”, cặp theo cột cái trang trí hai đôi long trụ chạm nổi “lưỡng long tranh châu và tứ linh” rất công phu, bên dưới là long đình và bàn thờ được làm bằng gỗ chạm trổ tứ linh, mái long đình trang trí “cá hóa long”, xung quanh ba mặt chạm trổ tứ linh, mặt trước trên mi cửa long đình chạm “lưỡng long tranh châu”, dơi và hoa rất sinh động. Bên cạnh những họa tiết chạm khắc trên gỗ thì cách bày trí của mỗi bàn thờ, đồ thờ (quy đội hạc, lục bình, lư hương, chân đèn, khánh thờ...) trong đình được bày trí rất độc đáo. Bàn thờ thần ở giữa vách tường phía ngoài là chữ “Thần” Hán tự, hai bên là cặp đối “Thần Ân Khai Lục Hợp; Thánh Đức Biến Vạn Phương”. Phía tả, hữu ban có các bàn thờ Tiền hiền, Hậu hiền, Ngũ hành, Thổ địa, dọc theo vách vẽ chữ vào tường với các vế đối có nội dung và ý nghĩa thể hiện ước vọng sự thanh cao và cầu được no đủ, yên lành cho dân làng.

Hiện đình còn giữ 4 sắc thần (3 Sắc Đại Càn Quốc Gia Nam Hải Tứ Vị Thượng Đẳng Thần và 1 Sắc Bổn Cảnh Thành Hoàng Làng) do vua Thiệu Trị và vua Tự Đức phong. Hàng năm, đình tổ chức Kỳ yên (16/8 âm lịch), Hạ điền (20/4 âm lịch), Thượng điền (20/10 âm lịch).

Đình Tân Lý Tây được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND, ngày 01/12/2010.

**14. Đình Thân Nhơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Thân Nhơn)

Đình Thân Nhơn tọa lạc tại ấp Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, được lập vào đầu thế kỷ 19 (hiện còn 02 sắc phong của Triều Nguyễn phong cho đình Thân Nhơn). Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, Tiền hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ. Bên cạnh đó, đình còn là cơ sở hoạt động cách mạng của Chi bộ Đảng xã Thân Cửu Nghĩa trong kháng chiến chống Pháp.

Trước khi vào đình là sân đình gồm có các hạng mục: nhà bia ghi danh các anh hùng liệt sĩ cùa xã; bàn thờ Thần nông, hai bên là hai miếu thờ Ngũ hành và Sơn quân. Với diện tích xây dựng 597m2, đình bao gồm các công trình: vỏ ca, vỏ quy, chánh điện, nhà việc, nhà thờ Tiên sư và nhà khói.

Đình Thân Nhơn được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử -văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3781/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

**Khái niệm Miếu**

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô, miếu Cậu, miếu thờ thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

**Thất thánh Cổ Miếu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Vị thần theo tín ngưỡng dân gian của người Hoa (Thất Thánh Nương Nương)

Cổ Miếu tọa lạc tại khu phố Rẫy, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành; được xây dựng vào năm 1874 và trải qua nhiều lần trùng tu vào các năm 1920, 1961, 1971, 2000, có diện tích 625 m².

Cổ Miếu thờ Thất Thánh Nương Nương (Thất Tinh Tiên Nữ), còn gọi là Bảy Bà, tức là bảy nàng tiên ở cung Diêu Trì của Tây Vương Mẫu, bao gồm: Hồng Tiên Nương, Thanh Tiên Nương, Tử Tiên Nương, Bạch Tiên Nương, Hoàng Tiên Nương, Lục Tiên Nương, Lam Tiên Nương. Ngoài ra, Cổ Miếu còn phố tự thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, còn gọi là bà Thiên Hậu (vị thần bảo trợ của ngư phủ và người đi biển, tượng trưng cho sự cứu khổ, cứu nạn) và Phước Đức Chánh Thần (vị thần chủ quản xã, thôn, bang hội như Bổn Cảnh Thành Hoàng của người Việt)*.*

Cổ miếu được xây dựng theo lối kiến trúc hình chữ nhị (=) với hai dãy nhà liền nhau gồm nhà khách và chánh điện. Từ xa, có thể dễ dàng nhận ra Cổ Miếu qua những nét đặc thù về phong cách kiến trúc và màu sắc của cổ miếu nổi bật hơn so với nhà ở của người dân xung quanh bởi vì các công trình tín ngưỡng của người Hoa thường được sơn màu đỏ với quan niệm màu đỏ là màu của may mắn và hạnh phúc.

Thất thánh Cổ Miếu được được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 04/6/2012 của UBND tỉnh Tiền Giang.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

**Khái niệm Chùa**

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

1. **Chùa Kim Thạch**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + tên Hán Việt (Kim Thạch).

Chùa Kim Thạch tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành.

Chùa được xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ 19. Sau ngày 30/4/1975, chùa được trùng tu, tôn tạo có diện mạo khang trang như ngày hôm nay với diện tích xây dựng khoảng 400 m².

Chùa còn là di tích khảo cổ được phát hiện năm 1992 thuộc nền Văn hóa Óc Eo ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tại đây, các nhà khảo cổ phát hiện 01 tượng bằng đá cao 70 cm gãy đầu và chân, 01 bệ tượng bằng đá và nhiều gạch có kích thước, chất liệu giống gạch di tích khảo cổ Gò Thành, xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Các đĩa gạch đã nổi lên từng hàng xếp đều đặn và có nhiều đá cuội to nhỏ khác nhau có hòn to nặng hàng chục kg.

Di tích chùa Kim Thạch được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số: 09/QĐ-UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

**2. Chùa Ông Hiếu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Giới tính và tên người (Ông Hiếu).

Chùa Ông Hiếu tọa lạc tại ấp Long Thuận A xã Long Hưng huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Chùa Ông Hiếu do một người có tên là ông Hiếu (ông Tư) khởi lập năm 1898 để làm nơi tu hành nên nhân dân địa phường gọi là chùa Ông Hiếu. Tên chữ của chùa là “Phước Khánh Tự”.

Vào các năm 2002, 2005, 2018 chùa được sửa chữa và trùng tu, với diện tích xây dựng 319 m2 theo kiểu chữ tam (≡), gồm: tiền đường, chánh điện và nhà hậu tổ. Ngoài ra, còn khuôn viên cây xanh, cây ăn trái và hoa kiểng.

Dù là cơ sở tôn giáo, nơi thờ tự của nhân dân địa phương, nhưng trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, chùa là cơ sở cách mạng trọng yếu của xã và huyện Châu Thành.

Chùa Ông Hiếu được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND tỉnh Tiền Giang.

**3. Chùa Phước Lâm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Phước Lâm).

Chùa Phước Lâm tọa lạc tại ấp Thân Đạo, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành Gian.

Chùa được xây dựng vào cuối thế kỷ 18. Năm 1940-1945, chùa được sửa lại và lấy tên là Phước Lâm. Năm 2014 chùa được trùng tu, xây lại cổng, chánh điện và tường rào.

Chùa nằm trong khuôn viên có diện tích 5.481,9m2, diện tích xây dựng 550² với nhiều cây xanh cổ thụ và hoa kiểng. Chùa được xây gồm: chánh điện, nhà hậu tổ, nhà ăn, nhà bếp, hội trường. Chùa còn lưu giữ những tác phẩm chạm khắc gỗ độc đáo. Bên cạnh đó, chùa còn là cơ sở của cách mạng trong kháng chiến chống thực dân Pháp Pháp và đế quốc Mỹ.

Chùa Phước Lâm được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

**4. Chùa Sắc Tứ Linh Thứu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Sắc Tứ: Sắc vua ban) + Địa điểm (Linh Thứu: là nơi Đức Phật giảng dạy nhiều bộ kinh quan trọng của Phật giáo, nay thuộc tiểu bang**Bihar**, miền Đông Bắc **Ấn Độ)**. 

Chùa Sắc Tứ Linh Thứu tọa lạc tại ấp Chợ, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Chùa Sắc Tứ Linh Thứu được xây dựng vào khoảng nủa cuối thế kỷ XVIII, có tên Long Nguyên Tự. Năm 1784, chúa Nguyễn Phúc Ánh đến chùa trốn tránh sự truy đuổi của quân Tây Sơn, từ đó chùa có tên Long Tuyền Tự (tức chùa Suối Rồng). Năm 1841, vua Thiệu Trị ban sắc đổi tên thành Linh Thứu. Năm 1937, vua Bảo Đại truy phong cho chùa một tấm biển: “Nam Triều Lễ Nghi bộ Cung Sắc Tứ Linh Thứu Cổ Tự”.

Chùa Sắc Tứ Linh Thứu trải qua nhiều lần trùng tu lớn vào các năm: 1890, 1974, 2009.Chùa nằm trong khuôn viên 5.287,4m2. Chùa gồm: Chánh điện, Đông Lang, Tây Lang, nhà khách và nhà khói.

Bên trong chính điện, chùa có nhiều cột gỗ, các bức hoành phi, liễn, bao lam được sơn son thếp vàng, chạm trỗ rất tinh xảo.

Chùa Sắc Từ Linh Thứu được công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của UBND tỉnh Tiền Giang.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

**Khái niệm:**

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

**1. Thánh thất Bình Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Đức).

Thánh thất Bình Đức được xây dựng trước năm 1960, tọa lạc tại ấp Chợ, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**2. Thánh thất Bình Trưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Bình Trưng).

Thánh thất Bình Trưng được xây dựng trước năm 1950, tọa lạc tại ấp Bình Thới A, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**3. Thánh thất Hữu Đạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Hữu Đạo).

Thánh thất Hữu Đạo được xây dựng năm 1960, tọa lạc tại ấp Hữu Hòa, xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành.

**4. Thánh thất Long An**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Long An).

Thánh thất Long An được xây dựng trước năm 1975, tọa lạc tại ấp Long Thạnh, xã Long An, huyện Châu Thành.

**5. Thánh thất Nhị Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Nhị Bình).

Thánh thất Nhị Bình được xây dựng năm 1958, tọa lạc tại ấp Hòa, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành.

**6. Thánh thất Tân Hương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Hương).

Thánh thất Tân Hương được xây dựng năm 1962, xây dựng mới năm 2010, tọa lạc tại xã Tân Hương, huyện Châu Thành.

**7. Thánh thất Tân Lý Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Lý Đông).

Thánh thất Tân Lý Đông được xây dựng năm 2009, xây dựng mới năm 2016, tọa lạc tại xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành.

**8. Thánh thất Tân Hội Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Tân Hội Đông).

Thánh thất Tân Hội Đông được xây dựng năm 2006, xây dựng mới năm 2011, tọa lạc tại xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành.

**9. Thánh thất Thân Cửu Nghĩa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Thân Cửu Nghĩa).

Thánh thất Thân Cửu Nghĩa được xây dựng năm 1958, xây dựng mới năm 2012, tọa lạc tại ấp Ngãi Lợi, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

**10. Thánh thất Thạnh Phú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Thạnh Phú).

Thánh thất Thạnh Phú được xây dựng năm 1945, tọa lạc tại ấp Miễu Hội, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành.

**11.Thánh thất Vĩnh Kim**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (xã Vĩnh Kim).

Thánh thất Vĩnh Kim được xây dựng năm 1945, xây dựng mới năm 2010, tọa lạc tại ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành.

**Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:**

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

**Khái niệm:**

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

**1. Xóm Bún**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực phẩm (Bún).

Xóm Bún là xóm có nghề làm bún. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh Xóm Bún, gồm

- Xóm Bún (huyện Châu Thành): Có khoảng 10 lò bún; tọa lạc tại xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

- Xóm Bún (thành phố Mỹ Tho): Có khoảng 30 lò bún; tọa lạc tại xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho.

**2.** **Xóm Cò**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Động vật (Chim cò: là loài chim có cánh mảnh dẻ, chân cao và cổ dài linh hoạt, thích nghi với cuộc sống ở những vùng đất ngập nước).

Xóm Cò là nơi có nhiều chim cò đến sinh sống. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh Xóm Cò, gồm:

- Xóm Cò (Thị xã Cai Lậy): Tọa lạc tại xã Tân Hội, thị xã Cai Lậy. Tại đây, ngày 14/02/1948, đại đội dân quân tỉnh Mỹ Tho đánh bại cuộc càn quét của một tiểu đoàn lính Âu Phi của quân đội viễn chinh Pháp, tiêu diệt 20 tên, thu một số vũ khí.

- Xóm Cò (Huyện Châu Thành): Tọa lạc tại xã Long Định, huyện Châu Thành. Tại đây, sáng ngày 21/02/1961, Tiểu đoàn 514 thuộc Tỉnh đội Mỹ Tho chặn đánh hai đại đội phòng vệ số 41 và số 42 của địch, tiêu diệt một số tên, thu hơn 20 súng.

**3. Xóm Giá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực phẩm (Giá).

Xóm Giá là xóm có nghề làm giá, tọa lạc tại xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành.

**4. Xóm Gò Me**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Gò) + Tên thực vật (Cây me).

Xóm Gò Me là xóm nhà tọa tại gò có trồng nhiểu cây me, hiện nay thuộc xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Xóm Gò Me liên quan đến Di tích lịch sử Gò Me. Đây là nơi ghi dấu về lòng yêu nước nồng nàn của bốn chiến sĩ cách mạng trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Bốn ông (Nguyễn Văn Ghè, Lê Văn Giác, Nguyễn Văn Quới và Nguyễn Văn Quân) là những tấm gương kiên cường, bất khuất, giữ vững khí tiết cách mạng, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc.

Di tích lịch sử Gò Me được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân dân tỉnh Tiền Giang.

**5. Xóm Kiệu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây kiệu)

Xóm Kiệu là xóm có nghề trồng cây kiệu, tọa lạc tại xã Nhị Bình, huyện Châu Thành.

**6. Xóm Mô**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng (Mô).

Xóm Mô là xóm nhà nằm trên mô đất cao, tọa lạc tại khu vực Gò Lũy, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành.

Địa danh này liên quan đến căn cứ Gò Lũy của nghĩa quân Võ Duy Dương. Tại đây, nghĩa quân có đắp một mô đất cao vừa để quan sát vừa ngăn chặn quân địch đánh vào căn cứ.

**7. Xóm Nhà Thờ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Nhà thờ).

Xóm Nhà Thờ tọa lạc tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành, là xóm nhà có ngôi nhà thờ gia tộc được xây dựng lâu đời của dòng họ Mai, một trong những dòng họ đầu tiên đến khai khẩn xã Long Hưng[[60]](#footnote-60).

Địa danh này có liên quan đến trận tiêu diệt ác ôn của lực lượng cách mạng. Tại tỉnh Mỹ Tho, bước vào năm 1957, chiến dịch “tố cộng, diệt cộng” của Mỹ - Diệm tiến hành rộng rãi khắp tỉnh. Địch tập trung đánh vào cán bộ đảng viên và các tổ chức cách mạng. Từ tháng 10/1957 đến tháng 5/1958, chúng đã bắn giết, bắt bớ, tù đày gần ba ngàn cán bộ đảng viên nòng cốt và quần chúng cách mạng. Tại nhiều xã, địch đã bắt bớ, tra tấn, cắt cổ, mổ bụng, moi gan hàng trăm người. Cơ sở Đảng ở các huyện Gò Công, Hòa Đồng, Chợ Gạo, Châu Thành và thị xã Mỹ Tho bị tổn thất nặng.

Để củng cố lại cơ sở và giữ vững phong trào, Tỉnh ủy chủ trương sử dụng lực lượng vũ trang diệt một số ác ôn đầu sỏ ở các địa phương. Việc trừng trị tên Quận trưởng Châu Thành Nguyễn Trung Long được đặt ra. Quận Long là một tên chống cộng khét tiếng, thuộc Đảng Cần lao nhân vị do Ngô Đình Diệm thành lập. Hắn vừa tàn ác vừa xảo quyệt. Mạng lưới điệp báo của hắn phát triển rất rộng.

Nắm được tin ngày 21/9/1957 tên quận Long sẽ đến bế giảng lớp truyền bá quốc ngữ tổ chức ở Long Hưng, đêm 20/9/1957, đồng chí Trần Hữu Danh cùng bảy đồng chí khác ra phục kích ở Xóm Nhà thờ xã Long Hưng. Sáng quận Long cùng hai xe đến, đi qua nhưng ta chờ đến khi hắn quay về mới đánh. Xế chiều quận Long ra về thì lọt vào trận địa phục kích của ta. Tên quận Long bị tiêu diệt tại chỗ. Nhân dân vui mừng hả dạ. Tên cảnh sát Châu ở Long Định đến tận nơi quận Long bị diệt lập miếu thờ, dọa sẽ trả thù. Nhưng chỉ hơn nửa tháng sau, đến lượt cảnh sảt Châu đền tội.

**8. Xóm So Đũa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây so đũa).

Xóm So Đũa là xóm nhà có trồng nhiều cây so đũa, tọa lạc tại xã Song Thuận, huyện Châu Thành.

Ngày 8/3/1969, trung đội pháo binh nữ Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức do đồng chí Nguyễn Thị Bé Sáu chỉ huy đã thiết lập trận địa pháo tại xóm So Đũa. Lúc 16 giờ cùng ngày, hàng đoàn trực thăng chở lính Mỹ đi càn quét trở về lần lượt hạ cánh xuống căn cứ Đồng Tâm. Nhận thấy thời cơ đã đến, đồng chí Bé Sáu ra lệnh nổ súng. Chỉ trong chốc lát, cả sân bay chìm trong khói lửa. Với trận này, trung đội pháo binh nữ đã lập chiến công lớn: 10 chiếc máy bay trực thăng, 1 kho xăng, 1 khẩu pháo bị phá hủy và nhiều lính Mỹ bị tiêu diệt.

Bị thua đau, địch điên cuồng phản ứng. Bọn chúng cho máy bay ném bom napalm và bắn pháo bừa bãi vào xóm So Đũa. Một ngôi nhà bị trúng bom, bốc cháy dữ dội; bên trong còn kẹt lại 4 trẻ em. Lúc bấy giờ, đang rút quân qua đây, nghe tiếng kêu cứu, đồng chí Bé sáu vứt vội nòng của khẩu cối 82 xuống đất và dũng cảm xông vào lửa đỏ cứu các em nhỏ.

Sau khi đưa các em xuống hầm trú ẩn, với ý thức bảo vệ vũ khí, đồng chí Bé Sáu chạy nhanh vào sân của ngôi nhà đang cháy định kéo nòng cối vào nơi an toàn. Thế nhưng, một chiếc máy bay trực thăng đã phát hiện ra đồng chí. Tên xạ thủ đại liên đã bắn như vãi đạn về hướng đồng chí đang di chuyển; và người chỉ huy trung đội pháo binh nữ đã anh dũng hy sinh.

Đồng chí Nguyễn Thị Bé Sáu được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba, nhiều bằng Dũng sĩ diệt Mỹ, Dũng sĩ diệt cơ giới, chiến sĩ thi đua cấp Quân khu năm 1969. Ngày 23/02/2010, đồng chí được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

**9. Xóm Tràm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây tràm).

Xóm Tràm là xóm có rừng cây tràm bao bọc, tọa lạc tại xã Long Hưng, huyện Châu Thành.

**10. Xóm Voi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Động vật (Voi).

Xóm Voi là xóm nhà mà thuở xưa (thế kỷ 17, 18) có nhiều ao, bàu; voi rừng kéo đến tìm thực ăn và tắm, tọa lạc tại xã Nhị Bình, huyện Châu Thành.

**11. Xóm Vông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây vông).

Xóm Vông là nơi có trồng nhiều cây vông, hiện nay là tên ấp, thuộc xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành.

**12**. **Xóm Vườn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Một loại hình canh tác nông nghiệp (Vườn).

Ngày 12/8/1940, tại nhà ông Tư Tĩnh ở Xóm Vườn, làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là Xóm Vườn, ấp Miễu Hội, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Tỉnh ủy Mỹ Tho mở Hội nghị xúc tiến công tác tổ chức lực lượng vũ trang, mua sắm và chế tạo vũ khí, dự trữ lương thực, thuốc men, may cờ, in tài liệu, luyện tập quân sự để chuẩn bị chờ ngày khởi nghĩa trên địa bàn toàn tỉnh vào tháng 11/1940. Hội nghị gồm các đồng chí: Nguyễn Hữu Thường, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Văn Ghè, Lê Văn Giác, Huỳnh Văn Chín, Nguyễn Văn Kỉnh và đồng chí Hòa. Hội nghị do đồng chí Phan Văn Khỏe, Bí thư Tỉnh ủy, chủ trì.

Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Quân sự tỉnh, gồm 7 đồng chí: đồng chí Nguyễn Hữu Thường, Thường vụ Tỉnh ủy làm Chỉ huy trưởng. Ban Quân sự thành lập 4 Ban chính và phân công các đồng chí phụ trách, gồm: Ban Tham mưu do đồng chí Nguyễn Hữu Thường kiêm Tham mưu trưởng, đồng chí Huỳnh Văn Chín và đồng chí Lê Văn Quới làm Ủy viên; Ban Quân nhu do đồng chí Nguyễn Văn Tân phụ trách; Ban Quân báo do đồng chí Trần Bá Thọ phụ trách; Ban Phá hoại do đồng chí Nguyễn Văn Ghè và đồng chí Lê Văn Quới phụ trách.

Ngày 12/8/1940 trở thành Ngày truyền thống của lực lượng vũ trang tỉnh Tiền Giang).

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xứ:**

**Khái niệm:**

Theo *Từ điển Tiếng Việt phổ thông* của Viện Ngôn ngữ học, Xứ là khu vực địa lý có chung một số đặc điểm tự nhiên hoặc xã hội nào đó.

**1. Xứ Bến Thuyền**

Xứ Bến Thuyền là địa danh xưa, được ghi chép trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc tại thôn An Vĩnh, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Bến: là chỗ bờ sông, người ta thường xây bậc lên xuống để lấy nước, tắm giặt, xếp dỡ hàng hoá, như bến đò, bến tàu, v.v… Sau đó, bến còn bao gồm luôn cả bến xe trên đường bộ) + Phương tiện giao thông thủy (Thuyền)

Xứ Bến Thuyền là xứ có bến ghe thuyền.

**2. Xứ Bến Tranh**

Xứ Bến Tranh là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Ngãi Hữu và thôn Lương Phú, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành và xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Bến) + Thực vật (Cỏ tranh)

Xứ Bến Tranh là xứ có bến mà tại đó có nhiều cỏ tranh.

**3. Xứ Cai Lữ**

Xứ Cai Lữ là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Nhị Bình, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Chức vụ thời xưa và tên người (Cai Lữ).

Xứ Cai Lữ là vùng đất do ông Cai đội Nguyễn Văn Lữ quy tụ nhân dân khai khẩn thôn Bình Thuyên Đông vào cuối thế kỷ 18. Đến năm 1836, thôn Bình Thuyên Đông hợp nhất với thôn Bình Yên thành thôn Nhị Bình.

**4. Xứ Công Lãnh**

Xứ Công Lãnh là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở hai thôn Long Hội Tây và Nhơn Hoà, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Nhân vật (Công: Ông) + Chức vụ (Lãnh binh).

Xứ Công Lãnh là vùng đất mang tên Ông Lãnh. Về Ông Lãnh, sách *Địa chí Tiền Giang (tập 2)* viết: “*Vào năm Gia Long thứ IV (1805), tại thôn Long Hội Tây có đám dân nổi loạn cát cứ, giành giật đất đai, đâm chém nhau. Quan Trấn thủ sai Lãnh binh Nguyễn Lân dẫn binh đến. Bọn nổi loạn quá khích, tấn công quyết liệt, Ông hy sinh. Đến chiều anh của ông là Lãnh binh Nguyễn Tán đem binh đến cứu, rơi vào thế cùng, rút gươm tử tiết. Tương truyền, đêm đó, linh hồn vị lãnh binh nhập vào thổ dân trừng phạt, làm chúng ói mữa, vật vã. Dân địa phương tạc bài vị thờ vào miếu ‘Trung Nghĩa thần’ cạnh đình Long Hội Tây. Dân địa phương có tục cử tên ‘lân cận’ đọc là liên cận*”[[61]](#footnote-61).

Hiện tại, trong miếu Trung Nghĩa thần có thờ hai bài vị Nguyễn Lân và Nguyễn Tán. Hai ông còn được thờ ở đình Nhơn Hội với bài vị “Công Lãnh linh thần”.

**5.** **Xứ Củ Chi**

Xứ Củ Chi là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Tân Lý Đông, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Tên thực vật (Củ Chi: cây mã tiền).

Xứ Củ Chi là tên gọi dân gian chỉ vùng đất có nhiều cây mã tiền vào thời đó. Cây mã tiền là loại cây rừng, leo bằng móc, lá mọc đối có ba gân, hoa trắng, quả tròn, hạt dẹt như khuy áo, dùng làm thuốc.

**6.** **Xứ Giồng Kỳ Lân**

Xứ Giồng Kỳ Lân là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Thân Nhơn, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (Giồng) + Linh vật (Kỳ lân: tượng trưng cho từ tâm, trí tuệ, nhân nghĩa, thái bình và tốt lành).

Theo truyền thuyết được chép trong sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, giồng này cây cối mọc um tùm. Vào những ngày linh tháng tốt, lúc ban đêm, người ta thấy kỳ lân xuất hiện, nên đặt tên là giồng Kỳ Lân.

Xứ Giồng Kỳ Lân là vùng đất giồng có kỳ lân xuất hiện.

**7**. **Xứ Tha La**

Xứ Tha La là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Long Thạnh, tổng Thạnh Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang[[62]](#footnote-62).

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Tha La: do từ Khmer Sa La[[63]](#footnote-63) gọi trại mà ra).

Xứ Tha La là nơi có nhà chòi cho khách đi đường nghỉ chân.

**8. Xứ Thuộc Nhiêu**

Xứ Thuộc Nhiêu là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Tân Đức Đông, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Chức vụ và tên người (Thuộc Nhiêu).

Thuộc Nhiêu có tên là Nguyễn Văn Nhiêu, chưa rõ năm sinh năm mất, chỉ biết rằng, vào khoảng cuối thế kỷ XVIII, ông từ quê gốc ở miền Trung, theo cha là Nguyễn Văn Hoài di cư vào Nam. Tại vùng đất mới, ông Nguyễn Văn Hoài quy tụ dân chúng khai khẩn đất hoang ở thôn Tân Đức Đông (nay thuộc xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), nên dân gian lấy tên ông đặt tên cho một gò cát ở đây: gò Ông Hoài mà sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi là Hoài Cương. Còn ông Nguyễn Văn Nhiêu do từng giữ chức Cai thuộc (tương đương chức Cai tổng trong thế kỷ 19) nên được gọi là Thuộc Nhiêu; ông có công lập chợ và chợ tồn tại cho đến hiện nay: chợ Thuộc Nhiêu.

Xứ Thuộc Nhiêu là vùng đất mang tên của ông Thuộc Nhiêu.

**9. Xứ Trại Gòn**

Xứ Trại Gòn là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn An Thành, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng (Trại) + Thực vật (Cây bông gòn).

Xứ Trại Gòn là vùng đất trồng nhiều cây bông gòn và làm nghề thủ công chế biến từ bông gòn.

**10.** **Xứ Trấn Định**

Xứ Trấn Định là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Tân Lý Tây và thôn Tân Hiệp, tổng Hưng Nhơn, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Tân Lý Tây và thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Tổ chức hành chính (Dinh Trấn Định).

Dinh: : Nơi đóng quân, doanh trại; ở đây, chỉ đơn vị hành chính mang tính chất quân sự.



Trấn: : Giữ yên một vùng đất.



Định: : Xếp đặt được yên ổn, không thay đổi.



Năm 1781, chúa Nguyễn Phúc Ánh cho đổi tên dinh Trường Đồn thành dinh Trấn Định. Trị sở của dinh Trấn Định đặt tại giồng Kiến Định (nay thuộc xã Tân Lý Tây và thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành).

Xứ Trấn Định là vùng đất có trị sở của dinh Trấn Định đặt tại đó.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

**Khái niệm:**

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

**1**. **Khu căn cứ cách mạng Đìa Trâm Ba**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu căn cứ cách mạng) + Địa danh xây dựng (Đìa) + Thực vật và số lượng (Trâm Ba: Cây trâm lớn chia ra ba nhánh và ba nhánh cho ra ba loại trái khác nhau, như trâm bột, trâm hột và trâm quắn, ăn rất ngon).

Khu căn cứ cách mạng Đìa Trâm Ba tọa lạc tại ấp Đông Hòa, xã Song Thuận, huyện Châu Thành.

Đìa Trâm Ba là nơi ghi dấu nhiều sự kiện lịch sử quan trọng, tiêu biểu như:

Năm 1929, ông Trần Văn Vi (bí danh Dân Tôn Tử) vận động kết nạp được 5 đảng viên cộng sản. Từ đó, Chi bộ xã Song Thuận được thành lập tại nhà bà Nguyễn Thị Hương. Sau đó, chi bộ đã tổ chức nhiều cuộc họp tại đây để bàn kế hoạch lãnh đạo nhân dân trong xã đấu tranh chống thực dân Pháp. Tháng 4/1931 Tỉnh ủy Mỹ Tho tổ chức cuộc họp liên xã (Song Thuận, Long Hưng, Vĩnh Kim, Đông Hòa, Bình Đức, Thạnh Phú, Phước Thạnh) bàn kế hoạch vận động quần chúng cắt băng cờ, rãi truyền đơn, chống thuế, chống bắt đi làm xâu, chống canh tuần ban đêm. Khoảng năm 1930, tại đây hình thành một căn chòi lá, rộng khoảng 100 m2 để cán bộ có nơi trú ngụ và hội họp.

Để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam kỳ năm 1940, hai cán bộ của Tỉnh ủy Mỹ Tho là ông Nguyễn Văn Tân và ông Trần Hữu Danh đã tổ chức cuộc họp chi bộ xã Song Thuận mở rộng tại đìa Trâm Ba để bàn kế hoạch lãnh đạo Nhân dân khởi nghĩa. Đêm 22 rạng sáng ngày 23/11/1940, Chi bộ xã Song Thuận lãnh đạo quần chúng nổi dậy khởi nghĩa. Nhân dân đánh trống, mõ liên hồi, tràn ra đường với gậy gộc, giáo  mác, kéo đi truy bắt tề làng, khui các vựa lúa của địa chủ để phân phát cho dân nghèo.

Năm 1946, Đìa Trâm Ba là nơi đã diễn ra cuộc họp do ông Nguyễn Văn Trường, một trí thức yêu nước, Trưởng ban Bình dân học vụ xã, chủ trì. Sau đó, ông đã khởi xướng và dẫn đầu lực lượng quần chúng xuống đồn cầu Kinh Xáng đấu tranh đòi thực dân Pháp thi hành Tạm ước ngày 14/9/1946 được ký kết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và đại diện Chính phủ Công hòa Pháp Marius Moutet.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), Đìa Trâm Ba là nơi làm việc và cũng là nơi tổ chức các cuộc họp của chi bộ và chính quyền, đoàn thể xã Song Thuận để lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Đêm 24/02/1960, tại Đìa Trâm Ba, cán bộ cách mạng của xã là ông Nguyễn Văn Dần (Tám Dần) đã tổ chức một tiểu đội dân quân tự vệ tiến hành hoạt động vũ trang tuyên truyền, vận động nhân dân xã Song Thuận và các xã lân cận tuần hành thị uy từ xã Song Thuận ra Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1).

Năm 1961, tại đìa Trâm Ba, chi bộ xã Song Thuận tổ chức cuộc học tập cho cán bộ đảng viên cùng các cán bộ ban ngành, đoàn thể và Nhân dân, quán triệt Nghị quyết của Khu ủy Trung Nam Bộ (Khu 8) và Nghị quyết của Tỉnh ủy Mỹ Tho là tập trung lực lượng tiến công địch một cách toàn diện.

Cũng tại nơi đây, vào năm 1963 đã diễn ra cuộc họp đi đến quyết định giải phóng toàn xã. Với lực lượng du kích địa phương kết hợp binh vận, ta tấn công chiếm bót Làng tại đình thần Song Thuận, sau đó bắt toàn bộ tề xã, tịch thu toàn bộ vũ khí và đưa lực lượng vào Cầu Lấp chiếm bót Cầu Lấp. Vì vậy, năm 1963, xã Song Thuận là một trong những xã đầu tiên của tỉnh Mỹ Tho được hoàn toàn giải phóng. Vũ khí thu được đã được Huyện đội và Tỉnh đội sử dụng trang bị cho Tiểu đoàn 514 của tỉnh.

Năm 1966, căn cứ Đồng Tâm của Sư đoàn 9 Mỹ được thành lập. Đìa Trâm Ba là nơi hội họp của lực lượng cách mạng để bàn kế hoạch triển khai các cuộc tấn công vào căn cứ Đồng Tâm. Đây cũng là nơi đóng quân của của các đơn vị vũ trang, như địa phương quân huyện Châu Thành; lực lượng biệt động Thành đoàn Mỹ Tho; Tiểu đoàn B90, Tiểu đoàn pháo binh 309F, Tiểu đoàn 267, Tiểu đoàn 290, đơn vị đặc công thủy 318 trực thuộc Quân khu 8.

Đặc biệt, với lợi thế là cây trâm ba to và cao nên các chiến sĩ trèo lên cây để điều chỉnh thông tin cho pháo binh  bắn vào các mục tiêu trong căn cứ Đồng Tâm, như sân bay, kho đạn,… gây cho địch nhiều tổn thất.

Năm 1973, ông Sáu Phong, Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng miền Nam được Trung ương Đoàn phân công về Vành đai Bình Đức. Ông đã đến căn cứ Đìa Trâm Ba tổ chức cuộc họp gồm Thành đoàn Mỹ Tho, Huyện đoàn Châu Thành, Xã đoàn các xã: Song Thuận, Long Hưng, Đông Hòa, Vĩnh Kim, Kim Sơn, Bình Đức với nội dung là vận động phong trào thanh niên tòng quân giết giặc và xây dựng đơn vị chủ lực Miền (ông Sáu Phong có tên thật là Nguyễn Minh Triết nguyên Chủ tịch nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đìa Trâm Ba là căn cứ cách mạng vững chắc, bị giặc đánh, bao vây, cắt đường tiếp tế, phong tỏa trên không và dưới bộ; nhưng chưa một lần nào bọn chúng tiến vào được căn cứ. Sau năm 1975, đây là nơi thờ cúng các anh hùng liệt sĩ, đồng thời là nơi họp mặt của các chiến sĩ đã từng chiến đấu ở chiến trường Vành đai Bình Đức.

Khu căn cứ cách mạng Đìa Trâm Ba được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 24/11/2021.

**2.** **Khu du lịch Điền lan thôn trang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình kinh tế (Du lịch) + Thực vật (Từ Hán Việt: Điền lan - Ruộng/Nơi trồng hoa lan) + Công trình xây dựng (Từ Hán Việt: Thôn trang - Trang trại ở nông thôn).

Khu du lịch Điền lan thôn trang tọa lạc tại xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, có diện tích khoảng 1,5 ha, nơi có hơn 200.000 chậu lan Dendro. Tại khu du lịch, du khách sẽ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của đủ các giống (loài) hoa lan, nghệ thuật trồng lan của nhiều nghệ nhân trong không gian quy mô rộng lớn, hệ thống phòng thí nghiệm nuôi, cấy mô và vườn ươm cây con hiện đại,… Ngoài ra đây còn là khu du lịch theo phong cách Homestay miệt vườn vô cùng đặc biệt kết hợp giữa lưu trú, với vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng… mang đậm văn hóa của người dân vùng sông nước miền Tây.

Tại đây còn có một không gian hoài cổ bày trí các nông cụ và vật dụng xưa của cư dân miệt vườn; chiếc xe lam, xe xích lô, xe hơi từ thập niên 60 của thế kỷ trước; một hầm rượu hơn 1.000 chai với thể tích nhỏ nhất 10 ml, lớn nhất 100 lít, bao gồm các loại rượu ngoại nhập có giá trị cho đến các loại rượu được ngâm từ các bài thuốc dược liệu có tác dụng chữa bệnh như: rượu đinh lăng, nhân sâm, mật nhân, sâm cau,… Khu du lịch còn phục vụ các món ăn dân dã đậm chất miền Tây sông nước.

**3. Khu du lịch Nông trại dê sữa Đông Nghi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình du lịch (Du lịch nông trại) + Động vật (Dê sữa) + Tên người (Đông Nghi: Giám đốc Khu du lịch).

Khu du lịch Nông trại dê sữa Đông Nghi tọa lạc tại xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, có diện tích khoảng 5.000 m².

Tại Khu du lịch, du khách được trở về với không gian đồng ruộng, vườn cây, tìm hiểu quy trình sản xuất nông nghiệp sạch, chăn nuôi an toàn sinh học, trực tiếp tham gia vào nhiều hoạt động như: cho dê ăn, dẫn dê đi dạo, tìm hiểu quy trình nuôi một con dê từ khi sinh đến trưởng thành cho đến khai thác sữa tươi, quy trình vắt sữa dê, sơ chế, chế biến. Khu du lịch có nhiều sản phẩm từ sữa dê được sản xuất theo hướng Organic (thực phẩm hữu cơ), như yaourt sữa dê sấy, yaourt sữa dê tươi, yaourt sữa dê trái cây sấy khô, bánh flan sữa dê tươi, bánh flan sữa dê sấy khô, sữa dê tươi đóng chai,... Khu du lịch này còn tổ chức dịch vụ bơi xuồng trên sông, đi xe đạp len lỏi qua các khu vườn cây ăn trái, trò chơi dân gian,...

**4. Khu du lịch Ve chai thần kỳ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình kinh tế (Du lịch) + Phế liệu (Ve chai) + Tính từ (Thần: huyền diệu; Kỳ: lạ. Huyền diệu lạ lùng).

Khu du lịch Ve chai thần kỳ tọa lạc tại xã Song Thuận, huyện Châu Thành, có diện tích khảng 4.000 m².

Tại đây, ngôi nhà, tường rào, bàn, ghế đều được làm từ những phế liệu như: chai nhựa, túi ni lông đã bị vứt bỏ; trong đó, nổi bật nhất là nhà thủy tạ ở giữa ao sen có kết cấu từ cột, sàn, mái, lan can đến bàn, ghế đều bằng vỏ chai nhựa, nhưng rất chắc chắn.

Điều độc đáo thứ hai ở khu du lịch này là các hoạt động tham quan, nghỉ mát, giải khát đều ở trên cao cách mặt đất khoảng 3 m. Chủ nhân đã cho lắp ghép các khung, trụ sắt chắc chắn ở tầm cao gắn với các ngọn cây dừa, sau đó trải lót bằng các tấm thép, phía trên có phủ thảm cỏ nhân tạo màu xanh, tạo thành hệ thống giao thông trên cao để du khách được tận tay sờ, hái, chụp ảnh lưu niệm cùng với các buồng dừa trĩu quả và uống nước dừa cạnh ngọn dừa.

Du khách còn được tham gia trò chơi bắn “lựu đạn” bằng ná thun theo đúng cách tác chiến năm xưa. Tuy nhiên, quả lựu đạn được làm bằng gỗ, không có tính sát thương. Đây là một loại vũ khí thô sơ do cán bộ, chiến sĩ ở Vành đai diệt Mỹ Bình Đức tự chế để bắn vào đồn bót địch. Trải nghiệm mới lạ này nhằm giới thiệu, quảng bá thu hút du khách, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra, du khách có thể tham gia các hoạt động hấp dẫn khác, như câu cá, thu hoạch mật ong,… thưởng thức các loại trái cây tươi, ngon và các món ăn dân dã ở địa phương.

**5. Khu mộ Phan Hiển Đạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Nhân vật lịch sử (Phan Hiển Đạo).

Phan Hiển Đạo sinh năm 1822 tại thôn Vĩnh Kim Đông, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay là xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, hiếu học và học giỏi. Năm 1847, tại khoa thi Hương được tổ chức ở Gia Định, ông đỗ Cử nhân hạng ba; và là người duy nhất của tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang) được đăng khoa ở khoa thi này.

Sau đó, ông lại khăn gói ra kinh đô Huế tiếp tục dùi mài kinh sử. Tại đây, sau những giờ cần mẫn đèn sách, ông còn cất công đi tìm các thầy dạy nhạc ở chốn cung đình để thọ giáo môn âm nhạc. Vì thế, ông có kiến thức nhất định về âm nhạc truyền thống của dân tộc, nhất là âm nhạc bác học và dân gian Huế. Đồng thời, ông còn biết sử dụng nhiều loại nhạc khí; trong đó, điêu luyện nhất là đàn tranh và đàn kìm.

Giữa lúc quan niệm “*xướng ca vô loại*” của Nho giáo đang ngự trị trong xã hội; thì việc học nhạc của ông – vốn là người xuất thân từ cửa Khổng sân Trình – được xem là một hành động cách tân và dũng cảm. Ông đã tiếp nối truyền thống yêu chuộng âm nhạc của dân tộc nói chung và của nhân dân tỉnh Định Tường nói riêng. (Sách *Đại Nam nhất thống chí*, ở mục Phong tục của tỉnh Định Tường, có ghi rằng: “*Người ở đây hay múa hát làm vui*”).

Năm 1856, ông cùng với hàng ngàn sĩ tử của mọi miền đất nước bước vào kì thi Hội được tổ chức tại kinh đô Huế. Kết quả, khoa thi đó, cả nước chỉ có sáu người đỗ Chánh bảng và một người đỗ Phó bảng; trong đó, ông được đăng khoa ở Chánh bảng và nhận học vị Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Sau khi được nhà vua ban áo mão Tiến sĩ, ông “*vinh quy bái tổ*” về quê nhà; và được nhân dân tiếp đón nồng hậu; bởi vì, cho đến lúc đó, ông là vị Tiến sĩ đầu tiên của tỉnh Định Tường và là một trong số rất ít Tiến sĩ của cả Nam Kỳ lục tỉnh hồi nửa đầu thế kỷ 19.

Sau đó, ông được triều đình bổ chức Đốc học tỉnh Định Tường. Từ đó, ông đã đem hết tâm huyết và năng lực phục vụ sự nghiệp giáo dục của tỉnh nhà. Bên cạnh đó, ông còn ra sức quảng bá âm nhạc truyền thống dân tộc ở địa phương; nhất là ở Vĩnh Kim, để khiến nơi này sau đó trở thành một trong những “*cái nôi*” của nghệ thuật ca nhạc tài tử Nam bộ.

Năm 1861, thực dân Pháp chiếm tỉnh Định Tường. Trước sự thay đổi của thời cuộc, ông lui về ở ẩn tại quê nhà, bất hợp tác với địch; mặc dù, bọn chúng đã nhiều lần sai Tôn Thọ Tường đến Vĩnh Kim Đông, vừa mua chuộc, vừa ép buộc ông phải ra làm việc cho Pháp.

Năm 1864, ông đến Vĩnh Long, xin gặp Phan Thanh Giản; nhưng không được vị Khâm sai đại thần này tiếp. Không những thế, Phan Thanh Giản còn nghi ngờ ông khiếp nhược đầu hàng giặc. Không thể chịu đựng nổi oan ức, ông lặng lẽ trở về quê nhà tự vẫn.

Giữa lúc ở Nam Kỳ đã xuất hiện những tên tay sai có cỡ như Trần Bá Lộc, Huỳnh Văn Tấn, Tôn Thọ Tường,…; thì việc ông không để giặc lợi dụng và tìm đến cái chết là một hành động đáng quý. Nó nói lên sự thanh khiết, lòng yêu nước của một trí thức chân chính.

Có bài thơ điếu Phan Hiển Đạo với lời lẽ rất cảm động:

*Nối dấu Văn tinh rạng vẻ son,*

*Rủi ro thời thế tiếng không tròn.*

*Cõi bờ chủ mới lăm vung quén,*

*Cờ biển ơn xưa nghĩ héo hon.*

*Tri kỉ mấy lời ghi bụng nhớ,*

*Dạ đài một giấc nín hơi ngon.*

*Khúc đờn Lưu thủy trôi dòng bích,*

*Mà giọng kìm tranh điệu Huế còn.*

Hiện nay, Khu mộ ông tọa lạc tại ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành. Xung quanh ngôi mộ có bốn trụ hình búp sen bằng đá ong, không có mộ chí theo kiểu thông thường, chỉ có tấm bia đá ghi tiểu sử và hành trạng của ông.

Khu mộ Phan Hiển Đạo được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**6**. **Khu mộ song thân Lê Văn Duyệt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Mộ) + Danh từ (Song thân: Cha mẹ) + Họ và tên nhân vật lịch sử (Lê Văn Duyệt).

Khu Mộ tọa lạc tại ấp Thạnh Hòa, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, có diện tích 8.500 m², là khu vực có mộ của ông Lê Văn Toại và bà Nguyễn Thị Lập, song thân của Lê Văn Duyệt - một công thần khai quốc của triều Nguyễn (1802 - 1945).

Vào khoảng năm 1760 có ông Lê Văn Hiếu và người trai là Lê Văn Toại từ thôn Bồ Đề, huyện Chương Nghĩa, phủ Quảng Ngãi, dinh Quảng Nam (nay là thôn Bồ Đề, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi) vào vùng Trà Lọt (nay thuộc xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè) khẩn hoang. Sau khi Lê Văn Hiếu qua đời năm 1764 vì dịch bệnh thiên thời, con là Lê Văn Toại rời vùng Trà Lọt đến cư ngụ tại thôn Long Hưng, huyện Kiến Hưng, (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành). Lê Văn Toại (1742 - 1820) có tất cả 4 người con trai, 2 người con gái; trong đó, Lê Văn Duyệt (1764 - 1832) là con trưởng. Sử cũ mô tả Lê Văn Duyệt tuy có dáng người thấp bé, nhưng lại có sức mạnh hơn người, từng được coi là một trong “ngũ hổ tướng”[[64]](#footnote-64) ở Gia Định.

Lê Văn Duyệt sinh năm 1764, tại thôn Long Hưng, huyện Kiến Hưng, đạo Trường Đồn (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Năm 1780, ông theo phò chúa Nguyễn Phúc Ánh, được phong chức Cai cơ. Năm 1788, ông góp công lớn trong việc giúp Nguyễn Phúc Ánh làm chủ vùng đất Gia Định. Năm 1802, ông được vua Gia Long (tức Nguyễn Phúc Ánh) phong Khâm sai Chưởng tả quân dinh Bình Tây tướng quân, tước Quận công.

Sau đó, ông cùng với Trung  quân Nguyễn Văn Thành và Hậu quân Lê Chất được lệnh mang quân bình định miền Bắc; rồi lãnh chức Kinh lược sứ Thanh - Nghệ. Năm 1813, ông được vua Gia Long cử làm Tổng trấn Gia Định thành, trông coi mọi việc ở vùng đất Nam bộ, gồm 5 trấn Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long và Hà Tiên. Năm 1815, ông được triệu về Kinh. Năm 1820, ông được vua Minh Mạng cử làm Tổng trấn Gia Định thành lần thứ 2; và tại vị cho đến lúc mất vào năm 1832.

Trong thời gian trấn nhậm Nam bộ, ông có công lao to lớn trên các phương diện: Giữ vững an ninh vùng biên giới Tây Nam của Tổ quốc; tổ chức đào kinh Vĩnh Tế - một con kinh có giá trị về nhiều mặt ở miền Tây Nam bộ; khuyến khích dân chúng đẩy mạnh việc khẩn hoang để mở mang diện tích ruộng đất canh tác nông nghiệp; trọng dụng nhân tài; kiên quyết trừng trị bọn tham quan ô lại; mở cửa, thông thương với bên ngoài, nhất là đối với một số nước phương Tây; có chính sách đối ngoại khôn khéo, vừa mềm dẻo, vừa cương quyết,… Ông là viên quan cao cấp của triều Nguyễn có nhiều đóng góp quan trọng cho đất nước. Cựu Thủ tướng Võ Văn Kiệt, trong buổi “Tọa đàm về  nhân vật Lê Văn Duyệt”, tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 7-8-2000, đã có nhận xét: “Lê Văn Duyệt là một tài năng lớn về chính trị, kinh tế và quân sự” (Trích từ Tạp chí Xưa và Nay số 78B, tháng 8-2000).

Do Lê Văn Duyệt và gia đình của ông có công lao lớn đối với nhà Nguyễn[[65]](#footnote-65), nên cha của ông là Lê Văn Toại được ra kinh thành Huế chầu vua Gia Long vào năm 1804; và được nhà vua phong hàm “Vũ Huân tướng quân chưởng cơ hầu” và ban khăn áo. Năm 1820, Lê Văn Toại qua đời, vua Minh Mạng ban tặng ông hàm “Thống chế hàm Chánh nhị phẩm”, tên thụy là Cung Tỉnh. Thân mẫu của Lê Văn Duyệt là bà Nguyễn Thị Lập qua đời năm 1813.

Năm 1832, Lê Văn Duyệt mất. Nhân cơ hội này, vua Minh Mạng cho bãi chức Tổng trấn Gia Định thành và bãi bỏ 5 trấn là Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh và Hà Tiên thuộc Gia Định thành để thành lập 6 tỉnh mới là Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên, tức Nam kỳ lục tỉnh, trực thuộc triều đình trung ương. Cũng trong năm này, vua Minh Mạng cử Bạch Xuân Nguyên giữ chức Bố chánh tỉnh Gia Định.

Tại đây, Bạch Xuân Nguyên vâng lệnh nhà vua truy xét những việc làm trước đây của Lê Văn Duyệt và kết tội vị cố Tả quân Tổng trấn Gia Định thành. Theo một số tài liệu, vua Minh Mạng kết tội Lê Văn Duyệt vì các lý do sau đây:

- Lê Văn Duyệt không ủng hộ việc vua Minh Mạng, vốn là con thứ, lên ngôi; mà chủ trương đưa con của hoàng tử Cảnh (con trưởng, mất năm 1801) nối ngôi sau khi vua Gia Long mất.

- Lê Văn Duyệt nhiều lần lạm quyền, không tuân theo mệnh lệnh của triều đình trung ương, đặc biệt là sau khi vua Gia Long qua đời.

- Lê Văn Duyệt tỏ ý ủng hộ các nhà truyền giáo đạo Thiên chúa và đề nghị mở cửa, thông thương với một số nước phương Tây. Điều này đã đi ngược lại chủ trương “bế quan, tỏa cảng” của vua Minh Mạng.

- Lê Văn Duyệt được hưởng quyền “nhập triều bất bái” (vào triều không phải lạy) từ thời vua Gia Long, nên sau này ông không lạy vua Minh Mạng. Điều này đã làm nhà vua khó chịu.

- Lê Văn Duyệt thẳng tay trừng trị Phó tổng trấn Gia Định thành Huỳnh Công Lý về tội tham nhũng, nhận hối lộ; mà Huỳnh Công Lý vốn là cha vợ của vua Minh Mạng.

Đồng thời, Bạch Xuân Nguyên còn truy bức, trả thù, sát hại những người thân cận với Lê Văn Duyệt. Bản thân vị Bố chánh này cũng là một tên tham quan ô lại, làm nhiều điều nhũng nhiễu nhân dân.

Căm phẫn trước thủ đoạn và việc làm hèn hạ của của vua Minh Mạng và kẻ thực thi là Bạch Xuân Nguyên, người con nuôi của Lê Văn Duyệt là Lê Văn Khôi khởi binh chống lại triều đình. Ngay lập tức, vua Minh Mạng huy động lực lượng hùng hậu đàn áp. Năm 1835, cuộc khởi binh bị dìm trong biển máu. Sau đó, nhà vua ra lệnh cho Phan Bá Đạt ở Đô sát viện dâng sớ kể tội Lê Văn Duyệt; đồng thời, triệu tập đình thần nghị xử và kết luận Lê Văn Duyệt có tất cả đến mười tội; gồm bảy tội nên trảm (chém), hai tội nên giảo (thắt cổ), một tội phải sung quân và tước hết mọi quan tước. Bên cạnh đó, mộ của ông cũng bị san phẳng. Về việc này, vua Minh Mạng có dụ như sau:

“Tội Lê Văn Duyệt nhổ từng cái tóc mà kể cũng không hết, nói ra đau lòng, dù có bửa quan quách mà giết thây cũng là đáng tội. Song nghĩ hắn chết đã lâu và đã truy đoạt quan tước, xương khô trong mả, chẳng cần gia hình chi cho uổng công. Vậy cho tổng đốc Gia Định đến chỗ mả hắn cuốc bỏ núm mộ san bằng mặt đất và khắc đá dựng bia ở trên viết to mấy chữ: ‘Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ’ (chỗ này là nơi quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp)”.

Ngoài ra, mộ cha mẹ của Lê Văn Duyệt ở Long Hưng cũng bị đục bỏ tước hiệu khắc trên bia.

Hiện Khu Mộ song thân của Tả quân Lê Văn Duyệt ở giữa đồng, cách chợ Ông Hổ về phía đông bắc khoảng 1.000 m, tọa lạc tại ấp Thạnh Hòa, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Khu Mộ được nhân dân tu sửa nhều lần. Năm 1992, tu bổ xây dựng thêm đền thờ, nhà khách, nhà khói, trang trí lại khung cảnh khuôn viên rất khang trang cho đến ngày nay.

Đây là một quần thể lăng mộ gồm hai ngôi mộ lớn và bốn ngôi nhỏ xây bằng đá ong tô ô dước màu rêu đen.

Ngôi mộ lớn thứ nhất ở bên trái nhìn từ ngoài vào là mộ của ông Lê Văn Toại, thân phụ của Lê Văn Duyệt. Ngôi mộ có hai vòng thành: vòng ngoài hiện nay đã nằm sát mặt đất ở bên ngoài, rộng 17,75 m, dài 21,12 m; vòng trong rộng 10,9 m, dài 14,43 m, bề dày thành mộ 42 cm. Mộ hình căn nhà đòn dông dọc, rộng 2,63m, dài 3,6m, cao 2,13m. Bia mộ có chiều dài 0,77m, chiều đứng 1,43m, viền khắc hoa văn, đầu bia hình chữ kim cũng có hoa văn rất đẹp. Bia bằng đá xanh màu xanh thẫm, được đục phẳng rồi mài láng mặt, chữ khắc âm nét rất sắc sảo. Bia mộ ghi: Tuế tại Tân Tỵ trọng xuân cốc nhật. Hiển khảo  *Vũ Huân tướng quân Khâm sai Chưởng cơ tặng Thống chế Lê Hầu* chi mộ. Tự tử Khâm sai Gia Định thành Tổng trấn, Chưởng Tả quân, *Thánh triều* công thần, Bình Tây tướng quân Quận công Lê Văn Duyệt bái giám. Nghĩa là: Bia được lập vào ngày tốt tháng hai năm Tân Tỵ (1821). Phần mộ của người cha qua đời của tôi là ngài Hầu tước Lê (Văn Toại) được (vua Gia Long) phong tặng[[66]](#footnote-66) chức hàm Vũ Huân tướng quân Khâm sai Chưởng cơ và (vua Minh Mạng) cáo tặng[[67]](#footnote-67) chức hàm Thống chế. Người con nối dõi là Quận công Lê Văn Duyệt, Khâm sai Tổng trấn thành Gia Định, Chưởng tả quân, công thần của Thánh triều, Tướng quân Bình Tây cúi lạy xin chứng giám (việc lập bia).

Ngôi mộ lớn thứ hai là mộ của bà Nguyễn Thị Lập, thân mẫu của Lê Văn Duyệt. Ngôi mộ này cũng có hai vòng thành, nhưng có phần nhỏ hơn ngôi mộ thứ nhất. Bình phong trước mộ có phù điêu tùng trúc và cặp câu đối:

Thiên quang sinh tuấn kiệt

Địa hảo xuất anh tài

Nghĩa là:

*Trời sáng sủa sinh ra bậc tuấn kiệt*

*Đất tốt tươi sản xuất đấng anh tài*

Bình phong phía sau có đắp phù điêu chim và hoa với cặp câu đối như sau:

Tứ thời hoa bất lạc

Bát tiết điểu vô phi

Nghĩa là:

*Bốn thời hoa chẳng rụng*

*Tám tiết chim không bay*

Bia mộ của bà Nguyễn Thị Lập ghi: Tuế tại Giáp Tuất trọng hạ nguyệt cát nhật. Hiển tỷ Khâm sai Chưởng cơ Lê hầu chánh thất Nguyễn Phu nhân chi mộ. Hiếu tử Khâm sai Gia Định thành Tổng trấn Chưởng tả quân Bình Tây tướng quân Quận công Lê Văn Duyệt lập. Nghĩa là: Bia được lập vào ngày tốt tháng năm năm Giáp Tuất (1814). Ngôi mộ của người mẹ qua đời của tôi là bà phu nhân họ Nguyễn, vợ chánh của cha tôi là ngài Hầu tước Lê (Văn Toại), hàm Khâm sai Chưởng cơ. Người con hiếu là Quận công Lê Văn Duyệt, Khâm sai Tổng trấn thành Gia Định, Chưởng tả quân, Tướng quân Bình Tây lập bia.

Bốn ngôi mộ nhỏ được xây bên ngoài hai ngôi mộ lớn, trong đó có một ngôi mộ vọng[[68]](#footnote-68) của Đức Tả quân Lê Văn Duyệt, không có bia, không có núm mộ; mà là bằng mặt, cao hơn mặt đất khoảng 20 cm, ở phía sau mộ có một bức bình phong, mặt trước của bức bình phong có chạm hình bạch hổ và cây tùng với hai câu đối: “*Sơn tùng thiên cổ mậu - Mãnh hổ tứ thời xuân*”; nghĩa là: “*Tùng trên núi ngàn xưa xum xuê - Cọp mạnh bốn mùa đều xuân*”. Mặt sau của bức bình phong cũng đắp phù điêu hoa và chim có đôi câu đối như sau: “*Xuân chí điểu năng ngôn - Thu lai trình thải sắc*”; nghĩa là: “*Mùa xuân đến chim biết nói - Thu sang hoa khoe sắc tươi*”[[69]](#footnote-69). Ba ngôi mộ còn lại có thể là mộ của những người cháu của Lê Văn Duyệt bị vua Minh mạng xử tử trong vụ án năm 1832, trong đó có thể có mộ của Phò mã Lê Văn Yến, con của Tả dinh Đô thống chế Lê Văn Phong, em ruột của Tả quân Lê Văn Duyệt[[70]](#footnote-70).

Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975), Khu Lăng là một trong năm căn cứ lõm của du kích xã Long Hưng nằm trong Vành đai diệt Mỹ Bình Đức nhằm trực tiếp, hỗ trợ chiến đấu và tiếp nhận lực lượng chủ lực đánh phá căn cứ Đồng Tâm (từ 1967 - 1971, là căn cứ của Sư đoàn 9 bộ binh Mỹ; từ năm 1971 - 1975, là căn cứ của Sư đoàn 7 bộ binh quân đội Sài Gòn).

Khu Mộ được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên vùng**

**Khái niệm:**

Vùng là khu vực rộng không có ranh giới rõ ràng.

**Vùng giải phóng 20 tháng 7**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Vùng) + Động từ (Giải phóng. *Từ điển Tiếng Việt*ghi nhận*giải phóng*có 4 nghĩa. Đó là: 1. “Làm cho được tự do, cho thoát khỏi bị nước ngoài nô dịch, chiếm đóng”; 2. “Làm cho được tự do, thoát khỏi địa vị nô lệ hoặc tình trạng bị áp bức, kiềm chế, ràng buộc”; 3. “Làm thoát khỏi tình trạng bị vướng mắc, cản trở” và 4. “Làm cho thoát ra một chất nào đó hay năng lượng”[[71]](#footnote-71))  + Sự kiện lịch sử (20 tháng 7: Ngày ký kết Hiệp định Genève, 20/7/1954).

Với khí thế “Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công”, đầu năm 1964, kỷ niệm 10 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ và ký kết Hiệp định Genève (1954-1964), Tỉnh ủy Mỹ Tho quyết tâm lãnh đạo nhân dân nổi dậy mở “Vùng giải phóng 20 tháng 7” bao gồm 14 xã phía Nam Lộ 4 thuộc 2 huyện Cai Lậy (8 xã: Phú An, Cẩm Sơn, Long Trung, Long Tiên, Phú Quí, Nhị Quí, Mỹ Long, Tam Bình) và Châu Thành (6 xã: Bàn Long, Phú Phong, Kim Sơn, Song Thuận, Vĩnh Kim, Long Hưng).

Đó là khu vực đông dân thuộc huyện Cai Lậy và huyện Châu Thành, có vị thế quan trọng đối với lực lượng cách mạng và quân Mỹ - ngụy; là nơi diễn ra cuộc tranh chấp quyết liệt giữa “bình định” của giặc và chống phá bình định của cách mạng nhằm giành quyền kiểm soát, giành đất, giành dân.

Để “bình định”, kẻ địch không từ bỏ một thủ đoạn tàn bạo nào hòng khuất phục người dân, buộc họ phải rời bỏ ruộng vườn, nhà cửa vào sống trong “khu trù mật”, “ấp chiến lược”. Thực hiện điều này, Mỹ - ngụy muốn xóa bỏ hạ tầng cơ sở của chiến tranh nhân dân, bao gồm cơ sở chính trị, căn cứ du kích, vùng giải phóng và triệt phá vùng hậu phương - nơi cung cấp quan trọng tiềm lực cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Cuộc chiến tranh giành quyền kiểm soát vùng nông thôn diễn ra dai dẳng, quyết liệt trên tất cả các mặt: Quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa. Trong cuộc đấu tranh này, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, quân dân Vùng giải phóng 20 tháng đã thực hiện phương châm “ba bám” (bám đất, bám dân, bám cơ sở cách mạng), “một tấc không đi, một ly không rời”, đẩy mạnh ba mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận), không ngừng mở rộng quyền làm chủ ở nông thôn, xây dựng xã, ấp chiến đấu thành vùng hậu phương cho cuộc kháng chiến. Vùng giải phóng “20 tháng 7” thật sự trở thành hậu phương tại chỗ của lực lượng cách mạng, của dân quân du kích, bộ đội địa phương và các đơn vị bộ đội chủ lực quân khu và của miền.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

**Khái niệm:**

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

1. **Địa điểm khảo cổ Chùa Cây Ké**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Công trình xây dựng (Chùa) + Thực vật (Cây ké: một loài thực vật mọc hoang. Đây là một loại thảo dược với nhiều công dụng hữu ích).

Địa điểm khảo cổ Chùa Cây Ké thuộc địa phận ấp Thân Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, có diện tích rộng hàng chục ngàn mét vuông. Tầng văn hóa cổ có độ sau từ 01 m - 2,5 m tập trung ở chùa Cây Ké.

Tại đây, nhiều vỉa gạch đã xuất lộ trên đường đi cũng như ở sân, vườn của các gia đình trong ấp, phát hiện một số rìu đá, 01 chì lưới bằng đất nung, 01 núm đậy lớn khá lạ mắt, một số đá cuội; nhiều mảnh gốm tô màu và không tô màu, nhiều bàn nghiền bằng đá, chày đá và vòi bình, nhiều gạch,… thuộc Văn hóa Óc Eo. Tại chùa Cây Ké có một tảng đá lớn có lỗ ở giữa được sử dụng làm đá thờ, có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8.

Địa điểm khảo cổ Chùa Cây Ké được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**2. Địa điểm khảo cổ chùa Kim Thạch**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Chùa) + Địa danh Hán Việt (Kim: 金: Vàng; Thạch: 石: Đá).

Địa điểm khảo cổ chùa Kim Thạch tọa lạc tại ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành. Tại đây, vẫn còn những nền gạch lộ trên mặt đất. Nhiều viên gạch của kiến trúc cổ đã được mang đi lát đường hoặc xây nền chùa. Trong sân chùa còn nhiều viên đá cuội, rìu đá, một số tảng đá bị vỡ, nhiều mảnh tượng và bệ tượng vỡ,… có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8 thuộc Văn hóa Óc Eo.

Địa điểm khảo cổ Chùa Kim Thạch được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**3. Địa điểm khảo cổ Gò Huyện Ủy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Tổ chức Đảng cấp huyện (Huyện ủy).

Địa điểm khảo cổ có tên là Gò Huyện ủy vì trụ sở Huyện ủy Châu Thành tọa lạc trên gò thuộc khu phố Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành.

Địa điểm khảo cổ Gò Huyện ủy phân bố trên một gò cao khoảng 5 m - 7 m so với chung quanh, diện tích khoảng 3.000 m2. Đây là một trong những địa điểm khảo cổ có quy mô được xem là lớn nhất ở Tiền Giang, thuộc Văn hóa Óc Eo. Gò được bó nền (bọc nền) bằng gạch có hình vuông với chiều cao khoảng 04m. Gạch bó nền có kích thước giống gạch tại địa điểm khảo cổ Gò Thành (xã Tân Thuận, huyện Chợ Gạo). Hiện nay còn 01 tảng đá lớn khoảng 1,5m2 nằm bên ngoài thành gạch cũ. Địa điểm khảo cổ Gò Huyện ủy có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8.

Trên mặt gò các kiến trúc cổ đã bị sụp đổ. Thực dân Pháp sử dụng độ cao của gò để xây đồn bót. Thời Mỹ xâm lược cũng xây dựng các công trình phục vụ quân sự tại đây. Địa điểm khảo cổ Gò Huyện ủy được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**4. Địa điểm khảo cổ Gò Lũy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Địa điểm) + Một chuyên ngành của Khoa học lịch sử (khảo cổ) + Địa hình tự nhiên (Gò) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lũy).

Địa điểm khảo cổ Gò Lũy là giao điểm của 03 ấp: ấp Hưng, ấp Hòa và ấp Tây, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành. Qua khảo sát vào năm 1988, địa điểm này đã bị đào bới rất nhiều. Tại đây, phát hiện một số vỉa gạch, bình gốm, mảnh gốm, rìu đá,… thuộc Văn hóa Óc Eo, có niên đại từ thế kỷ 7 - thế kỷ 8.

Địa điểm khảo cổ Gò Lũy được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15 tháng 2 năm 2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên miệt:**

**Khái niệm:**

Miệt để chỉ vùng, miền, nhưng có không gian địa lý nhỏ hơn.

**1. Miệt cháo lòng Tân Hiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Loại hình cháo (Cháo lòng) + Địa danh hành chính (Thị trấn Tân Hiệp).

Thị trấn Tân Hiệp (huyện Châu Thành) từ nửa sau thế kỉ XVIII đã là trung tâm của đất Ba Giồng, nơi đặt lị sở của đạo Trường Đồn (1772 – 1776) rồi dinh Trường Đồn (1779 – 1781), tiền thân của dinh Trấn Định. Do đó, đây là nơi dân cư đông đúc, lại nằm trên đường thiên lí (bây giờ là Quốc lộ 1), cửa ngõ của Mỹ Tho nhìn về phía Sài Gòn. Vai trò trạm dừng chân đó từ rất sớm đã khiến Tân Hiệp nổi tiếng với món cháo lòng phục vụ khách đi đường.

Đúng như tên gọi “cháo lòng”, nguyên liệu được dùng ở đây chủ yếu là lòng heo, với phèo (ruột non), gan, tim, cật (thận),… cộng thêm lưỡi, cuống cổ, dồi[[72]](#footnote-72)… Các loại nguyên liệu này - cùng với huyết đông - được luộc ngay trong nồi cháo nấu bằng gạo. Do một phần huyết tan ra nên nồi cháo lòng ở đây có màu sậm, tạo cảm giác đậm đà.

Khi gạo đã nhừ thì người ta vớt các loại nguyên liệu vừa nói ra để riêng, xắt lát, cho vào dĩa. Cháo được ăn nóng cùng với dĩa thịt lòng, rau sống và nước mắm ớt.

Ngoài sự đa dạng của dĩa thịt lòng như vừa nói, điểm hấp dẫn riêng của cháo lòng Tân Hiệp có lẽ chính là dĩa rau sống. Do Tân Hiệp (cùng với xã Thân Cửu Nghĩa bên cạnh) là trung tâm của vùng chuyên canh rau sống từ lâu đời nên món cháo lòng Tân Hiệp được cung cấp rất nhiều loại rau tươi sống hấp dẫn như: cải ngọt, cần nước, dấp cá, húng cây, rau om, dấp cá, giá,… Do được dùng tại chỗ nên các loại rau này rất tươi ngon, điều không dễ có ở nơi khác. Nhờ vậy nên ăn cháo lòng Tân Hiệp no bụng mà không ngán, có cảm giác nhẹ nhàng và dễ tiêu.Thực khách tại chỗ, mà đặc biệt là khách đi đường, sáng sớm hoặc chiều, thường dừng chân tại Tân Hiệp thưởng thức tô cháo lòng để vừa có cảm giác nhẹ bụng, vừa đón nhận hương vị thiên nhiên của đất Ba Giồng danh tiếng.

**2. Miệt dệt chiếu Long Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp (Dệt chiếu) + Địa danh hành chính (Xã Long Định).

Miệt dệt chiếu Long Định có lịch sử hình thành khoảng 70 năm cách nay (2024), do các cư dân vùng chiếu nổi tiếng ở Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đem vào. Nghề dệt chiếu phát triển mạnh ở khu phố Lương Minh Chánh, ấp Mới, ấp Kinh 2A, ấp Tây 1, ấp Long Hòa B thuộc xã Long Định, huyện Châu Thành với 390 hộ và 1.190 lao động chuyên dệt chiếu và hơn 1.000 người làm gia công ở các ấp lân cận trong và ngoài xã giáp ranh.

Trước đây, người ta dệt chiếu theo lối thủ công, hai lao động dệt mỗi ngày cho ra khoảng 4-5 chiếc chiếu; nhưng hiện nay đã có máy dệt, chỉ khoảng 45 phút/chiếc chiếu với một lao động. Dệt máy giảm bớt nhân công lại cho năng suất cao, chiếu đều đẹp, vì vậy ở đây hầu như không còn dệt chiếu thủ công.

Sản phẩm chính của miệt dệt chiếu Long Định là chiếu lát truyền thống nổi tiếng dày, bền, nằm vừa êm lại thoáng mát, giá phù hợp với túi tiền của người tiêu dùng, nên vẫn được nhiều khách hàng ưa chuộng. Tại đây, còn có nghề in bông chiếu. Một chiếc chiếu in bông được làm khoảng 5 đến 10 phút theo khuôn có sẵn: rồng, phụng, bông hoa, bướm, chữ song hỷ hoặc logo tên đại lý bán hàng,… Công việc in bông trên chiếu cũng đơn giản, đầu tiên trộn màu, đây là công đoạn khó nhất, sau khi trộn màu sẽ quét lên chiếu theo khuôn, tiếp theo bỏ vào máy hấp khoảng 60 phút sẽ nổi màu lên. Chiếu in bông chỉ có 3 màu: xanh, đỏ và vàng.

Miệt dệt chiếu Long Định đã góp phần ổn định cuộc sống của người dệt chiếu, phát triển kinh tế của huyện Châu Thành nói chung và xã Long Định nói riêng.

**3. Miệt đan nón bàng buông Châu Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Ngành nghề tiểu thủ công nghiệp (Đan nón) + Thực vật (Cây cỏ bàng và cây buông) + Địa danh hành chính (Huyện Châu Thành).

 Nghề đan nón bàng buông phát triển mạnh ở các xã Thân Cửu Nghĩa, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây của huyện Châu Thành. Theo lời những bậc cao niên, thuở xưa, ở miệt này đã có nghề làm nón bàng, bởi ở đây cây cỏ bàng mọc rất nhiều. Sau đó, có ông Phạm Văn Cầm (tức ông Ba Cầm), trong một lần đi rừng phát hiện ra cây buông (một cây thuộc họ cọ) có lá xòe rộng rất đẹp liền hái đem về phơi khô, xé nhỏ kết thành nón. Khi đội thử, nón không chỉ mát mà còn dễ chịu bởi mùi thơm của lá buông. Thấy vậy ông làm thử vài cái cho dân làng đội để đi làm đồng. Không ngờ, nón được người dân ưa chuộng, đặt hàng quanh năm. Từ đó, nghề làm nón bàng buông hình thành và phát triển mạnh thành nghề truyền thống.

Nón bàng buông không chỉ bền, đẹp mà còn giữ được màu sắc tươi sáng, đội vào rất thoải mái. Để làm ra chiếc nón bàng buông, người thợ thủ công phải thật sự tỉ mỉ, công phu ở từng công đoạn. Đầu tiên, lá buông được kéo thành sợi nhỏ, phơi khô rồi sau đó giao lại cho thợ đan nón. Còn về loại cỏ bàng thì trước đây được dập bằng chày rất mất công và nhiều thời gian nhưng hiện nay đã được cải tiến dập bằng máy. Một chiếc nón đẹp ra đời chứa đựng rất nhiều tâm huyết của người thợ, tại công đoạn đan, người thợ phải đan thật khít chặt để nón không bị hở. Đan xong, nón được đem đi cắt rìa, may viền, ép khuôn, có nón phải nhuộm màu. Cuối cùng là công đoạn sấy khô, xử lý ẩm mốc. Ngoài ra, sau khi sấy nón xong phải dùng lửa xử lý cho hết phần lông còn dính trên nón, làm cho nón mềm mại, để khi đội sẽ được cảm giác thoải mái. Đặc biệt, công đoạn nhuộm màu cũng là một bí quyết của người thợ. Khi nhuộm phải để nón trong nước sôi cho màu thấm đều, không loang lổ. Sau khi nhuộm xong, phải phơi nắng cho màu khô và đảm bảo thấm sâu vào từng nan

Hiện nay, nón bàng buông rất đa dạng về chủng loại và kiểu dáng. Sản phẩm được tiêu thụ mạnh tại các khu du lịch và các tỉnh miền Tây, đồng thời còn được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.

**4. Miệt giồng Châu Thành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Địa hình tự nhiên (Giồng) + Địa danh hành chính (Châu Thành).

Miệt giồng Châu Thành nổi tiếng vào cuối thế kỷ 18 với hệ thống Ba Giồng kéo dài gần như xuyên suốt trên địa bàn huyện. Do đó, nghề trồng rau (rau ăn lá, rau ăn quả) ở đây đã có từ lâu đời với câu ca dao:

*Mẹ mong gả thiếp về giồng,*

*Ăn bông bí luộc, dưa hồng nấu canh*.

Ngoài điều kiện thiên nhiêu ưu đãi, nông dân có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và được sự quan tâm của tỉnh, huyện trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng - kỹ thuật, như thủy lợi, điện, giao thông nông thôn,… nên nghề trồng rau ở huyện Châu Thành phát triển mạnh theo hướng bền vững, xứng danh là “vương quốc rau” của tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, huyện Châu Thành có khoảng 1.800 ha diện tích trồng rau, tập trung tại các xã Tân Hương, Tân Lý Tây, Thân Cửu Nghĩa, Long An, Tam Hiệp, Nhị Bình,… mỗi năm cung cấp sản lượng 170 nghìn tấn rau các loại cho thị trường, chủ yếu như các tỉnh miền Ðông, miền Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ đó, thu nhập của người trồng rau ngày càng được cải thiện.

**5. Miệt vú sữa lò rèn Vĩnh Kim**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức:Địa danh chỉ vùng (Miệt) + Trái cây (vú sữa lò rèn) + Địa danh hành chính (Xã Vĩnh Kim).

Có nhiều cách giải thích khác nhau về nguồn gốc của vú sữa lò rèn Vĩnh Kim. Nhưng nhìn chung, người ta thống nhất nhau ở một điểm: vào thập niên 30 của thế kỷ XX, ở tại đây có một thanh niên làm nghề rèn đã lai tạo được giống vú sữa quý này; và từ đó, nó được gọi là vú sữa Lò rèn Vĩnh Kim.

Cây vú sữa lò rèn đặc biệt thích hợp với vùng đất Vĩnh Kim và phần nào ở 6 sáu xã tọa lạc xung quanh địa phương này, như Kim Sơn, Song Thuận, Phú Phong, Long Hưng, Bàn Long, Bình Trưng,... Ở những nơi khác cũng trồng được vú sữa lò rèn, nhưng phẩm chất trái và năng suất kém hơn nhiều. Có thể nói chắc chắn rằng, ở Việt Nam chỉ có Tiền Giang là có vú sữa lò rèn; và ở Tiền Giang chỉ có Vĩnh Kim là nơi mà trái vú sữa lò rèn có chất lượng ngon nhất.

Phẩm chất và hương vị đã tạo nên sự khác biệt giữa vú sữa lò rèn Vĩnh Kim với các giống vú sữa khác, như vú sữa nâu, vú sữa vàng, vú sữa bách thảo, vú sữa bánh xe,... Vú sữa lò rèn Vĩnh Kim có trái to tròn, láng mướt, màu xanh ngà, cơm dày, vỏ mỏng, ít hột, vị ngọt lịm và hương thơm thoang thoảng. Chính vì thế, vú sữa lò rèn Vĩnh Kim đã đạt được giải Nhì (không có giải Nhất) tại Hội chợ Nông nghiệp và Thủy sản Quốc tế được tổ chức tại TP Cần Thơ vào tháng 12/2000. Năm 2010. vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim đã được cấp chứng nhận GlobalGAP (Global Good Agricultural Pratice: Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu). Đặc biệt hơn, từ quý IV năm 2016, trái vú sữa tươi được Bộ Nông nghiệp Mỹ cấp phép nhập khẩu vào thị trường nước này, mở ra cơ hội lớn trong việc gia tăng giá trị của trái vú sữa Việt Nam, mà Tiền Giang là địa phương có sản lượng nhiều nhất nước.

Năm 2023, Vĩnh Kim có khoảng 400 ha vú sữa lò rèn. Chợ trái cây có từ năm 1992 đã được xây mới vào năm 2003 có vị trí thủy – bộ thuận lợi, đảm nhiệm việc kinh doanh trái cây vô cùng sôi động cho Vĩnh Kim và cả khu vực. Đến đây vào những tháng giáp tết, người ta sẽ chứng kiến cảnh thu hoạch vú sữa lò rèn diễn ra rất nhộn nhịp; cũng như cảnh buôn bán tấp nập các loại trái cây của miệt vườn, mà chủ lực là trái vú sữa lò rèn nổi tiếng. Trái vú sữa lò rèn đã đem lại nguồn lợi lớn cho nông dân ở Vĩnh Kim và một số vùng phụ cận. Người dân Vĩnh Kim ngày càng khấm khá hơn là phần lớn nhờ vào loại trái cây quý hiếm này.

1. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 91. [↑](#footnote-ref-1)
2. Lê Ái Siêm (2002), *Tiền Giang những di tích nổi tiếng*, Sở Thương mại - Du lịch Tiền Giang và Sở Văn hóa - Thông tin Tiền Giang, trang 357. [↑](#footnote-ref-2)
3. Vì đất giồng cao ráo, ít kênh rạch nên nước sinh hoạt và cả trồng trọt thường phải gánh từ giếng. [↑](#footnote-ref-3)
4. “Qua” là đại từ nhân xưng có tính cách thân mật, có nghĩa là “tôi”. [↑](#footnote-ref-4)
5. Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 476. [↑](#footnote-ref-5)
6. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Khoa học xã hội, trang 120. [↑](#footnote-ref-6)
7. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 68. [↑](#footnote-ref-7)
8. Sơn Lương, *Vài nét về đời sống sinh hoạt văn hóa và lễ hội Ooc Om Bóc - Đua ghe Ngo của người Khmer Sóc Trăng*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Bảo tồn và phát huy Lễ hội Ooc Om Boc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng”, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Sóc Trăng và Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, 2009, trang 24.  [↑](#footnote-ref-8)
9. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 68. [↑](#footnote-ref-9)
10. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo dục, trang 34. [↑](#footnote-ref-10)
11. Đào Lê Na, *Điển cố tình yêu trong văn học*, Trang điện tử Văn học và Ngôn ngữ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5/7/2012. [↑](#footnote-ref-11)
12. Trần Văn Khê (2013), *Hồi ký, tập 1*, Nxb Thời đại, trang 46. [↑](#footnote-ref-12)
13. Nguyễn Thu, *Lê Quý kỷ sự*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, trang 85. [↑](#footnote-ref-13)
14. Lưu thủ: Chức quan đứng đầu “dinh”.

    Ký lục: Chức quan giúp việc cho Lưu thủ, phụ trách công việc hành chính.

    Cai bạ: Chức quan giúp việc cho Lưu thủ, phụ trách công việc tài chính, thuế khóa, ruộng đất, quân lương,… [↑](#footnote-ref-14)
15. Thuộc tương đương với tổng, là cấp trung gian giữa huyện và thôn. Hiện tại, ở Tiền Giang còn các địa danh Thuộc Đẹp (huyện Cai Lậy), Thuộc Nhiêu (huyện Châu Thành) là chức danh của các nhân vật thời đó. [↑](#footnote-ref-15)
16. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, 1 tầm = 2,435 mét. [↑](#footnote-ref-16)
17. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, 1 trượng = 4,87 mét. [↑](#footnote-ref-17)
18. Nam mẫu: Xuất phát từ câu Diệp bỉ Nam mẫu (đem cơm ra đồng Nam mẫu) trong Kinh Thi của Khổng tử. [↑](#footnote-ref-18)
19. Trạc anh: có nghĩa là Giặt dải mũ. [↑](#footnote-ref-19)
20. Tho giang: Sông Mỹ Tho. [↑](#footnote-ref-20)
21. Hòe thị: Chợ Hòe, ý chỉ chợ Mỹ Tho. [↑](#footnote-ref-21)
22. Du: Dầu, mỡ (lấy từ thực vật hoặc động vật), như “hoa sanh du” [花](http://hvdic.thivien.net/word/%E8%8A%B1)[生](http://hvdic.thivien.net/word/%E7%94%9F)[油](http://hvdic.thivien.net/word/%E6%B2%B9): dầu đậu phộng, “trư du” [豬](http://hvdic.thivien.net/word/%E8%B1%AC)[油](http://hvdic.thivien.net/word/%E6%B2%B9) mỡ heo. Ở đây chỉ một xóm chuyên làm nghề ép dầu. Hiện nay vẫn còn địa danh Xóm Dầu ở khu vực chùa Bửu Lâm, phường 3, TP Mỹ Tho. [↑](#footnote-ref-22)
23. Tông kiều: Năm 1792, chính quyền chúa Nguyễn cho xây cầu Quỳ Tông bắc ngang qua rạch Bảo Định. Năm 1801, cầu bị gỡ bỏ do nước xoáy. [↑](#footnote-ref-23)
24. Thạch ngưu: Trâu đá [↑](#footnote-ref-24)
25. Liễu: ở đây chỉ cây thủy liễu, tức cây bần. [↑](#footnote-ref-25)
26. Mai thành: thành Mai, ý chỉ thành Mỹ Tho. Thành này được xây dựng năm 1792. Sách “Gia Định thành thông chí” của Trịnh Hoài Đức viết: “(thành Mỹ Tho) … có góc cạnh lồi ra hủng vô như hình hoa mai…” [↑](#footnote-ref-26)
27. Tang Lâm: Đời Thành Thang nhà Thương (Trung Quốc) bị bảy năm hạn hán, vua quan phải đến rừng Tang làm lễ cầu mưa. [↑](#footnote-ref-27)
28. 1 Hai tổng Kiến Thuận và Hưng Xương thành lập trên cơ sở thuộc Kiến Hưng, mỗi tổng giữ 1 chữ. [↑](#footnote-ref-28)
29. 2 Hai tổng Kiến Thạnh và Hòa Bình thành lập trên cơ sở thuộc Kiến Hòa, mỗi tổng giữ 1 chữ. [↑](#footnote-ref-29)
30. Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn: Định Tường*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 157-165. [↑](#footnote-ref-30)
31. Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* (*Monographie de la province de Mytho, 1902*). [↑](#footnote-ref-31)
32. Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính “thôn” thành “làng”. [↑](#footnote-ref-32)
33. Xã Tân Lý Đông ở về hướng tây, xã Tân Lý Tây ở về hướng đông. Lý giải về điều này, Hồ Trung Tú viết trong tiểu luận *100 năm Mỹ Sơn, nhìn lại ...* như sau : “*Ở Quảng Nam, cái kiểu gọi địa danh tây sang đông và đông sang tây như thế là nhiều vô khối, không thể kể hết. Giáo sư Trần Quốc Vượng bảo, chỉ vì ông bà mình ngày xưa vào đây, lạ nước, lạ cái, nên phải sử dụng bản đồ của người Chàm (Chăm). Mà người Chàm thì lại dùng bản đồ theo kiểu của người Ả rập là phương Nam đặt lên trên. Chính vì thế mà tây mới lộn sang đông và ngược lại. Ở Quảng Nam điều đó không lạ, bởi lúc ấy, sau năm 1306, vùng đất này xa xôi quá. Còn con người vào đây là những nhóm người nhỏ bé, mới thoát ra từ một ngàn năm đô hộ của nền văn minh Trung Hoa, không thể không kinh hãi trước những pho tượng đá lạ lẫm, dữ dằn. Nhưng với Sài Gòn và Nam bộ cách nay 300 năm mà vẫn cứ còn quen thuộc với cái phương nam đặt lên trên như thế thì cũng là điều đáng để ngạc nhiên. Nó chứng tỏ cái sức sống dai dẳng của cái bản đồ ấy*”. [↑](#footnote-ref-33)
34. HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn. [↑](#footnote-ref-34)
35. Chợ Giữa Vĩnh Kim (nay thuộc ấp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) còn gọi là chợ Đình Thung, do ông Cai đình Thung lập. Dân gian quen gọi là chợ Giữa vì chợ nằm ở vị trí trung tâm của các xã Long Hưng, Đông Hòa, Bình Trưng, Kim Sơn, Song Thuận, Phú Phong. [↑](#footnote-ref-35)
36. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165. [↑](#footnote-ref-36)
37. *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22. [↑](#footnote-ref-37)
38. Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162. [↑](#footnote-ref-38)
39. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-39)
40. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-40)
41. Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41. [↑](#footnote-ref-41)
42. Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41. [↑](#footnote-ref-42)
43. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-43)
44. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-44)
45. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 63. [↑](#footnote-ref-45)
46. Vương Hồng Sển (1998), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, trang 48. [↑](#footnote-ref-46)
47. Trần Minh Thương, *Tiếng Việt gốc Khmer trong ngôn ngữ bình dân ở miền Tây Nam Bộ - nhìn từ góc độ ca dao*, Nguồn: <http://khoavanhoc.edu.vn>, ngày 24/02/2015. [↑](#footnote-ref-47)
48. Trần Hoàng Diệu – Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 542. [↑](#footnote-ref-48)
49. Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37. [↑](#footnote-ref-49)
50. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 87. [↑](#footnote-ref-50)
51. Nhiều tác giả (2000), *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Sở Văn hóa - Thông tin Tiền Giang, trang 45. [↑](#footnote-ref-51)
52. Mục tử: Trẻ chăn trâu. [↑](#footnote-ref-52)
53. Vân căn: Gốc rễ của mây, tức là đá. Thơ thời nhà Tống có câu: “*Đồn yên nhiễu phong nguyệt, tích thủy nịch vân căn*”, nghĩa là: *Khói dồn lại làm rối loạn hang gió, nước tụ lại làm chìm đá núi*. [↑](#footnote-ref-53)
54. Hy Hoàng: là hai vị vua Phục Hy và Hoàng Đế thời cổ đại ở Trung Quốc. Dưới thời hai vị vua này, xã hội ổn định, thạnh trị, ý chỉ sự thái bình. [↑](#footnote-ref-54)
55. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Anh Tuấn (chủ biên), *Địa chí Tiền Giang (tập 1),* Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005, trang 326. [↑](#footnote-ref-55)
56. Nay thuộc xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-56)
57. Nay thuộc Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-57)
58. Lê Ái Siêm (2011), *Áp dụng công cụ GIS xây dựng cơ sở dữ liệu và chỉ dẫn địa lý vào quản lý di tích kết hợp du lịch trong tỉnh Tiền Giang*, Đề tài Nghiên cứu khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang, tr. 65. [↑](#footnote-ref-58)
59. Năm 1028, vua Lý Thái Tổ băng hà, chưa tế táng xong, thì các hoàng tử là Vũ Đức vương, Đông Chinh vương và Dực Thánh vương đã đem quân đến vây thành Thăng Long để tranh ngôi vua với Thái tử Lý Đức Chính/Lý Phật Mã/Khai Thiên vương, con trưởng vua Lý Thái Tổ. Cuộc phản loạn bị trấn áp. Vũ Đức vương bị giết chết tại trận. Dực Thánh vương và Đông Chinh vương phải chạy trốn. Về sau, Dực Thánh vương và Đông Chinh vương xin về chịu tội. Vua Lý Thái Tông nghĩ tình cốt nhục bèn tha tội, cho phục chức như cũ, lại cắt đất phân phong cho cả hai ông. Từ đó, hai ông ra sức chiêu tập dân nghèo, tiến hành khai khẩn những vùng đất còn hoang hóa. Vì thế, hai ông được nhân dân xem là thủy tổ của những người đi khai hoang. [↑](#footnote-ref-59)
60. Nhiều tác giả, *Đất Long Hưng*, 2001, trang 86. [↑](#footnote-ref-60)
61. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (chủ biên), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2007, trang 1.185. [↑](#footnote-ref-61)
62. Ngoài ra, địa danh Tha La còn có ở một nơi khác, như:

    Rạch Tha La : ở hai xã Thân Cửu Nghĩa và Bình Trưng, huyện Châu Thành.

    Cầu Tha La: bắc ngang rạch Tha La, ở xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

    Chợ Tha La: ở xã Đông Hòa, huyện Châu Thành.

    Ao Tha La: ở ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành.

    Xóm Tha La: ở ấp Đông B, xã Nhị Bình, huyện Châu Thành.

    Xóm Tha La : ở ấp Hội Nghĩa, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy. [↑](#footnote-ref-62)
63. Sách *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của định nghĩa Tha La là: *“Chòi, trại của thầy sãi Cao Miên”*. Sách *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức: *“Tha La là chòi trại: Cất tha la, xóm tha la”*. Sách *Việt Nam tự điển* của Lê Ngọc Trụ: *“Tha la có gốc từ Khmer (sala) là* *chòi nhỏ ở vệ đường, cho khách bộ hành nghỉ chân”*. Sách *Địa danh học Việt Nam* của Lê Trung Hoa: Tha la có nghĩa là chòi nhỏ ven đường để khách nghỉ chân. Sách *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca*, Nguyễn Liên Phong cho biết chức năng của Tha La là trạm nghỉ chân dọc đường: “*Thường khi xây cất Tha La.* *Lớn bằng căn phố người ta nghỉ ngồi”.* Trong Tiếng Việt, âm **s** và **th** có thể biến đổi với nhau; ví dụ: **s**ụp lạy - **th**ụp lạy, **s**ụt lùi - **th**ụt lùi, màu **s**ẩm - màu **th**ẩm,… Do đó, **S**ala được biến thể thành **Th**ala. [↑](#footnote-ref-63)
64. Bốn “hổ tướng” còn lại là Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Huỳnh Đức và Trương Tấn Bửu. [↑](#footnote-ref-64)
65. Gia đình của ông Lê Văn Toại, thân phụ của Lê Văn Duyệt, có công cưu mang, giúp đỡ Nguyễn Ánh (vua Gia Long) trong lúc Nguyễn Ánh tiến hành cuộc chiến chống nhà Tây Sơn. Em của Lê Văn Duyệt là Lê Văn Phong (1769 - 1824) cũng từng theo Nguyễn Phúc Ánh lập được nhiều chiến công; nên sau khi lên ngôi, vua Gia Long thăng Lê Văn Phong giữ chức Đô thống chế dinh Tả quân Thần sách, tước Phong Đăng hầu; năm 1818, Lê Văn Phong nhà vua được tin tưởng, giao trọng trách là Phó Tổng trấn Bắc Thành (cai quản vùng đất từ Thanh Hóa trở ra Bắc); trong khi đó, Lê Văn Duyệt giữ chức Tổng trấn Gia Định thành; nên lúc bấy giờ có câu truyền tụng: “*Huynh Nam, đệ Bắc oai danh chấn/ Tử hiếu, thần trung tiết nghĩa cao*”; nghĩa là: “Anh trấn trong Nam, em trấn ngoài Bắc, lừng lẫy uy danh/ Con tròn đạo hiếu, tôi vẹn lòng trung, nêu cao tiết nghĩa”; năm 1824, ông mất, được vua Minh Mạng truy tặng Thiếu bảo, thụy là Tráng Nghị. [↑](#footnote-ref-65)
66. Phong tặng là tặng cho người còn sống. [↑](#footnote-ref-66)
67. Cáo tặng là tặng cho người đã mất. [↑](#footnote-ref-67)
68. Mộ vọng là ngôi mộ giả được lập nên để tưởng nhớ người đã khuất, hoàn toàn không phải mộ thật. [↑](#footnote-ref-68)
69. Dẫn theo bài “Mộ tả quân Lê Văn Duyệt hiện ở đâu?” của Hậu học Lý Việt Dũng đăng trên báo Tuổi Trẻ online ngày 21/5/2006. [↑](#footnote-ref-69)
70. Dẫn theo bài “*Theo dấu người xưa - Kỳ 7: Nghi vấn quanh khu mộ song thân Tả quân Lê Văn Duyệt*” của Hoàng Phương - Ngọc Phan đăng trên báo Thanh Niên online ngày 12/8/2012. [↑](#footnote-ref-70)
71. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, 2020, trang 373. [↑](#footnote-ref-71)
72. Tiết heo cùng với thịt băm, gia vị dồn trong ruột già heo rồi cột kín lại, luộc chín, khi dùng thì xắt thành lát. [↑](#footnote-ref-72)